

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH BẤT ĐỊNH KỲ

Chủ đề : Mây Viễn Xứ

Giới thiệu nhà thơ Lâm Hào Dũng



Tranh Đàm Quốc Cường

Sưu tập:

♦ Nguyễn Tất Nhiên năm
năm tình lận đận (phỏng
vấn, 1974)

♦ Nhóm Sáng Tạo: Nói
chuyện về thơ

♦ *Truyện và thơ của Khoa Hữu*

Số 45 tháng 1-2011

tác phẩm mới do Thư Ấn Quán & Thư Quán Bản Thảo xuất bản

KHOA HỮU
Nửa Khuôn Mặt
(lục bát)



Giá \$10

LIÊN LẠC
NGUYỄN THANH CHÂU
2617. W. OCOTILLO Rd. UNIT 1
PHOENIX, AZ85017, USA.
Email: chauthanhnguyen@netzero.net

thư ấn quán 2010



Tập thơ thứ 6 của Trần Hoài Thư, 82 trang in trên giấy láng, khổ lớn, với 38 tranh/hình màu của 12 họa sĩ/nhiếp ảnh gia. Sách tặng khi có yêu cầu.

SỐ BÁO VĂN NÀY PHÁT HÀNH NGÀY 4-3-1975
trở thành một di sản của lịch sử oan khiên văn học miền Nam.
Kể từ đây chúng tôi vĩnh viễn xa lìa tờ báo thân yêu đã giúp chúng tôi đến với văn chương. yêu mến văn chương và tự hào với văn chương miền Nam.

Tạp chí Thư Quán Bản Thảo sưu tập và sao in lại trong Tủ Sách Di Sản Văn học miền Nam.
Dành tặng thân hữu và những ai còn quan tâm đến văn chương miền Nam thời chiến.
Xin được cảm ơn thư viện đại học Cornell đã giữ gìn trọn bộ Văn không thiếu một số nào.



Thư Quán Bản Thảo
TẬP 45, THÁNG 1, NĂM 2011
Mây Viễn Xứ

MUC LỤC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và Viết / 4:

Trần Hoài Thư (4), Nguyễn Minh (10), Phạm văn Nhân (34)

Giới Thiệu Lâm Hảo Dũng

Hà Thúc Sinh (38), Nguyễn Mạnh Trinh (39), Phạm văn Nhân (42), Trần Phù Thế (46), Hoài Ziang Duy (48), Lương Thư Trung (53), Trần văn Nam (66), Trần Thế Đức (72), Thái Tú Hạp (79), Trần Hoài Thư (82), Nguyễn Lệ Uyên (87).

Sáng tác của Lâm Hảo Dũng (95)

Phản thường lệ

Khuất Đầu : Ai giết A.Q ?(truyện ngắn / 106)

Phan Bá Thụy Dương (thơ / 112)

Giới thiệu một tác giả : Khoa Hữu /113

Khoa Hữu : Những viên đạn (truyện / 114)

Khoa Hữu (thơ / 129)

Nguyễn Thanh Châu (thơ / 132)

Đoàn Xuân Thu (thơ / 133)

Nguyễn Kỳ Sơn (thơ / 134)

Phan thị Ngôn Ngữ (thơ / 135)

Lữ Quỳnh : Những người tưởng thân nhau (truyện / 136)

Trần Hoài Thư : Chi Ming Wang (truyện / 145)

Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh : Thầy dạy công dân
(truyện/155)

Nguyễn Lệ Uyên : Buổi sáng trong làng (truyện / 163)

Judith Ortiz Cofer : Nụ Hôn đầu / 171

(Nguyễn thị Hải Hà dịch)

Nhóm Sáng Tạo : Nói chuyện về thơ / 179

Tin văn học nghệ thuật / 201

Giới thiệu Monique Truong / 203

Trần thị Nguyệt Mai (thơ / 208)

Hoang Vu (thơ / 209)
Lâm Anh (thơ /209)
Sưu tầm : Nguyễn Tất Nhiên : Năm năm tình lận đận / 210
(phỏng vấn của tuần báo Tuổi Ngọc)

Thân hữu và tòa soạn / 213

Tranh bìa : Đàm Quốc Cường
Phụ bản : Thân Trọng Minh

Chủ trương biên tập: THT

Tòa soạn:

P.O Box 58
South Bound Brook
NJ 08880

Email: tranhoaitu@verizon.net



Thư Tòa Soạn

Trong chủ trương hồi phục và giúp đỡ các nhà nghiên cứu văn học có tài liệu tham khảo về nền văn học thời chiến, tạp chí *Thư Quán Bản Thảo* đã lần lượt cho ra đời những số có chủ đề, hay thường xuyên giới thiệu những người viết trước 1975, đặc biệt những người viết trẻ mang đồng phục, làm văn nghệ ngoài vòng đai Saigon.

Việc làm này rất khó khăn. Không tài liệu, không sách vở, khan hiếm người có kinh nghiệm trong lãnh vực nhận định phê bình. Chính vì lí do này, các tạp chí văn học ở hải ngoại ít thấy có báo nào dám thực hiện những số chủ đề về di sản văn chương miền Nam.

Tạp chí *TQBT* hãnh diện là tạp chí duy nhất thường xuyên thực hiện nhiệm vụ gai góc này.

Và hôm nay, số 45 với chủ đề *Mây Viễn Xứ* giới thiệu nhà thơ Lâm Hào Dũng là một bằng chứng.

Trong năm mới, để xứng đáng với lòng tin cậy và thương mến ấy, chúng tôi hứa cố gắng lựa chọn bài vở, sưu tầm những tư liệu giá trị, và nhất là thận trọng hơn trong việc biên tập, chỉnh sửa hay kỹ thuật in ấn, Dù biện giải chỉ có một mình người chủ trương phải lo từ A-Z, nhưng lỗi vẫn là lỗi, không thể chấp nhận được.

Cuối cùng, xin được gửi đến quý bạn những lời chúc đầu năm đầy tốt đẹp nhất của chúng tôi. Kính chúc quý bạn và gia đình trọn năm mới dồi dào sức khỏe và rất nhiều may mắn.

Trân trọng
Tạp chí *TQBT*

SỐNG VÀ VIẾT

Trần Hoài Thư
Rong bút

Cao Xuân Huy đã ra đi

Thêm một nhà văn đã rời bỏ chúng ta. Nhà văn Cao Xuân Huy đã vĩnh viễn ra đi vào 4 giờ 53 phút chiều Thứ Sáu 12 tháng 11, 2010,

Nỗi thương tiếc dành cho anh đã được bạn bè, thân hữu, độc giả và đồng đội ghi lại quá nhiều trên những trang mạng, đặc biệt là damau.org.

Chúng tôi đã được nghe bạn hữu anh kể về căn bệnh ác nghiệt cũng như những ngày mong manh còn lại của anh từ tháng tám năm 2010. Vào đầu tháng 9, anh gửi trọn bản gốc đánh máy « Những Mẫu Chuyện », tác phẩm cuối cùng của anh, với lời nhắn là : *Mấy hôm nay tôi lu bu với chuyện chemotherapy nên bây giờ mới gửi được đến anh toàn bộ quyển sách.*

Anh tùy nghi muốn lấy truyện nào và bao nhiêu cũng được.

Cám ơn anh và chúc anh chị luôn mạnh khỏe.

Cao Xuân Huy.

Tháng 10, tạp chí TQBT đăng một truyện của CXH. Chúng tôi gửi tạp chí về anh, chúc anh khỏe, sớm hồi phục với hy vọng là được thăm anh vào dịp đi Cali...

Vậy mà anh ra đi. Không chờ đợi. Không để tôi bắt tay. Không để tôi nghe tiếng cười và gương mặt hân hoan yêu đời qua đôi mắt thật sáng ấy nữa.

Với bạn bè, anh đã để lại ánh mắt và nụ cười hân hoan như trái tim rực rỡ của anh.

Với văn chương anh đã để lại một tác phẩm có tầm vóc.

Và với lịch sử anh cũng để lại những trang giấy làm chứng cho

một thời kỳ đen tối của miền nam và những con người dám sống và dám chết.

Sau này mỗi lần nhắc đến một tháng ba uất nghẹn này, chắc hẳn là chúng ta sẽ không bao giờ quên **Tháng Ba Gãy Súng** của Cao Xuân Huy.

TRỞ LẠI NAM CALI

Mỗi năm, tôi vẫn trở về Nam Cali, như một kẻ trở về cố xứ. Cảm ơn xứ Mỹ có một Little Saigon. Nếu không, những người lưu thân tại một xóm xinh heo hút ở miền đông bắc nước Mỹ này như tôi, chắc phải buồn biết mấy.

Nhưng về mà không có bạn bè thì lại càng buồn gấp trăm lần. Tánh đã quen ngồi lê la, cà phê và thuốc lá. Cốc cà phê dù không loang ánh nắng có bóng người con gái trường nữ nào, nhưng cũng nhấp vào ánh mắt mà bạn đã gởi trao. Dù lồng ngực đã lép, nhưng phổi vẫn tràn trề dưỡng khí của tình thân. Tôi rất cần một chỗ ngồi ở giữa những bàn những ghế thân quen, mà lâu rất lâu, tôi không thể có.

Bởi vậy tôi về nhà bạn. Không cần gọi cho bạn biết. Cũng không nhờ bạn tới phi trường đón dùm. Với chiếc xe thuê và với cái máy chỉ đường (GPS), tay tài xế từ NJ đến, phóng xe, đập tăng gia tốc. Không phải là *một chiếc xe về mang lạng lẽ* ngàn ngàn chiếc khác chở cô đơn.... như những đêm trên xa lộ nào đó trên vùng đông bắc, mà trái lại, hồn tôi mở ra như hòa nhập cùng âm thanh cuồng nộ của xa lộ 6 lane, của freeway, của những tấm biển màu xanh, in chữ trắng, chỉ tên thành phố, tên đường. Nắng lựa, trời trong, giờ gần tan sở... Tôi bị cuốn hút trong một cõi nộ cuồng của giòng thác xe cộ trên freeway và niềm réo gọi đi tìm niềm vui.

Căn nhà của vợ chồng họa sĩ Nguyễn Đình Thuận là nơi tôi tìm ghé đầu tiên. Không phải là dinh thự mà mỗi ngày yến tiệc linh đình, hàng trăm khách vào ra để người ta nghĩ đến một gia

chữ hào sảng hiếu khách với bạn bè như Mạnh Thường Quân (?). Nhưng nó là một căn nhà nhỏ, nằm khiêm nhường ở trong một khu mobile home gần trung tâm Little Saigon. Cửa vào nhà là cửa kính. Vì thế, dù không mở ra, nhưng thật sự nó đã mở ra suốt ngày. Ai đến, nhìn vào thấy bàn, thấy ghế, thấy tranh. Và thấy khách.

Khách của bạn đa số là bạn bè văn nghệ. Ai đến nhà tự động mang đến thức ăn, bia... Có sẵn chiếc bếp. Có sẵn chị Thuần luôn luôn nở nụ cười, trở tài nội trợ. Không phải một ngày nấu ăn hai buổi. Mà liên miên, bất tận. Nhất là ngày cuối tuần.

Tôi là một trong những khách hiếm của anh chị. Bởi một hai năm mới tìm đến một lần. Gặp lại bạn cũ, tay bắt mặt mừng. Khi xiết tay bạn, thấy sự cam khổ của bạn trên những ngón tay gồ ghề chai sạn. Những ngón tay ấy thay vì dành toàn thời gian cầm cọ nay dành cho những công việc nặng nhọc. Nghe bạn rất thành công trong lần triển lãm tranh tại Pháp, xin chia vui. Rồi chai bia như chất tình sủi bọt niềm vui ngày hội ngộ.

Rồi bạn gọi điện thoại báo tin.

Rồi, chỉ một tiếng đồng hồ sau là Trần Văn Sơn, Phan Bá Thụy Dương xuất hiện, với những phần *Food to go* và mấy thùng bia. Rồi Vương Trùng Dương.. Rồi vợ chồng nhạc sĩ Trần Quang Lộc. TQL mới từ VN qua, rồi Nguyễn Chí Khả (tức Vương Hồng Anh), gặp lại sau gần 40 năm. Rồi Nguyễn Lương Vỹ. Rồi chén đĩa được bày ra, bia được khui nắp, lời nói tiếng cười nổ như pháo Tết.. Ngồi cạnh Trần Quang Lộc, hỏi thăm anh về anh em ở quê nhà. Sau đó, Phan Bá Thụy Dương, Vương Trùng Dương, vợ chồng Trần Quang Lộc rời, đến tốp khác tiếp tục. Phan Nhật Nam, Hoàng Dục Thảo, Tuấn Anh, chủ bút nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa... Các anh chị nghe tôi về CA, đã bỏ bao nhiêu thì giờ quý báu của anh chị...Cảm ơn văn chương, nghệ thuật. Nó dẫn đến một cảm thông giữa cuộc sống đầy hệ lụy. Xin bỏ ra ngoài kia những nỗi thường tình. Chiều hôm ấy, Phan Nhật Nam đọc lại bài thơ của Trần Hoài Thư mà anh đã thuộc vào năm 1972 (1) và Hoàng Dục Thảo đọc thơ chị. Chị kể chuyện vui. Rồi người này góp lời, kẻ kia góp câu, tiếng cười rộn ràng bất tận. Chúng tôi vui lắm. Chúng tôi nói về rất nhiều chuyện, đề tài. Vẫn nhớ mãi giọng nói nặng và « từng từng » của Nguyễn Đình Thuần .

Anh có biệt tài pha trò. Mỗi lần anh thốt lên là anh em quanh bàn thì nhau cười rũ rượi.

Chúng tôi cùng nhắc về một số bạn bè văn nghệ đã ra đi. Ở tuổi chúng tôi, sự mất mát này là sự mất mát thật. Một Thảo Trường. Một Cao Xuân Huy. Rồi sẽ đến ai. Trời kêu ai nấy dạ. Hôm ấy, Phan Nhật Nam, Hoàng Dược Thảo đã nói rất thành thật về nỗi mất mát này. Cuối cùng rồi một thế hệ sẽ trôi qua, Chỉ còn lại dấu vết của văn học trên bia mộ của lịch sử. Tự Lực Văn Đoàn. Nhân Văn Giai phẩm. Sáng Tạo. Còn thế hệ chúng tôi thì sao. Trong chiến tranh, thanh xuân bị đốt ngoài mặt trận, trong hòa bình kéo tháng năm trong trại khổ sai. Sách vở bị tận diệt. Văn chương thời chiến xem như không còn dấu vết.

Bởi vậy, xin đừng ngạc nhiên khi tại sao TQBT đã thực hiện những chủ đề như Vũ Hữu Định, Nguyễn Bắc Sơn, Y Uyên, Nguyễn Nho Sa Mạc tạp chí Ý Thức, tạp chí Khai Phá, và bây giờ là Lâm Hảo Dũng ...

Thứ bảy 12-4.

Anh chị Cang có nhã ý làm một buổi họp mặt thân hữu tại tư gia của anh chị. Một buổi chiều và một buổi tối với bạn bè và thân hữu mới quen. Có vợ chồng Trần Quang Lộc, vợ chồng Laiquangnam, vợ chồng Nguyễn Đình Thuận, vợ chồng Đặng Phú Phong, Trần văn Nam, Vương Trùng Dương, Nguyễn Thanh Huy, Trịnh Y Thư, Thu Hằng và Thơm, cùng nhiều bạn bè Không quân của anh Cang.

Đêm với tiếng hát của Trần Quang Lộc, chị Mai Lan, chị Bội Trâm, Thu Hằng và Thơm... Hiếm lắm mới được thấy hai cô bạn gái trẻ vừa dạo đàn guitar vừa hát chung nhạc Nguyễn Đức Quang, Trịnh Công Sơn. Rồi Trần Quang Lộc hát những sáng tác của anh. *Có phải em mùa thu Hà Nội. Về đây nghe em.* Đêm với lời thơ của Quang Dũng qua Y.. Đêm với những câu chuyện dòn tan như pháo nổ. Đêm với những hoài niệm thanh xuân.

Thật sự tôi không thể ngờ họ đã dành cho tôi những ân cần to lớn đến như vậy. Không biết một nhân vật lớn với tiền hô hậu ủng có được niềm hạnh phúc như tôi đêm nay không.

Cám ơn và cám ơn anh chị Cang đã dành cho vợ chồng chúng tôi một buổi tối tuyệt vời.

Chủ nhật 12-5-2010

Anh chị Thành Tôn mời buổi cơm trưa. Có Nguyễn Mạnh Trinh, có anh chị Thái Tú Hạp, Trần Văn Nam, Phùng Minh Tiến. Có Đỗ Dzũng, Đạm Thạch... Những câu chuyện về văn học hầu như bất tận. Chúng tôi nói về bộ *Văn học miền Nam – Nơi miền đất mới* của Nguyễn Q. Thắng do nhà Văn Học Hà Nội xuất bản. Đây là bộ sách mà nhà biên khảo Nguyễn Vy Khanh đã nêu lên trong một bài đăng trên Talawas (2) về **" Những phê phán, nhận xét có thể có những chủ đích chính trị " như Cố tình nêu sai danh tính các nhà văn Việt Nam Cộng hòa, Những thiếu sót, sai lầm có chủ đích, Những đánh giá và xếp loại vô nghĩa, lỗi thời, Bất nhất về thời gian.**

" Viết văn học sử mà gọi Nguyễn Đăng Sinh thay vì Mai Thảo, Đoàn Thế Nhơn thay cho Võ Phiến, Thu Văn và Trần Thị Thu Vân thay vì Nhã Ca, v.v... thì quả là bất thường thật! " (2)

Tôi cầm lên từng cuốn sách. Dày cộm, bề thế về hình thức. Tôi chưa hề thấy có một bộ sách chữ Việt in ấn công phu đến như vậy. Tôi thấy lại những cuốn sách của tôi mà xấu hổ. Tôi mong một ngày được học cách khâu đóng của họ.

Có điều ai cũng hiểu là cái vỏ không thể chứng minh cho cái ruột. Nhưng mà một hai bài phản bác như của Nguyễn Vy Khanh không thể đủ để chứng minh cái ruột xà băng này. Trong thư viện, bộ sách ấy đề trang trọng. Trong tủ sách gia đình, sách cũng có mặt. Trong các trường học, sách được dùng làm sách giáo khoa.

Cái tác hại kia không phải ở bây giờ, nhưng ở 10, 15 năm nữa, khi mà thế hệ của chúng tôi sẽ chìm trong bóng tối.

Tôi ao ước có những người có khả năng hơn tôi về tài chánh hay về kiến thức. Ít ra ở hải ngoại này, vẫn có một bộ sách để đời với con cháu và phản bác lại những gì trên những trang giấy của bộ sách "đồ sộ và bề thế » về mặt hình thức này. Thư viện Cornell, Yale, Library of Congress vẫn luôn luôn mở cửa. Sách vở miền Nam vẫn tràn ngập, vẫn được giữ gìn. Chúng ta sẽ làm được nếu chúng ta muốn làm.

Tối 12/5

Hai ngày qua có những cuộc hẹn với các độc giả của Thư Quán Bản Thảo. Họ đã nghe nhà văn Bùi Bảo Trúc nói trên đài Little Saigon Radio và chương trình Chào Bình Minh do Ngọc Ân và Vũ Kiêm phụ trách cùng chương trình Tản Mạn Văn học do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh và cô Nhã Lan thực hiện trên đài truyền hình Hồn Việt.

Chiếc xe thuê từ phi trường lại được dịp xuôi ngược miệt mài trên các ngã đường của Little Saigon. Kẽ lái xe New York có dịp lái tại Orange County. Bắt đầu quen với Chapman, Harbor, Brookhurst, Westminster, Bolsa, Euclid. Bắt đầu quen với những freeway 22 hay số 55, hay số 5. Dù có căng thẳng thần kinh vì những tuyến đường xa lạ, nhưng lòng thật ấm áp vì có những người độc giả dù chưa bao giờ thấy mặt nhưng vẫn chờ đợi trong một quán cà phê nào đó... Mọi giá, tôi phải dành cho họ, dù tôi lúc này, kẻ kêu người rêu, kẻ níu người giựt. Bởi vì tôi phải đền đáp lại những ân cần mà người đọc đã dành cho một tờ báo « không giống ai » và « nghèo nhất thế giới » này.

Anh Bắc nguyên là một sĩ quan trẻ thuộc binh chủng Nhảy Dù, Anh kể lại nguyên do nào anh đến với tạp chí TQBT. Và niềm vui mừng của bè bạn anh ở VN khi họ nhận tạp chí do anh chuyển về. Anh rất tế nhị không đòi hỏi thêm nhưng tôi hiểu là anh cần thêm báo để anh chuyển về VN. Tôi hứa là sẽ gởi thêm.

Một độc giả khác, chị NG. T, thì nói về nỗi lo lắng của chị về bệnh Gout của tôi. Chị kể vanh vách những tên tuổi cộng tác cùng những bài vở đã xuất hiện trên tạp chí. Khó tìm được một người yêu văn thơ như chị.

Một bạn nguyên ở Lôi Hồ, thì mang đến những trang thơ cũ mà anh đã viết để tặng TQBT.

Có bạn thì thắc mắc tại sao TQBT lại « survive » đến năm thứ 10, khi không bán, không quảng cáo.

Tôi ngất ngây trong tấm lòng ưu ái của họ. Tôi nghĩ các bạn xa trong nhóm chủ trương như Phạm văn Nhân, Trần Bang Thạch, NM, NLU cũng như những người viết cho TQBT phải

vui như tôi đang vui.

Khi họ tiễn tôi, tay nắm tay bịn rịn, tôi biết là tôi đã nợ họ. Bởi họ đã cho tôi nhiều quá. Tôi không thể đền đáp hết.

*1. Ta còn một bát trắng/Đựng ngàn năm lao khổ/Sao bầy ngựa chiến
chinh/Một giầy về lộ lộ/Vỡ tung tóc trắng vàng (Núi Dài-Thất Sơn
1972)*

*2. Nguyễn Vy Khanh – Văn học Miền Nam qua một bộ “văn học sử”
của trong nước. Nguồn : www.talawas.org*



Tranh Lê Triều Điền

NGUYỄN MINH CHÓN XƯA

Tôi chuẩn bị đi ngủ thì chuông điện thoại reo. Lữ Kiều rủ tôi ngày mai cùng anh và các bạn tôi vừa mới quen về Phan Rang thăm một cô giáo cũ. Tôi còn đang lưỡng lự và vợ tôi cũng bàn ra. Tôi còn bị cảm chưa dứt. Tôi cười vỗ vỗ: “*Lo gì có bác sĩ đi bên cạnh.*” Thật vậy Lữ Kiều vừa là người bạn văn thân nhất của tôi cũng là bác sĩ chăm lo sức khỏe của tôi bấy lâu nay. Trong những chuyến đi xa, ra bắc, vào nam, lên cao nguyên, bao giờ tôi cũng đi cùng anh. Tôi hỏi có ai đi cùng. Anh trả lời: “*Ấu Lăng, người bạn bệnh ung thư đã đi*

căn. Ấu Lăng muốn về thăm cô Giáng Châu và được sống với biển ít nhất một đêm có trăng.” Nghe vậy, tôi nhận lời ngay và vợ tôi gật đầu ủng hộ.

Buổi sáng sớm trời Sài Gòn vẫn mang cái nóng bức khó chịu, chiếc xe 16 chỗ đã bắt đầu khởi hành. Đoạn đường dài trên 350 cây số bằng phẳng, láng bóng được từ từ rút ngắn và thời gian cũng tiến tới từng phút, từng giờ. Trên xe tôi và Lữ Kiều ngồi băng trước cạnh tài xế. Bốn người đàn bà bạn học từ Quốc học của 50 năm về trước là các chị Mộng Loan, Thanh Tùng, Ngoạn và Khánh ngồi băng kết tiếp. Riêng chị Ấu Lăng cùng cô cháu theo giúp người bệnh dành riêng một băng giữa. Suốt dọc đường chị Ấu Lăng phải nằm dài ngủ thiếp trong cơn đau.

Hoa tím trên giàn...

Những lần đi chơi xa, thời gian kéo dài, và nhất là những người cùng đi không thân thiết, bao giờ tôi cũng mang theo máy nghe nhạc bỏ túi để ru mình chìm đắm trong âm thanh tuyệt vời, khỏi phải nghe những lời trò chuyện liên miên của họ, những khoe khoang về thành công của chồng con, cũng như về gia đình họ. Nhưng, hôm nay, cái máy nghe nhạc tôi không dùng tới, mặc dù những người đàn bà trong xe lú lo nói chuyện với nhau suốt cả chặng đường dài. Những câu chuyện họ nói với nhau cứ thu hút tôi làm tôi phải lắng nghe. Chị Mộng Loan như lái con tàu vũ trụ quăng tôi vào một không gian khác. Xứ Huế mộng mơ. Một thời gian bị thụt lùi cả nửa thế kỷ về trước. Năm 1960. Những khuôn mặt nữ sinh Quốc học của một thời dễ thương, nhất là về Diệu Phương, được Mộng Loan nhắc lại với giọng nói xứ Huế ngọt ngào, đưa tôi vào vùng kỷ niệm của tuổi 18, tuổi học trò trong sáng. Diệu Phương ngày ấy là một cô nữ sinh có mái tóc tề xỏa xuống quá vai, dáng gầy vai mềm, đã làm mê hồn bạn tôi là Lữ Quỳnh. Đến giờ ra chơi, Lữ Quỳnh choàng vai tôi lang thang trên vỉa hè hành lang qua lớp học của Diệu Phương để được nhìn người con gái ấy đang khép nép bên đám bạn gái chuyện trò ríu rít. Tôi cũng rung động khi nghe Lữ Quỳnh “quách thoạt” về mối tình của anh ở lứa tuổi thơ đại với một cô bé tên

Diệu Phương hay mặc áo tím thuở nào theo gia đình tản cư về quê anh. Quách Thoại là một nhà thơ đã làm anh em trong nhóm Gió Mai của chúng tôi say mê không chỉ về thơ ông mà cả cuộc đời của ông, qua lời kể các bài văn của bạn bè ông. Những câu chuyện không biết thật hư ra sao về những mối tình lãng đãng rất nhiều cô gái đi qua đời ông, rất nên thơ, mỏng manh như gió thoảng mây trôi. Nên bấy giờ không biết ai trong bọn chúng tôi biến danh từ riêng Quách Thoại thành động từ quách thoại. Lữ Quỳnh cho biết Diệu Phương trước mặt chúng tôi và Diệu Phương xa xưa là một. Lữ Quỳnh nhận ra, còn người ấy thì dừng dừng, mặc dầu có lúc Lữ Quỳnh đứng sững trước mặt cô gái ấy trong giây phút đủ để nhận ra nhau. Thôi, có sao đâu, chỉ là một lãng quên. Nhưng cũng đủ làm lòng tôi xao xuyến khi nghe Lữ Quỳnh đọc cho tôi nghe hai câu thơ viết về Diệu Phương:

*Hoa tím trên giàn hoa tím lay
Tôi buồn cứ ngỡ áo em bay
Hay
Chiều nay áo tím buồn nương gió
Tím cả không gian tím cả hồn.*

Tôi không biết làm thơ cũng không bao giờ thuộc thơ của ai dù chỉ vài ba câu. Không hiểu sao mãi 50 năm sau tôi vẫn nhớ mãi những câu thơ của Lữ Quỳnh, thuở chàng trai chưa đầy mười bảy tuổi. Chẳng phải cứ mỗi lần trắng sáng, tôi và Lữ Quỳnh cùng rảo bước trên con đường có những hàng cây đoát Lữ Quỳnh cứ ngâm mãi những câu thơ này.

Không dừng lại ở khuôn mặt Diệu Phương thuở còn con gái, Mộng Loan thao thao bất tuyệt thông tin về thời hiện tại của Diệu Phương bây giờ. Tôi thấy xa lạ.

Một lời xin lỗi.

Mộng Loan chuyển qua một nhân vật khác, cô bạn thuở bé khi còn học tiểu học tại một làng quê. Câu chuyện hấp dẫn tôi về một tuổi thơ đã đánh mất, giờ bỗng dưng có người đánh thức làm những kỷ niệm thời ấu thời trôi dạt như những con

sóng vỗ từ ngoài khơi vỗ vào bờ cát trắng. Thuở đó chúng tôi đi học, đến trường đều mang theo một bình mực, một cây bút cán gỗ gằng ngòi viết “lá tre” và một tờ giấy chậm. Khổ nhất là quên tờ giấy chậm ở nhà, thiếu nó thì không biết làm sao mực mau khô trên giấy trắng tập vở có kẻ hàng ngang, phải cúi đầu xuống chu mỏ thổi những hàng chữ còn ướt. Mộng Loan đã giải đáp cho chúng tôi một cách thức rất đơn giản mà chẳng bao giờ chúng tôi nghĩ đến. Muốn mực mau khô thì khi pha những viên mực nhỏ như những viên thuốc tây vào trong chiếc lọ thủy tinh với một ít nước ấm nhớ nhỏ thêm một ít rượu để hoặc còn. Tôi cười như thích chí, gật đầu như tán thưởng sáng kiến đó. Nếu như bây giờ lũ cháu tôi khi đến trường vẫn còn mang theo một bình mực cùng cây viết có ngoài lá tre tôi sẽ “truyền nghề” bằng cách đó. Nhưng, bây giờ các cháu nội ngoại tôi đều xa lạ với cây bút ngòi viết lá tre cùng bình mực mang theo đến trường. Chúng mang trên người một chiếc cặp da nặng trĩu những tập sách vở và một lọ viết bi đủ màu sắc. Sau này tuổi già như chúng tôi các cháu sẽ có những kỷ niệm để nhớ lại về những thứ đó.

Câu chuyện sau đây Mộng Loan kể làm tôi cười ran nhưng sau đó lại bàng hoàng, xúc động. Đó là thời còn học tiểu học ở trường làng. Học trò là những đứa trẻ ngờ nghệch, mặt mặt lem nhem, quần áo lượm thuộm, vá chằng chịt bằng những miếng vải dấp. Chân không, đi đất, còn lấm bùn khô vì phải lội qua những cánh đồng ruộng. Chỉ có con những gia đình khá khá đôi chút mới được mặc một bộ đồ bà ba vải trắng tinh. Chân mang đôi guốc gỗ vông. Mộng Loan và Hương Trà nằm trong thiếu số đó. Cả hai cô bé cùng ngồi bên cạnh nhau nhưng nhà ở thì cách nhau gần 2 km. Một chuyện đáng tiếc xảy ra cho hai cô bạn gái nguyên do chỉ vì một bình mực. Vì sợ ý Mộng Loan đã làm rơi bể bình mực văng tung tóe lên áo quần trắng tinh mà mẹ Mộng Loan vừa may cho. Về đến nhà Mộng Loan tìm cách tránh né mẹ để vào phòng thay bộ đồ khác, nhưng không tránh được. Mẹ Mộng Loan la hoảng lên: *“Thôi chết rồi còn gì quần áo tươm tất để đi học nữa. Sao vậy mi.”* Nhìn đôi mắt mẹ giận dữ chiếu vào mắt Mộng Loan, cô bé hoảng sợ riu riu trả lời: *“Không phải lỗi con. Tại Hương Trà đó”* – *“Nó làm chi mi?”* Con bé lắp bắp, đồ thừa: *“Nó quăng bình mực vào người con.”* Thế là mẹ Mộng Loan dắt cô bé đến nhà Hương Trà mắng vốn. Hương Trà ngạc nhiên, lắc đầu. Mẹ Hương Trà

vấn hỏi con mình. Cô bé nước mắt chảy dài không nói, chỉ lắc đầu, cũng không làm mẹ Mộng Loan tin chắc. Rốt cuộc Hương Trà bị mẹ bước vội vàng xuống bếp, quơ đại cái chổi quét vào Mộng con. Hương Trà ôm mặt uất ức khóc tức tưởi. Nhìn bạn mình bị đánh đòn oan uổng Mộng Loan ân hận. Tưởng chỉ trong một thời gian ngắn rồi cũng phai đi. Ai ngờ mấy chục năm sau Mộng Loan vẫn ray rứt mãi một lỗi lầm là vu khống người khác mà nhất là bạn mình. Lên trung học cả hai cô bạn ấy xa nhau. Chỉ thỉnh thoảng họ gặp nhau thì lại ngoảnh mặt làm ngơ. Mới đây thôi, trong lần dự buổi họp mặt cựu nữ sinh Đồng Khánh, trước mặt một số bạn thân, Mộng Loan cầm tay Hương Trà từ Mỹ trở về, ấp úng nói một lời xin lỗi mà đáng lý ra phải có từ 50 năm trước. Hương Trà nở một nụ cười thân ái, nhỏ nhẹ nói: *“Có gì đâu, thời tuổi dại mà.”*

Chuyện của Mộng Loan và Hương Trà thời thơ ấu ấy làm tôi chạnh lòng, bồi hồi nhớ lại chuyện của mình. Tôi không thốt ra lời kể cho các bạn trên xe cùng nghe. Tôi lầm bầm tên cô bạn gái mà mình tưởng đã quên đi từ lâu. Rất lâu. Hường.

Bây giờ, tôi mơ màng tưởng như trước mặt tôi, Hường - cô bé Tây lai - đang từ một thế giới xa xăm nào đó đang tiến tới, bước từng bước chân nhỏ nhắn lên bãi cỏ xanh rờn về phía tôi, một thằng bé con đầu tóc hớt cao đang đứng tựa mình vào gốc cây, miệng đọc một bài sử ký lớp ba mà cô giáo buộc học trò phải thuộc để trả bài.

Thuở ấy tôi và Hường cùng học chung một lớp, ngồi một bàn, cận kề nhau. Tôi là một cậu học trò nghịch ngợm nhất lớp, quậy phá. Các bạn, nhất là các cô bé học chung đều sợ sệt, tránh né. Hường là cô bé phải chịu trận những trò nghịch ngợm của tôi. Tôi hay nắm lấy những sợi tóc quăn vàng óng ả mà giật giật cũng đủ làm cô bé đau điếng thốt lên: *“Đau, bạn cần gì thì nói.”* Tôi ghé miệng sát tai Hường nói như ra lệnh: *“Quên để bình mực ở nhà, cho chấm chung”*. Cô bé Tây lai gật đầu lia lịa. Bình mực được để giữa. Khi thấy Hường chuẩn bị đưa cây viết mang ngòi lá tre vào miệng bình mực, thì tôi lạnh tay đành đưa cây viết của mình vào trước, gạt bàn tay trắng buốt và bé bỏng của Hường ra ngoài, làm cây viết mang ngòi viết lá tre găm trên mặt bàn. Tôi chưa kịp với tay để rút cây viết còn đang rung rinh. Tôi cười đắc chí như đang chơi trò phóng mũi tên. Ở nhà, tôi hay lấy một chiếc đĩa tre, một đầu

gắn một cây kim cúc đã được cột chặt bằng sợi dây nhợ, rồi đứng cách xa cánh cửa gỗ, lấy đà phóng mũi tên vào vòng tròn vẽ bằng phấn trắng làm đích. Tôi reo vui khi mũi tên găm gần đích và xiu mặt khi mũi tên lệch hướng và rơi xuống đất. Hường ngạc nhiên đưa đôi mắt to tròn màu hạt dẻ nhìn cây viết của mình đứng thẳng đứng như người trồng cây chuối. Hường cũng cười lấy làm lạ. Chỉ một chốc lát Hường mới rút ra, đưa lên nhìn đầu ngòi viết tre có bị tà ra. Không sao cả. Cô bé gạt đầu thích thú.

Như khám phá ra một điều lạ. Cả buổi học hôm ấy tôi không còn chú ý nghe cô giáo giảng bài, đến giờ viết chính tả tôi cứ dành bình mực làm Hường tức tôi phải cảnh cáo tôi: *“Lần sau bạn phải nhớ mang theo bình mực của mình, bây giờ mình cho bạn dùng ké lần cuối đó.”* Nghe đến tiếng *“dùng ké”* với giọng nói kéo dài như đay nghiến của cô bạn gái *“đằm lại”* làm tôi tức giận.

Nhớ đến những người bị bệnh phong cùi có một thời gian từ đâu đến đi lang thang trên đường phố ăn xin với những khuôn mặt dị hợm, sứt tai, sứt mũi, tay chân co quặt, bước từng bước nặng nề, miệng thốt ra giọng ngọng nghịu làm bọn trẻ chúng tôi sợ hãi, xa lánh. Tôi không biết trả đũa như thế nào ngoài việc đưa cùi tro vào hông Hường mà thốt ra *“đồ đằm phong cùi”*. Cô bé như bị điện giật, người run lên, hai con mắt nhấp nháy, mặt đỏ lên. Hường giận dữ, sẵn cây viết đang cầm, phóng vào tay tôi. Không kịp phản ứng, ngòi viết tre đã cắm phập vào da thịt tôi, như một mũi tên nhọn từ đâu bắn vào cánh tay.

Tôi hoảng hồn. Hường càng hoảng hồn hơn tôi. Mặt Hường biến sắc, chuyển qua tái mét. Tôi rút mạnh cây viết ra. Máu từ đó chảy ra. Hường xé đại tờ giấy trắng từ tập vở đắp lên vết thương. Máu máu như những giọt mực đỏ thấm lên giấy. Bàn tay nhỏ nhắn của Hường bóp chặt vết thương của tôi. Nhìn vẻ mặt nhăn nhó và hai hàm răng tôi cắn chặt lại như cố gắng chịu đựng cơn đau. Hường rung rung nước mắt, ngập ngừng: *“Xin lỗi bạn, mình không cố ý”*. Từ đó, tôi không còn nghịch ngợm hoặc nói những điều xúc phạm đến Hường nữa. Chắc chắn không phải vì sự đau đớn của vết thương mà vì những giọt nước mắt cùng lời xin lỗi của bạn mình. Về đến nhà, nhìn thấy vết thương của tôi, mẹ tôi gạn hỏi nguyên do. Tôi kể lại và thắc mắc hỏi: *“Con chỉ nói ba tiếng ‘đằm phong*

cúi” mà sao con Hường phản ứng kinh hồn như thế.” Suốt buổi tối, nằm bên cạnh mẹ, người dạy tôi một bài học. Phải biết tôn trọng kẻ khác nhất là đối với bạn mình. Đừng làm tổn thương họ. Con dùng ba tiếng ấy làm bé Hường đau đớn hơn là con cầm dao đâm vào tim nó. Con đã biết bé Hường sống với người mẹ bao giờ cũng mang mặc cảm của một người đàn bà bị bọn lính Tây lê dương hăm hiếp. Bà phải bỏ quê nhà làng xóm vào đây hàng ngày phải buôn gánh bán bưng để nuôi đứa con lai, không biết tông tích về cha mình. Bé Hường rất yêu mẹ. Không bao giờ bé hỏi về lai lịch cha mình. Hường càng lớn càng trắng trẻo và đẹp hẳn hơn các bạn mình. Lên trung học Hường là hoa khôi của trường. Hường mang hằn giòng máu của người cha, nếu Hường không mặc trên người chiếc áo dài, nói tiếng Việt sành sỏi, ai cũng nghĩ đó là một cô đầm từ Pháp về. Sau năm 1954 những người lính viễn chinh đã cuốn cờ trở về Pháp thì những gia đình có con lai cũng được trở về quê cha. Những thằng bạn cùng học với tôi ngày đó như thằng Pierre Nguyễn, thằng René Bùi, con Hélène Trần cũng từ giã chúng tôi. Riêng Hường không có một cái tên Pháp đứng trước như khẳng định từ chối cái nguồn gốc. Mẹ con Hường vẫn sống ở cái thị xã bé nhỏ và hiền hòa này. Đã lâu rồi, rất lâu tôi không còn biết tin tức về cô bạn “đầm lai” đó nữa. Không biết bây giờ Hường lưu lạc từ phương nào. Sống chết ra sao? Đã hơn nửa thế kỷ qua đi.

Giữ Chặt mối dây.

Ngồi trên xe, suốt gần mười tiếng đồng hồ, chúng tôi cũng đã thấm mệt, ê chề, cuối cùng cũng đã đến nơi. Xe không chạy trên con đường xuyên Việt, tôi chỉ bác tài đi con đường cũ, dẫn vào thành phố. Ngang qua cầu Đạo Long, xe chạy chậm lại để tôi và Lữ Kiều được nhìn xuống dưới cầu, dòng sông Dinh hiền hòa chảy ngang. Dòng sông này, đến mùa hè, nước cạn trơ ra những bãi cát rộng mênh mông, mang nhiều kỷ niệm thời thơ ấu với tôi. Bỗng dưng tôi nhớ đến họa sĩ Đỗ Quang Em, mà trong một truyện ngắn “Cối Mù Tắm” tôi viết tặng anh với những kỷ niệm của hai chúng tôi về dòng sông Dinh này.

Xe chạy ngang qua ngôi chợ mới xây, to lớn, bề thế. Còn

đầu ngôi chợ nhỏ thuở trước. Ngang qua tòa hành chánh Tỉnh ngày trước, hai cột trụ đúc bê tông, bây giờ gần qua một tấm biển màu vàng chữ đỏ: Không có gì... Cách nơi này đến nhà cô Giáng Châu chưa đầy một cây số. Lữ Kiều định gọi điện thoại báo cho cô nhưng các bạn trong xe nhất là Âu Lãng cản lại, vì muốn dành cho cô một sự ngạc nhiên. Nhưng chúng tôi lại ngạc nhiên hơn là cô Giáng Châu đã đứng trước vỉa hè đón chúng tôi rồi. Thì ra một người bạn từ Sài Gòn đã báo cho cô trước đây một giờ.

Bước xuống xe, khó khăn lắm cho một người bệnh, Âu Lãng phải nương tay vào cô cháu, cầm chiếc nạng bước từng bước, theo sau là mấy người bạn, từng hàng một, tiến đến cô giáo. Học trò giờ đã trên dưới 70, mỗi người đều mang những căn bệnh khác nhau. Cô giáo tóc đã bạc phơ, và người thì nhỏ lại, mảnh khảnh hơn thời còn con gái, tôi có cảm tưởng chỉ một cơn gió thổi mạnh cũng đủ mang cô theo. Học trò riu rít hỏi: *“Cô còn nhớ em không?”* Cô giáo đưa bàn tay ồm nham, gầy guộc lên từng mái đầu vuốt tóc đã hoa tiêu, run run nhắc đúng từng tên học trò mình đã hơn năm mươi năm trước, khi họ là những nữ sinh trường Đồng Khánh. Âu Lãng tóc đã rụng gần hết, vì con bệnh ung thư, phải đội trên đầu một chiếc mũ vải. Cô giáo nước mắt rung rung, cầm tay Âu Lãng: *“Bao giờ em cũng đúng vai chị Cả ngày xưa của trường Đồng Khánh.”* Thuở ấy mỗi năm các giáo sư đều bình bầu một học sinh giỏi về học vấn lẫn đạo đức. Phần thưởng danh dự ấy được dành cho chị Âu Lãng, một cô Bắc kỳ nho nhỏ mới di cư vào. Trong phần tiểu sử nơi cuốn Hoa Tiên của chị mới xuất bản thành sách sau hơn 30 năm trước đó, là luận án cao học tại trường Đại học Đà Lạt mà giáo sư xét duyệt là Kịch tác gia nổi tiếng Vũ Khắc Khoan, trang trong chị vẫn đề: phần thưởng danh dự trường Đồng Khánh – Huế năm 1960.

Cả thầy trò kéo nhau vào phòng khách. Còn tôi cứ đứng trong sân nhà dưới cây xoài già cỗi, mang máng nơi này, mặc dù ngôi nhà mới cất là một biệt thự hiện đại, rất quen thuộc từ xa xưa. Trời ở đây vẫn nóng bức, khó chịu của mùa hè, nhìn qua trước mặt khuôn viên của một ngôi chùa giáo hội Tỉnh. Tôi mới gật đầu nhận ra trước kia Nguyễn Thị Yến đã từng ở đây. Tôi nói với Lữ Kiều: Nền nhà cũ của Chủ nhiệm báo Ý Thức năm 1970 đây. Một cô bạn gái của tôi không biết viết

văn làm thơ, chỉ thích đọc văn thơ của chúng tôi, lại nể bạn đứng tên xin giấy phép. Bây giờ chúng tôi đều xa thị xã bé nhỏ này vào Sài Gòn làm báo văn học. Ý Thức. Bây giờ thì Yến cùng gia đình cư tại Mỹ. Cách đây mười năm Yến cũng trở về Việt Nam có đến thăm tôi.

Ấu Lăng đi đường xa có vẻ mệt mỏi, chị Giáng Châu phải đưa vào phòng riêng của mình bật máy lạnh để Ấu Lăng nằm nghỉ một lát. Các người học trò khác vẫn ngồi dựa mình vào ghế sa lông cùng nhắc lại với cô giáo những kỷ niệm xưa, nhất là những lúc họ đến thăm cô được cô làm bếp đãi những món ăn Huế. Biết cô thích bánh bột lọc, bánh nậm, bánh bèo Ngự Bình, chị Ấu Lăng đã mua sẵn những món ấy ở một nhà hàng Huế tại Sài Gòn mang ra làm một buổi ăn chiều. Ai ngờ những ngày cuối đời cô từ Canada trở về sống với người con trai làm việc tại thành phố nhỏ bé này. Ai ngờ chúng tôi lại gặp nhau tại đây. Chị Ấu Lăng ngồi cạnh cô giáo. Có ai nghĩ họ hơn nhau cả chục tuổi. Học trò gần 70 tuổi, con cháu đầy đàn, cô giáo trên tám mươi. Tôi cứ nghĩ đó là hai người bạn già sắp xỉ ngang nhau. Một người bệnh. Một người già. Chúng tôi ngồi bao quanh. Cô giáo định đứng dậy, lảo nhảo bước xuống nhà bếp, mang trái cây đãi lũ học trò già đến từ xa. Chị Mộng Loan cản lại và mang những trái cây đã mua từ Sài Gòn dọn lên bàn. Cô giáo cười móm mém thốt ra lời: *"Các em chu đáo quá. Cô biết lấy gì đãi các em đây."* Ấu Lăng nhỏ nhẹ nói: *"Bao nhiêu năm giờ có dịp đến thăm cô, người cô mà chúng em mến mộ và thương yêu từ lâu. Còn Thầy nữa, rất tiếc là chúng em chưa được gặp lại từ ngày ấy. Chúng em chỉ biết Thầy đã mất."* Có người nhắc đến chồng mình, thầy Nguyễn Hữu Thứ, một thời làm hiệu trưởng trường Quốc Học, người vợ già xúc động nước mắt như muốn chảy ra.

Trước khi buổi tiệc tàn, có một người học trò cũ đề nghị cô giáo hát. Chị nói ngày xưa khi đến thăm cô ở Huế chị được nghe cô hát. Không ngờ cô giáo trẻ hát hay lắm. Cô giáo giờ tóc đã bạc phơ và giọng nói hơi run. Tôi tưởng cô sẽ lắc đầu từ chối. Không ngờ cô gật đầu đồng ý. Cô còn đảo mắt nhìn quanh mình một lượt lên từng khuôn mặt những người học trò cũ, và tôi, chỉ là một người bạn thân của em cô, Lữ Kiều và cô giáo Giáng Châu là chị em chú bác ruột. Trước khi hát cô còn nói: *"Cô đoán các em đoán bài hát này nghe ở đâu? Cô có*

thường nếu nói đúng.” Chúng tôi đều im lặng. Không khí trong phòng im phăng phắt. Mọi con mắt đổ dồn về người cô giáo già thân yêu, chờ đợi. Cô nhìn ra ngoài trời. Xa xăm. Đôi mắt cô mơ màng. Mọi cô mấp mấp. Tiếng hát cất lên như một tiếng lòng ai đang thổn thức.

*Chúng ta hôm nay hiệp vậy
Cùng nhau nắm tay
Nét thương yêu nhau tỏ bày
Giữ chặt mối dây...*

Điệu nhạc này tôi nghe rất quen, nhưng chưa nhận ra từ đâu. Mọi người im lặng. Một lát sau, Lữ Kiều lên tiếng: *“Titanic.”* Mọi người khác cùng thốt lên: *“Ô! đúng rồi, trong phim Titanic!”*

Cô gật đầu. Còn tôi, bỗng dưng mình muốn khóc. Tôi phải cắn chặt lấy môi để cơn xúc động lắng xuống. Trong tôi đang hiện lên khuôn mặt già nua, những nếp nhăn như tờ giấy bị vò nát của người diễn viên trong phim được phóng đại, và đôi mắt thì sáng lên, xa xăm nhìn vào khoảng không gian được lùi lại gần 70 năm về trước. Và bà ta kể lại về chuyến tàu Titanic bị chìm đắm trong đại dương, cùng cái chết thảm thương của người tình năm xưa. Rất xưa. Trong cảnh hỗn loạn, trong nỗi sợ hãi kinh hồn trước viễn ảnh tàu đắm một cái chết hãi hùng, thế mà ban nhạc trên tàu vẫn đứng cạnh nhau cùng hòa tấu bản nhạc với tất cả niềm say mê, âm nhạc như một lời từ biệt. Đúng, bản nhạc dân ca Do Thái này đã làm tôi tưởng đang ngồi trong rạp hát cạnh vợ mình. Tôi đã phải tìm bàn tay của vợ và run run nắm chặt như một núm kéo. Lúc ấy tôi cũng mơ hồ là mình đã từng nghe và từng hát theo ở đâu đó. Rất lâu. Thời xa xưa. Ở ngoài bãi biển. Trong khu rừng thưa. Tôi không nhớ nổi lời ca. Cũng như bây giờ cô giáo già đang hát, lời bài ca đó thì tôi chưa nhận ra là điệu nhạc từ phim Titanic. Lữ Kiều cho tôi biết ca từ dân ca Do Thái này do Linh Mục Nguyễn Huy Thích đặt lời Việt cho hướng đạo Việt Nam. Tôi mới giật mình nhận ra những ngày còn tuổi thanh niên tôi thường theo Ngự Hữu tham dự những buổi cắm trại của hướng đạo tỉnh. Dưới ánh lửa cháy rực rỡ, bập bùng, những vòng tay nắm chặt xung quanh mà hát vang cả một góc rừng. Tôi ngạc nhiên sao cô lại biết lời ca này. Hỏi ra mới biết chồng cô cũng

là một huynh trưởng hướng đạo ở Huế. Và ngày đó chắc cô cũng từng tham gia những buổi cắm trại như tôi.

Để đáp lại, chị Thanh Tùng, ngồi ở cuối bàn, bỗng đứng dậy bước lên ôm lấy cô giáo. Đôi mắt chị mở to, hình như tôi thấy có một lớp mờ nước mắt. Chị ôm lấy cô. Bỗng dưng chị cất tiếng hát. Một bài dành cho thiếu nhi. Chị nhịp đầu. Hai tay buông xuống rồi giơ lên cao, xoay tròn hai bàn tay cần cỗi. Chị múa hát như con chim non lú lo đang đòi chim mẹ dứt mỗi đòi ăn. Chị kéo theo chúng tôi cùng hát. Đâu ai biết ngày xưa chị dạy học ở trường trung học Cường Để. Nếu lịch sử không sang trang từ 1954 chúng tôi phải gọi chị là Quận Chúa rồi. Triều đại vua chúa chúa nhà Nguyễn đã sụp đổ. Chị vẫn còn mang họ Công Huyền Tôn Nữ Thanh Tùng. Chị Mộng Loan cho biết thưở còn đi dạy Cường Để chị khiêu vũ rất tuyệt vời, nhất là điệu Tango. Giờ chị tuổi đã già, tóc hót cao nhưng vẫn thấy lờm chờm trắng bạc. Đôi mắt chị to, sáng, nhưng có vẻ gì man dại. Suốt mười tiếng đồng hồ trên xe tôi không chú ý đến chị mãi đến giờ này. Tôi không biết gì đến hoàn cảnh gia đình chị ra sao, chỉ biết chị đang sống trong một viện dưỡng lão, và chị thường bị những cơn đau nhức của bệnh thấp khớp làm đôi chân ngày xưa lã lướt trên sàn nhảy giờ bước đi khập khễnh, nặng nề. Cũng như tôi, chị cũng thường bị cao áp huyết, mỗi ngày đều phải uống thuốc. Như mỗi ngày phải ăn, phải uống, phải thở. Riêng tôi mỗi buổi sáng phải ngồi trước bàn vì tính gõ vài trang chữ, như một thói quen. Quên mình đã vào bệnh viện mổ bỏ đi cả túi mật và cắt bớt một phần gan. Đâu còn to gan, lớn mật. Thoát chết một lần. Và bây giờ thì tôi chung sống với căn bệnh như chúng ta đang sống chung với những cơn bão lụt thường xảy đến hằng năm. Một mai tôi cũng sẽ đến cái cuối cùng của con người. Từ già cuộc đời. Không biết có được can đảm vui chơi với bạn bè, đi du lịch hoặc trở về thăm những nơi đã đầy ắp trong trí nhớ của tuổi thơ mù tít. Đứng trước cái chết không biết đến từ lúc nào, và những cơn đau đớn thân xác làm quẩn quai. Uống thuốc, chích thuốc, đắp thuốc làm dịu cơn đau. Ngủ thiếp đi. Thức dậy thì nghe nhạc, đọc sách. Xem như mình đang mang một căn bệnh nan y quái ác. Ung thư ở giai đoạn cuối. Như chị Âu Lăng.

Mới đây thôi, lần ra mắt đặc san Quốc Học tập hai của

nhóm thân hữu Quốc Học 60 được tổ chức tại nhà chị, theo yêu cầu của chị. Chúng tôi hết áy náy vì cả gần 50 người tụ họp sẽ ồn ào náo nhiệt mà người đang bệnh nặng đáng lẽ phải nằm tĩnh nghỉ lại phải đứng ngồi vui vẻ của một người chủ nhà tiếp đón bạn bè vui chơi. Sẵn dịp, chị tặng mọi người cuốn sách Hoa Tiên, mới xuất bản lại luận án của chị năm xưa, trước 1975. Chị đứng sát vách tường và say sưa nói chuyện văn chương, chữ nghĩa gần một tiếng đồng hồ. Chị đẩy lùi tôi về một thời gian xa xưa khác và một không gian khác. Thời còn học Quốc Học. Xứ Huế thơ mộng. Cô nữ sinh lớp đệ nhất, duyên dáng, giọng nói âm điệu lạ tai, đang thao thao bất tuyệt với bản thuyết trình của mình trước hàng trăm thính giả là cô thầy và các bạn cùng trường. Cô nữ sinh đó rất tự tin. Vui vẻ trả lời những câu hỏi thắc mắc của thính giả nhất là những anh chàng cùng lớp muốn bắt bí. Rất thông suốt. Tiếng vỗ tay, tiếng đập bàn nhẹ nhẹ như lời tán thưởng. Giờ này đứng trước chúng tôi không phải là cô nữ sinh đó, cô đã trở thành người đàn bà mang con bệnh quái ác phải đội trên đầu một cái mũ vải, nhưng vẫn tưởng thời gian đi thui lùi, như ngày còn trẻ. Chị cười mặc dầu không tươi tắn, cảm ơn một vài bạn bè và nhất là chồng con chị đã sốt sắng giúp đỡ cho luận án cao học này được in thành sách. Đáp lại, nhà văn Cung Tích Biền đã đến gần chị trao tặng cuốn truyện dày trang bìa cứng của anh. Cung Tích Biền nhắc lại một vài kỷ niệm thời còn học Quốc Học với chị Âu Lăng. Câu cuối cùng anh nói: *“Chỉ có văn chương chữ nghĩa mới làm chị Âu Lăng quên mất cơn đau. Như một thứ thuốc đặc trị tuyệt vời.”* Nhìn mọi người, chị riu riu nói: *“Như vậy chúng ta nên tiếp tục làm số Quốc Học tập 3 chứ?”* Mọi người gật đầu tán thành. Như để vui lòng chị. Nhớ đến Nguyễn Phan Thịnh những ngày nằm trên giường bệnh cũng không biết mình đang bị con bệnh ung thư, Lữ Kiều – người bác sĩ riêng ưu ái của anh - đành phải dấu anh, an ủi rằng chỉ đau bao tử, rồi bệnh cũng qua. Từ Thế Mộng cũng vậy, bệnh viện chê không dám nhận sau khi họ cho thân nhân của anh biết căn bệnh đã đến hồi kết thúc. Con gái anh năn nỉ tôi và Lê Ký Thương hối thúc nhà in hoàn tất tập thơ của anh trước khi anh còn lại với đời. Anh chờ đợi vẫn nghĩ rằng căn bệnh dạ dày rồi cũng êm, anh sẽ tổ chức buổi ra mắt tập thơ thứ ba của mình với anh em văn nghệ đã từng anh theo suốt “nàng thơ” đã gần nửa thế kỷ. Rất tiếc, tập thơ Từ Thế Mộng

chỉ mới ký tặng một vài bạn ở xa. Mấy ngày sau, còn lại cả mấy trăm tập đều nằm trên bàn thờ trước tấm ảnh của anh cùng khói hương nhan đèn với những tấm liễn tiếc thương chúc hương hồn anh an lạc nơi miền vĩnh hằng.

Tuổi già của chúng tôi đâu biết một ngày nào sẽ đến với những căn bệnh quái ác để đem mình qua bên kia cuộc đời. Sanh lão bệnh tử mà. Phải chấp nhận thôi. Can đảm chấp nhận phải không Bạn.

Ngôi dưới đáy giếng.

Sau buổi viếng thăm chị Giáng Châu, mấy người đàn bà trên xe cùng chị Âu Lăng đến ở khách sạn trong thành phố. Riêng tôi và Lữ Kiều gọi điện hẹn với Võ Tấn Khanh đến quán cà phê Ngọc Lan trên đường Gia Long cũ. Khanh là một trong những người của nhóm chủ trường tạp chí Ý Thức 40 năm trước còn sót lại ở tỉnh này, nơi phát xuất một tờ báo văn học quay ronéo từ năm 1969. Cả ba chúng tôi đều ngồi ở ngoài sân, một khuôn viên nhỏ nhắn, chung quanh là những vách tường và vài cây thân thẳng đuột vươn cao, bao quanh nó là những dây leo xanh. Quán vắng khách vì bây giờ đã hơn 9 giờ tối. Nhạc đủ nghe, văng vẳng những bản tình ca của Phạm Duy, Trịnh Công Sơn làm tôi nhớ đến quán Tao Nhân thuở ngày xưa. Ba chúng tôi, tình cờ ngược mắt nhìn lên, chợt nhận ra một khoảng trời bị giới hạn trong cái khung nhỏ hình vuông một mảnh trắng lưới liềm được gắn vào một góc phát ra ánh sáng mờ mờ, như một bức tranh vẽ. Bỗng dưng tôi có ý nghĩ là ba chúng đang ngồi dưới đáy giếng, như trong chuyện thần thoại vỗ cánh bay lên và quay quanh mặt thành giếng. Giật mình chợt nhớ tôi và Lữ Kiều vừa mới dạo quanh một vòng khu nhà xưa tôi đã sống. Cả một khu nhà ở giới hạn bởi bốn con đường rất ngắn: Gia Long – Trần Hưng Đạo – Nguyễn Thái Học – Phù Đồng, chỉ khoảng 30 căn nhà nhưng trong đó những người muôn năm cũ giờ ở đâu cùng bao nhiêu kỷ niệm một thời son trẻ mà tôi không bao giờ quên. Khởi đầu là chỗ ba chúng tôi đang ngồi uống cà phê. Quán Ngọc Lan thuở năm 1954 là ngôi nhà lâu duy nhất trong cái khu nhà đó. Thuở nhỏ, tôi ngỡ ngàng bước chân vào đây. Cũng khoảng sân nhỏ này,

một cái hồ tắm được xây cao một mét nằm chênh lênh đã khô cạn, trơ ra nền xi măng rong rêu bám đầy. Sau đó vài năm tôi theo chân người bạn học mới là Hồng Khắc Đào vào lại ngôi nhà này. Cái hồ tắm biến mất như một chứng tích của người Tây đã cuốn gói ra về cố hương. Gia đình ông Tỉnh trưởng đầu tiên của thời Đệ nhất Cộng Hòa ở đây. Sau bao nhiêu năm từ thời còn học lớp đệ thất trường Duy Tân tôi và Hồng Khắc Đào cùng đóng kịch cho nhà trường không có dịp gặp nhau nữa. Gần nửa thế kỷ, tình cờ xem tivi thấy tên diễn viên Hồng Khắc Đào. Anh đóng vai. Sau đó, một phim khác, anh làm đạo diễn. Tôi định tìm đến nhà thăm anh, chưa kịp thì anh đã chết..

Chỉ cách một căn nhà đầu ngõ tư quẹo qua đường Trần Hưng Đạo là nhà của Vô Thường, người nghệ sĩ đàn guitar bằng tay trái nổi tiếng khắp thế giới. Nhắc đến Vô Thường tôi xót xa vô vàng. Bao nhiêu năm từ 1975 chúng tôi chưa gặp mặt lại nhau. Khi tôi viết một truyện ngắn Hình Như Trời Đang Mưa có dáng dấp hình ảnh Vô Thường của thời thơ ấu cũng như thời trai trẻ tại thị xã này, Lữ Quỳnh tình cờ gặp Vô Thường ngồi uống cà phê một quán văn nghệ ở Mỹ anh đưa cái truyện ngắn đó cho Vô Thường đọc. Vô Thường xúc động vô cùng. *“Làm sao tôi quên được thằng “Minh Bui”. Cũng như hẳn làm sao không nhớ đến “Bảy Rìu” biệt danh của tôi chỉ có bạn bè thân thích thường gọi.”* Từ đó, Vô Thường và tôi liên lạc qua email.

Tình cờ tôi nhìn thấy chân dung Lê Tín Hương trên một tờ báo, người đàn bà chẳng những mang vẻ đẹp thuần túy Việt Nam mà còn là tác giả những bài thơ hay, những bản nhạc tình tuyệt vời. Tôi đánh email hỏi Vô Thường có biết không vì cô ta đang ở Mỹ với mong muốn Vô Thường tìm cách gởi cho tôi những album nhạc của Lê Tín Hương. Vô Thường tưởng tôi đùa dai. Anh trả lời tôi ngay. Đọc những giòng chữ xót xa tôi mới hay Lê Tín Hương là vợ của Vô Thường. Họ đã sống chung với gần bảy năm trời. Vô Thường tâm sự Lê Tín Hương là một người đàn bà tuyệt vời. Rất tiếc họ đã chia tay. Anh viết: *“Bảy năm chung sống với Lê Tín Hương là những tháng ngày hạnh phúc nhất của mình”*. Anh còn hẹn với tôi là sẽ về Việt Nam. Anh sẽ thuê một ngôi nhà ven biển vài tháng. Anh rủ tôi cùng ở chung. Một thằng viết văn. Một thằng sáng tác

nhạc. Một thằng đàn guitar bay bướm, lả lướt. Một thằng lắng tai nghe với tâm hồn bay bổng. Quên đi tuổi già. Sống lại tuổi thơ êm đẹp dù chỉ trong giây phút. Anh than van lúc này anh thường hay ho dữ dội, anh nghĩ đó là hậu quả của những đêm say lúy túy, những điều thuốc hút không rời tay. Anh mơ ước tuổi già được sống ở quê hương và được chết tại đó. Ước mơ đó không thành. Đợi lâu không thấy anh email cho tôi nên tôi email hỏi thăm sức khỏe anh. Tôi nhận được thư trả lời từ một cô gái tự xưng là em nuôi của Vô Thường báo tin anh đã chết cách đây tuần lễ. Anh không chịu nổi cơn đau hành hạ của ung thư giai đoạn cuối cùng. Anh chết trên giường bệnh trong một nhà thương ở Mỹ. Không biết giờ này hương hồn anh có bay về thăm chôn cũ, vào được căn phòng của anh. Ngôi nhà đó giờ đã thay đổi chủ, và xây cất lại. Chính tôi cũng không nhận ra được vết tích ngày xưa. Căn phòng anh sống là một căn gác nhỏ, cửa sổ mở ra thấy ngay cửa sổ bên hông căn phòng của tôi. Hai căn phòng đều có một khoảng cách ngắn. Ngôi nhà số 11 đường Nguyễn Thái Học. Tôi nhớ mãi, ngày xưa vào một buổi chiều mưa lâm râm Tuyên đến thăm tôi, có hẹn nhưng tôi lại quên mất không về nhà. Người con gái tuổi mới lớn, 17 tuổi, với mái tóc thề, với bờ vai mảnh, đứng bên khung cửa sổ, nhìn băng quơ một khoảng trời xanh, nhưng sao nước mắt lại chảy xuống bờ mi. Tiếng đàn của Vô Thường thời điểm đó chưa nổi tiếng và phổ biến, cũng đủ làm rung động người nghe. Tiếng đàn đó có phải đã làm Tuyên xúc động cảm nhận về một tan vỡ của một mối tình mới chớm. Hay những giọt nước mắt của người con gái đó Vô Thường tình cờ nhìn thấy đã làm anh cảm động mà nhập vào tiếng đàn làm âm thanh ấy trở nên buồn da diết lạ lùng. Em đến thăm anh một chiều mưa/Mưa dầm dề đường trơn ướt đường về.

Hơn nữa, tiếng đàn ghi ta hằng đêm của Bảy Rìu lạnh lạnh vọng sang như những âm thanh trầm buồn đưa ba tôi - một ông già nằm trên giường bệnh đợi chờ cái chết trong những cơn ho ra máu, căn bệnh lao phổi đã phá nát hai lá phổi - về những miền đất xa xôi cùng những kỷ niệm đẹp đẽ của một đời người đã qua, hay lang thang đến một miền đất khác nơi có mẹ tôi đang đợi ông bên kia thế giới này.

Bây giờ, tôi trở về đây, ngang qua ngôi nhà số 11, nơi

mang nhiều dấu ấn kỷ niệm của mình suốt cả một cuộc đời, cửa đã đóng kín mít. Cả con đường ngày xưa tỏa bóng mát từ những hàng cây me tây cổ thụ, giờ đã trống không, cây đã quá già và chết khô, người ta đã chặt đi mất rồi. Những căn nhà bên cạnh cũng đã đóng cửa. Đèn đường không sáng. Vắng vẻ bóng người. Đìu hiu. Lạnh lẽo. Ngôi nhà số 11 không có người ở, em tôi đã dùng nó làm nhà kho chứa sách. Cửa lúc nào cũng khóa kỹ.

Một thời vàng son đã qua. Nơi đây. Tao Nhân quán. 1967. Trịnh Công Sơn cùng Chu Sơn từ Đà Lạt xuống trình bày những bản nhạc trong ca khúc Da Vàng vừa mới xuất bản. Lúc này cả hai anh đều bỏ nghề gõ đầu trẻ sau mấy năm miệt mài trên ghế trường Sư Phạm Qui Nhơn. Và tôi, tôi cũng dự tính bỏ nghề để vào Sài Gòn làm báo. Khách đêm đó toàn những thanh niên trai tráng, họ là những giáo viên, giáo sư trung học, sĩ quan, công chức nhưng họ đều là bạn của chúng tôi và cùng yêu nhạc Trịnh Công Sơn. Đặc biệt chúng tôi không mời một người nữ nào cả, tình cờ khách không mời mà đến là cô gái mang tên Vân Phi. Một cô giáo đã bỏ nghề dạy học đi làm “nữ tặc”. Cô ta và đàn em chuyên phá phách ở các quán nước. Ngày xưa cô là bạn học của tôi. Hiền lành. Dễ thương. Cô có một giọng ca trầm trầm rất truyền cảm. Bao nhiêu năm gặp lại tôi ngỡ ngàng trước mặt mình không phải là khuôn mặt thánh thiện của một Phật Bà Quan Âm như một vai trong vở kịch mà Vân Phi đã đóng trong buổi lễ Phật Đản trong ngôi chùa Tịnh hội. Sau này tôi biết cô đau khổ đến loạn tâm thần vì người yêu vừa chết trận tại Pleime. Cô phản kháng cuộc chiến bằng những hành động điên cuồng, phá phách. Đêm đó cô dành một chiếc ghế ngồi đối diện với Trịnh Công Sơn đang ôm cây đàn ghi ta, mắt chàng mang kính cận, miệng đang hát: Một người già trong công viên / Một người điên trong thành phố.

Một mình Trịnh Công Sơn say sưa vừa đàn vừa hát một lượt mười mấy bài và khán giả im phăng phất, hòa mình vào lời ca, những lời kể tỉ tê về những cảnh tan thương của chiến tranh mang đến cho quê hương mình. Một cuộc chiến kéo dài hơn hai mươi năm. Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu / Một trăm năm nô lệ giặc Tây / Hai mươi năm nội chiến từng

ngày.... Khách ra về trong lòng vẫn mang một gánh nặng. Riêng Vân Phi ở lại đòi gặp riêng Trịnh Công Sơn. Anh bằng lòng. Vân Phi hát những bài tình ca của Trịnh Công Sơn và anh đánh đàn ghi ta đệm theo làm xao xuyến cả lòng tôi, và trong âm thanh buồn bã ấy đã ru tôi vào giấc ngủ. Nửa khuya thức dậy, bước xuống gác, lên quán, hình ảnh người con gái ngã đầu gác qua vai chàng nhạc sĩ, đôi mắt nàng nhắm nghiền, khuôn mặt trở nên hiền lành. Còn Trịnh Công Sơn ngã đầu dựa vào vách tường, qua cặp kính trắng cận hai mi đã khép kín, và môi chàng nhếch lên như nở một nụ cười. Nụ cười của một người vừa làm được một việc thánh thiện. Sau đêm đó Vân Phi đã bỏ thành phố này. Biệt tích.

Tưởng rằng đã quên. Ai ngờ, trong lần gặp nhau giữa tôi và Trịnh Công Sơn có thêm Lữ Quỳnh và Hoà sĩ Đỗ Quang Em tại ngôi nhà trên đường Phạm Ngọc Thạch Sài Gòn, sau bao nhiêu năm tháng đã qua, sau bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, Trịnh Công Sơn cho tôi biết có nhiều lần ngang qua thành phố nhỏ đó anh không tìm ra con đường ngày xưa có quán Tao Nhân. Và, giọng nói nhỏ lại, anh hỏi thăm cô gái mang tên Mây Trôi. Một chút ngạc nhiên, tôi mới nhận ra Vân Phi là tên cô bạn tôi, “Nữ tặc” là biệt danh dành cho mọi người trong cái thị xã nhỏ bé ấy, còn Mây Trôi đặc biệt cô phia ra dành riêng cho Trịnh Công Sơn. Tôi không biết giờ này cô ở đâu? Chắc gì còn sống. Như Trịnh Công Sơn. Tiếc rằng, sau ngày giỗ đầu tiên của anh tôi mới viết một truyện ngắn Mây Trôi thay cho một nén nhang thấp lên bàn thờ anh.

Quán Tao Nhân lập ra chỉ khoảng một năm thì dẹp tiệm, dành chỗ cho tôi lập một nhà in Ronéo Nguyễn. In cho khách hàng thì ít, lấy lệ, chủ yếu là in tạp chí Ý Thức vừa mới hình thành sau biến cố Mậu Thân, tờ báo khổ A4, dù toà soạn theo chân người viết như đã ghi nơi trang đầu. Cũng trên căn gác nhỏ chưa đầy 12 m2 mà đã đầy ắp tình anh em văn nghệ. Thuốc lá. Cà phê. Rượu Bia. Giấy. Mực. Khởi đầu tôi về dạy học tại thị xã này, tiếp theo là Trần Hữu Ngũ, Nguyễn Thanh Nguyễn Mậu Hưng mới ra trường mang lon trung úy Bác sĩ về bệnh viện tỉnh này. Đó là hai người bạn từ thời quốc học và trong nhóm Gió Mai ở Huế. Tiếp đến một người bạn thơ mới quen là Lê Ký Thương mặc áo lính về Tiểu khu Ninh Thuận và

anh nhà thơ mang tên Tôn Nữ Hoài My tức Võ Tấn Khanh.
Mấy anh em cùng nhau làm một tờ báo in roneo cực đẹp. Căn gác nhỏ này nơi thường xuyên từ xa ghé đến có Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Châu Văn Thuận, Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Lê Văn Ngán, Ngụy Ngữ, Thái Ngọc San, Thế Vũ, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Đăng Nhuận, Võ Hồng, Trần Nhứt Tân, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Phan Thịnh... Giờ có người đã chết, có người lưu lạc nơi xứ người xa xôi, có người còn ở Việt Nam. Bao nhiêu năm có người tôi vẫn gặp lại nhưng có kẻ đã bất tâm dù ở cùng thành phố với tôi.

Nhắc đến tờ Ý Thức thời in roneo dù chỉ có 6 số không thể nào tôi không nói đến người chủ biên tờ báo lúc ấy là Ngý Hữu. Nhớ đến người bạn ấy lòng tôi vẫn ray rức và tiếc nuối. Tôi nói với Lữ Kiều: “Ngày mai, hai đứa mình phải đến thăm mộ hắn”.

Người tiền nhiệm.

Đã mười hai năm rồi, làm sao tôi và Lữ Kiều nhớ ra ngôi mộ nào của Ngý Hữu Trần Hữu Ngữ tận trên núi Chà Bang cách thành phố này cả 20 cây số. Cách tốt nhất hai đứa tôi đến nhà rú chị Nữ, vợ Trần Hữu Ngữ cùng đi. Đến nhà mới hay chị đang ngồi thiền ở thiền viện mới lập ở núi đá chồng, đường ra biển.

Đứng trên cao ngôi chùa, nhìn xuống thấy toàn cảnh, nào biển cả, nào đầm Tri Thủy. Tôi chỉ cho Lữ Kiều thấy hòn Đá Dao đã ngã và hòn Mặt Quỷ vẫn còn đứng sừng sững giữa trời. Gió thổi từ xa lồng lộng. Hai chúng tôi bước xuống men theo sườn đồi mới đến nhà tọa thiền mới xây, bề thế, trang nghiêm. Nữ đang mặc chiếc áo lam cùng bao nhiêu người nữ khác đang ngồi thiền trước tượng đài Đức Phật.

Đường đến nghĩa trang ở núi Chà Bang qua con đường nhựa của quốc lộ 1 bằng phẳng, êm ái, phải rẽ vào con đường đất cát, gồ ghề, cong cong queo queo. Người ngồi trên xe phải lắc lư. Người mệt nhất vẫn là chị Âu Lăng, chị vẫn đòi theo chúng tôi lên thăm mộ bạn của bạn mình.

Nhớ lần đầu, cách đây hơn mười năm tôi và Lữ Kiều đến thăm mộ, dưới chân đồi còn có những con trâu đang gặm cỏ và hoa mua màu tím nở đầy. Lữ Kiều ghi nhận lại qua bức tranh sơn dầu “Hoa Mua” mà mãi đến giờ anh vẫn treo trong phòng làm việc, như để nhớ về một người bạn thân nhất đời mình. Viếng mộ Trần Hữu Ngũ lần này có thêm Trần Công Lộc, một người bạn của chúng tôi thời Quốc Học, vào dạy học tại đây rồi lấy vợ sinh con và mãi mãi xem đây là quê hương cuối cùng của đời mình. Đất lành chim đậu.

Đứng trước ngôi mộ có tấm bia khắc tên Trần Hữu Ngũ sinh năm 1939 chết năm 1998 tại Phan Rang, Ninh Thuận, quê quán Thừa Thiên. Ngôi mộ của Ngự Hữu ở lưng chừng đồi, giữa núi có tượng một nhà sư đã hủ. Tôi cúi đầu, thấp một nén nhang cho người bạn thân thiết, với nỗi nghẹn ngào, không nói nên lời. Buồn cho anh, những ước vọng làm một tờ báo văn học không thành. Buồn cho anh khi trở về làm nhà văn rồi bỏ con đường kinh doanh thì đã muộn. Căn bệnh nhồi máu cơ tim cướp đi sinh mạng của anh. Một đêm ngủ như bình thường, nhưng sáng dậy vợ con anh đã thấy anh lặn xuống đất nằm chết, không kịp một lời trần trối. Có lẽ anh đã thoát lên từ đáy lòng với tôi trong một buổi chiều cách đó chưa đầy một tháng khi hai đứa chúng tôi ngồi ở một quán ăn trước bãi biển Ninh Chữ. Khác với những lần gặp nhau, khi tôi từ Sài Gòn về Phan Rang, hoặc anh vào Sài Gòn, tôi rất bức mình khi anh cứ bô bô nói những chuyện đầu đầu toàn khoe khoang về những thành công trong công việc làm ăn của anh. Nhìn những con sóng vỗ bạc đầu, nhìn trời mây mênh mông. Anh bảo: *“Tao quá mệt. Tao muốn trở về với văn chương nghệ thuật. Tao mới bắt đầu viết lại.”* Tôi cảm chặt lấy tay Trần Hữu Ngũ như một lời khích lệ. Tôi vui thật sự. Chắt keo dính chặt hai đứa tôi bấy lâu nay từ ngày anh ham mê làm giàu mà từ bỏ viết văn làm thơ đã bị từ từ rã ra. Giờ mới dính lại. Hai chúng tôi đến với nhau, thân nhau từ khi còn ở Quốc học, cùng một nhóm viết văn làm thơ mang tên Gió Mai, tờ báo viết tay ra hằng tháng. Khởi đầu nhóm chủ trương có bốn cậu học trò lớp đệ ngũ trường Nguyễn Tri Phương là Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Hoài Linh và Thùy Linh. Bút hiệu của Lữ Kiều và Lữ Quỳnh vẫn giữ mãi đến hôm nay. Riêng Hoài Linh gát bút rất sớm trước khi tôi nhập nhóm, anh đã theo nghiệp binh đao. Thùy Linh thay thế bằng Ngự Hữu rồi

đến tên thật Trần Hữu Ngũ.

Sau khi anh chết vợ con anh mới xuất bản cuốn Thị Trần Khô như hoàn thành một ước nguyện của anh. Rất tiếc là sách in quá cầu thả. Nếu anh còn sống thấy tác phẩm của mình không được in trang trọng như thế anh sẽ không bằng lòng.

Trước ngôi mộ anh, tôi tự nguyện với lòng mình, trước sau tôi vẫn một lòng với văn chương. Chính niềm say mê này ngày xưa tôi đã đánh mất một người yêu. Một đánh đổi, mất mát quá lớn đối với tôi. Tôi phải sống bằng văn chương chữ nghĩa như tôi phải ăn, phải uống, phải thở hằng ngày. Nếu một ngày tôi không còn cầm bút nữa thì tôi không còn là Nguyên Minh. Như một lời tâm sự tôi thủ thi với hương hồn anh. Trần Hữu Ngũ.

Tôi gọi Ngự Hữu là “người tiền nhiệm” của tôi. Vì, tạp chí Ý Thức đã trải qua ba giai đoạn. Thời còn in roneo, Ngự Hữu là chủ biên. Tôi chỉ chăm lo việc in ấn. Vào Sài Gòn tạp chí Ý Thức chính thức trình làng, mượn tên một Dược Sĩ mới ra trường là cô bạn gái Nguyễn Thị Yến xin giấy phép (pháp luật thời ấy qui định Chủ nhiệm báo phải có bằng Đại học) Thời Ngự Hữu làm Ý Thức Roneo chỉ phổ biến giới hạn trong anh em bạn bè mà thôi.

Khi anh còn mang bút hiệu Thùy Linh, một bài thơ của anh lúc còn rất trẻ đã làm chúng tôi cảm xúc và truyền tay nhau ở trường Sư Phạm Qui Nhơn. Một người bạn thân của tôi và của Vô Thường đã phổ thành nhạc. Tiếc rằng bản nhạc đã thất lạc, mất tiêu như đi theo cái chết bằng cách bắn một viên đạn vào đầu mình. Bài thơ này tôi vẫn còn nhớ. Tựa đề bằng tên một người con gái. Nga.

Bây giờ tháng mấy rồi Nga nhỉ/Mà sao phương đò đầy sân/Bây giờ tháng mấy rồi Nga nhỉ/ Mà sao tâm hồn quá băng khuâng....Chúng mình sẽ không nói gì cả/ Khi Nga đứng nhìn mây trắng bay/ Khi Nga tựa mình bên song cửa/ Lăn đêm chân song bằng ngón tay...

Nhẹ nhàng. Êm ái. Lãng mạn. Như bút hiệu Thùy Linh.

Anh thành Ngự Hữu với những truyện ngắn, Vòng qua chân đồi, Nỗi buồn của H'Bru, Trên những chữ thù, phản kháng cuộc chiến, nói lên những đau khổ, mất mát mà thế hệ chúng tôi phải gánh chịu. Những bài nhận định về văn học của anh mang tên thật Trần Hữu Ngũ xuất hiện trên báo Ý Thức bấy giờ cũng đã làm anh em chiêm nghiệm.

Thời còn làm báo Ý Thức in ronéo, tôi với anh như một cặp bài trùng. Anh liên lạc hầu hết anh em ở xa, gửi bài về, địa chỉ tên trường anh dạy học. Lê Ký Thương kẻ chữ trình bày bìa. Chị Hồ Thị Kim Phương, một người bạn gái của tôi, cặm cùi đếm từng chữ để đánh máy thẳng hàng ngang trên tờ giấy sếp. Tôi lo kỹ thuật in ấn, đánh tan ý nghĩ sách báo chỉ in đẹp bằng những máy in hiện đại Typo hoặc Offset. Cũng phải thôi vì bấy giờ các tạp san in ronéo đều lem nhem chữ rõ chữ không, chữ được chữ mất, đọc mỗi cả mắt. Những năm 1969 tại ngôi nhà 11 này đã in ra tập truyện Nỗi Bơ vơ của bà y ngựa hoang của Trần Hoài Thư. Rất tiếc cả tôi và chính tác giả bấy giờ cũng không còn giữ. Trần Hoài Thư vẫn thường vào những thư viện ở Mỹ để lục lại các tạp chí hoặc tác phẩm văn học ngày xưa đều có được, riêng tập truyện này thì bất tàm.

Có một thứ tình như thế

Sau khi ra thăm mộ Trần Hữu Ngũ, chúng tôi trở về ở khách sạn Hoàn Cầu sát bờ biển Ninh Chữ, trong những ngôi nhà nhỏ ẩm cúng. Tôi và Lữ Kiều ở chung. Tắm biển xong. Bì bõm đùa giỡn với những con sóng bạc đầu. Chạy nhón chân lên trên cát trắng mịn màng. Hít thở những luồng gió mát từ ngoài khơi thổi vào. Bao nhiêu nỗi ê chề của đời sống thường nhật tan biến mất. Chỉ có biển. Chỉ có mây trời.

Buổi tối, tôi và Lữ Kiều ngồi uống cà phê tại phòng ngủ, bên cạnh khung cửa sổ lớn áp kính, bên ngoài chỉ thấy mấy ngọn dừa lắc lư, mấy cành dương liễu phát phới. Trời sáng lờ lờ ánh trắng. Tự dưng tôi nhớ đến một câu thơ của Trần Dạ Từ đã chuyển thành bài hát. Tôi cất giọng, nhỏ nhẹ như một lời thầm thì: *Người đi qua đời tôi có nhớ gì không người*. Rồi, tôi lắc đầu. Sao lại đi qua. Với tôi người đi vào đời tôi và mãi mãi vẫn ở tận đáy lòng mình. Người có nhớ gì không? Riêng tôi cứ

tưởng như đã quên. Nhưng mỗi lần có ai nhắc đến tên người ấy là mình giật thót mình và ngẩn ngơ rồi thẳng thốt. Bao nhiêu kỷ niệm một thời đã qua có dịp trời lên, làm tê điếng cả con tim. Chị Mộng Loan nhắc đến và cho biết vợ chồng chị có đến thăm Tuyên ở Mỹ trước khi chị đọc tập truyện Tướng Chùng Đã Quên. Tôi không dám hỏi sao vợ chồng chị lại quen biết Tuyên. Chị khen Tuyên vẫn ở vậy sau khi chồng chồng ở trại cải tạo. Một thiếu phụ chỉ mới 26 tuổi với đàn con bốn đứa nheo nhóc chị phải chèo chống, lam lũ buôn bán làm ăn. Khi qua Mỹ trong diện HO vì có chồng chết tại trại cải tạo, thì đã ở tuổi ngoài 40 Tuyên vẫn đi chăm sóc vườn hoa cho một công viên. Bao nhiêu khổ cực rồi cũng qua. Đến khi các con khôn lớn đã thành lập gia đình và ở riêng, Tuyên vẫn thui thủi một mình. Cứ mỗi lần tôi nhận email của bạn bè từ Mỹ cho hay Tuyên bị té gãy chân phải băng bột hay vừa qua một cơn cảm cúm nặng là tôi xót xa, bồn chồn, lo lắng. Cái mặc cảm phụ tình cứ bám chặt tôi. Dù gian thời có qua đi. Mãi đến cuối đời tôi vẫn không đưa em về tận nhà. Tôi đã viết như một niềm tâm sự đó qua truyện “Loanh quanh lòng phố cũ.” Như một tạ lỗi. Tôi phụ em rồi. Từ lâu.

Thuở ấy, tình yêu đã làm tôi nếm đủ mùi vị. Đắng cay. Ngọt bùi. Đau khổ. Hạnh phúc. Giận hờn. Tha thứ. Hẹn hò. Thất hứa. Thất tình, chưa uống hết một cốc rượu nhỏ mà đã say túy lúy. Những đêm lang thang ngoài phố nửa đêm ôm trụ điện khóc ròng như trẻ con đánh mất đồ chơi. Những sáng thức dậy vẫn còn ngái ngủ lơ mơ những cơn mộng vàng. Những lần đợi chờ em đến với tôi, khoảng thời gian đó cũng đủ làm tôi bồn chồn lo lắng. Ngược lại tôi cũng vì những say mê trong việc làm báo. Tờ Ý Thức. Quên đi giờ hẹn. Quên cả người yêu mình tóc dài hay tóc ngắn. Áo nàng vàng hay áo nàng xanh. Dưới cơn mưa vội vàng của Sài Gòn, dưới ánh đèn mờ, bỏ quên cả người yêu ở một góc đường nào đó, chỉ kịp ôm chồng báo đến họp mặt với anh em. Lữ Kiều phải thay tôi, chật vật lắm mới tìm ra và chở đến nơi. Khi biết sự tình này, các chị em tôi đổ lên đầu tôi những trách móc, khuyên tôi ngày mai mang quà đến tặng người yêu như một lời xin lỗi. Rồi hết lần này đến lần khác bao giờ tôi cũng lỗi hẹn. Tôi tự hứa rồi thất hứa. Cuối cùng em đi lấy chồng không một lời từ biệt. Tôi ray rức, sau đó.

Cho nên tôi trút tất cả những gì ân hận vào trong những truyện ngắn của tôi viết trước năm 1975 và sau này qua một nhân vật nữ mang chữ T.

Lữ Kiều hỏi tôi còn nhân vật nữ mang tên Hà thì sao? Tôi nhớ cách đây gần 40 năm tôi có viết một tự truyện Vùng Đất Cẩm, nhưng chỉ được một ít, bây giờ đã thất lạc. Một nhân vật nữ đã chi phối cuộc đời tôi. Cùng một thứ tình mà tôi không biết phải gọi bằng gì? Tình yêu thì phải có hôn ghen, ham muốn, đau khổ. Còn giữa tôi và Hà luôn luôn cảm thấy mình vẫn là những đứa bé con như những ngày quen biết nhau. Ngày ấy Hà theo gia đình từ Bắc di cư vào Nam. Nhà ở cạnh nhà tôi. Nhà tôi số 11. Nhà Hà số 7. Chúng tôi hai đứa bạn tuổi xấp xỉ ngang nhau. Cùng vui đùa. Cùng ca hát. Cùng đóng kịch chung với nhau. Tôi đã viết về tuổi thơ ấy qua truyện dài “Đám Tang đa đa.” Lớn lên chúng tôi cùng chia xẻ với nhau an ủi nhau, động viên nhau những khổ đau từ cuộc đời mang lại nỗi bất hạnh cho mỗi đứa. Nếu ai đó nhìn vào cũng tưởng chúng tôi là đôi tình nhân. Ngồi trong nhà hàng, trước mặt mỗi người là ly rượu chát. Tôi, ly không đá. Hà, ly có thêm một ít đường và thêm cục nước đá nhỏ. Mặt Hà ửng đỏ như đánh thêm phấn hồng. Ngồi trong rạp chiếu bóng thường trực, một ghế hai người, vẫn không nghĩ mình mang thân thể người lớn, cứ ngỡ như hai đứa trẻ con ngày nào ngậm những cây cà rem còn dính sôcôla nơi mép miệng. Hai đứa nhìn nhau đều cười. Nụ cười hồn nhiên của tuổi thơ.

Khi tôi và Tuyên yêu nhau nơi ngôi nhà 11 thì Hà đã theo gia đình vào sống ở Sài Gòn. Tôi thường vào Sài Gòn thăm Hà. Những đêm không ngủ, tôi tâm sự với Hà. Những lời Hà dặn dò, nhắc nhở tôi phải đối với Tuyên. Hà chỉ biết Tuyên qua tấm ảnh Tuyên tặng tôi. Hà bảo: *“Cô gái này có đôi mắt to nhưng buồn quá. Ông liệu hồn đừng làm người ta đau khổ nhé!”* Tôi nuốt nước miếng như vừa mắc nghẹn. Câu nói đó của Hà nhắc đến câu nói tôi đã từng nhắc Tân: *“Tao chỉ có một cô bạn gái thân thiết nhất, mà đừng làm Hà đau khổ đấy nghe!”* Tôi thành nhip cầu cho hai người, một thằng bạn thân, một cô bạn láng giềng. Tôi thành người hòa giải những giận hờn vô cớ của họ. Tôi vun đắp hạnh phúc cho họ như cho

chính mình. Tôi đau khổ vì cái chết bất ngờ của Tân, kết liễu đời mình bằng một viên đạn, đã làm Hà chết điếng cả hồn. Tôi giận Tân vô cùng. Tôi đã viết “Kẻ lạ mặt” như một lời giải thích về cái chết bí ẩn đó của Tân, như một lời an ủi Hà chăng, khi mà chúng tôi đã già gần lìa xa cuộc đời này rồi. Ngày ấy, tôi phải động viên và khuyên Hà lập gia đình. Mong rằng theo năm tháng và bận rộn chuyện chồng con Hà sẽ quên hẳn đi một mối tình vừa nên thơ của tuổi học trò vừa quá buồn của một kết thúc bi thảm.



Hà cứ khuyên tôi phải thật lòng với Tuyên. Tôi tâm sự có khoảng cách trong cuộc tình chúng tôi là sự ngăn cấm của gia đình Tuyên, Hà bảo rồi ba mẹ Tuyên cũng bằng lòng nếu chúng tôi quyết tâm. Biết hè nghỉ học Tuyên về quê, ảnh hưởng của gia đình rất mạnh buộc Tuyên phải chuyển trường về một thị xã khác nếu Tuyên vẫn còn tiếp tục mối tình với tôi. Hà dẫn tôi vào thương xá Tax để mua quà tặng Tuyên khi gặp lại Tuyên ở mùa nhập học tới. Dừng lại những gian hàng bán nữ trang, Hà ngắm nghía và hỏi ý tôi. Bà bán hàng cứ tưởng chúng tôi là đôi tình nhân mua quà tặng nhau. Bà ta nói cô mang sợi giây chuyền bạch kim này sang trọng và đẹp nhất trong ngày cưới đó. Cả tôi và Hà đều cười, không cái chính. Bao nhiêu năm qua, đến bây giờ Tuyên cũng chẳng biết đó là món quà Hà mua cho tôi để tặng người yêu. Chuyện không thành, Hà nói: “Âu cũng là định mệnh.”

Bây giờ chúng tôi đã già, thành ông nội ngoại cả rồi,

nhưng khi nghĩ về Tuyên tôi vẫn xót xa, đau khổ, ân hận. Nghĩ về Hà như mình đang nằm trên bãi biển hưởng những cơn gió mát, rì rào nghe sóng vỗ, trở về thời thơ ấu. Hồn nhiên. Trong sáng. Nhớ về Hà, bao nhiêu phiền muộn đến từ cuộc sống bầm dập đều tan biến mất.

Đó có phải là Vùng Đất Cấm mà tôi chưa viết xong. Để trả lời: Có một thứ tình như thế./.

Phạm văn Nhàn
Có công mài sắt, ắt ngày nên kim
(viết về một người bạn)

Mãi cho đến hôm nay, hơn mười năm đã qua, tôi mới dám dùng câu tục ngữ này để nói về anh. Quả thật, *có công mài sắt ắt ngày nên kim*. Khi mà, những ngày cuối của tháng 11 năm 2010 tôi nhận được tập thơ XA XỨ của anh gửi tặng. Chưa đọc vội bên trong anh viết những gì, mà ngắm nghía cái thành quả 10 năm anh đã miệt mài từ dưới basement của ngôi nhà nhỏ anh chị ở tiểu bang New Jersey, miền Đông Hoa Kỳ trước đây. Tập thơ XA XỨ với khổ in 6.5"x7.7/8" rất mỏng, khoảng 82 trang. Bìa trắng láng (laminate)- một kỹ thuật mới của Thư Ấn Quán.

Ngắm nghía tập thơ và nghĩ: quái cái anh chàng này, trong nghề in ấn, anh đã thành công??? Dù chưa một lần anh làm trước đó 10 năm! Ai cũng biết dù làm một nghề gì cũng phải trải qua thời gian học việc, hay ít ra cũng phải có người hướng dẫn, dù là một công việc đơn giản cách mấy. Còn anh thì sao? Tôi nhớ lại cái thời mà anh bạn Nguyên Minh còn ở trên căn gác nhà số 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang làm tờ báo Ý Thức. Lúc đó, Nguyên Minh còn nghèo, chưa có máy móc in hiện đại để NM trở tài in ấn. Vào khoảng năm 1969-70 tôi và anh có đến thăm Nguyên Minh, cơ sở in và làm tạp chí Ý

Thức. Lúc đó anh (chứ không phải tôi) đã thăm tán phục anh bạn Nguyên Minh ngồi trải mực trên bàn in để in những trang giấy stencil trên máy in ronéo ; vì thời buổi đó làm gì có máy in và computer cá nhân như ngày này. Thế mà, tạp chí ý Thức phát hành rất đẹp. Chẳng khác nào in tại nhà in chuyên nghiệp. Anh thích thú cái nghề in này là phải. Còn tôi thì dừng dừng!

Bằng đi một thời gian dài vì chiến cuộc, tôi không gặp anh kể từ năm 1971. Khi gặp lại anh bên Mỹ, hai đứa gặp nhau mừng quá đỗi. Ý định thành lập một tạp chí chuyên về văn học cùng với vài anh chị em . Nhưng, cái khó là tiền đâu để mỗi tháng gọi đi in ở các nhà in. Nguồn tài chánh không có, làm sao hoàn thành được ý nguyện. Thế mà anh đã làm được.

Những công đoạn anh làm như một người lính thám kích ngày nào lặn mò trong đêm tối để làm sao bám sát mục tiêu. Từ những vật dụng nào đó trong gia đình anh có thể sử dụng được anh đều dùng đến. Mầy mò, thử nghiệm từ ngày này qua ngày nọ dưới cái basement chật chội. Sự im ắng trong không gian cộng với sự ham muốn để làm sao in được một tác phẩm. Và, sự mầy mò đó của anh đã dẫn đến sự thành công hôm nay. Làm được lúc đầu, anh gọi cho tôi hay để mừng. Có lẽ tác phẩm đầu tiên anh in ẩn là tập truyện của tôi. Tập Vùng Đồi vào năm 2000. In trên giấy tốt. Dù còn nhiều vấp vấp trong kỹ thuật in và layout . Nhưng đây là một thành công của một người bạn gắn bó rất nhiều trong nền văn học khi còn trong nước cũng như ra ngoài nước. Không những là những sáng tác của riêng anh mà còn in và phát hành những áng văn thơ của một Miền Nam thời chiến tranh. Cũng như in lại những tác phẩm của bạn bè, của những nhà thơ, nhà văn miền Nam đã bị thất lạc. Nhất là những tập văn thơ dày cộm, anh đã khâu chỉ, làm bìa cứng, để khỏi bị sút những trang giấy ở gáy sách.

Từ năm 2000 với tập truyện của tôi do anh layout và in như tôi nói ở trên là : vẫn còn nhiều lỗi kỹ thuật về in ẩn. Nhưng hôm nay, năm 2010, với tập thơ XA XỨ, bìa trắng láng, tôi dám nói rằng kỹ thuật in của anh đã đạt đến hai chữ “chuyên nghiệp”; mặc dù lúc nào anh cũng tự cho mình là làm “thủ công”. Mà nghĩ cũng đúng, “thủ công” chứ nơi in ẩn của anh cũng chỉ là một căn basement nhỏ hẹp, chẳng có máy móc in ẩn đồ sộ như

những nhà in hiện đại hôm nay. Thủ công, với cái nghề in bằng tay trái của anh, cũng đã làm nhiều bạn bè “ngưỡng mộ” trong đó phải nói đến người bạn chúng tôi cũng đã từng là một “chuyên viên trong nghề in” trước và sau 1975 còn trong nước. Đó là anh bạn nhà văn Nguyên Minh. Và, sau nữa là nhà thơ Đỗ Nghê cũng đã nói với tôi: Thư Ấn Quán in những đầu sách đẹp quá. Sự khen ngợi của những bạn bè về anh, đã làm cho tôi vui lây. Và, hãnh diện với cái nghề in “tự phát” của anh hôm nay vậy. Cho nên, câu tục ngữ: *có công mài sắt, ắt ngày nên kim* để nói lên một công việc mà anh đã từng đeo đuổi, tự học, tự mày mò để có cái kết quả đáng khâm phục ngày hôm nay, chắc cũng không sai.

Tôi nghĩ, bạn đọc và bạn bè đọc bài viết này cũng đã biết anh là ai?

GIỚI THIỆU NHÀ THƠ LÂM HẢO DỪNG



Ảnh chụp năm 1971 tại căn cứ 42 (La Lou) – Pleiku

Từ trái qua phải : Một người bạn của nhà thơ Nguyễn Bạch Dương-
Lâm Hảo Dũng (thứ hai)- Nguyễn Bạch Dương (đã chết sau 1975) –
Mẹ NBD (phía sau) - Một người bạn gái trong Gia Đình Phật Tử của
NBD- Nhà thơ Nguyễn Phương Loan (từ trận)

Nhà thơ Lâm Hảo Dũng sinh năm 1945 tại Sóc Trăng. Cựu học
sinh trường Hoàng Diệu. Giáo chức. Cựu sĩ quan QLVNCH
(Khóa 27 Thủ Đức) . Hội viên Hội Văn Nghệ Sĩ Quân đội.
Hiện định cư tại Canada.

Tác phẩm đã xuất bản:

Ngày đi thương sởi khói bên nhà (thơ, 1985)

Đi giữa thời tan nát (thơ, 1989)

Tóc em dài em cài bông lý (thơ)

*Nguồn: Tác giả Việt Nam, Lê Bảo Hoàng sưu tập. Songvan Magazine
xuất bản 1985*

NHIỀU NGƯỜI VIẾT ĐỌC THƠ LÂM HẢO DŨNG

Ngày đi thương sởi khói bên nhà Người đọc: Hà Thúc Sinh

Trải một thời thiếu niên êm đềm và thơ mộng nơi quê nhà miền Tây đầy những bản những mạn, những rau những cỏ, những cá những tôm, những đầm lầy xanh và sông phù sa đỏ, những mây những khói những tình thân; cho đến khi trưởng thành, lao vào đời như một pháo thủ, cầm quân ngang dọc một thời, cứu Bồng Sơn, Tam Quan, dí giặc sang Hạ Lào, lòng diệt sâu Chùa Tháp ; thơ của Dũng nhờ đó đã thoát ra khỏi cái hàng ngũ của những người làm thơ cận kim và hiện đại Việt Nam, đó là những thi sĩ của thuốc phiện, của gái, của rượu, của cái tôi cao ngạo mà không thực chút nào. Một cách khác, gọi Dũng là thi sĩ chưa đủ, phải gọi Dũng là người thi sĩ lính, vì qua thơ anh, người ta thấy anh đã có mặt trong hàng ngũ những người thi sĩ lính hiếm quý nhất Việt Nam từ trước đến nay, hàng ngũ của Quang Dũng:

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Hun hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*

của Nguyễn Bắc Sơn:

*Một ngày chủ nhật phơi giầy trần
Ta bỗng tìm ra một vết thương
Vết thương bằng bạc như mây khói
Ngưng đọng nhà ai ở cuối đường*

và của chính Lâm Hảo Dũng:

*Đêm qua không ngủ ta cầm súng
Muốn bắn vang trời Đông đến Tây
Muốn thấy cờ bay trên cổ tháp
Muốn ai còn ngủ dậy đi ngay*

Hơn hai mươi năm làm thơ, mãi đến khi đầu bạc đã sống lưu lạc xứ người, Dũng mới để anh em in tập đầu tay cho anh. Thơ như thế hẳn phải đậm đà như rượu chôn nhiều năm dưới đất. Nó sẽ là nỗi nhớ thương cho những tâm hồn chóng quên, là hình bóng quê hương cho những kẻ lưu đầy, là nghiêm lệnh quay về cho những kẻ chỉ thích hân hoan bỏ chạy.

Một nhà văn nào đó, hình như là Hồ Trường An, đã viết ở một nơi nào đó, về thơ Dũng, đại ý rằng: Đọc thơ Dũng sướng đến rụng rời, nhưng khổ thay cứ đọc thơ Dũng rồi là không còn muốn làm thơ nữa.

Hình như cũng có lần tôi thăm than như Hồ quân, nhưng chiều nay ngồi đọc lại toàn thi tập của Dũng, người bạn của gần một phần tư thế kỷ, tôi đã hiểu tại sao. Thơ Dũng quả là miếng ngon mà tôi là kẻ đói. và để được làm một kẻ đói khôn ngoan, miếng ngon có tên là Ngày đi thương sơi khói bên nhà phải được ăn thật trang trọng, từ từ, từ từ...

Hà Thúc Sinh- San Jose 18-4-85

Lâm Hảo Dũng và Ngày Đi Thương Sơi Khói Bên Nhà Người viết: Nguyễn Mạnh Trinh

Đối với người làm thơ , nhu cầu làm mới ngôn ngữ bao giờ cũng thôi thúc mãnh liệt và được sự chú ý. Thi sĩ phải sáng tạo được sắc thái riêng biệt mà độc giả sẽ nhận được ngay sau khi

đọc xong bài thơ. Có hai khuynh hướng phức tạp hóa và đơn giản hóa ngôn ngữ mà ta thấy ở dòng thơ Việt Nam. Có một số nhà thơ đã cố gắng làm mới với ý tưởng được diễn tả bằng hình ảnh và ngôn ngữ rất lạ, quá mới để trở thành phức tạp, cầu kỳ. Từ những hình ảnh tượng hình gió trắng sông núi ở thơ cổ và thơ tiền chiến, từ những hình ảnh tầm thường trong đời sống bờ sông, bến xe, cột đèn... Mà những nhà thơ hôm nay xử dụng trong thời kỳ thơ hậu chiến, nhà thơ hải ngoại đã cố gắng dùng những hình ảnh khác tầm thường hơn, gần gũi hơn trong đời sống hàng ngày để chuyên chở những điều muốn nói trong thơ. Sự cố gắng phức tạp hóa những điều đơn giản, nhiều khi quá độ khiến thơ trở thành những sấm truyền, bí ngữ khó hiểu. Còn khuynh hướng thứ hai đơn giản hóa ngôn ngữ dùng chữ bình thường, tôn trọng những luật lệ về vần luật, mục đích tạo sự trong sáng và dễ hiểu để nâng cao tính chất truyền cảm. Tôi nghĩ Lâm Hảo Dững với những bài thơ trong Ngày Đi Thương Sợi Khỏi Bên Nhà ở trong khuynh hướng thứ hai.

Thơ lục bát xưa tới nay đã có âm hưởng ca dao. Những câu nói có vần điệu với hình ảnh đơn sơ đã đi nhanh hơn trong đà diễn đạt. Độc giả nhận thấy ngay vì nó gần gũi bên đời sống, những Tam Quan, Bà Gi với mè xừng, ngọn dừa, thánh giá, ma Hời Tháp Chiêm đã hiển hiện và không có một tấm màn nào ngăn cách để nhận thức được nỗi buồn của một chuyến rời xa:

Hỏi tôi ngày ở Tam Quan

Có ăn mè xừng em làm hay chưa?

Súng ai bắn nát ngọn dừa

Thương cây thánh giá nhà thờ gãy đôi

Em dệt chiếu dưới đôi mành

Mà buồn cháy đỏ hai mươi năm rồi

Về Bà Gi chỉ mình tôi

Bỗng yêu chết được ma Hời Tháp Chiêm...

Ba mươi bài thơ với hai phần rõ nét: Đời lính và một mai về lại, đã là mộng tưởng của người lính sinh trưởng miền Nam nhưng long đong xuôi ngược ở Cao Nguyên. Trong không khí lúc nào cũng muốn lui về quá khứ, ở Tam Biên với núi rừng buồn thương nhưng lại nghỉ và hướng về vùng Châu Thổ với hoa vàng điên điên, gốc ôi trâm bầu, mây dây bình bát, vài đám ô rô... Tình cảm trong thơ Lâm Hảo Dững là tình cảm của người yêu quê hương, thương nhớ xứ sở còn luyến ái nam nữ bình thường chỉ là ngừng nét chấm phá mờ nhạt không rõ nét.

Người con gái ở đây không phải là những hình ảnh của người con gái kiều sa thành thị, mà là Thanh với”Hay những tối lang thang đời quán vắng, nhớ hồn em ngan ngát mái buồn tênh...”, là em của nỗi buồn bên mái lá “Tóc em dài chắc biết tôi thương, cánh hoa chùm gửi nở bên đường...” ở ngày đi thương sợi khói bên nhà, những nhung nhớ đơn sơ nhẹ nhàng như giòeong kinh, như hương sen, như con tép bạc cá trên... Muôn đời gần gũi những không phải không có giá trị gợi hình. Những người làm thơ thích phức tạp hóa hay dùng những hình ảnh bậc hai bậc ba,có nghĩa là từ hình ảnh này gợi đến một hình ảnh khác rồi hình ảnh khác này mang đến những biểu tượng mà thi sĩ cố ý muốn diễn tả. Còn ở trong thơ Lâm Hảo Dũng, hình ảnh quen thuộc gần gũi trước mắt và truyền đạt tức thời. Những câu ca dao đã sống hàng trăm năm trong trí nhớ dân tộc bởi sự đơn giản trong sạch về ý và từ. Từ sự dễ dàng cảm nhận không cần suy nghĩ rắc rối, độc giả đã bước đến một bước gần gũi hơn. Không gian trong thơ là quê hương, là nơi tác giả đã sống và lớn lên, là nơi người thơ đã cầm súng và chiến đấu suốt thời hoa niên son trẻ. Ngày đi thương sợi khói bên nhà không có những cuộc tình nhuốm màu hiện sinh ở thành phố, không có những màu sắc êm mát của thiên nhiên cây cỏ và những cảm giác nhẹ nhàng bồi hồi. Tình cảm đó được diễn tả như những sợi tơ nhẹ nhẹ giăng mắc. Lính xa nhà ở Lâm Hảo Dũng lúc nào cũng gần thiên nhiên để vọng tưởng về một nơi khác đã xa rất nhiều thương nhớ. Ở chiến trường Tây Nguyên nhớ về nơi sinh trưởng nhớ lại những ngày mặc quần áo trận. Nhà thơ của chúng ta đã lang thang qua rất nhiều địa danh, những Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Phù Cù, Đèo Nhông, Banhet, Ô Môi, Đầm Dơi... đã hiện diện rất nhiều trong tác phẩm. Mỗi địa danh nhắc đến một biểu tượng, cùng trong một bài thơ có nhiều biểu tượng, cùng trong một bài thơ có nhiều biểu tượng quá ý tưởng sẽ loãng đi và người đọc sẽ có cảm giác ôm đồm từ biểu tượng này qua ý tưởng khác, và ý chính muốn nói của người thơ sẽ bị hay chế ít nhiều.

Như HàThúc Sinh đã viết trong lời bạt, Lâm Hảo Dũng là thi sĩ lính hiếm quý nhất Việt nam từ trước đến nay, hàng ngũ của Quang Dũng và Nguyễn Bắc Sơn. Tôi cũng có cảm giác tương tự khi đọc thơ Lâm Hảo Dũng. Con người chiến sĩ đã đậm nét từ đời sống đến suy tưởng. Tôi thích những câu thơ thật hào sảng ngang tàng như “Suối có ngàn năm ai nhớ suối. Ta đi ta

nhắc đến tên ta. Ví như xương chất cao thành núi. Cũng chỉ mong quay lại mái nhà...” hay những nét bi hùng cảm khái “Hào kiệt đời nay không chỗ đứng. Buồn nghiêng ngọn cỏ mộ A sầu. Thế trận đổi ra thành thế sự. Súng dài gương sắc khác nhau đâu?” Những câu thơ đẹp như thế rất nhiều trong Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà và đã tạo một không khí nhất quán trong tác phẩm. Tình cảm trọng lành vẫn được vun đắp dù ở trong những điều kiện không thuận lợi. Bây giờ đã hết chiến trường xa nhưng nếu một mai về lại..., con người chiến sĩ lại trở về với vẫy vùng như con cá bơi lội trong giòng nước mát. Chiến đấu vì quê hương, vì yên lành cho những người con gái ruộng đồng chân chất, những điều đó đã chan hòa trong những vần thơ và tạo một sắc thái riêng cho Lâm Hảo Dũng. Những lúc mơ ước không đạt đến, nhà thơ tự hỏi mình và hỏi những bạn bè trang lứa những câu hỏi khó. Dũng sĩ Chuyên Chư có còn không hay đã mai một ở xứ lạ quê người, dù hôm nay những tên thời cơ những bầy khuyến mã vẫn nhon nhon đáng ghét nhưng vẫn có người mơ con đường Đông Tiến.

Những điều muốn nói đã được tả đầy đủ, Lâm Hảo Dũng đã làm thơ với tất cả tâm hồn trong sáng của mình. Không gian cách ngăn có làm ngăn trở ngày về nhưng vẫn thôi thúc những giấc mơ, những mong muốn chung của dân tộc. Và chiến sĩ Lâm Hảo Dũng đã có được một tác phẩm đúng tầm vóc, như một lưỡi gương sắc sắc sảng múa lên.

Đọc thơ Lâm Hảo Dũng nghĩ đến những ngày đã qua

Người đọc: Phạm Văn Nhân

Tôi nhớ vào năm 2005, anh Trần Hoài Thư và tôi cùng rủ nhau thành lập “Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam”

(TSDSVCMN), bởi một lý do thật đơn giản là sau tháng tư năm 1975 những tác phẩm “văn học” của nhiều tác giả miền Nam trước đây chắc chắn không còn nữa; Vì thời cuộc và chế độ đương đại lúc bấy giờ. Với mục đích là duy trì và bảo tồn một nền văn học đích thực không thể chối bỏ được sau năm 1954-1975. Những tác phẩm văn học ấy của những người viết về nhiều thể loại sau 30 năm chắc chắn khó tìm ở Hải ngoại và ngay ở cả trong nước. Tuy nhiên với quyết tâm làm cho được TSDSVCMN từ ý nghĩ của anh Trần Hoài Thư và tôi sau gần một năm tìm kiếm, sưu tầm và nhờ bạn bè giúp sức, tháng 10 năm 2006 phát hành tập sách đầu mang tên Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, Tập 1. Dầy 687 trang gồm 263 tác giả. Qua năm 2007 tập thơ thứ 2 được phát hành, sách dầy 739 trang và sưu tầm thêm 198 nhà thơ nữa. Nâng tổng số nhà thơ Miền Nam trong thời chiến tranh lên con số đáng kể 461 nhà thơ. Mà hầu hết những nhà thơ miền Nam ngày đó là những người lính. Trong số 461 nhà thơ mà tôi với anh Trần Hoài Thư sưu tầm được trong đó có nhà thơ LÂM HẢO DŨNG (sưu tầm được 9 bài).

Hầu hết những nhà thơ miền Nam lớn lên trong chiến tranh và thế hệ chúng tôi phải “xếp bút nghiên lên đường chinh chiến”, nhà thơ Lâm Hảo Dũng không thoát khỏi. Tuy nhiên với tuổi trẻ của chúng tôi lúc bấy giờ dưới góc độ chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, chúng tôi có cái nhìn thực, suy nghĩ thực, viết thực khi chính mình trực diện “đầu sóng ngọn gió” nơi chiến trường. Cái chết chỉ xảy ra trong từng sát na khi lâm trận. Và, sau đó là nỗi buồn kế tiếp nỗi buồn: *Ngày xuống mua vui tiền chẳng có/ giấy đi hà mỗm đối không xong/ áo trên vai rách dăm đường vá/ ai xót thương đời xương máu không?* Đó, tuổi trẻ chúng tôi là như vậy. Tuy nhiên, những người lính miền Nam vừa cầm súng vừa cầm bút nói chung đều có một tâm lòng rất nhân bản không dùng con chữ nghĩa để kích động hận thù mà có lần tôi viết:

“nhưng qua những bài thơ của những nhà thơ trước năm 1975 hầu hết là những quân nhân không bao giờ mang tính cách hận thù hay kích động hận thù trong lòng người đọc. Đó là nhân bản. Mà thơ họ vẫn nói lên được: thân phận, chiến tranh, tình yêu đích thực của một nền văn học”

Đọc thơ Lâm Hảo Dững, những bài thơ anh làm trước 1975, những nơi anh đến, anh đi trong đời pháo thủ ghi lại những kỷ niệm của đời lính. Với những con chữ giản dị không cầu kì khó hiểu. Giản dị như đời lính chiến của nhà thơ rày đây mai đó. Có khi ở dưới đồng bằng. Có khi lên tận cao nguyên rừng thẳm. Giản dị như những đồng đội và bạn bè của anh đã sinh ra trong thời chinh chiến. Có lẽ hầu hết những người lính vừa cầm súng vừa cầm bút đều có chung một ý nghĩ xem cuộc chiến này như cuộc rong chơi. Hào khí biết bao khi nhà thơ đã vào lính chẳng chút gì bận tâm, nào ta hãy nghe nhà thơ nói: *ra đi làm lính- ừ thì lính*. Rõ ràng là một câu nói đã thành văn thật bình thường và giản dị trên cửa miệng của tuổi trẻ chúng tôi lúc bấy giờ. Mặc dù phía trước đang chờ sự may rủi xảy ra. *Ừ thì lính!* Có phải đó là một cuộc rong chơi không? như Nguyễn Bắc Sơn, như Lâm Hảo Dững, như Trần Hoài Thư, như Nguyễn Dương Quang và nhiều nhà thơ vừa cầm súng ra mặt trận nữa....Nhưng, tựu chung họ đều có một tấm lòng. Tôi muốn nói đến tấm lòng nhân ái của người cầm súng vừa cầm bút của người lính miền Nam.

Và, nhất là, với một người lính pháo thủ như anh, anh không lãng mạn như những nhà thơ tiền chiến. Anh đã nhìn thực với con mắt thực từ cuộc chiến mà anh tham dự. Ai đã bày ra cảnh chiến tranh? Than vãn ư! Để làm gì? Cò lẽ nhà thơ chỉ buồn cho thân phận chung trong lớp tuổi của anh, của chúng tôi. Anh, như *thay lời muốn nói* đến với những bạn bè cùng lứa tuổi sinh ra trong kiếp nhiều nhương này cho lớp trẻ hai miền Nam Bắc: *anh ở miền Nam lạc đến đây/ còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay/ chiến tranh như thể trò tiêu khiển/ của lũ con buôn xác chết này*. Tôi tin là nhà thơ lúc bấy giờ chẳng biết hận thù ngay cả đối với những người lính phương Bắc đối diện với anh trong từng phút giây sinh tử. Nhà thơ chỉ buồn cho thân phận *trước lũ con buôn xác chết này*.

Do đó, đời lính thú của nhà thơ, theo anh nghĩ như một cuộc rong chơi và trận mạc đối với anh chẳng khác gì như nổi chán chê khi đã xa nhà: *và có gì đâu đời trận mạc/ chán chê như thưở biết xa nhà*.

Chán chê, nhưng biết làm sao. Cứ thế, nhà thơ kể chuyện rừng sâu trầm mặc quá, cứ thế cố sống dù cầm điếu. và, cứ mơ dù

biết chẳng có thanh bình trên đất nước Việt Nam. Và cứ thế nhà thơ chẳng bao giờ mang trong lòng một chút âu lo sợ hãi. Ta nghe nhà thơ tâm sự: *Khi ở Đại Sơn ngồi nghĩ quán/ ngày mai xuống núi hát nghêu ngao/ lỡ buông tay súng thôi đành vậy/ buồn có bao giờ quên hết đâu?* Hay: *bởi chiến tranh hoài sao biết được/ nên đời trai gởi gió sương nuôi/ một mai máu có trào trên đất/ hãy cắn răng đau hãy hận đời.*

Hận đời! Biết thế mà khi có lệnh lên đường nhập ngũ, cái hào khí của nhà thơ chẳng chút âu lo. Chẳng khác với những “con ông cháu cha” lo chạy chọt khi ra trường lính, hay chạy chọt được cái giấy miễn dịch trốn lính phây phây ở thành phố. Cái hào khí của Lâm Hảo Dũng *ra đi làm lính- ừ thì lính* làm tôi khoái quá, như ngất ngây men rượu say. Tôi khoái câu thơ này quá. Hào khi biết bao.!

Tuy nhiên, với nhà thơ lính này, sau bao năm tháng làm lính thú, vui buồn bên những đồng đội: *một máy truyền tin hai đề tử/ một hầm trú ẩn chuột kêu vang.* Ấy thế mà hết ngày này qua tháng nọ, Cứ thế, vẫn khoảng không gian buồn, vẫn rừng cây, vẫn đồi , vẫn núi, những con đường xa đầy mìn khi đi chuyển. Người lính, nhà thơ Lâm Hảo Dũng ngày qua ngày vẫn *sống thầm như thỏ đợi bình yên.* Để mơ về : *thương mẹ ngày xưa muốn bỏ đời/ nhớ gian nhà lá đám mỏng toi/ nhớ sân đậu cũ chùn hoa bí/ và mẫu vườn xanh ối chín mùi.* Và, giấc mơ người lính nào cũng gần giống nhau. Mơ một ngày im tiếng súng, đề: *có không ngày của thanh bình đến/ta nhớ vườn xưa, nhớ mẹ già/ còn hái mỏng toi ngoài đậu cũ/ lệ buồn năm tháng có phơi pha?* Giấc mơ thật tầm thường như thế mà sao “người ta” không cho chúng tôi thực hiện được. Có phải bởi những *con buôn trên xác người* đã tạo nên .Nhưng chiến tranh hoài sao biết được. Có phải chiến tranh hoài chẳng thấy hòa bình không?

Đọc thơ của Lâm Hảo Dũng, chắc chắn nhà thơ cùng một thời với chúng tôi cảm sung. Cái thời mà anh bạn Trần Hoài Thư gọi là “thế hệ chiến tranh” làm sao thoát được khỏi cái gọng kềm binh đao này. Cho nên đọc thơ trong thời chiến của Lâm Hảo Dũng, đã ít nhiều ghi đậm trong lòng . Những địa danh anh đã đi qua tôi cũng nhiều lần đặt chân đến: Tam Quan, Hoài Nhơn, Hoài Ân, An lão , Vĩnh Tường, và dòng Lệ Khánh.

Ngay cả căn cứ Hàm Rồng mấy tháng công tác ở đó: *Hoa cúc đại thắm trên đường xa vắng/ và quê hương tha thướt lá xanh trà.*

Về Bồng Sơn những ngày đầu lính thú. Mưa buồn hắt hiu. Đọc bài thơ Ngày Trở Lại Bồng Sơn sao nhớ quá đời. *ta đứng bên cầu xe lửa cũ/ quê em còn cách một dòng sông.* Thơ anh như thay lời muốn nói đến với tôi vậy.

Đọc thơ Lâm Hảo Dững mới thấy hết nỗi buồn của thân phận, của quê hương, của chiến tranh. Không riêng gì anh mà cả tôi nữa. Cái buồn trong thơ anh man mác từ từ thấm dẫm vào lòng người đọc. Và, với tôi, những bài thơ anh làm trong thời chiến ấy nó gần gũi làm sao. Hôm nay, đọc lại như để nhớ những ngày gian khổ đã qua. Dù biết rằng: *Chiến tranh là chuyện người trần/ Ta say quên hết may còn cái vui.* Phải không anh Lâm Hảo Dững?

** Những chữ nghiêng là thơ của Lâm Hảo Dững.*

Amarillo, đêm tuyết rơi 12-11-2010.

thơ trầnphùthế

LỬA ĐỜI

**gửi lâmhảođững*

lửa đời đã giết hồn ta
đốt tan hy vọng hôm qua hôm nào
lửa tình bóp nát tim đau
vắt khô từng giọt, giọt nào không khô?

lửa đời đốt cháy ước mơ
đốt tan hoài bão thành tro một đời
ngày nào ánh mắt gọi mời

bây giờ lửa hận rồi bời cái tâm

này em kiếp sống phù vân
đầu thai trở lại khóc phần đời gian
lửa đời nung chảy tim gan
đánh trôi một kiếp hương tàn mộ bia

một mai lạnh lẽo nửa khuya
hóa con đom đóm bay về cố hương
chập chờn đóm lửa cầu sương
tan theo ngọn gió vô thường hồn ma

tàn đêm trắng giỡn, trăng già
nghe trong khúc khoải là ta trở về
lửa đời đốt cháy u-mê
để tâm ta lặng hồn quê ấm lòng

lửa đời đốt cháy tình mong
trăm năm thoáng chốc tình không ra gì
tình đi, tình ở, tình lý
đời ta ôm nặng tình si nặng lòng

lửa đời đốt trụi đừng trông
mùi hương năm cũ tình nồng năm xưa
lửa lòng tắt lịm cơn mưa
coi như số kiếp tan vừa giấc mê

ai đi, ai ở, ai về
chân không định hướng đường kia đã cùn
lửa đời đốt mỗi tay run
cái thân cô quạnh lửa hồng cháy tan

và thôi, đời vốn gần tàn
còn chi níu lại đá vàng cũng phai
lửa đời cháy bỏng hình hài
coi như số kiếp hoài hoài em ơi!!!

tpt

Lâm hảo Dũng, nổi trăn trở mang theo *Người viết: Hoài Ziang Duy*

Tính ra cũng hơn bốn mươi năm qua, chúng tôi biết tên nhau, cùng một thời văn nghệ ở thập niên 60. Hồi đó anh là nhà thơ Mây Viễn Xứ, một khuôn mặt xuất hiện thường xuyên trên các trang thơ, báo văn nghệ. Thơ anh dễ đi vào lòng người, bởi âm điệu buồn, tiếng buồn trong thơ như xa vắng mênh mông. Nhắc đến Mây viễn Xứ, lòng tôi thấy bồi hồi, bắt nhớ về năm tháng, bắt đầu bằng hai tiếng “ngày xưa. Ngày đó, chiến tranh chưa khốc liệt, không khí văn nghệ nở rộ. Mỗi nơi, mỗi tỉnh lẻ đều có những nhà thơ học trò sắp hàng xuất hiện. Chúng tôi bắt đầu viết văn, làm thơ từ dưới mái trường, từ một đời sống bình yên, một tâm hồn văn nghệ ở tuổi đời mới lớn, biết làm thơ yêu em, yêu người. Vậy mà, mới đó ngoảnh đi, chừng nhắc thấy lại nhau, những mái đầu đã bạc.

Tôi thích thơ Mây Viễn Xứ, bởi những bài thơ tình lãng mạn, bình dị, gần gũi thôn làng, bởi tên tuổi anh ngày đó sáng danh trong lớp người trẻ chúng tôi. Anh là người quê ở Sóc Trăng, nhưng lại có nhiều giao tình, nhiều kỷ niệm với anh em văn nghệ Châu Đốc, (anh có thời gian làm việc tại Ty Nông Nghiệp Châu Đốc). Đọc thơ anh hầu như ở đâu cũng thấy sông nước, thấy tình yêu, một thứ tình trong thân phận làm người.

Đâu những mùa trăng xưa rất xưa
Đêm khuya dăm đứa một khoang đò
Ôm đàn ta hát vang trời đất
Ai kẻ mua tình ta bán thơ

Em khóc dòng sông ta khóc ta
Ngày đi thương sợi khói bên nhà
Ngày đi như thể không về nữa
Nghe gió rừng xa vọng tiếng ca (ĐMMT)

Cho đến sau này khi khoác áo lính, cái tên Mây Viễn Xứ ngày nào tưởng theo anh bay xa. Nhưng không, nó thực tình ở lại

vùng châu thổ đồng bằng , để bắt đầu với một Lâm Hảo Dũng
nghệp chiến chinh, làm người pháo thủ .

Ta pháo miền cao theo biệt động
Ngậm ngùi thấy lại Dakto xưa
Đâu căn cứ sáu mưa trên xác
Căn cứ năm tràn bóng ma đưa

Từ đó thơ anh vương vấn mùi khói súng, biết cay đắng với
chiến tranh, biết đau trước những mất mát chia lìa, qua bản
thân , anh em bằng hữu , những người cầm bút chết trận trước
đây.

Những tối vu vơ hát một mình
Cái thời trận mạc để ai quên
Một đi buồng súng mai thành tướng
Thành những buôn làng bia khắc tên

Ta kể nhau nghe đời chiến trận
Thằng Nam mất tích ở Nam Lào
Y Uyên bỏ cuộc vài năm trước
Thằng Sự khinh đời cũng chết mau. (ĐGNLV)

Tôi đọc khoảng 60 bài thơ của Lâm Hảo Dũng. Anh đã có 3
tập thơ in tại hải ngoại: Ngày đi thương sởi khói bên nhà(1985) Tóc em dài em cài bông hoa lý(1989), và Đi giữa thời
tan nát (1989). Những bài thơ đánh dấu cuộc đời đời tang
thương, gom góp lại.

Anh hiện ở Vancouver (Canada), sống nghề làm báo, là còn
nặng nợ với văn chương chữ nghĩa. Đọc thơ anh. Từ những bài
thơ lục bát, năm chữ, bảy chữ, thơ tự do. Từ những bài thơ
tình xa xưa, những ngày ở lính, thơ ở đảo lúc vượt biên, thơ về
lịch sử , thơ thiền. Đọc lại, bây giờ tôi lại cảm dòng thơ tình,
thơ bảy chữ của Lâm Hảo Dũng hơn. Cho dù trong một vài
bài, anh muốn làm mới ý thơ, có tính ngộ ngáo, chỉ là cá biệt .
Như bài lục bát Gái đẹp Share nhà.

Cái môi em nở nụ cười
Còn khoe bộ ngực nửa mời nửa ru.
Kính Cha lạy Chúa thừa Sư

Đường như cánh cửa ngục tù là đây

Nhìn chung, hầu hết toàn bộ thơ anh chuyên chở một nỗi niềm u uất, của người tha hương, mất mát qua tình yêu, và những ước mơ riêng mình. Như trong bài thơ Đòi rất bạc chiều nay em hãy tới.

Đòi rất bạc chiều nay em hãy tới
Tay hân hoan gõ nhẹ cửa nhà tôi
Nắng quê người có làm em bối rối
Môi son tươi còn gọi lũ chim vui.

Em cứ tựa ghế thân tôi mơn mõi
Đường trăm năm thoáng chốc đến nơi rồi.
Đâu biên cuốn biết bao điều mong đợi
Thời xa xưa lãng mạn của riêng tôi.

Lâm Hảo Dũng cũng trải qua lao tù Cộng sản. Không riêng gì anh, những người đã qua giai đoạn này không thể nào quên. Đó là một quá khứ, một đời sống ám ảnh tui nhức . Với người cầm bút nó lại là một vết thương không lành, rất dễ khơi lại.

Đời mất nước bỗng nhiên ta thấy được
Một lao tù quá khứ rộng thênh thang
Những năm tháng oằn lưng trên luống đất
Những đêm mưa tù ngục dậy kinh mang (OTTQK)

Hay mấy câu thơ ở trại tỵ nạn, nói lại những ngày đầu chưa biết về đâu, một chốn dung thân :

Và đâu đó Bidong ngồi bó gối
Hàng dừa nghiêng đêm chuột rúc quanh giường
Em chắc khóc nghe mưa gào bão tới
Một quê nhà như khói bóng hình sương

Mang tâm trạng của người xa xứ, lỡ thời, lỡ vận. Tình yêu trong thơ LHD vẫn là chút bồi hồi mang theo, như trong một bài lục bát.

Tôi ngồi tôi nhớ tôi không

Đứng, đi , về lại chỗ nằm buồn tênh
Tôi run em tóc xanh thẫm
Trong mông mênh động bóng hình nhân gian
Tôi nghiêng tôi lạnh tuổi vàng
Em nghiêng em ứa lệ tràn mắt nâu (HT).

Cho đến qua trọn bài thơ Nhà Ai Tôi Thấy Đèn Chưa Tắt. Với
mấy từ chưa tắt đèn, tắt đèn, lập lại trong một khoảng cách
đổi nghịch, như soi rọi tự lòng mình, một nỗi trống không, lúc
mất hết là lúc mong tình đến thật gần.

Nhà ai tôi biết đèn chưa tắt
Là nỗi buồn không tóc bỏ không
Tiếng gió cô liêu vàng lá rụng
Người ngồi sẵn đuổi cái mênh mông
Nhà ai tôi chắc đèn chưa tắt
Đem chút sầu tung ở góc nào
Năm xưa ừ nhỉ- như tiền kiếp
Bóng chạy loanh quanh nửa địa cầu
Nhà ai tôi ngỡ đèn chưa tắt
Còn đuổi hư không bắt ảnh tàn
Trong cánh tay đời run mãi miết
Thêm ôm ảo vọng tuổi lang thang
Nhà ai tôi thấy đèn đang tắt
Nghe tiếng kêu buồn rung mắt đen
Đêm ấy sao trời đi mở hội
Đón người về lại cõi bình yên (NATTĐĐT)

Tôi không gần bên Lâm Hảo Dũng ở nghiệp lính. Không là
người bạn đồng hành ở cuộc đời về sau. Nhưng có điều, chúng
tôi gần nhau từ một tấm lòng của người làm thơ, duyên tình ở
người cầm bút, như một nghiệp dĩ cho đến bây giờ. Cái tình
bạn trong văn chương chữ nghĩa, tuy xa cách mà thật đậm ấm
thấy nhau qua đời sống thơ văn. Lâm Hảo Dũng là người làm
thơ rất sớm (cũng có người sớm bỏ cuộc chơi). Còn sống với
thơ về sau là còn duyên nghiệp. Còn nặng nợ với tên tuổi
trong làng văn trận bút, không bị đào thải là biết làm mới ngôn
ngữ thơ, chất liệu sống. Tạo cho mình một tên tuổi trên văn
đàn, trong thi ca, không phải một sớm một chiều, may rủi.

Dường như trong cái cô đơn
Ta loang quanh bồng bềnh hồn lang thang
Dường như trong buổi chiều tàn
Ta nghe quạnh quẽ ngút hàng cây xanh
Dường như lặng lẽ bên gành
Ta đau trong kiếp nhân sinh bất ngờ

Hay Lâm Hảo Dũng với bài thơ Tôi thời bóng xế

Ôi cái lũ đông phương hồn ẩm mục
Cứ thềm yêu ngõ hẹp cánh đồng quê
Cứ nhớ mãi một mảng trời xa lắc
Có dòng sông réo gọi buổi quay về

Đọc thơ Lâm Hảo Dũng, là theo bước chân buồn lặng lẽ ở âm điệu. Toàn bộ thơ, nặng lấy một chữ tình, tình yêu, tình người, cái tình mộc mạc chơn chất của người miền Tây, có sông, có nước, có đất trời.

Thử đọc trọn vẹn một bài thơ, lấy từ câu đầu làm tựa, mới thấy được nỗi lòng anh.

Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hàng búp thưa đôi búp nhú ơ hờ
Đất xa trời bao năm mà đất nhớ
Những ngày giông đêm tối hện hò mưa
Em có mắt của một đời xa xứ
Thương hàng cau ngan ngát mấy chân vườn
Thương chết được nhưng bao giờ thấy lại
Bóng hình tôi về ngủ giữa hồn em
Tiếng chim hót sao nghe buồn quá đổi
Bởi ngày qua nắng tắt sợi thu vàng
Em hãy cần dùm tôi vài quả ổi
Chùm mận tươi khi gió chuyển mùa sang.
Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hỏi dòng sông đưa nước đến bao giờ?
Sông xa nguồn chắc sông sâu muốn khóc
Nhớ đầu voi cuối vịnh mái chèo khua
Đâu chỗ vá trên áo người cô phụ
Một thời xưa duyên dáng cuốn qua rồi
Nghe đứt ruột tưởng chừng trong đáy cốc

Hồn Trương Chi lãng đảng ấy là tôi
Và tất cả bờ ao kinh rạch ấy
Thoảnh hương trầm hay hoa tím bằng lăng
Cũng náo nùng vì muôn đời không thấy
Lũ ong xưa đàn bướm giỡn tung tăng.

Ngày nay, thơ Lâm Hảo Dũng còn một chỗ đứng trong lòng bạn đọc, chính từ ngôn ngữ chân thật trong thơ. Thơ anh đã đi suốt một con đường dài đời dốc, và chắc phải cuối một đời thơ. Một thời của Mây viễn Xứ năm xưa, cho đến bây giờ chất thơ trong Lâm Hảo Dũng vẫn vậy. Bút hiệu ban đầu phải chăng như một định mệnh theo vận nước, để rồi trong nỗi trăn trở mang theo, một Lâm Hảo Dũng làm thơ như thấy lại quê nhà.

HOÀI ZIANG DUY

Lương Thu Trung

Thơ Lâm Hảo Dũng, ngọn gió-nồm-nam thời cuối trời...

Nhắc tới thơ văn vùng sông nước Hậu Giang, không thể không nhắc đến nhà thơ Lâm Hảo Dũng, có lúc anh còn ký bút hiệu Mây Viễn Xứ (1). Lâm Hảo Dũng bắt đầu làm thơ từ thời còn đi học tại trường trung học Hoàng Diệu (Sóc Trăng) và sau này khi vào đời, anh tiếp tục làm thơ viết văn cùng thời với các lớp văn nghệ sĩ như Trần Phù Thế, Lưu Vân, Triều Uyên Phụng, Trầm Mặc Nghệ Thế và rồi Phù Sa Lộc, Nguyễn Bạch Dương, Ngô Nguyên Nghiễm, Hà Thúc Sinh, Lâm Chương, Tô Đình Sự, Trần Hoài Thu... Tác phẩm đã xuất bản: Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà (thơ), Đi Giữa Thời Tan Nát (thơ), Tóc Em Dài Em Cài Bông Hoa Lý (thơ)

Lâm Hảo Dũng quê làng Bồ Thảo, Sóc Trăng. Nói về quê Bồ Thảo của anh, tác giả cho biết: *"Quê Bồ Thảo của tôi cũng bình dị như bao làng quê khác, người dân sống bằng nghề ruộng rẫy, không có nét đặc biệt như ở Kế Sách nổi tiếng về cây trái, Phú Tâm có bánh pía, mè lau ... Năm 19 tuổi tôi đã rời xa quê, đi học, đi làm và đi lính. Châu Đốc đối với tôi mới thật sự là có nhiều kỷ niệm, cảnh núi sông, bạn bè văn nghệ như Ngô Nguyên Nghiễm, Lưu Như Thủy, Nguyễn Thanh Xuân, Trần Biên Thùy, Cao Thoại Châu (đi lính, gặp ở Pleiku)"*.

Thiệt tình ra, cái nét bình dị của làng Bồ Thảo cũng là cái nét tiêu biểu của bao làng mạc miền Tây Nam nước Việt. Cũng năm ba bụi tre làng, cũng hàng bần dưới mé sông; cũng bao mái nhà lá đơn sơ, cũng gốc cà gốc ốt, cũng dưa leo đậu đũa, hàng cau, vườn trầu, đồng rom, bông so đũa, cọng rau om, rau thơm, bông điên điển, mương lạch, địa bầu... Tất thấy đều nói lên cái nét đơn sơ mà thân thiết với đời sống người dân nơi sông nước miền Tây Nam này. Xin mời bạn cùng tôi ghé lại thăm căn nhà của thi sĩ qua bài thơ *"Nhà tôi"*

*"Ơi những ngày xưa dưới mái nhà
Mẹ ngồi lựa thóc ngắm mây xa
Những lo mua sớm bên đồng nội
Làm mất màu tươi mấy gốc cà
Xanh ngắt một màu bên liếp rẫy
Giàn dưa leo sớm bỏ vôi cong
Còn ghen đậu đũa vừa đơm trái
Hay lũ rau thơm đám cúc tần
Có mấy hàng cau nhỏ thế thôi
Mẹ thường nhắc nhở những khi vui
Một mai đám cưới không lo thiếu
Trầu tốt cau ngon thuốc đượm mùi
Đây đồng rom khô dưới gốc gòn
(Là nơi tôi rải mống lang thang)
Chờ em từ thuở con trăng tối
Cho đến trắng đầy em mới sang
Thèm quá nồi canh chua cá lóc
Chút bông so đũa cọng rau om
Ai lên phố thị mà không nhớ?
Mùi vị dưa nồng điên điển thơm
Mười mấy năm rồi đi biệt xứ*

*Nhà tôi còn đó mẹ tôi không?
Nghe thương những cánh chim tu hú
Mãi gọi bên sông điệp khúc buồn.”*

Ngôi nhà của Lâm Hào Dũng chỉ chừng ấy nét bình dị quen thân mà khấn khít biết bao! Đường như ai đã từng sanh ra và lớn lên nơi các làng quê đều nghe như mái nhà của tác giả cũng chính là mái nhà yêu dấu của chính mình. Bức tranh quê nơi sông nước miền Tây còn được Lâm Hào Dũng làm đầy thêm bằng những tâm cảm thiết tha qua nỗi lòng của một đứa con xa quê nhớ về mẹ già qua bài thơ “*Về với má*” trong thi tập “*Ngày Đi Thương Sợi Khỏi Bên Nhà*”. Ở đó, chúng ta bắt gặp lại dòng sông Hậu với nắng, mà lại là “*nắng lúa thừa*” mới tuyệt diệu. Bạn có nhớ ra “*nắng lúa thừa*” là nắng gì không? Xin thưa cùng bạn “*nắng lúa thừa*” là nắng vào lúc gió nồm nam thổi qua có mang theo hơi nước từ vùng biển Rạch Giá, Cà Mau làm mây đen như báo hiệu trời muốn chuyển mưa ; và những vạt mây đen ấy kéo qua che khuất ánh sáng mặt trời làm cho bầu trời đang nắng bỗng dịu mát lại; khi mây bay qua khỏi, bầu trời lại chan hòa ánh nắng...Chỗ này, chỗ kia lác đác những vạt mây đen như vậy làm cho nắng cũng lúa thừa man mác cả một vùng; tức là khi thì nắng, khi mát, cứ thay nhau liên tiếp đến khi trời quang mây tạnh. Rồi tác giả còn dẫn ta về thăm lại cây dừa lão, thăm lại mùa lúa chín, thăm lại mấy gốc bần, giàn mướp khía, cây bình bát, dây me đất, đám ô rô, đám mái dâm, mùi thơm cúc tần cùng hương thơm loài rau có tên sao nháy, cùng vị chua của mớ lá vang..., hết thấy những hình ảnh và hương vị đồng quê ấy càng làm nổi nhớ của người con xa quê chập chùng thêm biết bao...:

*“Con cũng muốn về thăm lại má
Thăm dòng sông Hậu nắng lúa thừa
Có cây dừa lão thân gầy quía
Đứng khóc theo mùa con nước đưa
Thấy nhớ làm sao mùa lúa chín
Má ngồi khâu áo ở đầu sân
Thương thằng hai đã nằm trong đất
Thằng út mơ màng tỉnh vượt biên
Con gọi buồn theo mấy gốc bần*

*Mấy giàn mướp khía mới đơm bông
Mấy dây bình bát dây me đất
Và đám ô rô lũ mái dầm
Má biết con yêu thích cúc tần
Cái hương sao nháy rất thanh tân
Từ khi con bỏ quên đời lính
Lòng chết còn thương những lá vàng”*

Còn nữa, nào là kinh xáng mức, rồi có cả tiếng chim bìm bịp kêu mỗi lần nước lớn, cùng tiếng chim tu hú gọi Tết về nơi những bụi tre sau nhà cứ vang vang bên tai mỗi ngày nhưng nay không còn nghe lại nữa càng làm vấn vương hoài trong tâm tưởng của tác giả qua lời trách móc nhẹ mà đau như cắt ruột:

*“Ai cắt lìa chi từng núm ruột
Mà kinh xáng mức cạn khô dòng
Mà chim bìm bịp chim tu hú
Cũng trốn bay về chốn biển đông.”
(Về với má)*

Đời sống người dân quê nơi các làng mạc miền Nam chỉ mơ xã hội yên bình để làm một người dân bình thường hầu lo cày bừa cắt gặt kiếm sống qua ngày; nhưng ước mơ bình dị ấy nhiều lúc thời cuộc biến đổi, xã hội loạn lạc, đâu phải ai cũng sống an cư lạc nghiệp được với ruộng vườn của mình. Chính vì thế, trong dân gian có thêm hạng “phó thường dân”, tức là hạng người thấp kém, chưa được là người dân bình thường như mọi người, nên họ là hạng người không bằng ai ngay trong làng quê của mình, nói gì đến các nơi chợ búa phố phường ! Tuy vậy, Lâm Hảo Dũng lại “chỉ muốn làm phó thường dân” thôi, mà lại là “phó thường dân Nam bộ” mới là đúng mực Nam Kỳ, tức cũng là một phó thường dân như mọi phó thường dân nhưng rất chịu chơi, không ngán ngại điều gì. Mời bạn nghe tác giả tả nỗi lòng của mình qua niềm mơ ước làm một người dân quê quên ấy:

*“Phó thường dân tà tà đi bát phở
Ngắm quần loa ống tùm áo chim cò*

*Ngắm tóc dài của tiểu muội tiểu thơ
Đâu cần biết ngày mai mưa hay nắng
(Phó thường dân đường như lười biếng tắm)
Đi giữa đồng thềm hát khúc hoài lang
Áo bà ba ai xanh tím đen vàng
Chàng yêu hết nên đem về nhốt kín
Phó thường dân thích giảng câu đặt trúm
Thích lai rai nghe gió mới se buồn
Ngủ dật dờ bên xáng mức chiều hôm
Đời trôi chậm hay nhanh chàng bỏ mặc”
(Tôi Chỉ Muốn Làm Phó Thường Dân Nam Bộ)*

Nhưng rồi Lâm Hảo Dũng cũng đành trách than cùng số phận của kẻ xa quê biệt mấy mươi năm:

*“Phó thường dân mấy mươi năm biệt xác
Bỏ đồng không hieu quạnh gái quê hiền
Bỏ mất hồn thương mãi tiếng chim quyên
Là vĩnh biệt đất nông thơm sữa mẹ
(Tôi Chỉ Muốn Làm Phó Thường Dân Nam Bộ)*

Nỗi thất vọng về một mơ ước đơn giản ấy không thành lại chính là nỗi thất vọng lớn lao vô cùng, nếu không muốn nói là nhiều lúc nhà thơ của chúng ta tuyệt vọng đến kinh hoàng... Nỗi tuyệt vọng không làm được “*phó thường dân Nam Bộ*” đó cứ mãi làm cho tác giả càng thấy nhớ mây, nhớ trăng, nhớ con đường làng quê đến nỗi nùng:

Đề rồi thi nhân thả hồn mình hoà nhập cùng hồn quê qua những ngày thân ái cũ:

*“Tôi vẫn thềm nghe mắt để trông
Cái hồn cây cỏ thở mênh mông
Những hàng ổi đại bày chim sẻ
Xô nát rừng phong rực sắc hồng*

Những chiếc đầm bay kênh kiệu quá!

*Đâu vãi quê nghèo áo của tôi
Ai trong buổi tiệc mà không nhớ
Màu cá đồng xanh lục tỉnh ơi!”
(Tên Lữ Hành Phương Đông)*

Có thể nói Lâm Hảo Dững dù ở bất cứ nơi đâu hồn anh cứ mênh mang về một nỗi nhớ quê nhà. Như lời kể của tác giả, một trong những địa danh làm nên nỗi nhớ của nhà thơ là Châu Đốc, một tỉnh lỵ vùng biên giới Việt-Miên một thời lúc tuổi thanh xuân dạt dào nhựa sống anh đã dừng chân và để lại hồn mình miên man trôi theo dòng nước mát với những mùa trăng trên bến nước Cửu Long và nay vẫn còn đọng lại trong trái tim người thì sĩ đầy lãng mạn qua những dòng thơ vừa tình tứ mà ngọt ngào, vừa êm đềm mà tha thiết biết bao với dòng sông, ngọn núi, ánh trăng cùng người yêu bé nhỏ một thời dù nay đã lâu quá rồi và cũng xa quá rồi một thời nhiều nhựa sống ấy ... :

*“em khóc dòng sông khóc nước sông
ta đi sâu ngát tận trong lòng
nhớ trăng đầu núi trắng đồng nội
và những mùa trăng sông Cửu Long
em ở bên kia trời cách biệt
mắt buồn vây kín núi Sam xa
ta như lữ khách không nhà cửa
ngủ đậu trên chùa mỗi tháng ba
em khóc dòng sông đó phải không
ngàn năm vẫn nhớ má em hồng
vẫn yêu đường đá miền Châu Phú
những chuyến đò đêm nước ngược dòng
bởi ta lười biếng làm sao thấy
em đẹp như là hoa hướng dương
vu vơ em hát hay ta hát
mà tóc tung bay rất ngập ngừng
em khóc dòng sông đó phải không
đêm mơ về thấy chín con rồng
vẩy đuôi trên nóc Tây An Tự
đón hội Long Hoa một tối rằm”
(Bài thơ gợi nhớ về Châu Đốc)*

Dĩ nhiên rồi, Lâm Hảo Dững làm sao quên được những bạn bè ngày cũ của anh nữa qua bốn câu kết bài thơ với nỗi lòng chân

thành cùng bằng hữu thật tha thiết:

*“ta nhớ một đời riêng để nhớ
những mùa trăng cũ bạn hiền xưa
Cồn Tiên bên quán ngòi chầm thuốc
rượu ngắt ngầy hôn vị tiền đưa”*

(Bài gợi nhớ về Châu Đốc)

Nhớ về Châu Đốc là thế, ở đó có nét đẹp riêng của một tỉnh lẻ miền Tây Nam Nam phần mà ai đã có ghé qua và ở lại đó rồi mới thấy được cái nơi tưởng chừng như quanh quẽ đìu hiu ấy vậy mà rồi khi rời xa hồn vẫn băng khuâng lưu luyến mãi hoài

...

Lâm Hảo Dũng là một chàng trai lớn lên giữa thời chiến, cũng như anh, những chàng trai thời ấy không chọn cho mình cái nghề đánh giặc thế mà rồi cũng phải lên đường ra trận. Có bạn anh về qua Năm Căn, Cà Mau với dòng sông Trẹm như một kỷ niệm khó quên dù nay không còn chiến tranh như bao mùa binh biến cũ với lời thơ vừa như tâm tình vừa như trách móc:

*“Ấy dòng sông Trẹm tôi quen
Nắng cao để lắng vị phèn đỏ hoe
Người đi đâu biết sang hè
Chỉ nghe quanh quẩn tiếng ve gọi sầu
Em khăn tắm quấn ngang đầu
Nhìn tôi con mắt bạn thù ai hay?
Ấy dòng sông Trẹm xưa nay
Còn thương cây mắm rễ cài trên không
Lênh đênh em một chiếc xuồng
Đời tôi lính trận cỏ bông chân mây
Xa nhà mượn chén rượu cay
Khóc khi mai biết tuổi đầy buồn lên
Ấy dòng sông Trẹm tôi quen
Nhà ai đã vội đốt đèn đêm nay
Dầu mù u ngọn lắt lay
Em nơi âm phủ khói bay tìm về
Hận người con muỗi vo ve
Nằm trong cuộc chiến bạn bè giết nhau
Ấy dòng sông Trẹm trôi mau
Nước đi nhắc lại cái màu thời gian
Nhớ hồi ở miệt Năm Căn*

*Rải quân mấy cụm đóng đồn giữ dân
Mùa khô con cá thừa dân
Tôi xui xẻo biết em làm giao liên
Áy dòng sông Trẹm tôi điên
Thề không trở lại đi thuyền năm xưa.”
(Áy dòng sông Trẹm tôi quen)*

Là một người lính, Lâm Hảo Dũng nay đóng quân ở nơi này mai nơi khác như một kẻ giang hồ phiêu bạt. Rồi Nam Căn miệt U Minh, nhà thơ và người lính Lâm Hảo Dũng lại ra trấn thủ vùng cao nguyên Pleiku, Kontum như một thách đố với con người vốn sanh ra và lớn lên từ miền châu thổ đồng bằng. Nhưng cũng chính nhờ vào những chuyến đi mang nhiều thay đổi ấy, tác giả đã cho người đọc có những câu thơ viết về vùng cao nguyên xa mù ấy thật dạt dào:

*“Con đường ấy vẫn hoen màu bụi đỏ,
Gió lơ thơ nghe nắng mới ngập hồn.
Anh sống thờ trong tâm hồn trai trẻ,
Nghe nỗi buồn đâu đó đến phân vân.*

*Hoa cúc đại thất trên đường xa tấp,
Và quê hương tha thướt lá xanh trà.
Em có thả những chòm mây nhưng nhớ,
Cho rừng hoang im vắng tiếng chim ca.*

*Đời viễn khách mơ hồ không biết được,
Bước chân vang rộn rã buổi quay về.
Em mắt biếc hồn nhiên bên cánh cửa,
Gửi hư ơng nồng quay quắt bóng người đi .”
(Chiều hàm Rồng)*

Ngày nay dù qua đi hơn 35 năm, nhưng đọc lại những câu thơ Lâm Hảo Dũng viết về vùng ba biên giới với những địa danh một thời ngập tràn khói lửa, lòng tôi sao thấy nao nao về một nỗi hiểm nguy ghê rợn của ngày nào ... Những địa danh như núi Phụng Hoàng, Pleiku, Kon Tum, Tân Cảnh, Dak Sut, Dakpet, Ngok Long, Poko, Konko, Dakbla, Đường 14, và nhiều địa danh khác là những dấu bình lửa một thời khó phai pha trong lòng người lính và nhà thơ Lâm Hảo Dũng. Xin mời

bạn đi vào một vài chứng tích ấy qua một vài câu thơ của tác giả:

*“Một mai về lại tam biên đố
Hãy ngắm Poko núi Phương Hoàng
Thấy tao như một vầng trăng nhỏ
Ngủ dưới chân rừng đêm tối đen”
(Một mai về lại tam biên đố)*

Và trong “*Tân Cảnh hồn tôi*”, Lâm Hảo Dũng cho người đọc thấy được khói lửa chiến tranh đang ngùn ngụt cháy ở nơi vùng núi đồi cao nguyên với núi rừng bao la ấy và lúc nào cũng ngan ngát cái dừng khí của một người lính trận nhớ núi nhớ rừng:

*“Từ dạo tôi rời thị trấn núi
Bỏ con đường dốc nắng lưa thưa
Bỏ chùa hieu quạnh hàng thông đứng
Bỏ giáo đường im bóng xác xơ
Những trưa quán cốc nhìn mưa xám
Còn thấy mây mù đỉnh Ngok Long
Giặc cất đường về trên Daksut
Hỏi đồn Dakpet lạnh lùng không?
Ai lên Trí lễ mùa cam chín?
Ngắm hộ dùm tôi cảnh Phưong Hoàng
Địch chờ đạn bom về gởi bán
Nên trong mùa gặt ngủt điều tàn
Quê hương buồn gởi theo biên giới
Những lá rừng xanh mới của tôi
Hãy ngang tàng lớn dưng kinh khiếp
Cho đất miền cao đẹp núi đồi”*

Mặc dù trên những mặt trận mà người lính thi sĩ ấy đi qua đầy những vết tích chiến tranh với biết bao gian nguy, thế nhưng khi biết mình sắp đổi về đồng bằng, Lâm Hảo Dũng thấy nhớ lại những ngày lãng mạn một thời qua bốn câu kết trong bài “*Pleiku Sầu Gởi Lại*”

*“Đời lính trận trên cây cầu sống chết
May còn em làm ấm chút vui lây*

*Rời bỏ núi tôi sắp về châu thổ
Lửa buồn ơi đem hỏa táng tôi đây”*

Nhưng có lẽ hình ảnh chiến tranh rõ nét nhất nơi con đường 14
với mùa Hè Đỏ Lửa năm nào :

*“Ai biết con đường loang máu đỏ
Những hồn lưu lạc dưới Poncho
Những hồn vất vưởng bên bờ suối
Đi hái hoa xuân mọc dưới mồ
Ta bỗng cười khan đùa chiến trận
Bình Tây chưa chết vẫn còn đây
Hạ Lào đi suốt vùng biên giới
Nhìn Ngok Tu Ba xác ngập đầy
Hè nay ta lại trên đầu súng
Chợt xót xa cho khách chiến bào
Đang đốt đời trong cao điểm đỏ
(Bao giờ thấy lại ngọn Chư Pao?)*

(Đường số 14)

Và viết về mùa hè năm 1972 đã qua rồi ấy, Lâm Hảo Dũng có
một bài thơ khó làm cho người đọc bỏ qua được với mấy câu
thơ trong bài thơ “*Đã qua rồi một mùa hè*” mà mỗi lần đọc lại
tôi vẫn nghe lòng mình buồn vô hạn...:

*“Khi em bỏ Pleiku về với biển
Một ngày vui tôi kiếm cũng không ra
Nắng tháng năm nóng theo màu cuộc chiến
Tôi lên rừng săn đuổi đám mây xa
Đồi Lam Sơn để ngóng về Tân Cảnh
Dakto ơi !tôi tạm biệt bao giờ
Rồi soát điểm rồi nằm quanh Trung Tín
Rồi hoa đời chuta nở đã tươi khô
Cho tôi thấy một mùa hè đỏ sắc
Đẹp nào nùng trong từng gốc gai thơm”
Và trên những chỗ ngồi tươm ướt đất
Bằng hữu tôi vừa trút thở linh hồn”*

(Đã qua rồi một mùa hè) (1972)

Qua hai câu kết bài thơ trên:

*“Và trên những ngôi uơn ướt đất,
Bằng hữu tôi vừa trút thở linh hồn”*

Làm tôi chợt nhớ nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh có lần đã nhận định về thơ Lâm Hảo Dũng viết về chiến tranh thật xác đáng, đặc biệt về những bài thơ viết về vùng tam biên ấy như sau: *“Lâm Hảo Dũng có hai câu thơ đọc nghe nhức nhối, như luồng điện đi vào da thịt:*

*“Chư Pao ai oán hờn trong gió.
Mỗi một khăn tang một tắc đường.”*

Câu thơ của những ngày hè đỏ lửa 1972, khi chốt Chư Pao của Bắc quân cắt ngang đường tiếp tế cho Kontum đã biết bao nhiêu chiến sĩ hai bên hy sinh và biết bao nhiêu tấn bom đạn đã đổ trên móm núi.”(2)

Lâm Hảo Dũng còn nhiều lắm những bài thơ viết về chiến tranh như vậy, nên làm người đọc có cảm tưởng anh đang viết bút ký chiến tranh bằng thơ. Nhưng có lẽ cũng ghi nhận thêm một điều này nữa là ngoài những nỗi nhớ mang mang về chốn cũ kể cả nơi làng quê vùng đồng bằng và các vùng chiến địa cao nguyên một thời mà anh đã xông pha nơi các trận mạc ấy, Lâm Hảo Dũng khi chợt nhận ra mặt trận nào rồi cũng phải kết thúc một thời kỳ và người lính trẻ năm nào rồi cũng phải già từ vũ khí với màu thời gian phảng phất trên mái tóc điểm sương khi tuổi đời thấp thoáng ở ngưỡng cửa của tuổi năm mươi, cái tuổi mà người xưa gọi là *“Ngũ thập tri thiên mệnh”*, và rồi tác giả có bài thơ *“Cho tôi hoài ở tuổi năm mươi”*. Chắc có lẽ bài thơ này tác giả làm khi anh vào độ tuổi năm mươi ấy, nay thì đã qua rồi cái thừa *“năm mươi”* rồi mà sao nghe như vẫn tha thiết lắm về một ước vọng xa xăm ...

Cho tôi hoài ở tuổi năm mươi

Để tôi thấy tôi còn xuân sắc

Mây vẫn chờ khoảng trời xanh ngan ngát

Tôi sợ rồi ai gọi tiếng buồn ôi

*Tôi cô đơn ôm bóng tối cuộc đời
Tôi kinh khiếp đếm thời gian lặng lẽ
Tôi còn trẻ nghìn năm tôi vẫn trẻ
Đừng mang tôi rời bỏ tuổi năm mươi
Đêm quanh quẽ tưởng chừng như lắng đọng
Tiếng tôi rên từng nhịp thở rung đều
Tôi cứ chờ triệu ngàn năm ánh sáng
Một bóng hình tôi ghét gọi người yêu*

*Cho tôi hoài ở tuổi năm mươi
Tôi thấy có thiên đường và địa ngục
Tôi bật cười đau hay tôi sắp khóc
Tình yêu ơi tôi chối bỏ lâu rồi”*

Dĩ nhiên rồi, làm sao ở mãi tuổi năm mươi, làm sao níu lại được thời gian, phải không thưa anh? :

*“Thế là tôi lừa dối chính tôi thôi
Thế là tôi chôn sống trái tim người”
(Cho tôi hoài ở tuổi năm mươi)*

Thi sĩ vốn là những nghệ sĩ với một tâm hồn lãng mạn vô bờ và tâm hồn Lâm Hảo Dững cũng bênh bồng trong sông nước gió trắng lãng mạn ấy . Với bài thơ “*Tôi Vẫn Biết Em Buồn Bên Mái Lá*”, là một trong những vần thơ chan chứa cái chất lãng mạn ấy:

*“Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hàng búp thưa đôi búp nhú ơ hờ
Đất xa trời bao năm mà đất nhớ
Những ngày giông đêm tối hẹn hò mưa”*

Nhưng điều tôi muốn ghi nhận nơi đây là cái chất quê nhà ở trong thơ Lâm Hảo Dững nó bền bỉ biết đường nào ! Khi bạn nghe ra những chữ như “*thương hàng cau ngan ngát*”, “*em hãy cắn giùm tôi vài quả ổi*”, “*chùm mận tươi khi gió chuyển*

mùa sang”, “Nhớ đầu doi cuối vịnh”, “mái chèo”... là bạn sẽ cảm nhận nơi thơ Lâm Hảo Dũng dù có trải qua bao năm tháng dài bao lâu đi chăng nữa và tuổi đời dù có không được “ở hoài tuổi năm mươi” đi nữa, thơ anh vẫn thênh thang một trời quê nhà yêu dấu ấy :

*“Em có mắt của một đời xa xứ
Thương hàng cau ngan ngát mấy chân vườn
Thương chết được nhưng bao giờ thấy lại
Bóng hình tôi về ngủ giữa hồn em
Tiếng chim hót sao nghe buồn quá đối
Bởi ngày qua nắng tắt sợi thu vàng
Em hãy cần giữ tôi vài quả ổi
Chùm mận tươi khi gió chuyển mùa sang
Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hỏi giòng sông đưa nước đến bao giờ?
Sông xa nguồn chắc sông sâu muốn khóc
Nhớ đầu doi cuối vịnh mái chèo khua
Đâu chỗ vá trên áo người cô phụ
Một thời xưa duyên dáng cuốn qua rồi
Nghe đứt ruột tưởng chừng trong đáy cốc”
(Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá)*

Tóm lại, theo thiển ý của tôi, cho dù có phải trải qua những mùa chinh chiến cũ, cho dù có phải lang bạt kỳ hồ ở bất cứ góc biển chân trời nào, hồn thơ của Lâm Hảo Dũng chính là ngọn gió nồm nam vùng Bồ Tháo (Sốc Trăng) mãi hoài mang hương đồng cỏ nội vùng sông nước Hậu Giang thổi mãi tận cuối trời ... Chính vì thơ anh là ngọn gió nồm nam vùng Bồ Tháo ấy nên cái nét đặc sắc của nó là mát và ngọt. Cái mát của gió và cái ngọt của sông nước Hậu Giang, của những mảnh vườn ngào ngạt hương hoa, của những cánh đồng lúa vàng bông trĩu nặng làm thành những câu thơ chuyên chở được cái hương nội cỏ đồng dù quê mùa đó nhưng êm êm; dù nghèo khó đó mà thơm tho, thanh bạch; dù giản dị đó mà thâm thúy vô cùng. Cái nét đặc thù ở thơ Lâm Hảo Dũng là do cái tinh chất của gió, của nước, của ruộng rẫy, của vườn quê làm nên những câu thơ mang phong cách rất riêng và rất trữ tình của vùng châu thổ

miền Tây Nam nước Việt vậy !

Houston ngày 19-11-2010

Phụ chú:

(1) “Trần Phong Giao và những người viết trẻ” của Trần Hoài Thư, trên mục “Nguyễn Xuân Hoàng và Bạn Hữu” trang VOA, ngày 03-11-2010

(2) Bài “Giới thiệu thơ Lâm Hảo Dũng” của Nguyễn Mạnh Trinh, trang báo Người Việt Boston, ngày 28-2-2009

THỜI CHIẾN VÙNG TAM-BIÊN QUA THƠ LÂM HẢO DŨNG

TRẦN VĂN NAM

Trên tuần báo “Sài Gòn Times” vùng thung lũng San Gabriel thuộc địa phận Los Angeles ở Hoa Kỳ, ta có dịp đọc nhiều lần “Bài Gọi Nhớ Về Châu Đốc” của Lâm Hảo Dũng. Bài thơ làm ta nhớ lại nếp sống dân gian Việt Nam với truyền thống “Cửa chùa rộng mở cho bá tánh”: đi lỡ đường thì có thể vào chùa ngủ nhờ một đêm. Và bài ấy cũng có một đoạn thơ tả rất kỳ diệu con sông Cửu Long bằng cái nhìn vừa thẩm nhuần huyền ảo của đạo Phật vừa chan chứa lòng yêu mến quê hương. Quang cảnh ngoạn mục của chùa Tây An ở núi Sam Châu Đốc đẹp rực rỡ trên nóc với những tượng rồng quẫy đuôi trong những đêm rằm. Tác giả tả những con rồng trên nóc chùa, hay tác giả viết về con sông Cửu Long đi ngang qua chùa rồi tiếp tục dòng chảy về hướng đại dương. Nếu từ trên cao, trên núi Sam xa, nhìn về sẽ tưởng tượng dòng trường giang hiện ra sau lưng chùa có cái đuôi vĩ đại nhưng nhỏ dần về phía biên

giới Kampuchia:

*... Em ở bên kia trời cách biệt
Mắt buồn vây kín núi Sam xa
Ta như lữ khách không nhà cửa
Ngủ đậu trên chùa mỗi tháng ba.
... Em khóc dòng sông đó phải không
Đêm mơ về thấy chín con rồng
Vẫy đuôi trên nóc Tây An Tự
Đón Hội Long Hoa một tối rằm.*

(Trích “Bài Gợi Nhớ Về Châu Đốc”)

Khi đã sống định cư ở hải ngoại, Canada, Lâm Hảo Dũng cũng có nhiều bài thơ nhớ quê hương đồng bằng sông Cửu Long, đôi khi sử dụng phương ngữ Nam Bộ. Lâm Hảo Dũng đóng góp thơ cho “*một vùng trọng điểm hoài hương*” của các giai đoạn “*di tản-vượt biên-định cư*”. Các “*vùng trọng điểm hoài hương*” khác, người viết bài này đã có đề cập đến trong Giai phẩm Xuân nhật báo Người Việt năm 2006. Xin lướt qua vài câu thơ nhớ Nam Bộ khi ở Canada của Lâm hảo Dũng:

*... Phó thường dân thích giăng câu đặt trúm
Thích lai rai nghe gió mới se buồn
Ngủ dật dờ bên xáng mức chiều hôm
Đời trôi chậm hay nhanh chàng bỏ mặc...*

(Trích bài “Tôi Chỉ Muốn Làm Phó Thường Dân Nam Bộ”)

Chỉ với bốn câu ấy thôi mà ta đã nhận ra tác giả đưa vào phương ngữ “*lai rai*”, và nhắc đến đặc thù ở Nam Bộ như “*xáng mức, đặt trúm*”, và có cả cách nói mới của ngôn ngữ hàng ngày gần đây, như “*phó thường dân*”. Vậy có thể nói tình hoài hương hướng về trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long là một khía cạnh hiện hữu trong thơ Lâm Hảo Dũng; cũng khá dồi dào như khía cạnh vui buồn đời sống định cư ở Canada. Đoạn thơ dưới đây nhắc nhở ta cũng nên kể khía cạnh “*hải ngoại*” ấy trong thơ của ông:

*Tám năm rồi không thể
Quên đi chuyện tình buồn
Nên một ngày tháng chạp*

*Em đi về Việt Nam
Tôi ngồi đây đếm tuổi
Giữa đêm dài cô đơn
Tám năm nào biết được
Em vẫn còn xa tôi
Như ngàn năm mây trắng
Quên mất một khung trời...*

(Trích bài “Chuyện Tình Buồn Cuối Đông”)

Nhưng khía cạnh trọng điểm hoài hương ấy và khía cạnh đời sống hải ngoại ấy có lẽ trùng lặp với nhiều nhà thơ khác, không tạo nên một lãnh vực riêng biệt, không độc đáo như thời chiến vùng Tam Biên trong thơ Lâm Hảo Dũng. Thời chiến trước 1975, nhà thơ đồn trú ở Tây Nguyên, rõ hơn nữa là thuộc đơn vị pháo binh tại vùng ba biên giới Việt-Miên-Lào. Địa danh những cứ điểm quân sự một thời nghe danh trong tin tức thời cuộc, rải rác trong thơ của ông. Nhưng khói lửa trong thơ Lâm Hảo Dũng không được nhà thơ mô tả chi tiết trận đánh nào rõ nét; chỉ là kể lại những mất mát bạn bè; kể lại kết quả khi tàn trận; nên không phải là những biểu hiện cụ thể và trực tiếp. Trái với hừng hực khói lửa, ta chỉ cảm thức mệnh mông của rừng núi; “*hiu hắt gà khuya gọi sáng rừng*” (thơ LHD); mưa dai dẳng buồn nơi đồn trú; sương và mây mù luôn luôn có mặt tại những cao điểm xa cách nhìn xuống miền xuôi; gọi tò mò với các địa danh nghe thật lạ tai do phiên âm từ các ngôn ngữ dân tộc. Những địa danh này dần dần cũng hết lạ tai khi mà chiến sự cứ mãi đề cập đến chúng trong bối cảnh thời chiến có con đường mòn Hồ Chí Minh:

*Những ngày ở Dakto
Anh không biết gì hơn
Ngoài cơn mưa mù tháng sáu
... Đang đốt đồi trong cao điểm đỏ
Bao giờ thấy lại ngọn Chư Pao?
... Những trưa quán cóc nhìn mưa xám
Còn thấy mây mù đỉnh Ngok Long
... Một mai về lại Tam Biên đỏ
Hãy ngắm Poko núi Phượng Hoàng...*

Xin nói nhiều hơn về con sông Poko mà Lâm Hảo Dũng đã

nhắc tới. Sông Poko chảy theo hướng Bắc Nam thuộc tỉnh Kontum xưa kia, chạy song song với con đường 14 có nhiều cứ điểm quân sự của Hoa Kỳ trước đây để ngăn chặn quân xâm nhập từ Bắc vào có cả xe tăng và cao xạ phòng không. Khi qua khỏi thị xã Kontum thì sông này chảy lệch về phía Tây làm thành thác Yali (nay đã xây thành đập nước) và hợp lưu với sông Xê Xan của Kampuchia đưa nước vào Mekong gần thành phố Stung Treng. **Ta hãy nghĩ đến một hồ chứa nước khổng lồ tại Yali để đưa nước vào Mekong với sự hợp tác Việt Nam và Kampuchia và được tài trợ do các Cơ Quan Phát Triển Á Châu của Liên Hiệp Quốc.** Phải chăng đây là giải pháp tạo nên hòa bình vĩnh viễn giữa hai nước; vừa tránh được viễn ảnh chiến tranh mà một cường quốc nào đó muốn khai thác sự thù địch lâu đời do lịch sử để lại cho hai quốc gia láng giềng; vừa giúp cho hai nước có con sông Cửu Long quanh năm nước ngọt tràn trề. Như vậy sẽ tránh được tình trạng thiếu nước cho nông nghiệp và kiệt quệ nghề đánh bắt thủy sản do mười mấy con đập trên thượng nguồn sông Mekong.

Thơ thời chiến vùng Tam Biên có lẽ là đề tài riêng cho Lâm Hảo Dũng, dường như không có nhà thơ nào khác. Tuy không hiếm nhà thơ trước 1975 đề cập thời chiến xứ sương mù vùng cao, nhưng chỉ chung chung miền Tây Nguyên, hoặc có riêng thì thường là thành phố Đà Lạt thơ mộng, hoặc hậu cứ an ninh Pleiku Buôn-Mê-Thuột. Nhưng Lâm Hảo Dũng lại có cái chung với họ: nỗi sầu nơi biên trấn, nhớ gia đình, nhớ người yêu, nhớ người thân, nhớ thành phố hay quê hương xa cách vì thời cuộc đời lính xa nhà. Tuy là lính tác chiến, nhưng có mấy khi họ ca ngợi trận đánh nào trong văn chương; phần khởi chiến thắng ít thấy trong thi ca. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa không có sĩ quan Chính Ủy để chỉ đạo chính trị cho tinh thần binh sĩ. Đôi khi họ có những nét như ngao ngán chiến tranh, nhưng không phải là chủ trương phản chiến nhằm tác động người khác. Họ chỉ quy vào chính họ mà thôi, tự cảm thấy không thích hoàn cảnh đang làm lính biên trấn, hoặc muốn biểu lộ niềm thương tiếc bạn bè chết trận. Riêng cho cá nhân, không phải nhân danh chủ trương phản chiến chống chính quyền đang điều khiển chiến tranh. Họ coi như bốn phận thi hành quân dịch; mong sao cho mau hết chiến tranh để về đoàn tụ với những mến thương họ đành phải ly biệt. Họ từng đợi chờ bao nhiêu năm mà không thấy ló dạng hòa bình; có một

thời ngưng chiến rồi cũng trôi qua mau:

... Một mai về lại Tam Biên đở
Sương mỏng như là chiếc lá bay
Vợ con trong đáy hồn xưa cũ
Nhẹ ngủ êm đêm... nhưng rất say.

(Trích bài “Một Mai Về Lại Tam Biên Đở”)

Ta pháo miền cao theo biệt động
Ngâm ngùi thấy lại Dakto xưa
Đâu “căn cứ sáu” mưa trên xác
“Căn cứ năm” tràn bóng ma đưa
Ta kể nhau nghe đời chiến trận
Thằng Nam mất tích ở Nam Lào
Y Uyên bỏ cuộc vài năm trước
Thằng Sự khinh đời cũng chết mau
Thôi nhé Viêm ơi tàu đã đến
Ta lên Tân Cảnh ghé Kontum.

(Trích bài “Đêm Gặp Nguyễn Lăn Viêm Ở Phi

Trường Cù Hanh”)
Chiến chinh đời tiếp diễn
Ta còn kiếp dọc ngang
Hẹn ngày mai nắng ấm
Ta xuống phố An Khê
Bên tách cà phê nóng
Quên dọc đường hiểm nguy.

(Trích bài “Tháng Chín Về Mang Yang”)

Vùng chiến sự Tam Biên không chỉ giới hạn ở các miền đất quanh Pleiku - Kontum- Buôn Mê Thuột, mà việc quân còn trách nhiệm liên đới xuống duyên hải tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định. Cho nên thơ Lâm Hảo Dũng cũng đậm nhạt dấu vết vùng miền có những tháp Chăm xưa cổ. Những tháp này không đồ sộ như ở Quảng Nam, Nha Trang hay Phan Rang, nhưng cũng đủ gợi hứng cho Lâm hảo Dũng có những bài thơ về phê tích cổ tháp và thiếu nữ Chăm. Lâm Hảo Dũng nhắc nhở cuộc chinh chiến Việt Chiêm xưa, và qua đó mong ước hòa bình cho mọi cuộc chiến tranh. Nhà thơ Lâm Hảo Dũng cảm hứng liên hệ đến những cổ tháp hơi xa xôi đối với vùng Tam Biên, như quần thể tháp Chăm ở Mỹ Sơn gần Đà Nẵng; hoặc thành Đồ Bàn gần Quy Nhơn; trong khi ngay ở Tam Biên

cũng có tháp Chàm gần Cheo Reo bên sông Ba thuộc địa phận tỉnh Pleiku (tên mới ngày nay là tỉnh Gia Lai). Vùng Tam Biên ngày xưa cũng là đất đai của nước Chiêm Thành, nên cổ tháp rải rác nơi đây không phải hiếm hoi. Nghĩ về nước Chàm, liền nghĩ đến ước mong dứt chiến tranh, một liên tưởng có vẻ không tương hợp với tính chất của hai cuộc chiến. Sống yên vui và có được tình yêu trai gái, đó là ước nguyện muôn thuở. Những ước mơ gần gũi tuổi trẻ thời chinh chiến có như vậy mà thôi; chưa đặt tới ước nguyện nhân bản cho con người nói chung (nhưng đôi khi cũng thấy tác giả liên hệ đến tính nhân bản bao hàm tới toàn thể nhân loại). Bên cạnh lý tưởng hòa bình qua nhắc nhở Chiêm Thành, còn có những lãng mạn như được cùng em Chiêm-nữ tắm nước sông đầy; muốn nhìn vào đôi mắt sâu của thiếu nữ Chàm mà trực cảm nỗi sâu siêu hình có tính chất tôn giáo nào đó (chắc không phải là nỗi sâu mất nước như ta từng nghe niềm ai oán này qua bài hát “Hận Đồ Bàn” của nhạc sĩ Xuân Tiên; hoặc qua tập thơ “Điêu Tàn” của nhà thơ Chế Lan Viên):

*... Và nếu được cho ta về Lâm áp
Thuở huy hoàng thành quách rợp cờ bay
Để những đêm khi sao trời tắt rụng
Ta cùng em đùa tắm nước sông đầy.*
(Trích bài “Dưới Tháp Chiêm Gầy”)

*Khi bỏ đèo Nhông về với núi
Ta làm mây ở cuối trời xa
Ngắm đôi hàng tháp Chiêm gầy guộc
Thương mắt em buồn chuốc rượu ta
... Ta muốn bỏ thành lên ở núi
Sống hoang vu như cỏ cây sâu
Bờ bao tham vọng trên trần thế
Sẽ ủa tàn khi bạc mái đầu
Chiến sĩ không nên buồn rã rượi
Cười ngông nghênh nhé, súng cầm tay
Muốn như muông thú xin dành hến
Một tối mơ màng cốc rượu cay.*
(Trích bài “Cảm Khái Khi Về Núi”)

*... Ai biết sâu chôn những gái Hời
Bên kia Trà Kiệu nắng phai rồi
Xa trong bóng núi mờ sương bạc*

Ánh lửa mơ hồ ma diêu chơi...

(Trích bài “Một Tôi Tôi Về Ngang Mỹ Sơn”)

Căn cứ về số lượng những bài thơ sáng tác của Lâm Hảo Dũng, ta thấy gần như có sự đồng đều giữa ba đề tài; và cả ba đều đậm nhạt xen vào thơ tình: đề tài hoài hương miền đồng bằng sông Cửu Long; đề tài đời sống khi định cư ở xứ người; đề tài một thời chiến vùng Tam Biên. Riêng đề tài thứ ba: Thơ thời chiến ở Tam Biên không là thơ hiện thực chiến tranh vùng ác liệt thuở trước; và thơ tình điểm xuyết cũng là thứ tình mơ hồ với Chiêm nữ. Qua kỷ niệm một thời biên trấn và qua nhắc nhở Chiêm Thành, tác giả có những ý tưởng lai vãng về hoà bình, mong chấm dứt chiến tranh; điểm xuyết vài nét lãng mạn tình yêu và cũng có đôi chút khinh bạc của người từng thấy những rủi may ngoài chiến trận.

TRẦN VĂN NAM

Walnut, California, tháng 11 năm 2010

TRẦN THẾ ĐỨC

Bài thơ “Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá” của Lâm Hảo Dũng trong trường trung học Úc

Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá

*Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hàng búp thưa đôi búp nhú ơ hờ
Đất xa trời bao năm mà đất nhớ
Những ngày giông đêm tối hẹn hò mưa*

*Em có mắt của một đời xa xứ
Thương hàng cau ngan ngát mấy chân vườn*

*Thương chết được nhưng bao giờ thấy lại
Bóng hình tôi về ngủ giữa hồn em*

*Tiếng chim hót sao nghe buồn quá đôi
Bờ ngày qua nắng tắt sợi thu vàng
Em hãy cản giùm tôi vài quả ổi
Chùm mận tươi khi gió chuyển mùa sang*

*Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hỏi giòng sông đưa nước đến bao giờ
Sông xa nguồn chắc sông sâu muốn khóc
Nhớ đầu doi cuối vịnh mái chèo khua*

*Đâu chỗ vá trên áo người cô phụ
Một thời xưa duyên dáng cuốn qua rồi
Nghe đứt ruột tưởng chừng trong đáy cốc
Hồn Trương Chi lãng đãng ấy là tôi*

*Và tất cả bờ ao kinh rạch ấy
Thoảng hương trầm hay hoa tím bằng lăng
Cũng náo nùng vì muốn đời không thấy
Lũ ong xưa đàn bướm giỡn tung tăng*

Lâm hảo dững
(Ngày đi thương sợi khói bên nhà, 1988)

Sau biến cố 30 tháng tư 1975, số người Việt tỵ nạn cộng sản đến Úc ngày một tăng, cộng đồng người Việt ngày một lớn mạnh nên chính phủ Úc đưa ngôn ngữ Việt Nam vào chương trình chính mạch của bậc tiểu học (năm 1984), rồi sau đó ở bậc trung học. Tiếng Việt là một trong những ngôn ngữ cộng đồng được dạy chính thức trong trường công. New South Wales là tiểu bang đầu tiên thực hiện chương trình dạy tiếng Việt, sau đó là Victoria và các tiểu bang khác.

Học sinh trung học ở rải rác nhiều nơi nên bộ giáo dục tiểu bang mở một số trường vào sáng thứ bảy gọi là Trường Ngôn Ngữ Cộng Đồng Ngày Thứ Bảy (Saturday School of Community Languages), dạy từ lớp 7 đến lớp 12. Ở tiểu bang

New South Wales có 16 trung tâm, dạy 25 ngôn ngữ. Học sinh các lớp đệ nhất cấp (từ lớp 7 đến lớp 10) học 2 giờ mỗi tuần. Các lớp 11, 12 học 3 giờ 45 phút mỗi tuần. Học sinh các lớp 11, 12 đông đảo nhất (vài trăm học sinh, năm đông nhất khoảng 800 học sinh lớp 12). Ở NSW, có 5 trung tâm dạy tiếng Việt: Birrong Boys, Dulwich Hill, Liverpool Boys, Wollongong, Newcastle. Ít người Việt học ngành giáo dục ở Úc nên bộ giáo dục tuyển chọn các giáo chức tốt nghiệp ở Việt Nam. Giáo chức chuyên về Việt Văn quá ít nên bộ giáo dục tiểu bang nhận cả các giáo chức sinh ngữ (Anh văn, Pháp văn), toán, sử địa,

Khi bước chân xuống ghe ra đi tìm tự do, những người đã chót chọn nghiệp giáo, ít ai nghĩ có ngày nào đó mình sẽ dùng cái đầu trở lại. Đến Úc, ai cũng phải lo kiếm sống, ít ai có thời giờ bước chân vào đại học để trở lại nghề giáo trong nhà trường Úc. Vì thế, dạy tiếng Việt trong các trường tiểu và trung học Úc là nguồn vui đối với một số thầy cô giáo còn thiết tha với nghiệp dạy học. Nước Úc thực là nhân đạo đối với người tỵ nạn.

Buổi sáng thứ bảy đầu tiên bước vào trường Birrong Girls gặp các đồng nghiệp, dù chưa hề biết họ bao giờ, tôi cảm thấy thật vui. Tôi cảm thấy như gặp lại những người thân sau bao năm xa cách. Họ cùng với tôi là những nhà giáo nạn nhân của cộng sản. Họ cũng như tôi lớn lên trong bầu không khí Việt Nam tự do, đi học để đào tạo thế hệ mai sau phục vụ đất nước, nhưng chúng tôi cùng bị bọn cán ngố ngu dốt chà đạp, ruồng bỏ, và cả đến bỏ tù.

Ngày thứ bảy trong tuần, chúng tôi giả từ factory, bưu điện để trở lại đúng nghề của mình. Từ lâu lắm rồi, bây giờ tôi mới lại thấy mình là thầy giáo. Tôi thực sự xúc động khi lần đầu tiên đứng trước mặt học sinh mới. Có những em 17, 18 tuổi, nhưng cũng có những thanh niên ngoài 20. Các em đến được nước Úc tự do sau những cuộc hành trình đầy gian khổ, hiểm nguy, và không thiếu gì nước mắt. Tuổi các em còn trẻ. Khác với lứa tuổi lỡ thời như chúng tôi, các em còn nhiều thời gian để xây dựng cuộc đời, chắc chắn sáng sủa hơn lúc còn bị cộng sản đàn áp tại quê hương. Có em đã từng bước chân vào đại học để học

đại, nhưng có nhiều em phải bỏ học dở dang vì cha mẹ là “nguy quân, nguy quyền”, hoặc nhà nghèo phải bỏ học, đi kiếm sống nuôi gia đình, dù tuổi đời còn non dại. Tôi mong các em học thành tài trong xã hội Úc, để đền đáp lại lòng nhân đạo của họ, để khỏi phụ lòng mong ước của cha mẹ ở quê nhà và sau này đem tài năng về xây dựng quê hương không còn cộng sản. Thầy trò trao đổi với nhau mà không còn bị các giáo án quái gở trói buộc. Thầy trò mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình mà không sợ bị đoàn, đảng rình mò, mách lẻo, trừng trị. Đầu óc không còn bị những giáo điều Mác Lê nin ám ảnh. Không ai còn phải bận tâm lo hoan hô, đả đảo cho đúng lúc. Chúng tôi gặp nhau trong không khí thân mật vào những sáng thứ bảy đẹp trời. Mỗi thân tình này khác với tình cảm thầy trò thầy trò trước. Thuở đó, trò còn trong trắng, không vướng mắc chuyện đời, còn thầy lo làm tròn bốn phận của mình. Bây giờ, ngoài tình cảm thầy trò, chúng tôi gần gũi với nhau vì cùng chung chí hướng, cùng chung hoàn cảnh.

Phương pháp dạy tiếng Việt cũng như những ngôn ngữ trong nhà trường Úc cung cấp cho học sinh kiến thức về văn hóa Việt Nam và đào tạo học sinh về bốn kỹ năng của ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Văn hóa bao trùm mọi lãnh vực, học sinh cũng học về sử, địa Việt Nam, nghệ thuật Việt Nam (âm nhạc, kịch nghệ, hội họa, nhiếp ảnh).

Chương trình do các thầy cô giáo người Việt soạn theo cái sườn của bộ giáo dục tiểu bang. Học sinh lớp 11, 12 nói và học tiếng Việt từ lúc nhỏ, nên khả năng nghe và nói đã giỏi. Vì thế, họ cần được chú trọng vào hai kỹ năng đọc và viết. Trong những năm đầu, của chương trình tiếng Việt, khả năng đọc của học sinh cũng khá nên thầy cô giáo đưa văn chương vào chương trình. Kho tàng văn chương Việt Nam thật phong phú, những người soạn chương trình chọn lọc một số tác giả, tác phẩm.

Trước hết, văn chương truyền khẩu (tục ngữ, ca dao), kho tàng văn hóa dân tộc vô cùng phong phú, người Việt nào cũng cần phải biết nên học sinh học tiếng Việt không thể bỏ qua được. Học sinh cũng học Truyện Kiều, tác phẩm lớn trong văn chương Việt Nam. Vài năm sau (khoảng thập niên 1990), trình

độ học sinh ngày càng xuống thấp, nên Truyện Kiều không còn được giảng dạy nữa.

Về văn xuôi, hai tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn là Đoạn Tuyệt của Nhất Linh và Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng được chọn để dạy trong chương trình lớp 12. Tuy nhiên, vì thời gian giới hạn, mỗi năm chỉ dạy một tác phẩm, thí dụ năm nay học Đoạn Tuyệt thì năm sau học Nửa Chừng Xuân.

Về thơ, mỗi năm, học sinh học hai bài. Chương trình đã chọn những bài thơ sau đây:

- Ngậm Ngùi của Huy Cận
- Đây Thôn Vỹ Dạ của Hàn Mặc Tử
- Thời Trước của Nguyễn Bính
- Áo Lụa Hà Đông của Nguyễn Sa
- Tôi Vẫn Biết Em Buồn Bên Mái Lá của Lâm Hảo Dững

Học sinh không còn phải học những bài về tuyên truyền, nhốt những tư tưởng thù hằn, chém giết như trong nhà trường cộng sản. Học sinh nhận thấy văn chương Việt Nam thật thơ mộng với những bài thơ tình cảm giạt dào, đẹp đẽ, chung thủy; những mối tình tuyệt đẹp; những hình ảnh người phụ nữ Việt Nam đức hạnh. Thi ca làm sống lại trong lòng thanh niên tình yêu đất nước với những hình ảnh quê hương êm đềm. Mỗi bài thơ mang một sắc thái riêng. Đức tính cần cù, hy sinh của người phụ nữ Việt Nam thể hiện qua bút pháp của Nguyễn Bính trong Thời Trước. Tình yêu lãng mạn, thơ mộng thể hiện qua Ngậm Ngùi và Đây Thôn Vỹ Dạ với những sắc thái riêng biệt. Áo Lụa Hà Đông diễn tả tình yêu ở lứa tuổi học trò đẹp đẽ, biết đâu tâm trạng cô cậu nào đó cũng là những điều giải bày trong bài thơ. Riêng Tôi Vẫn Biết Em Buồn Bên Mái Lá của nhà thơ Lâm Hảo Dững mới khiến thầy trò cùng thấm thía. Tâm trạng của nhà thơ chính là tâm trạng thầy trò: thương nhớ người vợ hiền, người yêu sống trong cảnh nghèo nàn, buồn tủi ở quê nhà. Trò chưa có vợ hiền nhưng cũng có người yêu, người thân mà bây giờ cũng phải xa cách như Lâm Hảo Dững. Ngày về không thấy, tâm trạng tuyệt vọng, nỗi nhớ thương ray rứt, khắc khoải của người người chồng trong bài thơ cũng là hoàn cảnh của chính mình hiện nay. Trong bài thơ, người đọc

không biết khi xa quê, nhưng thi sĩ ở trong nước hay ở ngoài nước. Vì tài liệu nghiên cứu thiếu thôn nên một vài thầy cô suy đoán tác giả ở ngoài nước. Sau này, khi gặp nhà thơ Lâm Hảo Dũng ở Sydney, chúng tôi được biết bài thơ được sáng tác trước năm 1975 và cuộc chia ly là do nhà thơ đổi lên trú đóng ở trên cao nguyên, xa quê hương Sóc Trăng của ông. Pleiku và Sóc Trăng xa nhau vời vợi. Dù sao thì cảm hứng của nhà thơ từ một cuộc xa cách đã gây xúc động cho chúng tôi.

Những hình ảnh quê hương miền Nam thân yêu gọi lên trong lòng thầy trò nỗi nhớ quê hương ra riết. Thầy trò cùng nhớ lại cảnh sông nước mênh mông của kênh, rạch miền Nam với những mái chèo khua. Cây tràm, cây bằng lăng là những cây đặc biệt của quê hương Sóc Trăng của nhà thơ với hương sắc dịu hiền, nhưng vườn tược, hàng bông búp, hàng cau, trái cây (ổi, mận) tiếng chim hót líu lo, ong bướm tung bay, ... là những hình ảnh chung của miền Nam thanh bình thân yêu của mọi người. Bây giờ, quê hương thật xa xôi. Người thì xa lạ. Cảnh thì hầu như chỉ thấy cây khuynh diệp khô cằn. Những hình ảnh và âm điệu trong thơ Lâm Hảo Dũng tạo nên trong lòng thầy trò nỗi buồn miên man. Trong lúc tâm trạng quyến luyến quê hương, gia đình, người thân, bài thơ Tôi Vẫn Biết Em Buồn Trên Mái Lá tạo cho thầy trò những xúc động mà những bài thơ khác trong chương trình, do những nhà thơ tên tuổi khác không tạo nên được.

Khi học bài thơ Tôi Vẫn Biết Em Buồn Bên Mái Lá, thầy trò cùng phân tích giá trị nghệ thuật của tác phẩm như việc học và dạy Việt văn thời Việt Nam Cộng Hoà: thể loại, từ ngữ, mỹ từ pháp, bút pháp, nội dung. Trong trường học, khi học văn thơ, học sinh không thể bỏ qua những điều căn bản là tiểu sử tác giả, xuất xứ bài thơ, hoàn cảnh sáng tác. Học sinh học từ những cuộc thảo luận cởi mở, tự do, mới lạ, thực tế. Họ học từ thầy cô giáo và cũng học của bạn bè (“học thầy không tày học bạn”). Họ học trong sự hiểu biết chứ không từ chương. Họ không còn là những con ngựa bị bịt mắt, chỉ nhắm đường mà đang muốn đưa họ tới với “giáo án là kim chỉ nam, sách giáo khoa là pháp lệnh”.

Trong phần văn chương, đề thi tú tài năm 1995 có hai câu hỏi:

một đề văn xuôi trong tác phẩm Đoạn Tuyệt của Nhất Linh và một đề về Bài thơ của Lâm Hảo Dững:

Question 22. Poetry (7 marks)

TÔI VẪN BIẾT EM BUỒN BÊN MÁI LÁ

-
- a) Qua bài thơ trên tác giả đã nhắc đến những kỷ niệm nào ?
(3 điểm)
- (b) Hãy bày tỏ cảm tưởng của em đối với những kỷ niệm ấy.
(4 điểm)

Trong chính sách chung của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Department of Education and Training) của các tiểu bang, từ năm 2001, chương trình tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ khác thay đổi theo đường hướng mới: chú trọng vào bốn kỹ năng của ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Chương trình tiếng Việt lớp 11, 12 gọi là Việt Ngữ Tiếp Nối (Vietnamese Continuers) dành cho học sinh Việt Nam sinh đẻ ở Úc và người ngoại quốc, không còn đặt nặng vai trò của văn chương nữa. Trình độ học sinh thấp hơn những năm trước. Thầy cô giáo chọn những bài thơ và đoạn văn ngắn, phân tích dưới khía cạnh ngôn ngữ. Thơ Lâm Hảo Dững cũng như các bài thơ khác đã được dạy trong chương trình tiếng Việt ở tiểu bang New South Wales không còn thích hợp nữa. Các tiểu bang khác cũng có những thay đổi tương tự. Người Việt tỵ nạn cũng chuyển sang giai đoạn khác.

Trong hơn 20 năm, môn văn chương Việt Nam trong chương trình tiếng Việt các tiểu bang ở Úc đã giới thiệu cho hàng ngàn thanh thiếu niên Việt Nam những nét đẹp trong văn chương của mình. Với thời gian hạn hẹp, họ làm quen với văn hóa và văn chương Việt. Tiếng Việt là phương tiện giúp họ giao tiếp với ông bà, cha mẹ, không quên nguồn gốc của mình. Nói, nghe, đọc và viết tiếng Việt tạo cho họ niềm vui khi cảm thấy họ là một phần trong cộng đồng người Việt của mình. Thực tế nhất là nhờ môn tiếng Việt mà rất đông học sinh đạt điểm cao và chọn được những ngành ở đại học mà mình mong muốn.

Thái Tú Hạp đọc ***Ngày Đi Thương Sợ Khỏi Bên Nhà*** **của Lâm Hảo Dững**

Trong những ngày tháng gần đây, tôi đã khám phá cho mình con đường tâm thức Việt qua ca dao, qua thơ Nguyễn Bính, qua Đường thi. Trên những suối nguồn Đông phương êm ả đó, tôi thực sự đã gần gũi với quê hương, gần gũi với những chân tình nồng thắm nhất. Những mệt mỏi theo đuổi trò chơi ngôn ngữ thời thượng đến lúc không còn là vọng tưởng, không là những lời cuốn của một thứ hành tinh mới lạ nơi đất khách. Những ao thu trong vắt của Nguyễn Khuyến. Những mùa xuân ngàn mai rực rỡ của Tiên Điền Nguyễn Du. Những tiếng võng trưa hè, nghe tiếng chim quốc vọng bên ngàn trong thơ Bà Huyện Thanh Quan. Thế giới đó mới là cõi rung động đích thực miên viễn...nhưng bây giờ đã chìm sâu trong tiềm thức hoang vu. Để rồi trong phút giây nào đó, tâm chợt động nhớ về. Vùng trời yêu dấu bỗng hiện đến như một miền trú ẩn hoang đường. Cũng như buổi chiều hôm nay.Mở cánh cửa sổ nhìn qua bên kia đồi cây khẳng khiu Monterey Park. Tiếng động cơ chiếc máy bay trực thăng vút qua bầu trời yên tĩnh. Tôi có cảm tưởng mình đang lạc lõng trong cánh rừng cao nguyên thuở chiến chinh nơi quê nhà.Và cũng từ những giao động nguyên vẹn tận cùng nhớ nhung, tôi đã bị cuốn hút vào thế giới thi ca của Lâm Hảo Dững.

Ngày trước, cuộc chiến đang hồi khốc liệt, tuổi trẻ chúng tôi hiên ngang nhập cuộc và tung cánh khắp bốn vùng chiến thuật. Những Luân Hoán, Thành Tôn, Cao Thoại Châu, Nguyễn Bắc Sơn, Lâm Hảo Dững, Mùng Mán, Hoàng Lộc, Hà Thúc Sinh, Tô Thùy Yên, Tạ Ký... những bài thơ mang tâm tư người lính chiến gởi về hậu phương.Trong những dòng thơ bốc lửa ngút ngàn đó, tôi đã yêu Nguyễn Bắc Sơn, Lâm Hảo Dững:

Một mai về lại Tam Biên đó
Hãy ngắm Poko núi Phụng Hoàng
Thấy tao như một vầng trăng nhỏ
Ngủ dưới chân rừng đêm tối đen
Nguyễn Bắc Sơn:

Một ngày Chủ Nhật phơi giầy trần
Ta bỗng tìm ra một vết thương
Vết thương bằng bạc như mây khói
Ngưng đọng nhà ai ở cuối đường...
Thì tập ngày đi thương sơi khói bên nhà của Lâm hảo Dũng đã
mở ra những vùng kỷ niệm, những sông núi thôn làng miền
Nam mật ngọt, những cao nguyên heo hút bụi mù Pleiku,
Kontum, những miền Trung Quảng Trị, Qui Nhơn bóng dừa
xanh ý nhớ.

Sáng nay về tới rừng Banhet
Còn nhớ đồi cao dốc tử thần
Ta đã một thời đi chiến đấu
Một thời lữ khách rất cô đơn
(Ngày về Banhet)

Thơ của Lâm Hảo Dũng chơn chất, đôn hậu, thuần tính như
một người lính bình thường , chỉ biết làm tròn bổn phận nơi
chiến trường. Không tham vọng, không phản trắc anh em đồng
đội, mang cái hào khí lẫm liệt của anh hùng Trần Bình Trọng,
của chiến sĩ Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú..

Đi đâu mất rồi hỏi những Chuyên Chư
Quê nước Việt bên kia bờ Nam Hải
Cũng có kẻ mơ làm người Nguyễn Trãi
Giữa rừng thiêng ngồi viết hịch Bình Ngô
(Đi đâu mất rồi hỏi những Chuyên Chư)

Thơ của Lâm Hảo Dũng đã thoát ra khỏi cái không gian đầy
bụi đen của thủ đô, của thành phố đầy vị kỷ,ty tiện. Hồn thơ
Lâm Hảo Dũng mênh mông như mây trời, như dòng sông biển
cả. Chúng ta đã cảm nhận nơi dòng thơ đó những hơi thở nồng
nàn tình quê. Ngoài cái tính chất bình dị hương đồng phần nội,
tình yêu cũng chơn chất như ca dao, như cô gái quê lần đầu
nuôi mộng:

Em cần dùm ta những quả sim
Đời đi lính trần cỏ xanh hồn
Là khi theo gió về trên núi
Còn gởi sương chiều mộng cuối thôn
(Ngày trở lại Bồng Sơn)

Cuộc chiến đấu anh dũng của dân tộc Việt Nam để dành tự do,
hòa bình đã khơi dựng hàng mấy chục năm qua. Máu xương
của bao nhiêu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà đã tô thắm quê
mẹ.Từ đó nở ngát những đóa hoa thơ lửa ngời. Những Quang

Dũng, Hữu Loan, Nguyễn Bắc Sơn, Diên Nghi, Nguyễn Xuân Thiệp, Tô Thùy Yên, Lâm Hảo Dũng...những ý thức lên đường cùng một chiến tuyến, cùng một ý niệm cao quý gìn giữ non sông...

Năm xưa Tây tiến nay Đông tiến
Về núi Tà Lơn xuống Biển Hồ
Ta biết người buồn say rất nhẹ
Một hồn du tử nhớ không ra
Ta có bạn hiền đi chiến đấu
Từ khi sông Lại nước khô nguồn
Nghe tiếng mẹ già rơi nước mắt
Giữa ngày giặc chiếm đất Bồng Sơn
(Trên đường Đông tiến)

Những địa danh Chư Prong, An Lộc, Cổ thành Quảng Trị, Tam biên, Hạ Lào, Khe Sanh, U Minh, Thất Lát...đã oanh liệt đi vào chiến sử, đi vào lòng tin yêu của dân tộc. Bỗng nhiên thế sự đổi thay., đại bàng gãy cánh tức tưởi, căm hận. Hàng ngũ quân đội lơ lảo tan hàng, không biết giạt về đâu. Kẻ bị dọa dẫm trong ngục thất, người vui thây ngoài biển khơi. Lũ chúng ta thì sâu hận lưu vong nơi xứ người cô đơn

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh (Vũ Hoàng Chương)
Quê hương đã nhuộm màu tang tóc, lúc trở về cũng chỉ hình ảnh xác xơ điêu tàn thương tiếc
Năm năm trở lại Sài Gòn
Chiều nay trời không có nắng
Hai hàng me vẫn xanh rờn
Lòng ta huyết buồn xa vắng
Năm năm trở lại Sài Gòn
Đường xưa có mùi máu đỏ
Ai cười vu vơ trên phố
Nghiến ta chết nát tâm hồn
Năm năm trở lại Sài Gòn
Nhà xinh bên người chủ mới
Mất sâu hai hàng mộ tối
Ta ơi sao khóc trong lòng
(Năm năm trở lại Sài Gòn)

Hơn hai mươi năm làm thơ ca ngợi cuộc đời, ca ngợi tình yêu và quê hương đầy chinh chiến, đến hôm nay soi mình trên dòng sông viễn xứ, mới cảm thấy quạnh hiu. Và cũng chính từ

niềm cô đơn ấy đã thôi thúc Lâm hảo Dũng chiều ý bằng hữu hoàn thành tác phẩm đầu tiên nơi hải ngoại.

Tôi đã trang trọng đi vào cõi thơ Lâm hảo Dũng như đi vào cái thế giới đầy yêu thương nơi quê nhà. Những tên làng tên xóm, những cây trái mật ngọt, là mỗi không gian cuu mang những kỷ niệm, những ngậm ngùi thương tiếc, những xót xa thâm tình. Tôi đã chia sẻ với thi sĩ Lâm hảo Dũng những nỗi niềm sinh tử huyền hoặc của kiếp người trôi nổi trong cuộc đời giả tạm buồn tênh. Tôi đã bàng hoàng sống lại những giây phút đổi thay nghiệt ngã.

Giữa những xô bồ, chán nản của đời sống lưu vong, thực sự tôi đã tìm thấy chút lửa ấm trong những dòng thơ của Lâm Hảo Dũng, miền đất đầy chân tình của quê hương và bằng hữu. Và tôi cảm ơn Lâm Hảo Dũng cho tôi nhìn lại những cụm mây trắng tinh khiết bay qua bầu trời California chiều nay, những cụm mây tuyệt vời của thi nhân mà bấy lâu tôi không còn thời gian nghĩ đến.

TRẦN HOÀI THU ***Dấu chân trên đất khổ***

Hầu hết những bài thơ trước 1975 của Lâm Hảo Dũng (LHD) đều không ít thì nhiều ghi lại cuộc hành trình của một người lính pháo thủ trên các vùng mà sư đoàn 22 BB chịu trách nhiệm, về những nỗi nhớ quê nhà da diết của một đứa con lưu lạc vì hoàn cảnh chiến tranh phải xa lìa quê nhà tận vùng châu thổ, cùng những thao thức về thân phận và vận mệnh của đất nước. Đọc thơ anh, lòng tôi da diết không nguôi. Bởi tôi cũng là một người cùng chung cuộc hành trình ấy. Anh đã giúp tôi thấy lại một thời, nhớ lại một thời suốt 4 năm dài đằng đẳng của một đơn vị thám kích thuộc sư đoàn 22 BB. Anh làm thơ cho Tam Quan, Bồng Sơn, cho Đệ Đức, Hàm Rồng, cho

Kontum, Pleiku, Tam Biên, cho An Khê, Mang Yiang, Tân Cảnh, Dakto, Daksuk...Tôi nghĩ, trước hết anh làm thơ cho anh, nhưng anh không biết anh đã làm cho tôi, cho những người mang giày trận cũng như anh, cùng chung một cuộc hành trình như anh.

Ai đã từng là lính thuộc sư đoàn 22 BB, vừa đánh giặc miền núi, vừa miền duyên hải, chắc sẽ không bao giờ quên những địa danh từng xảy ra những trận chiến thần sầu quỷ khốc như An Lão, Chư Pao, Tân Cảnh, Kỳ Sơn hay Chu Prong... Ai lại không một lần lạnh căng, lạnh mình, ròn rợn như lưỡi dao cạo kẻ lên gáy ót khi qua những ngọn đèn như Cù Mông, An Khê, Chư Pao, đèo Nhông... Ai lại không biết đến ngọn đèo Chư Pao được mang danh là ngọn đèo Tử thần... *“Chư Pao ai oán hờn trong gió/ Mỗi một khăn tang một tác đường. (thơ LHD)”*

Vào những buổi sáng, có khi mãi đến trưa, sương chưa tan, nhìn từ cao xuống đèo, thấy một màu trắng che phủ như cả một màn khăn tang chế... Mỗi lần chúng tôi qua đèo, lính tráng phải xuống xe di chuyển bộ. Có khi trời sương mù dày đặc, hai ngọn đèn pha của chiếc xe mười bánh chọc vào cỏi sương, thấy trời đất chẳng phân biệt, thấy nổi sống và nổi chết cũng chẳng có lẫn ranh... Tim như nghẹt thở cùng tiếng máy xe rì rầm một nhọc như khúc nhạc trong nhà quán. Lúc ấy, đời pho cho vận hên xui. Để rồi sau khi đoàn xe an toàn qua hết, mới biết là mình được sống sót.

Thơ LHD cũng như đời LHD đã theo những bánh xe của những cỗ pháo nặng nề di chuyển xuôi ngược khắp các chiến trường lớn. Khi thì lên Tây Bắc, qua Kontum, Tân Cảnh, Dakto, Daksuk, Tam Biên, khi thì xuống miền duyên hải với Bà Gi, Phù Cát, Phù Mỹ, Bồng Sơn, Đệ Đức, Tam Quan... Qua những địa danh mà nhà thơ ghi lại tôi càng hiểu đời lính của anh rất gần bó với sư đoàn 22 BB của chúng tôi. Đó là những vùng mà sư đoàn 22 BB – sư đoàn mang danh Hắc Tam Sơn Bạch Nhị Hà – Ba hòn núi đen hai giòng sông trắng in trên một nền đỏ. Giống hệt như ba ngôi mồ kim tự tháp với hai vành tang trắng in trên một nền đỏ như nền máu.

Không biết ông thẩm quyền cao cấp nào lại chấp thuận một biểu tượng kỳ lạ như vậy cho một đại đơn vị. Để rồi cuối cùng,

số phận của Sư đoàn giống hệt như cái hình ảnh mồ và máu mà mỗi người lính sư đoàn 22 BB mang trên vai áo ấy.. Biển sông ngập máu. Núi rừng ngập máu. Đèo ải ngập máu... Mồ tiếp mồ vĩ đại dựng nên như câu thơ nào của Lâm Hào Dũng: *“Mỗi một khấn tang một tắc đường.”* đã tiên tri trong lần di tản cao nguyên vào tháng ba năm 1975.



Một số bạn bè của chúng tôi vẫn thường bông đùa nói với nhau về Sư đoàn 22 BB, là sư đoàn trùng giới. Thật vậy, không có một đơn vị nào mà người lính mang thân phận của kẻ bị lưu đầy như đơn vị này. Những quân nhân từ Saigon hay miền Tây được chuyển ra đây, phần lớn vì không cố cánh hay vì lý do kỷ luật. Một số chấp nhận số phận, và một số tự nguyện theo tiếng gọi của đất nước trong thời loạn. Đặt chân ở đây, nhất là từ đầu năm 1966 khi phe Bắc quân Sư đoàn 2 Sao Vàng mở trận đánh trận địa chiến đầu tiên ở thung lũng An Lão, là thấy quê nhà khó trở lại. Địa thế hiểm trở, lòng dân thì không biết ai mà tin. Nhất là sau hiệp định ngưng bắn Ba Lê được ký kết, không còn được yểm trợ bằng máy bay hay pháo binh dồi dào như trước nữa, thì đời sống của người lính bộ càng ngày càng gian khổ nguy hiểm không thể nào kể xiết. Áp lực địch càng lúc càng đè nặng. Trong những cánh rừng già ở vùng Tam Biên, địch đêm ngày chuyển quân làm đường dựng cầu như ở chỗ không người. Mặt khác, thêm thời tiết

khắc nghiệt, những con suối đen ngòm, lạnh ngắt thiếu ánh mặt trời, vì lá đại ngàn che khuất quanh năm. Nơi sản sinh những ổ vi trùng sốt rét rừng thường trực tấn công người lính núi. Hết đường bộ bị phong tỏa. Đèo ải, núi rừng vây bọc, khó thoát.

Thân phận lưu đầy này được nhà thơ LHD mô tả như sau:

*một máy truyền tin hai đệ tử
một hầm trú ẩn chuột kêu vang
sách không có đọc nằm như chết
nhớ mẹ già nua ở Sóc Trăng*

...

*khi đi là tự xây mồ sẵn
nay suối buồn kia mai đỉnh xa
(khi ở trung đoàn 42)*

...

*Suối có ngàn năm ai nhớ suối
Ta đi ai nhắc đến tên ta
Vĩ như xương chất cao thành núi
Cũng chỉ mong quay lại mái nhà
(Khi ở trung đoàn 41)*

Có lẽ chúng ta ai cũng còn nhớ bài ca dao được truyền tụng trong dân gian về thân phận người lính thú thời xưa :

*Ba năm trấn thủ lưu đồn
Ngày thời canh điểm tối dồn việc quan.
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn
Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai.
Miệng ăn măng trúc mồm mai
Những đang cùng nứa biết ai bạn cùng
Nước giếng trong con cá nó vây vùng.*

Những lời thơ u uất câm nín nói lên thân phận của những con người thấp cổ bé miệng. *Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai.*

Không phải thời xưa mà cả hôm nay.

Văn học dân gian dù sao vẫn dành một chỗ đứng cho những mảnh đời lưu đầy này, còn văn học bây giờ thì sao. Có phải là màu áo hoa rừng, mây đậm sơn khô, những mỹ từ vô tâm vô cảm trong khi :

*“Ai biết con đường loang máu đỏ
Những hồn lưu lạc dưới Poncho
Những hồn vất vưởng bên bờ suối
Đi hái hoa xuân mọc dưới mồ
Ta bỗng cười khan đùa chiến trận
Bình Tây chưa chết vẫn còn đây
Hạ Lào đi suốt vùng biên giới
Nhìn Ngok Tu Ba xác ngập đầy
Hè nay ta lại trên đầu súng
Chợt xót xa cho khách chiến bào
Đang đốt đời trong cao điểm đỏ
(Bao giờ thấy lại ngọn Chư Pao?)*

(Đường số 14)

Vì vậy, nhân danh một người cựu chiến binh thuộc sư đoàn 22 BB, đơn vị đại đội 405 thám kích KBC 4061, tôi xin được cảm ơn nhà thơ LHD đã nói thay nỗi lòng của tôi và bạn bè tôi.

NGUYỄN LỆ UYÊN

Lâm Hảo Dũng

Quê Nhà Khuất Cuối Chân Mây,

Thơ trên nòng pháo

Người chiến binh thực thụ mỗi khi bắn viên đạn pháo thì đường bay cuối cùng là tiếng nổ với trăm ngàn mảnh nhỏ sát thương; trong khi người nghệ sĩ bắn viên đạn pháo chỉ nghe tiếng nổ là những thanh âm cao vút bay là tả những câu từ xuất ra bởi những tâm cảm mà chàng thi sĩ rung động trước mọi sự vật đang hay đã diễn ra trước mắt. Lâm Hảo Dũng là một trường hợp như thế.

Nhưng, tôi chỉ biết Lâm Hảo Dũng qua những bài thơ trên các tạp chí văn nghệ Sài Gòn trước năm 75. Đó là thời gian anh được (hay bị) phiên chế ở một đơn vị pháo binh nào đó đang lặn lội trên các chiến trường khốc liệt nhất thời bấy giờ trên Tây Nguyên.

Chưa hề gặp mặt và cũng chẳng quen nhau, nhưng cái tình văn chương dường như đã thắt chặt mối quan hệ thâm tình qua những bài thơ của anh, đăng rải rác trên các tạp chí văn chương. Đây có lẽ cũng là một vết son rất đặc trưng của những anh em viết văn, làm thơ miền Nam lúc bấy giờ: Đọc được tên từ một bài thơ, truyện ngắn coi như đã gặp mặt nhau, đã trò chuyện với nhau từ lâu. Thấy một mẫu tin ngắn từ tòa soạn trả lời trong hộp thư, có nghĩa là anh ta vẫn tiếp tục làm thơ, viết văn và chiến đấu. Nghĩa là anh vẫn còn đóng góp cùng với bạn bè. Cách trò chuyện gián tiếp, gặp gỡ gián tiếp thông qua những câu thơ đoạn văn thấm đẫm tâm trạng sống của tuổi trẻ và chiến tranh, là tính cách của tuổi trẻ chúng tôi thời đó, không dễ gì phai nhòa trong ký ức.

Mấy mươi năm đã trôi qua, với đầy đủ những hệ lụy tức tưởi của một đời người, trong một cảnh ngộ khốc cười toàn nước mắt và máu xương, nhục nhã, tôi vẫn nhớ lõm bõm bài thơ *Ngày về Banhet* của anh, nhưng lộn xộn không đầu đuôi, và cũng không thể nhớ là đọc ở đâu, trên báo nào. May mà có ông Trần cất công sưu tập đưa vào bộ *Thơ miền Nam trong thời chiến*, nên cái sự lộn xộn đầu đuôi kia mới được sắp xếp lại

theo trật tự từ trong trí nhớ còm cõi bị ám ảnh bởi tiếng keng lệnh suốt đêm ngày trong rọ lao động tập thể khổng lồ nhiều năm dài.

Với riêng tôi, *Ngày về Banhet* là bài thơ hay. Hay bởi cùng một chất giọng kiêu Nguyễn Bắc Sơn, Linh Phương... khinh bạc mà xót xa, cô đơn đến tận cùng, đau đớn đến tận cùng. Những câu thơ cũng quay cuồng trên trang giấy như chính thân phận những chàng trai trẻ đang quay quắt trong vòng xoáy cơn lốc lửa đạn.

Xin dẫn ra đây bài thơ này, cách đây mấy mươi năm, như mỗi tâm tình văn chương, giữa một bên là kẻ được đọc và bên kia là người sáng tạo, một thời khói lửa:

Sáng nay về tới rừng Banhet/Còn nhớ đồi cao dốc từ thần/ Ta đã một thời đi chiến đấu/ Một thời lữ khách rất cô đơn/ Suối có ngân năm ai nhớ suối/ Ta đi ai nhắc đến tên ta/ Ví như xương chắt cao thành núi/ Cũng chỉ mong quay lại mái nhà/ Ta pháo gầm vang một góc rừng/ Đồi tây giặc khiếp ngấm đồi đông/ Những ai trong phút kinh hoàng ấy/ Tay súng trang nghiêm mắt trợn trừng/ Anh ở miền Nam lạc đến đây/ Còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay/ Chiến tranh như thể trò tiêu khiển/ Của lũ con buôn xác chết này/ Ta ngắm trời xa Lào quốc đó/ Thương hồn trai buổi máu xương phơi/ Có trắng chắc thấy bao hình bóng/ Về hát nghèo ngao một góc trời/ Ta ngắm trời xa Chùa Tháp đó/ Chiến tranh mộng tưởng sẽ về đâu/ Mỗi năm rừng mất bao nhiêu lá/ Là xác thấy người rụng bấy nhiêu.

Tứ thơ không có gì mới lạ, vẫn một giọng điệu của những người đang lăn lộn giữa chốn sa trường. Trước đó là những Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hoàng Công Khanh, Hữu Loan... Còn sau này là những Kiệt Tấn, Hà Thúc Sinh, Hoàng Yên Trang, Trần Hoài Thu, Nguyễn Bắc Sơn... Nhưng ở *Ngày về Banhet*, Lâm Hảo Dũng đã phơi trần bộ mặt chiến tranh dưới góc nhìn của người trực tiếp tham dự với bao nỗi niềm, tâm trạng. Trước hay sau anh, Nguyễn Bắc Sơn bốn cột: *Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi*. Lâm Hảo Dũng thì kêu: *Chiến tranh như thể trò tiêu khiển*. Thoạt đầu, tứ thơ của hai nhà thơ rất giống nhau: Nhưng giữa *trò chơi* của NBS và *trò tiêu khiển* của LHD thì hoàn toàn khác nhau: Đó là tính hài hước của NBS khi ví von chiến tranh như trò chơi, giống như thời bé ta chơi đánh giặc giả. Nghĩa là NBS muốn hạ thấp mức độ tàn khốc của chiến tranh xuống vài mươi bậc để tự huỷ hoại, tự

làm giảm mức độ kinh khiếp của nó (chiến tranh) và cái chết có thể bất ngờ ập đến bất cứ lúc nào. Còn LHD thì qui kết chiến tranh do *lũ con buôn*, như là nguyên nhân đẩy bầy người anh em vào chỗ chém giết nhau không chút thương xót. Có lẽ đó là tâm trạng chung cho một thể hệ đã phải và bị phung phí quá nhiều máu xương một cách vô nghĩa. Và họ có quyền phản kháng, kêu gào thậm chí chửi bới bằng thứ ngôn ngữ văn chương rất dài các!

Dòng thơ của Lâm Hảo Dũng trong giai đoạn này là sự cô đơn mòn mỏi của tuổi trẻ, là nỗi niềm khắc khoải về thân phận làm người, là sự đầy dọa thân xác nhục nhằn không do chính mình điều khiển, nên tiếng đau thương buộc phải vỡ bung ra như một viên- đạn-người bay ra khỏi nòng pháo, đập tan thành ngàn mảnh nhỏ trên bãi thây người. Những người bạn của Dũng, của chúng ta, đã già từ tuổi trẻ một cách tức tưởi, già từ vĩnh viễn để đi về cõi xa xăm cát bụi. Cả một thể hệ Nam Bắc phải ngậm ngùi lên đường mà không thể cưỡng chống. Họ lặn lội trên chiến trường, gặp lại bạn xưa nhưng không vui, ngược lại còn tan nát thêm hơn. Bởi bạn còn đứng đó, bên cạnh ta, cái hình hài ấy hiển hiện khiến ta chạnh lòng nhớ đến những bạn xa. Nhưng những người bạn xa thì về đâu, ở đâu giữa cuộc binh đao hỗn loạn này?

Căn cứ Năm trăn bóng ma đưa

Ta kể nhau nghe đời chiến trận

Thằng Nam mất tích ở nam Lào

Y Uyên bỏ cuộc vài năm trước

Thắng Sự khinh đời cũng chết mau

(Đêm gặp Nguyễn Lăn Viêm ở phi trường Cù Hanh)

Sự chết chóc tàn nhẫn kia đâu chỉ có bè bạn ta? Cái chết ấy còn dành cho những người tuổi trẻ Bắc quân y như những người bạn ta đã ngã xuống. Họ, tất cả hai bên đều bị cướp mất tuổi xuân để tự về ra một cách nhìn ảo tượng chen lẫn những hoang mang, như thể một sự tìm kiếm miệt mài về sự an toàn trong cái bất toàn:

Địch còn đuổi mộng trên cao

Nên tôi thấp sáng lửa sâu pháo binh

Ừ thôi sống chết không cần.

(Năm ấy bình Tây)

Sống chết không cần chỉ là cách tự vỗ về, tự trấn an. Những kẻ

giáo hoạt, đầu cơ chính trị có lẽ không thể và không bao giờ chấp nhận một cách nhìn, cách suy nghĩ và hành động như vậy: Giữa chiến trường ác liệt, súng đạn rền vang mà anh thì *đuổi mộng* còn tôi thì *thấp sáng lửa sâu*! Chỉ có những kẻ bị tâm thần phân liệt mới bật lên tiếng kêu như thế, hành động như thế. Khô nổi, từ cổ chí kim, giữa chính trị và nghệ thuật không bao giờ có nét tương đồng. Những câu như ...*tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù*, hay: *Một giọng nói phát đi từ Hà Nội/ Đã thành chân lý đuổi quỷ ma/ Một đêm hồ Tây dịu dàng đường hoa/ Đủ đánh tan hàng triệu đô-la Mỹ...* có là ca từ một bài hát, là những câu thơ lay động lòng người? Tác giả của chúng là nghệ sĩ chân chính hay chỉ là kẻ làm công tác hô khẩu hiệu? Liệu sau này, lịch sử âm nhạc và văn học có thể chấp nhận đó là một ca khúc, là một bài thơ? Chỉ tội cho sự trong sáng và ngay thơ luôn bị kẻ “bịt mắt” du đẩy tới mép rìa bờ vực chon von!

Dẫn ra vài câu như trên để thấy rằng thế hệ trẻ miền Nam khi cầm bút là hướng về tâm thế tự do lựa chọn, nhận lấy trách nhiệm trước công chúng về những gì mình sáng tạo mà không bị ràng buộc, câu thúc bởi bất kỳ thế lực đen nào.

Lâm Hảo Dũng cũng trong số ấy, hồn nhiên đến trong sáng ngay cả khi bị “quảng” ra chiến trường: lon ton với *Khẩu súng dài lưng lưng lẳng ba lô* để bước tới giữa chiến trường *quảng mắt chuyện buồn lo*.

Những năm lặn lội trên chiến trường Tây Nguyên sục sôi lửa đạn, anh đã nhìn ngắm những nơi chôn đi qua, vốn dĩ đã tan tác bằng cặp mắt của chàng họa sĩ lạc loài và trái tim của người làm thơ cô độc trong suốt chiều dài năm tháng chiến tranh: ...*Những trưa quán cóc nhìn mưa xám/ Còn thấy mây mù đỉnh Ngok Long/ Giặc cắt đường về trên Daksut/ Hối đồn Dakpet lạnh lùng không?/ Ai lên Trí Lễ mùa cam chín?/ Ngắm hộ dùm tôi cánh Phượng Hoàng/ Địch chờ đạn bom về gửi bán/ Nên trong mùa gặt ngút điều tàn/ Quê hương buồn gửi theo biên giới/Những lá rừng xanh mới của tôi/ Hãy ngang tàng lớn đùng kinh khiếp/ Cho đất miền cao đẹp núi đồi* (Tân Cảnh hồn tôi).

Trong bài này có câu: *Ai lên Trí Lễ mùa cam chín* và *Quê hương buồn gửi theo biên giới*, khiến tôi nhớ lại mấy câu sau trong bài Tây tiến của Quang Dũng viết năm 1948: *Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói/ Mai Châu mùa em thơm nếp xôi...Mắt*

*trường gửi mộng qua biên giới/ Đêm mơ Hà Nội dáng kiều
thơm...*

Hai thể hệ cách nhau khá xa, nhưng phong cách có chút gì gần gũi; bởi, có lẽ, họ cùng cảnh ngộ và tâm trạng? Tâm trạng bệnh bông, man mác kia lại được phơi trải qua những câu từ có chất làng mạn như nhau, cũng heo hắt, lắt lay buồn như nhau.

Ở hai đầu chiến tuyến, những người chiến binh hai bên, ai cũng tự nhận mình là Kinh Kha qua bờ sông Dịch. Nhưng chàng Kinh Kha thuở xa xưa đã được xác tín từ một hành động có ý thức rạch ròi về mặt đạo đức. Còn những chàng Kinh Kha của Lâm Hảo Dững và những nhà thơ trẻ khác, những chiến binh khác lại giống như những tội đồ thời Trung cổ, bị đẩy ra chiến trường chứ không hề có ý thức chọn lựa. Và chiến tranh, muôn đời dưới nhãn quan nghệ thuật, vẫn là những phủ nhận, từ chối bởi tính chất phi lý và dã man của chính nó (chiến tranh VN).

Chính vì điều này, cũng như bao nhiêu người khác, phải cố tình lấp liếm và đánh lạc hướng sự tàn bạo mà chính bản thân mình phải hứng chịu để tìm đến, một chút vơi ngọt ngào, một chút vơi sương khói mong manh:

Đời lính trận trên cây cầu sống chết

May còn em làm ấm chút vui lây.

(Pleiku sầu gửi lại)

Và rồi anh lý giải thêm chút nữa, rõ hơn về cái sự *sống chết*, nó ở đâu đó, sát ngay bên cạnh mình:

Chiến tranh là chuyện người trần

Ta say quên hết may còn cái vui.

(Giã từ Bình Định)

Sống chết hay *cái vui*, với anh đều là may rủi: *May còn em* và *may còn cái vui* như một tiếng kêu não nuột bật ra từ tâm thức ngủ yên. Đó chỉ là niềm hạnh phúc mong manh không ở ngay bên cạnh mà đâu đó như một vệt khói hư không. Hai câu thơ trên tâm thường nếu nó chỉ xuất hiện ở một nơi khác với một người khác, ngoài cuộc. Nhưng ở đây, nó vụt bay ra từ chính trái tim thoi thóp đợi chờ sự sống và cái chết bay đến của kẻ đã lên tàu tham dự vào trò chơi chém giết, nên tiếng kêu kia gần như nỗi tuyệt vọng của sự cam chịu quá sức:

Ta bỗng cười khan đùa chiến trận

Bình Tây chưa chết vẫn còn đây

Hạ Lào đi suốt vùng biên giới

Nhìn Ngoktuba xác ngáp đầy
(Đường số 14)

Và:

Địch quân từ phía ba biên giới
Lại diễn trò chơi dục nắm mồ...

(Khi rời Fire base six)

Cười khan của Lâm Hảo Dũng, tôi nghĩ, là giọng cười bông lơn khinh bạc của kẻ bất cần đời chỉ vì sống chết đối với họ chỉ cách nhau trong gang tấc, chỉ vì *trò chơi dục nắm mồ* luôn mãi tiếp diễn liên tục, ngày tiếp ngày, năm tháng tiếp liền năm tháng...

Và tiếng cười khan kia càng không phải là tiếng kêu rên của thể hệ anh, một thể hệ đã phải chịu nhiều khổ lụy, mất mát và thương tật từ tâm hồn...

Và lưu lạc xứ người.

Sau tháng Tư 1975, trong kho tàng ngôn ngữ tiếng Việt lại có thêm nhiều cụm từ, những thuật ngữ mới để đặt tên cho ngày cuối cùng... tựu chung là thất bại, thua cuộc, tháng Tư đen.v.v. giống như thời điểm chàng Kinh Kha đánh rơi con chùy thủy trước mặt Tần vương!

Tuổi trẻ miền Nam chịu chung số phận nghiệt ngã này: Hàng chục ngàn người bỏ mình ngoài biển khơi mà Viên Linh đặt tên là *Thủy mộ quan* cho tập thơ của mình, số khác đông đảo hơn phải vào nhà tù cải tạo nhiều năm không có bản án. Ngay cả những người đã vĩnh viễn nằm xuống lại phải chạy trốn lần nữa theo bức tượng đồng của nhà điêu khắc tài hoa Lê Thánh Thư ở ngã tư Biên Hòa... Tất cả đều trở thành những đứa con luân lạc nơi xứ người, và luân lạc ngay chính trên quê hương mình!

Lâm Hảo Dũng ở trong số đông tan tác chia lìa. Đã một lần họ đánh mất quê hương ngay trên chính quê hương mình, tiếp đến lần thứ hai thứ ba phải chấp nhận thân phận của những kẻ khách trú. Nơi họ đến tạm nhờ, không có lũy tre xanh, không có mùi phân trâu ngai ngái vương cao lên đọt cau, trộn lẫn giữa hai làn hương trên cao và dưới đất tạo thành bản sắc văn hóa rất đặc trưng của dân tộc Việt. Niêu cá kho năm bảy lửa, mùi tương mắm và hột cơm thắm đẫm bùn non cũng trở nên xa vời một thứ hình bóng dần khuất trong tâm tưởng.

Giờ đây, các bạn xa phải gắn cuộc sống vào nếp sống mới, hồi

hả chạy, hối hả ăn, dùng dùng những âm thanh xa lạ. Họ thoi thóp và ngắc ngoải trong lớp không khí tan loãng nếp xưa. Mọi trật tự đều bị đảo lộn! Đọc *Thủy mộ quan* của Viên Linh đã cảm thấy đau nhói tâm can khi anh vẽ lại những hình ảnh lơ mờ về phận người lênh đênh rồi chìm ngấm giữa biển khơi mênh mông. Rồi đọc *Cổ trắng* của Trần Hoài Thư mới cảm thấu thân phận của những kiếp người bị xô đuổi ra khỏi bến bờ tương có thể tìm được chút bình an về tinh thần và vật chất. Nhưng nó hoàn toàn bị đổ vỡ. Các bạn xa đã hoàn toàn thất vọng. Thất vọng với sự cam chịu nặng nề, không khác những ngọn roi chủ nghĩa đã quất vào mặt những người còn ở lại quê nhà! Hàng chục triệu người nơi cổ xứ hay nơi miền đất mới đều phải hứng chịu những nỗi cay đắng, xót xa về thân phận làm người khởi đi từ cái huyền sử cực kỳ nhếch nhác Âu Cơ, Lạc Long Quân. Nỗi đắng cay chia lìa và nỗi đắng cay đoàn tụ bằng cả biển máu, nước mắt, xương khô chất chồng thì đến bút mực nào tả xiết. Cả một dân tộc bỗng dưng chia làm hai ngã: lên non, xuống biển; để khi gặp lại nhau, thay vì ôm choàng với niềm tủi hận nhục nhã bởi những hành xử từ một thứ chủ nghĩa không tưởng trên cõi đời, thì 50 con trên núi lại tiếp tục găm gù với 50 con dưới biển bằng cả lòng thù hận vỡ tràn dẫn đến hàng hàng lớp lớp ra đi. Sự ra đi đi này có thể là sự chọn lựa không đúng đắn, nhưng dẫu sao họ không bị tiếp tục bắt buộc phải hành động và xung tưng những điều trái khoáy, mà hệ quả của sự chọn lựa kia chính là: nỗi đau lần thứ hai, thứ ba...

Tâm cảm trong dòng thơ Lâm Hảo Dũng dường như không thoát ra khỏi nỗi cay đắng, nỗi dài những ngậm ngùi, đau đớn:

Biển Đông dựng mộ bằng thuyền

Người xưa cắn áo

Còn nguyên nỗi buồn

(Một đoạn thơ buồn năm 2005).

Một đoạn, chỉ là cách chọn tiêu đề cho bài thơ, chứ thật ra nó phải là một trường thiên, mà nếu như cứ gộp tất cả *một đoạn* của các nhà thơ nơi xứ người với nội dung như trên thì sẽ phải là tràng giang buồn xoay quanh cuộc sống ly hương!

Sáng nay em đến xuân vừa đến

Tôi ném buồn tôi trả Việt Nam

Còn em Tây quá em nào biết

Trong cách chào thưa lẫn nụ hôn

(Sáng nay xuân đến...)

Và trong Buổi chiều ở Bangkok, Lâm Hảo Dũng viết tiếp:

Trong lòng khách viễn phương đầy ngơ ngác

Có còn không em dáng mộng kiều thơm

Thật sự rồi ta đánh mất

Trong kiếp người tù nhục Việt Nam.

Cái sự tù nhục này được anh giải thích khá cặn kẽ ở những dòng sau:

Chiến tranh ơi con ác thú điên cuồng

Đã trục xuất ta rồi bỏ quê hương

Mà tâm sự đã nát tan ngàn mảnh.

Kêu lên *chiến tranh* ời thì nó là từ ngữ trong một câu thơ, chứ thật ra, nói một cách trợn vện thì phải chỉ đích tên kẻ gây ra chiến tranh mới phải, nhưng nhà thơ đã biết dừng lại, và chỉ chừng ấy từ, người đọc cũng đã hiểu ra tác nhân chính là ai, ai đây bày người ra khỏi xứ sở đến nỗi lòng quặn thắt, khắc khoải:

Phó thường dân mấy mươi năm biệt xác

Bỏ đồng không hieu quạnh gái quê hiền

Bỏ mất hồn thương mãi tiếng chim quyên

Là vĩnh biệt đất nông thơm sữa mẹ.

(Tôi chỉ muốn làm phó thường dân Nam Bộ)

Trong bài lục bát *Tìm đâu con én Nguyễn Du*, chỉ với 8 câu để vẽ nên nỗi cô đơn nhưng cả 7 câu trong bài đều là những ước lệ thường gặp ở những bài cổ thi, duy nhất chỉ có câu thứ 6 là trác tuyệt, theo tôi: *Tóc cong sợi nhớ quê hương cuối trời*. Dù cả. Không cần phải dài dòng lê thê, chỉ chừng đó cũng đủ gọn lên nỗi nhớ quê hương đến quay quắt trong anh.

Thế mới hiểu được anh, bạn bè anh, bạn bè chúng ta đã phải phân thân ra để đi hết đoạn đường trần gian đầy khổ lụy này.

Xin mượn khổ đầu tiên trong *Đêm trắng Roller Bay* để kết thúc bài viết ngắn này khi được đọc những bài thơ do chủ bút Trần đưa vào 1 file đây, gửi tặng:

Tên tội phạm của hơn mười năm trước

Bồng lang thang trên sóng nước quê người

Trắng sáng quá giữa hồn ta say khước

Chút men nồng lữ thứ gọi hồn ôi.

(tháng 11/2010)

THƠ TRÍCH



Tranh Tổng Phước Cường

Khi ở trung đoàn 41

nay ở Trà Quan mai Mỹ Thọ
khi về lưu luyến nhớ đèo Nhông
nhớ đám lao công ngày tải đạn
tối nằm la hét cả thình không

trước cổng Trung đoàn dăm quán lẻ
dăm cô gái điểm mặt buồn so
hôm nay cuối tháng tiền không có
lính bận hành quân dọc biển xa

mai sáng trời xanh núi cũng xanh
đường chông chênh quá xuống sao đành
gấp vội làm tư tờ báo cũ
địa bàn không thấy nhớ loanh quanh

khi ở Đại Sơn ngồi nghĩ quần
ngày mai xuống núi hát nghêu ngao
lỡ buông tay súng thôi đánh vậy
buồn có bao giờ quên hết đâu ?

một máy truyền tin hai đệ tử
một hầm trú ẩn chuột kêu vang
sách không có đọc nằm như chết
nhớ mẹ già nua ở Sóc Trăng

Khi ở trung đoàn 42

vẫn thấy đồng không dùn nắm mộ
cỏ xanh ai phủ dưới chân đồi
dakto xa quá nhìn không thấy
như có gì cay ở mắt tôi

sáng nay trên chiếc xe già cỗi
đã vượt đường xa những hố mìn
những dãy rừng thưa buồn điệu vợi
sống thâm như thuở đợi bình yên

ta như lũ khách không nhà cửa
không có hồn ai để lạnh lùng
cổ vui hát một bài ca cũ
giọng cũng khan mòn tay cũng run

chắc mai ô nhi - ngày mai nhi ?
ta với sương ngàn với gió trắng
chắc em - có lẽ - là em thật
sung sướng trong tay cốc rượu mừng

bởi bao nhiêu trận kinh hồn trước
đều thấy mơ hồ ở Dakto
khi đi là tự xây mồ sẵn

nay tuổi buồn kia mai đỉnh xa

ta vẫn thên thang đùa với rượu
uống đi ta sẽ có quê nhà
uống đi chiến thắng vang lừng lắm
ta uống đường như đê tiền ta

Chiều Hàm Rồng

Con đường ấy vẫn hoen màu bụi đỏ
Gió lơ thơ nghe nặng mới ngập ngừng
Anh sống thờ trong tâm hồn trai trẻ
Nghe nỗi buồn đâu đó đến băng khuâng

Hoa cúc đại thắm trên đường xa tấp
Và quê hương tha thướt lá xanh trà
Em có thả những chòm mây nhung nhớ
Cho rừng hoang im lặng tiếng chim ca

Đời viễn khách mơ hồ không biết được
Bước chân vang rộn rã buổi quay về
Em mất biếc hồn nhiên bên cánh cửa
Gửi hương nồng quay quắt bóng người đi...
(*Ngày Đi Thương Sợi Khỏi Bên Nhà*)

Ngày về Banhet

Sáng nay về tới rừng Banhet
Còn nhớ đồi cao dốc tử thần
Ta đã một thời đi chiến đấu
Một thời lũ khách rất cô đơn

Suối có ngàn năm ai nhớ suối
Ta đi ai nhắc đến tên ta
Ví như xương chất cao thành núi
Cũng chỉ mong quay lại mái nhà

Ta pháo gầm vang một góc rừng
Đòi tây giặc khiếp ngấm đòi đông
Những ai trong phút kinh hoàng ấy
Tay súng trang nghiêm mắt trợn trừng

Anh ở miền Nam lạc đến đây
Còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay
Chiến tranh như thể trò tiêu khiển
Của lũ con buôn xác chết này

Ta ngấm trời xa Lào quốc đó
Thương hồn trai buổi máu xương phơi
Có trăng chắt thấy bao hình bóng
Về hát nghèo ngao một góc trời

Ta ngấm trời xa Chùa Tháp đó
Chiến tranh mộng tưởng sẽ về đâu
Mỗi năm rừng mát bao nhiêu lá
Là xác thây người rụng bấy nhiêu

Miền ba biên giới

và có gì đâu đời trận mạc
chán chê như thuở biết xa nhà
còn em có mấy lần thương nhớ
và mấy lần yêu ta thiết tha

chuyện của rừng sâu trăm mặc quá
núi non ai hợp để sinh buồn
nghe khi thác nọ mơ dòng nước
một thuở quay về mộng ngát hương

em cũng như ta đời mỗi ngã
chiều thu nằm khóc dưới chân đồi
một mai chết giữa thời son trẻ
em chắc reo ca vụn tiếng cười

nên ta cố sống dù cầm điếu
dù có xuôi tay mắt có mù

để thấy em ngày vui áo biếc
để ta buồn suốt một đời thu

lắm khi gái thượng mà duyên dáng
đi tắm reo hò đêm sáng trăng
ta muốn buông mình con thú dữ
hát sâu trong suốt kiếp cô đơn

có không ngày của thanh bình đến
ta nhớ vườn xưa, nhớ mẹ già
còn hái mồng tơi ngoài dậu cũ
lệ buồn năm tháng có phôi pha ?

Đêm rời đất Tây Sơn

hỏi tôi ngày ở Tam quan
có ăn mè xừng em làm hay chưa ?
súng ai bắn nát ngọn dừa
thương cây thánh giá nhà thờ gãy đôi
em dệt chiếu dưới đồi Mười
mà buồn cháy đỏ hai mươi năm rồi
về Bà Gi chỉ mình tôi
bồng yêu chết được ma Hồi tháp Chiêm

Ngày trở lại Bồng Sơn

để có một ngày ta trở lại
Bồng Sơn xa quá cuối trời xa
mấy cụm nhà hoang trơ mái xám
chân đèo Phù Cũ nhận không ra

ta đứng bên cầu xe lửa cũ
quê em còn cách một giòng sông
nhớ đêm máu chảy người quên khóc
em có u buồn trong mắt trong

đã mất rồi quận lý Hoài Nhơn
đời đi lính trận cỏ xanh hồn
là khi theo gió về trên núi
còn gởi sương chiều mộng cuối thôn

em cắt giùm ta những quả sim
như ngày đói khát lúc hành quân
đã cho ta biết hoài chân lý
chẳng có thanh bình ở Việt Nam

muốn thấy em cười trong nắng ấm
dù lơ mơ sống giữa thương đau
quán khuya đêm giọt cà phê đắng
em khóc mai này vĩnh biệt nhau

Gởi em áo bạc

mai một ta về sao gặp đủ
những thằng em dại bỏ đi hoang
những cô con gái ngày hai bữa
chưa biết rời chân bước khỏi làng

ta chết cũng đành thương lũ nhỏ
biết gì hơn những chuyện yêu đương
giờ cũng ba lô giày súng đạn
một hai ba bốn để lên đường

bởi chiến tranh hoài sao biết được
nên đời trai gởi gió sương nuôi
một mai máu có trào trên đất
hãy cắn răng đau hãy hận đời

mẹ đâu có muốn ta làm lính
một lính vu vơ để biết buồn
thà thương liếp cái hai hàng mướp
một lũy tre già rợn nhớ thương

ta uống mồ hôi hay nước mắt
gởi em trôi nổi cuối trời xa

biết ai sẽ ấu trong lòng nhỏ
và mẹ tôi bởi để xót xa

Hẹn một ngày về

Đường xa anh không thể về thăm em
dù nhớ ao sâu ngôi nhà lá dột
dù bây giờ em đã lớn
mẹ đã già thêm
cây đã xanh những màu hy vọng

Đường xa anh không thể về thăm em
ôi những đàn em ngơ ngác
những Kiệt
những Oanh
những Khôi
những Võ
những niềm vui rơi rớt mái hiên nhà

Đường xa anh không thể về thăm em
dù mùa Xuân sắp đến
em trong những nụ cười buồn
khóc anh
một đời lận đận
Đường xa anh không thể về thăm em
dù mai này mẹ chết
dù mai em sắp sửa theo chồng
dù mai em thôi học
sống những ngày lính thú như anh

Đường xa anh không thể về thăm em
con quên mất buồn lãng mạn
ôi ! con mắt buồn đâu có mưa sa
ôi ! con mắt buồn đâu có mưa sa

Sáng Rừng

Dọc đường bụi đỏ con chim hót
Heo hút đầu khe trắng ngủ không
Rừng thả cây xanh sâu khuất núi
Nghìn năm ai hỏi cái mệnh mong

Tìm đâu ngựa lạc vòng chân núi?
Hay bước quanh co dưới góc đền
Sơn nữ buồn hoen màu mắt đục
Chiều đi vương vít nắng trông theo

Thăm thẳm trong sương tiếng gió rừng
Thú sâu đi dạo ngắm khe trường
Đá nghe hiu quạnh khơi dòng thác
Đốt lã thân gầy trơ nhánh xương

Khách dọc đường xa ngủ lại đêm
Hồn về phố thị quán không tên
Đâu hay mưa đỏ trên đầu núi
Hiu hắt gà khuya gọi sáng rừng

Plei Po Tau -1973

Đêm Gặp Nguyễn Lăn Viêm Ở Phi Trường Cù Hanh

Trong đêm lửa đạn mù sương ấy
Khói súng Tây nguyên rực mắt thù
Ta thấy người về từ Bản Hết
Bụi rừng thấm đỏ áo hoa dù

Bỏ dòng Thạch Hãn nằm nghiêng bóng
Người vượt đường xa đón gió Lào
Nay già biệt ta về mắc võng
Bên rừng An Lộc ngắm trời cao

Ta pháo miền cao theo biệt động

Ngậm ngùi thấy lại Dakto xưa
Đâu căn cứ sáu mưa trên xác
Căn cứ năm tràn bóng ma đưa

Ta kể nhau nghe đời chiến trận
Thắng Nam mất tích ở Nam Lào
Y Uyên bỏ cuộc vài năm trước
Thắng Sự khinh đời cũng chết mau

Thôi nhé Viêm ơi tàu đã đến
Ta lên Tân Cảnh ghé Kontum
Ngươi về Nam uống dừa tươi mát
Ngắm hộ dùm ta gái phố phường

Tháng Chín Về MangYang

Tháng chín về Mangyang
Sương giăng mờ núi lạnh
Đường mười chín xa xăm
Ăn bao mìn bấy giặc

Những cưa sắt thu mình
Nằm nghe rừng gió lộng
Những ngọn đốt rung rinh
Thổi hồn ai bão động

Thắng Trịnh ở chín tư
Thắng Xuân nằm chín sáu
Ôm nỗi buồn căn cứ
Trưa ngắm hầm than khô

Những khi lòng thanh thản
Ngồi vỗ đá hát vang
Chiến chinh đời tiếp diễn
Ta còn kiếp dọc ngang

Hẹn ngày mai nắng ấm
Ta xuống phố An Khê
Bên tách cà phê nóng
Quên dọc đường hiểm nguy

Nỗi Buồn Anh

Em có biết lòng anh như nắng mới
Hồn băng khuâng nhìn những lá cây vàng
Những chùm hoa đỏ màu chưa hái tới
Trên nẻo đường man mác gió thu sang

Hồn anh mộng giữa mùa mưa rét cũ
Nhớ mơ hồ em trẻ tuổi về đâu
Anh sao thấy mắt dài em đã úa
Tay đã gầy xơ xác lúc xa nhau

Anh gọi lại chút hương nồng trên tóc
Để mai còn hiu hắt nếu cô đơn
Em thấy đó tình anh run rẩy khóc
Sợ lửa sầu ngun ngút tuổi yêu đương

Như trăm ngã đời anh em cắt đứt
Lòng ngậy ngô van vỉ những khuya dài
Nên buồn về nghe chim rên giọng hót
Chút buồn tênh anh biết tặng riêng ai.

Những Ngày Ở Dakto

Những ngày ở Dakto
anh không biết gì hơn
ngoài cơn mưa mù tháng sáu
lấp lánh đầy ắp tình em
đã trôi theo dòng định mệnh

Những ngày ở Dakto
nhìn rặng núi cao nhìn con đường đá lở
nhìn lại thân thể mình
để thấy rằng đời rất bao dung
cho những ai còn tuyệt vọng

Những ngày ở Dakto
hơn một lần anh muốn khóc
trong nỗi nhớ đời lang thang
khi về nghe em hát
trên chuyến toa buồn anh khép kín trăm năm

Những ngày ở Dakto
ngồi trên khoảng đất thừa nào
để nghe hồn mình lảng lảng
khi nghĩ về những cây ai vừa chết
trong chiến trận buồn thiu.

(*Tập san VĂN*)

AI ĐÃ GIẾT A.Q ?

Truyện của Khuất Đầu

Mở.

Núi đồi ở đây giống như những con khủng long đã hóa thạch. Những con khủng long trong những ngày cuối cùng đã xô đẩy giẫm đạp lên nhau và trước lúc tắt thở, vẫn còn cố vươn cái cổ lên thật cao để gào rống một cách tuyệt vọng.

Giữa đá sỏi lổn nhổn, những cây cao lương thấp nhỏ vẫn rảng sức trở bông.

Giữa đám cao lương xơ xác buồn hiu đó, có một ngôi nhà.

Giữa ngôi nhà đó, có một xác chết đã mười chín ngày vẫn chưa được đem đi chôn.

Xác chết đã phân hủy.

Một ngọn đèn thấp bằng mỡ heo không đủ soi sáng khuôn mặt đã bị cào xé rách nát. Những con chuột sục sạo thoải mái dưới tấm chăn mỏng bản thiu như đang ở trong hang của chúng. Một vài con chui ra nhìn ngọn đèn. Đôi mắt láo liên quý quyết. Con nào cũng béo tốt đầy đà.

Ngoài hiên, một người con trai đang ngồi ôm một con chó đốm. Anh ta cứ hỏi mãi một câu mà con chó không thèm trả lời: “có phải phải mày ã ã ăn mất dôi, phải phải khôn?”

Trong góc bếp lạnh lẽo, một người đàn bà ngồi ôm một cái hũ bằng sành dùng để ủ tương. Mùi chua chua của tương trộn với mùi khăng khăng của xác chết dễ khiến ruột gan cồn cào vì đói và cũng vì buồn nôn. Người đàn bà cứ để nước dãi chảy qua miệng mình thản nhiên như nước chảy qua một cái thùng thủng đáy.

Phía sau hè, một cô con gái ngồi ôm cái bọc đựng áo quần. Đôi mắt buồn và đẹp của cô chắc đã khóc nhiều nên trông ngơ ngác và mỗi một. Nước mắt đã làm cho màu xanh nhạt của cái bọc đậm hẳn lên như màu nước biển. Một con ruồi táo tợn đậu trên mép. Những cái chân đen và bản của nó dọ dẫm trên làn môi

khô nứt.
Cô cũng không buồn đuổi.

Lời khai của vợ A.Q.

Tôi ấy à? Tôi đâu có giết lão ta. Tôi chỉ cắt cái đó thôi.
Tôi làm vợ lão đã ba mươi năm. Chỉ có ai sống với lão đến những gần ấy năm thì mới biết lão ta là người thế nào.

Trước hết, lão rất độc đoán. Lão còn hơn cả vua. Lão là trời. Mà trời muốn nắng thì cứ nắng. Muốn mưa thì cứ mưa. Muốn bão lụt thì cứ bão lụt. Trời muốn thế nào mà chẳng được.

Tôi làm vợ lão ta, làm sao tính hết được những lần lão ăn nằm với tôi. Chỉ biết tôi đã chín lần mang thai. Chín lần mang thai nhưng đến những mười đứa. Trong mười đứa đó chỉ có mỗi thằng Dzảnh là còn sống.

Thế thì những đứa kia đâu?

Chết rồi. Chết hết rồi. Chết chưa kịp khóc.

Vậy đó

Tôi đã nói rồi mà, lão là trời, một ông trời độc ác.

Ở cái nơi sơn cùng thủy tận này, muốn đi ra phố chợ phải mất mấy ngày đường. Tôi làm sao đi ra được tới đó để mà đẻ. Mà cũng chẳng ai chịu vào cái chỗ khi ho cò gáy này để đỡ đẻ.

Tôi đẻ tại nhà.

Chính lão đỡ đẻ. Lão nói heo bò lão còn đỡ được huống hồ là vợ. Lão lôi cái thai ra như lôi một con chuột từ trong hang.

Thế rồi lão bóp mũi. Cũng như bóp một con chuột mới nở. Chẳng có kêu la gì hết. Con chuột còn kêu chít chít, chứ cái thai thì không.

Lão ném cái xạch trong giỏ, rồi xách cuốc đi.

Lão lấp ở đâu đó. Năm sau, chỗ những cây cao lương xanh tốt, lão bảo ấy là mồ của đứa nhỏ.

Có chín năm mồ xanh như thế. Những năm mồ chỉ biết thờ than cùng với nắng gió và đêm tối.

Những đứa con chưa kịp khóc cho mẹ nghe một tiếng và cũng không được mẹ hát ru cho một lời

Đã chết như thế đó.

Tại sao lão giết những đứa nhỏ đó à?

Tại vì chúng là gái. Mà nhà nước thì chỉ cho phép nuôi một con thôi. Một con nên lão phải chọn trai. Để sau này thay lão làm trời.

Đêm hôm đó tôi có nghe ặc ặc. Lão vẫn thường kêu như thế.

Đang ngáy o o, bỗng kêu ặc ặc như bị mộc dè. Hơi đầu mà để ý tới lão. Chỉ tới sáng, lúc đem nước vào cho lão pha trà mới thấy lão nằm chết thẳng cẳng.

Phải rồi, tôi đã cắt cái đó.

Hỏi vì sao tôi làm vậy à?

Vì ghét. Chỉ có vậy thôi. Lão ta ghét tôi bao nhiêu thì tôi ghét cái đó bấy nhiêu.

Đâu có khó khăn gì. Tôi chỉ lấy dao xén một nhát là xong ngay. Tôi ném nó vào đám cao lương.

Rồi tôi đi rửa tay. Phải mất một buổi sáng để rửa bàn tay mới hết hôi.

Con trai tôi ấy à?

Nó yêu tí nó hơn mọi thứ trên đời. Nó sẵn sàng chết thay cho tí.

Lần sau cùng tôi sinh đôi. Đứa ra trước là gái bị lão bóp cái rết. Đứa sau cũng tưởng là gái, lão bóp luôn. May mà lão còn kịp nhận ra nó là trai. Từ đó lão cưng nó như vàng. Nhưng nó thì sợ lão ngay từ khi mới mở mắt. Sợ quá nên lúc nào nó cũng run lập cập. Nó đang ngồi khóc thương tí nó kia. Nó nói ngộ chỉ chôn tí khi nào tìm lại được cái đó của tí. Mà biết chừng nào mới tìm lại được. Chó đã tha đi mất tiêu rồi.

Còn con đầu hả? Cứ xem con mắt của nó thì đủ biết là nó ác độc đến chừng nào. Chính nó giết. Nó là con quỷ cái của đất phương nam. Vì nó mà nhà này phải mất đến mấy ngàn nhân dân tị. Nhưng mà, tôi chỉ biết có nhiều đó thôi. Tôi nhắc lại: tôi không giết lão. Chỉ khi lão chết rồi tôi mới thiến lão. Phải chỉ tôi thiến được lão ngay từ lúc mới về làm vợ thì đời tôi đâu có khốn khổ như thế này.

Kết luận: có âm mưu giết chồng nhưng chưa thực hiện được. Y thị gián tiếp đồng lõa .

Lời khai của con trai A.Q

Tên gì?

Prồ...

Bao nhiêu tuổi?

Prồ...

Tối hôm đó có đi đâu không?

Prồ...

Có siết cổ lão gia không?

(nhe răng, cười)

Có cất dương vật của lão gia không?

(ngửa cổ, tru như chó)

Kết luận: y nửa người nửa thú. Không ý thức được hành động, nên dẫu có siết cổ bóp cho đến chết, cũng không chịu trách nhiệm.

Lời khai của con dâu A.Q

Tôi là người Việt Nam.

Nhà tôi rất nghèo. Lại đông con.

Tôi là chị cả, 19 tuổi.

Dzành là chồng tôi. Anh ta không biết nói tiếng Việt. Mọi sự là do người môi giới. Anh ta lúc nào cũng chỉ cười. Trông anh cũng dễ thương. Chỉ phải tội là anh vừa cà lăm lại vừa ngọng nghịu.

Mẹ bảo, thằng đó ngó vậy mà coi được. Trông bộ dạng thể kia thì nó không đánh nổi mày đâu. Lấy nó biết đâu lại sướng thân. Chứ lấy người mình hủ, như cha mày đó, suốt ngày nhậu nhẹt, say xỉn. Tối đến thì đem vợ ra mà hành hạ. Cực nhục lắm.

Cha thì bảo, lấy chồng Tàu được cái ăn ngon. Mày không nghe người ta nói đó à? Ở nhà Tây, ăn cơm Tàu, cưới vợ Nhật.

Người môi giới đưa cho cha mẹ tôi 500 đô, coi như trả công sinh thành.

Tôi gạt nước mắt theo anh với chút an ủi là đã một phần nào báo hiếu cho cha mẹ.

Suốt một chặng đường dài xuyên rừng lụi rồi qua nước Tàu mệnh mông, khi đi xe, lúc đi tàu, anh đều cư xử với tôi khá tốt.

Còn chuyện vợ chồng đó à?

Tôi nghĩ rằng anh ta rất muốn. Tôi cũng đâu đến nỗi xấu. Nhưng ngay trong đêm đầu tiên, anh đã làm cho tôi sợ điếng hồn. Khi áo quần tôi được trút bỏ, mắt anh bỗng dung trợn trừng, mồm anh sùi bọt. Tay anh co giật khi chạm vào tôi. Rồi anh ngã vật ra, chết giấc Mãi đến khi từ trong anh bắn vọt ra như súng phun nước, anh mới tỉnh dậy và nằm khóc nức nở.

Một vài đêm sau cũng vậy.

Trước khi lấy anh, tôi chỉ nghe bạn bè kháo nhau chứ chưa biết gì về chuyện đó. Tôi nghĩ, không có cũng chẳng sao, miễn là được có cơm ăn áo mặc.

Dù bà mẹ chồng thủ cái thập gạo và hũ tương như một thủ kho

keo kiệt, anh vẫn có cách lấy gạo và tương cho tôi ăn. Anh cũng thường giành lấy những việc nặng như đồn củi hay gánh cao lương về nhà. Tôi nghĩ đó là cách anh chuộc lỗi và đền bù cho tôi.

Anh vẫn thường ngắm tôi và lúng búng phun ra những tiếng gì tôi không hiểu. Tôi biết là anh thương tôi lắm. Nhưng vì anh như vậy nên tôi đến không dám gần tôi.

Người thực sự làm chồng tôi trong đêm lại là tía anh. Ông ta đến dày vò tôi suốt đêm như để cho đáng đồng tiền bát gạo. Tôi nghĩ là anh ta biết việc đó. Trong những tiếng động mà tôi nghe được: tiếng rầm rập như ngựa chạy, tiếng hỗn hển như hụt hơi, có tiếng của anh ta. Một tiếng hú thảm thiết như tiếng sói tru trên cao nguyên. Nghe buốt đến tận óc.

Ôi những đêm dài cực nhục. Tôi nhớ mẹ nhớ cha, nhớ các em xiết bao.

Đêm hôm đó, khi tôi bị lão ta phủ lên mình như một con ngựa đực, thì anh ta vào. Trong bóng tối mờ mờ tôi vẫn nhận ra anh. Tôi chưa kịp kêu lên thì con ngựa trên mình tôi bị lôi dậy. Tôi nghe tiếng thở khò khè, ặc ặc rồi lịm dần.

Tôi vợ lấy áo quần chạy ra khỏi nhà. Tôi chạy mãi cho đến khi ngã quỵ trong đám cao lương.

Tôi không tin anh ta cố ý giết tía anh. Nhưng tôi biết sức mạnh khủng khiếp của hai bàn tay mỗi khi anh nổi cơn động kinh. Những lúc đó, dù chỉ muốn vuốt ve tôi một chút, tay anh cũng biến thành những cái tát. Tôi nghĩ anh chỉ muốn kéo tía ra khỏi người tôi thôi. Như con chó bệnh chủ ấy mà.

Kết luận: Y thị lấy cả cha lẫn con là loạn luân. Y thị vốn có dòng máu căm thù người Hán chúng ta. Tuy y thị không giết A.Q, nhưng chính y thị là nguyên nhân dẫn tới cái chết của A.Q.

Lời khai của con chó đốm.

Mày tha cái đó đi đâu?

Gâu, gâu.

Mày phải mang trả lại cho chủ mày chó.

Gâu, gâu.

Hay là mày ăn rồi?

Gâu, gâu.

Mày hãy đưa chân ra.

(nó đưa một chân. Người ta bôi mực vào những chỗ thịt mềm

không lông)

Mày không biết ký thì hãy in dấu chân vào đây.

(Người ta đặt chân của nó lên biên bản)

Kết luận: Con chó đốm đã ăn cái dương vật. Đó là thứ quý nhất của A.Q. Nó là đồ phản chủ. Lòng trung thành không còn nữa thì tội nó là đáng chết.

Kết luận cuối cùng:

Con chó đốm chính là thủ phạm. Nó sẽ bị hành quyết nội nhật trong ngày hôm nay. Tài sản của người quá cố là thị an nam dzành* còn trẻ đẹp kia sẽ được đem đấu giá. Số tiền có được sẽ giao cho vợ và con A.Q tùy nghi sử dụng.

**An nam dzành: người An nam*

05/11/2010

██████████



Tranh Tống Phước Cường

phan bá thụ dương

bên hồ câu tuyết

tặng Phạm Gia Cẩn và Phạm Quốc Bảo

ta ngồi đây một mình câu tuyết
tuyết tả tơi bay gió lạnh lùng
hồ ảm đạm buồn bên cảnh chết
nổi chìm bóng lẻ trước朦胧 lung.

quán đọi bên cầu

nhìn xa khói bếp mờ nhân ảnh
có phải chăng em quán dọc đường
cát bụi nhạt nhòa trên tóc mượt
sao còn đứng đó ngóng tà dương?

nắng Hạ đường dài chân ngại bước
ai tiếp ai chào khách viễn phương
giọng hát nào êm -
êm như biển nhớ
em quán bên cầu đón gió sương?

Giới thiệu một tác giả



KHOA HỮU, tên thật NGÔ ĐÌNH KHOA sinh ngày 21 tháng 8 năm 1938 tại Bắc phần. Đào thoát vào Nam tháng 3 năm 1953. Tốt nghiệp Bách Khoa hệ Cao đẳng 4 năm. Bị tù chính trị oan, mất sở làm. Sau đó đi dạy tư 4 năm. Đi lính tác chiến 10 năm, bị thương 2 lần. Đã đăng thơ và truyện ngắn trên vài tạp chí văn học tại Sài gòn. Đến tháng 4 năm 1975 giải giáp. Hiện đang sống tại VN và vẫn âm thầm sáng tác, không hợp tác với bất cứ tạp chí, tổ chức văn nghệ nào của chế độ hiện hành.

Đã xuất bản sau năm 1975:

1/ Tập thơ LỤC BÁT do nhà xuất bản TRÌNH BÀY và nhà thơ ĐIỂM CHẤU ấn hành tại PHÁP năm 1994.

2/ Tập thơ THƠ KHOA HỮU do tạp chí VĂN HỌC phát hành tại MỸ. Tập thơ này được bảo trợ tài chính bởi Tạp chí HỢP LƯU, Tạp chí VĂN, Tạp chí VĂN HỌC cùng nhà văn NGUYỄN MỘNG GIÁC và các thân hữu của anh.

3/ NỬA KHUÔN MẶT (thơ lục bát) Thư Ấn Quán xuất bản 2010.

Những tác phẩm đã hoàn tất chờ in:

- LỜI BẠT MỘT TÁC PHẨM (truyện dài)
- NHỮNG VIÊN ĐẠN (truyện ngắn)
- Tập văn xuôi viết về nhiều tác giả.
- LỬA (tập thơ) .

Những Viên đạn

Truyện của Khoa Hữu

*

Vào truyện,

Khoảng cuối năm 1967. Một giang-đoàn Mỹ đổ bộ đơn vị chúng tôi vào phía tả ngạn Đông Vàm-Cỏ-Tây. Suốt một ngày hành quân không thấy một bóng người, chỉ còn ruộng, vườn hoang hóa đầy dấu vết của bom, đạn. Từng nhóm mộ đất trên những gò cao, mưa nắng đã bào mòn, một vài thân cây làm dấu cắm trên mộ ngã nghiêng. Mỗi nhóm mộ là của một dòng họ, gia đình riêng biệt...

Năm 1970 hành quân sang Campuchia, tôi bị thương ở lại tiền cứ. Vì máy bay trực thăng Mỹ hiếm chỉ dành chờ những chiến binh tử trận và những người bị thương nặng.

Đêm ở tiền cứ tôi gặp lại một người bạn học, đại úy H đại đội trưởng và đại đội của anh đang giam giữ hơn mười tù binh dưới hố sâu đào bằng xe ủi phía trên giăng kẽm gai.

Đêm ngồi nói chuyện với H, có một tù binh trẻ bỗng bị đau ngất cầu cứu. Vị thượng sĩ thường vụ :

- Mặc xác nó.

Tôi nhìn H và anh quát lên :

- Gọi y tá

Anh tù binh trẻ bình phục. Tôi xin phép H cho người tù binh trẻ ở lại trên mặt đất, được tự do không trói tay, cột chân. Tôi làm quen mời thuốc lá, lắ. Mời kẹo chocolate, lắ. Hỏi thăm quê quán, gia cảnh, lắ. Những cái lắ đầu còn thù hận. Tôi điềm nhiên, không phản ứng. Bỗng bất thần người trẻ tuổi ấy hỏi lại tôi : “Chú quê miền Bắc ?.” “Ừ, chú đang bị thương”. “Ừ, em hay bạn của em bắn đấy”. Tôi vẫn điềm nhiên.

Sau đó người thù binh trẻ đổi thái độ, đã chịu hút thuốc, ăn kẹo chocolate, kể về quê quán và kể câu chuyện tôi viết ra đây, chuyện kể từng lời dẫn trí nhớ tôi về con Kinh Giữa, những nhóm mộ đất, sông Vàm-Cỏ- Tây ngày ấy...Đến sáng tôi về vị trí của tôi, người tù binh ấy về lại chỗ giam giữ. Câu nói cuối cùng của người tù binh tôi còn nghe : “em là anh em họ với

thằng Bửu. Thằng Bửu tự nguyện tử thủ cảm chân địch cho đơn vị an toàn rút lui, hy sinh ở miền Đông. Chú có về lại Kinh Giữa nhẩn dùm”. Tôi đã quên không hỏi tên người tù binh trẻ đó.

Năm 1970 về Sài Gòn nghỉ phép dưỡng thương tôi viết lại câu chuyện này, duy nhất một ý nghĩ, nói về sự chịu đựng, hy sinh của dân tộc tôi, từ cả hai phía.

Bốn mươi năm sau, 2010 tôi mới có ý định phổ biến câu chuyện này với chủ tâm khác gửi đến những người cầm bút từ phía khác “Lịch sử chưa bao giờ là một ngộ nhận, xin hãy viết lại lịch sử bằng trái tim và sự trân trọng”

Saigon 2010

Khoa Hữu

Một

*

Chú hai Cực không chọn nơi để sinh ra, cũng không chọn cho chú một số phận... Nhưng chú đã được sinh ra bởi một mơ ước u buồn của cha mẹ, bởi một nỗi nhục nhằn nào đó chất chứa không hết trong lòng người. Nguồn gốc, tổ tiên, chú từ đâu ? quê hương chú từ đâu ?, nào ai biết...

Người Pháp từ một miền đất xa lắc, mịt mù trong trí nhớ đã đến đất này thống trị, khoác một cái ách lên cổ ông cha chú, lên lớp người cùng khổ. Sử sách đã làm mốc thời gian 80 năm. Với chú hai Cực chẳng cần, chú chỉ cần nhớ đã nhận cái số phận đó từ bao giờ: Nguyễn-Cơ-Cực sinh năm 1920, thôn, xã, huyện... Tám giấy khai sinh cho chú một ý niệm, về nơi chốn đã được chào đời. Ông cha chú, cha truyền con nối làm tá điền cày thuê cuốc mướn cho bọn chủ đất. Theo thời gian, theo chân bọn quan quyền người Pháp chiếm đóng Nam bộ, bọn quan lại bản xứ đã chiếm hữu vườn ruộng, cửa nhà bằng chính công sức mồ hôi, nước mắt của ông cha chú, thậm chí cả đến lòng thương tổn xót xa. Bọn người bản xứ ấy làm giàu trên xương máu của lớp nông dân, chúng thâm tóm trong tay những vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, thúc ép, dồn đẩy lớp người như cha ông chú đến những vùng đất hoang dã, khắc nghiệt. Có lẽ, ngày chú trào đời đánh dấu những khánh tận cuối cùng của dòng họ. Cha mẹ đặt tên đứa con đầu lòng : Nguyễn-Cơ-

Cực.

Số phận nào đã đưa đẩy lớp người lang bạt, mất nhà cửa theo sông Vàm Cỏ Tây về khai hoang, lập nghiệp ở mảnh đất này. Khí hậu phản phúc của thiên nhiên, sự giận dữ của đất, chất độc từ loài cây dại ngấm trong nước, biết giết người, hành hạ con người. Một khoảnh đất vô danh của Đồng-tháp-mười mênh mông đầy dấu vết của cái chết : bộ xương một loài thú hoang, xác một con rắn độc, cả đến những hồn ma rừng rú, cả đến những tiếng động những hình bóng đã mất tích...

Một cơn giông bão nào trên sông Vàm Cỏ Tây lạnh lùng xô dạt mũi ghe lớp người ghé bến. Tiếng gọi nào của đất ngủ vùi trong làn nước phèn ngập đã ngàn năm, lay động tấm lòng nhân hậu của đất thức dậy.

Đoàn người du mục ấy gồm bảy người của hai gia đình, hai dòng họ khác nhau, nhưng cùng có chung một số phận. Tuổi tác họ khác nhau giống đực và giống cái nhưng trên nét mặt mỗi kẻ, trên màu da, và trên hai vai họ như có một bàn tay cai trị đã bôi bẩn, đã đè nén họ xuống tận cùng. Họ như một đám người hành khất lạc loài, một nòi giống lưu đầy trên chính quê hương.

Chú hai Cực ví như một sinh vật đã được tự nhiên lớn lên.

Ngày ấy cha mẹ chú hai Cực dựng một cái chòi lá trên một gò đất cao. Và đồng loại với gia đình chú là gia đình Tư Hưng trên một gò đất khác cách nhau khoảng nửa cây số. Họ làm việc, làm quen với đất, đổ mồ hôi nước mắt để đất biết khoan dung, tha thứ cho sự xúc phạm của họ. Họ khai hoang chặt cây, nhổ lác, đắp bờ. Thân thể, tay chân, họ chảy máu. Máu sẽ làm cho đất hả giận, máu cũng để tạ lỗi với đất trời. Họ hiến cuộc đời cho đất và đất sẽ biết thủy chung.

Đời sống gia đình hai dòng họ được tạo dựng từ đáy yên ổn, bắt trắc những đứa trẻ sinh ra kế tục nhau lớn lên yên ổn, bắt trắc như mỗi vụ mùa, như cây trái trên đồng...

Cái thôn xóm vô danh bên phải sông Vàm cỏ tây, lầy, mặn phèn, hoang dã đã có lửa, có tiếng người, có khói bếp ấm áp thờ cùng hơi thở của đất.

Loài người ở đây đã có thật, sự sống khác cũng đã có thật. Tiếng rống âm vang của con bò đực thứ nhất, màu xanh thân thuộc của lúa, của hoa trái ban ơn, tiếng hót của những loài chim rừng đến thăm viếng cái hạnh phúc giản dị, u uất

Bắt đầu có một thôn xóm không ghi địa danh trên bản đồ và

một hạnh phúc không có trong trí nhớ.

Hai

*

Con sông Vàm cỏ tây đã chảy qua đây bao nhiêu nước, đã mang theo những lời than vãn, giăng dặc cả những tiếng thồn thức giữa đêm khuya khoắt. Cha mẹ chú hai Cực lần lượt qua đời, đã chết trẻ. Đó là cái giá phải trả cho đất, cái sức lực phải trả cho nhọc nhằn. Chết là một cách giải thoát cho cuộc đời họ. Nhưng còn kẻ sống. Và chú vẫn phải sống, vẫn phải lớn lên nối nghiệp cha mẹ, cái sự nghiệp là ước vọng một đời khắc khổ, chắt chiu, giành giật, mấy công ruộng đất đã thuần, cái cày, cái bừa, cái cuốc, con bò đực trung thành và một căn chòi lá.

Cha chú : ba ông Khô phiêu bạt từ nơi nào tới đây mang theo mẹ chú và chú năm vừa mười tuổi và người bạn đồng hành ông Tư Hưng. Ông ba Khô thâm lặng chẳng hề mở miệng về đường đời ông đã trải qua, chẳng cười, chẳng nói hai hàm răng cắn chặt lại một nỗi oan ức. Cặp mắt nhỏ như cổ nhỏ lại che giấu cho ông. Mưa nắng nhọc nhằn để lại trên trán ông những nếp nhăn sớm, một màu da của nước phèn, màu cây mục rã màu đất hoang trộn lại. Và khuôn mặt ông như dị dạng đôi khi méo mó đi một cách đáng sợ. Ông đã chết trước, ông đã mang theo cả những bí mật, cả những ước vọng của con cái, và như đã chôn theo cả mấy đời làm nô lệ của tổ tiên. Mẹ chú chết sau đó mấy năm, sau một cơn bệnh dài kiệt sức, bình thường giản dị như tất cả những người đàn bà lam lũ khác chẳng mất một giọt nước mắt, một tiếng kêu.

Vậy cái duyên số nào đã mang thím đến với chú hai Cực. Cái thiên chức tự nhiên của tạo hóa như giống cái, giống đực của thú vật, nhị cái nhị đực của hoa. Hoa kết trái, thú vật sinh tồn và con người cũng sinh tồn.

Thím hai Cực mồ côi được thiên hạ nhận làm con nuôi từ tám bé, lớn lên, chăn trâu, cắt cỏ, làm thuê, ở mướn chẳng có gì để nhớ, vậy là hai nỗi đau khổ đã cộng lại. Rồi thím cũng sinh con, đẻ cái, đứa đầu thành Minh, ba năm sau thím sinh lần thứ hai : con Sóm. Chú hai Cực nghe nói năm sinh thằng Minh là năm Cách mạng khởi nghĩa. Chú nhớ vì năm đó bỗng nhiên hai người con trai Tư Hưng bỏ nhà đi biệt tích : hai Thắng và ba Lợi

Cùng với thời gian, có những ân sủng và nghiêm khắc, nó cho

sự sống nhưng đã cũng sẵn sàng hủy diệt đi. Vợ chồng Tư Hưng cũng lần lượt qua đời. Bây giờ trong căn chòi lá lớn, ngay ngắn của gia đình Tư Hưng còn lại một mình thím hai Thắng đang bụng mang dạ chửa. Đầu năm sau ngày hai Thắng bỏ đi thím sinh đứa con đầu : thắng Bửu

*

* *

Con sông Vàm cỏ Tây bắt nguồn từ đâu, chảy qua những nơi nào, đổ về đâu chú cũng không biết, nhưng sông Vàm cỏ vẫn miệt mài làm cái công việc mang nước, mang sự sống từ nguồn về một cách nhẫn nại, công ích. Dẫu trải bao đời nay, con sông vẫn lạnh lùng, thách thức nó mang những cuộc đời cơ khổ theo nó. Hai bên bờ đã mọc lên những thôn xóm nhỏ vô danh, cây cũng mọc lên chỉ chít, hoang dã thành rừng, nào được, chàm, dừa nước, cả những loài cây ăn trái đây đó cũng đại dột mọc lên. Bạt ngàn nước bạt ngàn rừng ngập, mảnh đất mệnh mông vô thừa nhận, chẳng ai tranh giành. Và gia đình chú đã tranh giành với thiên nhiên để làm chủ một sự nghèo khổ đến xót xa. Trong trí nhớ của chú hai Cực ba mươi tám năm xa lắc, giòng già, mù mịt từ cậu bé mười tuổi áo vá, chân đất, mù chữ theo cha đến đây, theo cha trên luống cây. Cha chú làm con bò đực, mẹ chú cầm cày, cầm bừa. Gia đình chú ba con người xa lạ cầm dao, cầm cuốc, cầm rựa, quần quật từ sáng đến tối, phạt cỏ, chặt cây, cuốc đất. Cái sức mạnh dị thường khiến cha chú có thể kéo bật lên lớp đất dẻo chẳng chịt những rễ cây đại đứt phừng phứt xối lên thành luống. Đôi khi mẹ chú thương chồng, đôi khi đất bất trị, mẹ chia sẻ với cha cái ách trên vai. Hai người cùng mang một cái ách oằn lưng trên luống đất. Chú cầm cày chập choạng theo sau và lòng chú quặn đau.

Cái hạnh phúc gia đình chú, tưởng như xa lạ, lạnh lùng chẳng có nụ cười. Cuộc đời nhẫn nhục, liều lĩnh, thách thức cha chú, tình yêu thương đơn giản như sông, như đất mệnh mông của mẹ đã khai mở cho chú một trí tuệ khác, mẫn cảm và một tấm lòng. Tuổi thơ chú đã được lớn lên như thế để thành một người đàn ông

Rồi đất cũng trả công cho người, cây cho trái, đồng ruộng cho lúa, cho hoa màu. Cha chú mua được con bò đực thứ nhất. Con bò đực thân yêu, bạn súc vật đầu tiên của chú Nhưng số phận đã không buông tha cái khốn khổ của xóm ấp này. Chiến tranh đến gần mang đi hai người bạn của chú, thằng Thắng, thằng

Lợi bỏ cày, bỏ bừa đi biệt tích. Oi, sự tàn nhẫn lạnh lẽ. Mười lăm năm sau ngày sinh thằng Bửu, thím hai Thắng qua đời. Rồi đến lượt vợ chú bỏ chú lại cảnh gà trống nuôi con. Thằng Minh mười bảy, con Sớm mười bốn Ba mươi tám năm mù mịt xa lắc, đau đớn khác thường mà tưởng chừng như mới hôm qua.

Ba

*

Chiến tranh đã trở lại khốc liệt hơn. Sau khi chôn cất vợ, chú thu xếp thằng Minh lên thành phố nhờ cậy một người quen biết. Chú đã suy nghĩ chín chắn trước khi quyết định. Trong thâm tâm chú chẳng mong gì ở tương lai thằng Minh, chú làm sao thay đổi được số phận nó. Chú nghĩ, thôi cho nó tạm lánh thân vài năm hết chiến tranh lại trở về...

Thằng Minh đi được ba năm, quãng thời gian ngắn ngủi cũng đủ làm thay đổi thêm khuôn mặt cái xóm ấp nhỏ bé này. Bây giờ là tháng tư âm lịch. Mùa mưa sớm đã bắt đầu, gió thổi từ biển vào đất liền, mang những trận mưa lớn, mây xuống thấp, vùn vùn và mặt trời chỉ hé lúc bình minh, một chút nắng đủ khô ngọn cỏ vào lúc giữa trưa. Đó là không gian, khí hậu của một mùa khác mùa trước, ranh giới giữa hai mùa : mưa và nắng. Nhưng đối với người nông dân, với chú đang náo nức chờ đợi mưa như tiếng gọi của ngày làm mùa, một niềm hi vọng khao khát nước nở.

Bây giờ chỉ còn lại hai cha con chú lặng lẽ, cô quạnh. Con Sớm, con gái chú vừa mười bảy. Cái sức sống bí ẩn, mãnh liệt từ trong mạch máu vươn lên, căng đầy, hùng hực. Cái sức sống ấy mở bật đội mắt to, đang chắt chứa một nỗi u uẩn của mẹ nó. Hai cha con sống trong cái chòi lạnh lẽo như hai cái bóng. Con Sớm theo chú làm tất cả công việc của thằng Minh để lại tháo vát, táo bạo như một người đàn ông chẳng hề mở miệng than trách.

Chiến tranh mỗi lúc một đến gần xuất hiện như cái bóng đen lớn , bom đạn mới đầu còn xa rồi dần dần trùm phủ lên thôn xóm. Các loại trọng pháo bắn đến từ các phía Quận, Thị Trấn chung quanh nổ chập trên đầu đạn đào đồng ruộng thành những cái giếng nhỏ. Có đêm, từ bên kia sông bỗng ầm ầm chớp giật rung chuyển khủng khiếp từng dãy lửa chẳng chịt tưởng bất tận. Căn chòi của chú rung lên , dây rục dưới sức hơi ép lửa nóng hực. Con sông bây giờ cũng lặng bóng ghe thuyền

qua lại, xuôi, ngược. Chiến tranh đã thực sự đến tận thôn xóm, cây cối bị cháy nám đen, xé toạc, cỏ cũng vàng trên mặt đất, lúa trong ruộng cần khô. Có những lúc chủ đau đớn ngồi hàng giờ trên bờ ruộng nhìn xuống. Đã thấy những con cá nhỏ chết, xác những sinh vật thân thuộc của đồng ruộng nổi lềnh bềnh, rã mục. Trên cao lá vàng rụng trái mùa. Đã có một chất độc khác ngấm trong nước, rắc lên cây cỏ ngoài chất độc của thuốc bom đạn cháy vì sự rỉ sét kim loại. Lúa không trả nợ thóc cho người và con bò đực gầy rộc vì thiếu cỏ.

Sớm mai, chú ra ruộng, vỗ về con bò đực trước khi mang lên vai nó cái ách, kéo cày. Chú muốn nói hết tâm sự của chú, nhưng con vật làm sao hiểu hết tiếng người. Chú trân trọng nhẹ nhàng với nó. Một người đàn ông, một con bò đực cùng nhau kéo đẩy chung một số phận. Con Sớm ngồi trên bờ ruộng, mạ gieo cho ngày cấy muộn, đã chết. Những thửa ruộng cấy xong, thân mạ tả tơi úa héo không đủ sức vươn lên. Lòng thương xót và nước mắt con Sớm không đủ làm cây lúa sống lại. Con bò đực những lúc nghỉ ngơi, khi chú tháo khỏi vai nó cái ách, chẳng tìm đâu ra miếng cỏ tươi, đôi mắt nó cũng buồn bã, u uẩn. Chú dỗ dành âu yếm nó, hai mắt nó mở lớn, long lanh tưởng chừng có hai giọt nước mắt trong khóe mắt. Con bò đực cũng biết khóc ? Chú liềm lĩnh cùng con Sớm chèo ghe qua sông, vào sâu trong các kinh, rạch cắt cỏ, chú đoán chừng nơi nào chưa có con người đặt chân đến cỏ sẽ mọc đàn, mọc đồng. Chú thất vọng, nơi đây vết bom đạn còn dữ dằn hơn thôn xóm chú, bom đào thành những ao lớn, cách đều nhau, cây cỏ thì chết rạc. Màu sắc cái cảnh hoang tàn này thoát trông như những vết lở trên da thịt ung thối lâu ngày.

Chú mua rơm rạ khô về cho con bò đực, rải ra cho nó nằm nhớ cái bộ vó hùng vĩ trên lưng cày ngày trước với cái thân hình tàn tạ, da bọc xương của nó bây giờ. Tưởng đến sự cọ xát của những đầu xương nhô ra trên mặt đất cứng, chú lại đau lòng. Những lúc ngồi cả buổi chiều nhìn con bò đực cột dưới gốc cây nhai buồn bã từng miếng rơm khô cháy, chú chẳng còn cách nào lấy lại phần xương thịt đã mất đi vì thiếu cỏ, thiếu việc làm. Bao lâu rồi chú không nghe tiếng rống lên của nó như kiêu hãnh về cái giống đực, về con vật biết trung nghĩa với con người. Vào một đêm có trăng mảnh trắng lưỡi liềm treo trên những cành cây lô nhô, nhìn xa cắt lên nền trời những hình thù quái dị, ánh trăng mờ nhạt, buồn hiu. Thiên nhiên,

chung quanh chú im ắng, lẳng ngủ, chẳng còn tiếng một con gà trống nào gáy lên, báo giờ giấc cho người. Một vài con dế hèn hạ, vô tích sự, sống sót, dai dẳng đập cặp cánh thành những âm thanh lạch lổng. Chú nằm tưởng nhớ, trần trọc. Những đêm ngày mùa qua trong tâm trí chú, những vụ gặt đã qua thật rồi ư ? Chú tưởng chừng như có một sức nặng đang dồn ép trong lồng ngực, tức thở. Một tiếng gọi nào xa lắc, mơ hồ chú còn nghe thấy, những hình ảnh đã khuất lấp, mù mịt mà mắt chú còn nhìn như thật. Chú mở mắt trừng trừng trong bóng tối.

Chú hai Cự đã gần năm mươi tuổi rồi, cái cơ ngơi nửa đời chú tiếp tục gây dựng thêm chẳng là bao, nhưng gần gũi, thân thiết như xương với thịt, như máu trong huyết quản. Người ta đã tước đoạt mơ ước của cha mẹ chú, tay trắng đến đây. Bây giờ người ta rải chất độc xuống ruộng vườn chú, bắn trọng pháo bắt kê lên đất đai, nhà cửa, bắt kê lên sinh mạng cha con chú, "Thời buổi con người hơn gì con vật?" chú thiếp đi.

Một loạt trọng pháo từ phía thị trấn bắn xuống đánh thức chú dậy, hất tung chú lên. những tiếng nổ như sét đánh, dữ dội, rất gần, mùi khói đạn mù mịt, khét lẹt.

Sáng hôm sau chú thức sớm, lại thăm chừng con bò đực. Chú bỏ thêm rơm khô vào máng ăn, vỗ vỗ lên đầu nó. Chú đi thăm vườn tược, ruộng bãi của chú, đạn khoét sâu xuống ruộng hất ném đất tứ tung, cây trong vườn gãy, dập. Mỗi lần mất đi một ít, mai kia chắc chẳng còn gì, chú lâm lũi, ngao ngán trở về.

Chú và con Sớm bắt đầu làm hai cái hầm nổi, một cho cha con chú và một cho con bò đực.

Bốn

*

Con bò đực đã chết.

Chú đã đắp đất thành cái hầm nổi chung quanh chuồng con bò đực. Buổi chiều chú bỏ ít rơm khô cho nó nhai qua đêm. Nhưng nó chẳng được sống qua đêm. Tại sao nó như vậy. Tại sao nó hay sổ phận chú ? Mất con bò đực là mất đến tài sản cuối cùng, ai sẽ thay con bò đực làm bạn đường đời với chú chia sẻ nỗi khốn khổ này. Ai sẽ kéo cho chú cái cày, cùng chú hai sương một nắng. Một vết đạn sắc mở vết thương dưới con mắt trái con bò đực, máu và sự sống thoát ra từ đó, hàng trăm mảnh khác ghim cắm vào những cột, cây, rải rác trên mặt đất, những mảnh đạn màu rêu nhạt, có in nét chữ đen, nét chữ vàng. Ôi,

oan nghiệt. Bom đạn này từ đâu tới đây nổ trên đầu chú, khắp vườn ruộng, cây trái và bây giờ đến con bò đực. Một vết máu đã đông đặc từ vết thương chảy xuống hai mép hé mở, cặp mắt trắng dã. Nó chết chúi đầu xuống đất như đã cố thờ những hơi thở cuối cùng nơi chốn thân yêu. Có lẽ trong đời chú chưa bao giờ chứng kiến một cái chết thương tâm của một con vật trung nghĩa như thế.

Con bò đực già của cha chú để lại khi xưa, chú đã bán khi nó không còn sức lực. Người ta đòi giết thịt nó trước mắt chú, tàn nhẫn như một con dao sắc cắt vào lòng chú. Cái luật về sự sống còn không thuật về chú, con người có thể làm những điều họ muốn, nhưng chú đã không giết con bò đực già, lạc loài.

Bây giờ, con bò đực trẻ lại chết, chú quanh quẩn bên xác con bò, đi ra đi vào chẳng biết phải làm gì. Đầu óc chú rối không, ù lì cảm giác như chính chú trúng phải mảnh đạn, dòng máu chú chảy quanh cặp môi hé mở.

Con Sớm giục già chú, lay gọi chú, rồi nó tắt tả chèo ghe đi kêu người để bán xác con bò đực.

Xế chiều con Sớm chèo ghe trở về, theo sau nó là một cái ghe khác có mấy người đàn ông lạ mặt, lực lưỡng. Họ cột ghe chỗ lõm con sông, đi quanh co theo đường bờ ruộng. Họ trả giá với con Sớm sau khi coi xác con bò đực. Họ lột da, xả thịt nhét vào những cái bao mang theo và họ theo đường bờ ruộng quanh co trở ra chỗ buộc ghe. Có một người đàn ông trẻ hơn trong số họ đi sau cùng, tay cầm súng con bò đực, lắc lư cái đầu con bò đực bị chặt đứt trong không khí. Xế chiều hôm đó, ngày hạ tuần, có một chút nắng không đủ làm ấm cái giá rét trong lòng chú hai Cự, cũng không đủ khô những giọt máu còn sót trong xương thịt con bò đực nhỏ giọt trên bờ cỏ những người lạ mặt kia đã đi qua.

Ba ngày liền chú nằm lì bì như đau nặng, bỏ ăn, bỏ uống. Trong căn hầm ẩm ướt, tối mù, chẳng phân biệt được ngày, đêm bên ngoài, chẳng có tiếng một con vật thân thuộc nào của đồng ruộng cho chú biết giờ giấc, trưa hay chiều, tối. Chẳng còn một ý niệm nào nhắc nhở chú còn sống.

Đạn trọng pháo từ phía thị trấn vẫn bắn, nổ âm âm lên cái bóng tối ấy, lên cái ranh giới riêng của chú: giữa sống và chết. Tội nghiệp con Sớm. Nó chờ chực bên cạnh chú và nó khóc. Có một lúc nào đấy, chú cảm thấy những giọt nước mắt con Sớm nhỏ lên mặt, làm chú tỉnh lại.

Ngày mùa đông ngắn hơn, hầu như không có mặt trời, khoảng 4 giờ chiều sương đã phủ dày đặc trên mặt sông, mù mịt, hơi nước như đặc lại màu trắng li ti. Hai bờ con sông Vàm- cò- tây hoang vắng lạ lùng, những hàng cây cất lên nền trời một màu khô chết. Thăng Bửu lặng lẽ chèo xuồng thả theo con nước xuôi, quan sát như cố vận dụng một cái gì trong trí nhớ nó. Trên trán thăng Bửu mồ hôi lấm tấm mặt dù gió lạnh. Có thể giờ này trọng pháo sẽ bắn rải theo bờ thềm của con kinh giữa, nó linh cảm một điều chẳng lành, cây cỏ hai bên bờ con sông đã báo cho nó biết vậy. Hôm nay thăng Bửu trở về vì nó có hẹn với con Sớm lúc trăng lên.

Nó không biết mặt cha và mẹ cô mẹ năm mười lăm tuổi. Căn nhà hẹp như một cái chòi từ thời ông nội nó để lại. Kể như quê hương, thôn xóm nó ở đây. Cha nó và chú ba Lợi đi theo cách mạng từ thời chống Pháp không trở về. Bây giờ nó mới được biết vậy.

Năm cha nó đi cũng là năm mẹ nó sinh nó. Nó chào đời trong cái góc nhà lá, cô quạnh, có một cái bếp lửa để đun khói muỗi, vừa để ấm lòng người mẹ nhọc nhằn. Thoáng chốc đã hai mươi ba năm, thoáng chốc đã tám năm mẹ nó chết như rành rành hình bóng trước mắt. Nó đột ngột thở dài, trong cái thiên nhiên đang chuyển động, sông nước có thấu hiểu tiếng thở dài của nó?

Hôm nay thăng Bửu trở về, tính ngày tháng trên ngón tay, vừa ba tháng. Hai năm nay nó bỏ căn chòi lá, bỏ hoang ruộng vườn đi biệt biệt, ai biết nó đi đâu? Cứ vài tháng nó lại về, ngồi trước sân, đi loanh quanh thăm mộ ông bà nội, mộ mẹ nó trên một gò đất quây quần một gia đình.

Cái tình cảm thân yêu thiêng liêng đã giữ chân nó, tình yêu của con Sớm lảng giềng cũng nảy nở trong lòng nó. Lòng Thăng Bửu se lại, hôm nay nó trở về để nói với con Sớm một điều đã thay đổi. Bây giờ bản thân nó chẳng thể quyết định được gì thêm, một con đường khác đã mở, có thể là con đường cha nó và chú ba Lợi đã ra đi ngày trước. Thăng Bửu không thể giấu mãi con Sớm, tội nghiệp con Sớm.

Mảnh trăng non đã lên một màu sắc khác thường, cây lá xào xạc một ngôn ngữ khác thường, quê hương của thăng Bửu đang đón tiếp, đang trò chuyện với nó. Khúc lõm của con sông đã hiện ra, thăng Bửu ghé xuồng vào, nó lặng lẽ cột xuồng rồi lên bờ, chỉ còn thấy cái lưng nó lộ nhô trong bóng cây. Thăng

Bửu đến chỗ hẹn con Sớm. Mảnh trăng lưỡi liềm đã lên cao, soi bóng thẳng Bửu lẫn với bóng cây soài bằng tuổi nó đã bị bứt hết lá, khô chết, nó chọn một chỗ ngồi quen thuộc, chờ đợi, mặt hướng về con sông Vàm-cỏ-tây, phía bên trái là căn chòi lá ông bà nó để lại, bên phải, căn chòi lá khác của chú hai Cực, nhà con Sớm ,” giờ này con Sớm đang làm gì? “ Bên kia sông dòng nước lấp loáng, bạc ngàn hoang dã là ranh giới của ánh trăng và bóng tối của mặt đất như một dải khăn viền đều đặn, một cái khăn xô quấn trên trán một thiếu phụ, cái không gian tĩnh mịch, tắt tiếng. Bỗng một con vạc lẻ loi bay ngang qua nhà một tiếng kêu khản đặc. Thằng Bửu rung mình, không một ánh lửa, không một mùi vị thân thuộc, thậm chí đến tiếng kêu la của gia súc sống bên cạnh con người. Trong tâm trí thằng Bửu mơ hồ nhận ra một điều làm nó hết sức đau đớn, quê hương nó xa lạ, hắt hủi đến thế ư. Nó đứng dậy đi về phía cột ghe, đột ngột muốn bỏ đi, bỏ cả cuộc hẹn với con Sớm. Nhưng nó và con Sớm đã gặp nhau ở giữa đoạn đường ấy. Có một cái gì khác lạ khi thằng Bửu nhận ra con Sớm. Nó đứng lại chờ cái bóng lao đao ấy đến gần. Khi hai đứa đối mặt nhau, thằng Bửu cố ghìm một tiếng kêu gầm gừ trong cuống họng hai tay ôm lấy mặt. “ Mày đau hả Sớm” Ừa tao đau” thằng Bửu ngó quanh “ Bây giờ tao chẳng giúp gì mày được”, “ mày lại đi nữa hả Bửu”. Con Sớm hỏi không ngó thằng Bửu, nó ngó quanh quất đâu đó, dưới chân chúng nó có hai cái bóng. Thằng Bửu trả lời con Sớm “ừa mà lần này tao đi lâu lắm, chẳng biết đến bao giờ”. Thằng Bửu đã nói thêm với con Sớm những gì, tai nó không nghe, nó đã không thấy những gì mắt nó đang thấy. Tai nó ù đi, như sự tĩnh, nó đã thấy bóng con Sớm như xa lắc, ngoài tầm tay nó, ngoài tiếng kêu gọi của nó, miệng thằng Bửu như bị khớp cứng lại. Con Sớm chạy chập choạng, ngã nghiêng mặt tích vào bóng tối căn chòi lá. “ Thôi hết”. Thằng Bửu cố gắng đi thêm một quãng đường về phía nhà con Sớm, một quãng đường của những điều còn sót lại. Nó nhìn xuống những bước chân nó và chợt nhận ra vuông vải may làm khăn tay của con Sớm, thằng Bửu lượm lên nắm chặt trong tay. Bây giờ ánh trăng âm đạm trên hai vai nó, đầu cúi về phía trước một cái bóng trai trắng, vạm vỡ.

Cuộc chia ly của thằng Bửu, con Sớm thật giản dị, bởi cả hai đứa đều không thể ngờ được sau lần gặp gỡ ấy, chẳng còn bao giờ chúng gặp lại nhau....

Con Sớm đang ngồi khóc trên bậc đất nơi cửa hầm, những giọt nước mắt đau đớn không đủ chỗ chứa trong lòng nó ứa ra, không còn sức chịu đựng, cầm giữ. Nó ngồi bất động suốt đêm. Đến sáng chú hai Cực tỉnh lại, môi mấp máy. Nó ghé sát tai vào mặt chú, nó nghe được giọng thều thào, hụt hơi của chú. ” Sao mày khóc” ,” Con bò đực chết thật rồi hả”.

Những cây cảnh trong vườn nhà nó bị bức đập, bị chặt đứt, xé toác, cháy đen, trụi lá tưởng như chết tiệt đang cố nức nủ ngọn mầm. Nhưng hạt thóc chết trôi trên đồng ruộng cũng cố vươn lên ngọn mạ ngả nghiêng. Những ngọn gió từ biển mang mưa muộn màng đến. Trong những bất hạnh sức sống lại vươn bật lên mãnh liệt.

Chú hai Cực bình phục mau chóng, con người nông dân cần mẫn trong chú sống lại cùng tiếng gọi của ruộng đồng. Chú cùng con Sớm chuẩn bị làm mùa muộn. Và chú sẵn sàng làm con bò đực đi trước cái cày, chú khoác lên vai cái ách như cha chú như xưa. Con Sớm sẽ cầm cày, vỡ đất. Oi, cái mong ước giản dị, khắc khổ của hai con người duy nhất còn sống sót trên đồng ruộng của họ. Chú hai Cực bỗng mạnh mẽ như con bò đực, chú cong ngả người về phía trước kéo cái lưỡi cày đi phùn phụt, xé đất không mệt mỏi, không cần nghỉ ngơi để lấy lại hơi sức. Con Sớm theo sau cái cày đến vĩa mồ hôi. Hai cha con chú làm việc từ sáng đến chiều và mỗi buổi chiều chú và con Sớm trở về trước cái giờ định mệnh. Như thông lệ, đạn trọng pháo bắt đầu bắn từ các phía, và đạn nổ rải lên đồng ruộng bên này cả phía bên kia sông. Mỗi lần tháo cái ách ra khỏi vai, chú lại nhớ con bò đực, nhớ xót xa. Chú đổ mồ hôi chăm sóc ruộng đất, hy vọng ruộng đất sống lại. Nhưng làm sao con bò đực sống lại được.

Những cố công của hai cha con chú hai Cực đều vô ích. Đất chết thật, thóc không thể nảy mầm trên ruộng. Mỗi ngày đạn trọng pháo bắn càng nhiều bất kể ngày đêm, giờ giấc. Ruộng đồng đang xa chú, cây trái đang phản bội chú. Cả ngày chú loay quanh, từ sân ra vườn, từ vườn ra ruộng. Cả ngày hết đứng lại ngồi, quên ăn, bỏ ngủ. Chú gầy sút thảm hại, đôi vai bắt đầu co lại, còng xuống. Giá ruộng đất, cây cỏ có linh hồn, cả ngọn gió mùa thổi đến đây có linh hồn. Giả dụ thiên nhiên còn biết trắc ẩn và chú cảm thấy linh hồn con bò đực vẫn quanh quất đâu đây.

Có đêm nằm lơ lửng trong hầm, gác tay lên trán. Chú mơ thấy

cây cối trong vườn xanh tốt hoa trái như thật lúa trĩu hạt trên đồng. Con bò đực hùng vĩ mở to cặp mắt hiền lành, cái lưỡi nhám sắc liếm lên bàn tay chú. Cái cây, cái bừa, cái cuốc cũng có tiếng nói, tiếng những loài chim đêm đi kiếm ăn bay qua bóng đêm xanh mát, đầm thắm, một con vạc mê mải lê bạn kêu gọi bầy. Cả cái không gian có sương muối, có khói phủ, có hơi thở đầy ắp tiếng động thân mật của ruộng đồng. Con giun, cái kiến cũng có được sự sống. Bây giờ mỗi đêm trong giấc ngủ mê mệt chú hay mộng mị như có một tiếng gọi miên man, khoắc khoải trong đầu chú hay ở đâu đó, trong góc căn hầm, tít bên kia sông. Một loạt đạn trọng pháo từ phía thị trấn bắn xuống, cắt đứt, giật chú ra khỏi cơn mộng mị. Tỉnh dậy, chú nằm trần trọc đợi sáng.

Nhưng đêm nay, chú chẳng cần chờ đợi sáng. Một trái đạn oan nghiệt đã nổ như long trời, lở đất, bên ngoài cửa hầm. Đào một hố sâu dưới đất, hất tung nửa căn hầm và làm chú ngất đi. Những mảnh đạn đã ghim vào đầu đó trên người con Sớm chẳng kịp một tiếng kêu, mái chòi lá bay ra xa bốc cháy. Khi tỉnh lại, định thần, trong ánh lửa chú nhận ra con Sớm nằm sấp bên trong cửa hầm, chú ôm lấy thân thể bất động của con gái chú còn nóng hổi, đầm máu, chú ôm khư khư trong hai tay chẳng biết đến bao lâu.

Chú hai cực chôn con Sớm trên cái gò cao ở đồng trong, nơi ba má chú và mẹ con Sớm yên nghỉ.

Thấm thoát được ba tháng, mùa mưa đã dứt hẳn, ngọn gió mùa ngừng thổi từ biển cả mặn mà về đây đầy ắp cánh đồng hoang dã. Với chú hai Cực có nghĩa là những tiếng gọi náo nức ngày mùa cuối cùng đã tắt hẳn trong tâm trí chú.

Một đêm, chú hai Cực ngồi ở góc mảnh sân con, hai tay ôm mặt, hai chân bở thõng ngâm trong góc ruộng trũng còn ngập nước. Chú ngồi rất khuya, không cử động. Nhìn xa chú như một gốc cây già cụt đang mòn rã. Rất khuya một trái đạn đã nổ gần phía sau lưng chú, hất tung chú xuống ruộng nước, một mảnh đạn vô tình màu rêu nhạt, có nét chữ màu vàng, có nét chữ màu đen...

Một dòng máu chảy ra, từ thân thể chú loang lớn trong nước và tan rã thân nhiên. Có lẽ, điều ân hận trong mấy tháng gần đây chú bỗng có ý định đi thăm thằng Minh, con trai chú bật tin, nhưng lần nữa mãi, chú chẳng còn kịp đi. Vô ích, bởi không kịp đi đã bớt cho chú thêm một điều đau lòng. Thằng

Minh cũng đã chết, Người bạn thằng Minh (nơi nó khai nhờ địa chỉ báo tin) đã tóm tắt câu chuyện, Thằng Minh bị bắt lính gửi lên chiến trường cao nguyên tử trận.

Một đám mây, ngọn gió đã qua trên bầu trời lúc ấy đó là sự chứng kiến duy nhất về cái chết của chú hai Cục.

Năm

*

Thằng Bửu trở về thăm thôn xóm cũ, nửa đêm hạ tuần đen đặc. Chiếc ghe nhỏ ẩn nấp dọc bờ phía bên có nhà cửa, xóm ấp sông Vàm-cò-tây. Hai người đồng đội lặng lẽ chèo, thằng Bửu ngồi giữa lòng ghe, gác cây súng ngang đùi, ngón cái của bàn tay phải để lên chốt an toàn và ngón trỏ để trong cò súng, cái cảm giác lặng ngắt của bàn tay nó trên, cây súng, duy nhất cho nó cảm giác nó đang trở về. Đầu óc miên man, ào ạt những hình ảnh, xúc động chông chắt những góc cạnh trong trí nhớ. Một ngọn gió thổi lên mặt nó, một chút thanh thân làm dịu đi chút phiền muộn, tư lự ... Chiếc ghe lẳng lẳng ngược dòng sông khuất lấp trong bóng tối. Và cả ba gã trai tráng chẳng kẻ nào mở miệng. Có lẽ đã đến chỗ lờm con sông, thằng Bửu ra đầu cho ghe dừng lại, và cả ba người cùng kéo chiếc ghe giấu lên bờ.

Thằng Bửu đi trước theo đường bờ ruộng về phía nhà nó, từ xa một màu xám đặc của đất, của cây và bầu trời trộn lẫn. Đường đất mấp mô như mới được đắp thêm ngổn ngang, lăn lóc, chông chắt đất. Không một tiếng động, cả gió trên cây và các loài sinh vật khác ngoài tiếng bước đều đặn từng bước chân của ba người, Người đồng đội đi sau có thể nghe hơi thở dồn dập của thằng Bửu” Còn bao xa nữa” một người hỏi “đến rồi” Thằng Bửu đáp” Vùng quanh kích tự do mà” một người nói. Thằng Bửu dừng lại, phía đầu sân bên kia đã bị đào sâu bởi một trái đạn pháo cỡ lớn, lửa đã thiêu rụi căn chòi lá từ bao giờ, mùi cay sè của thuốc đạn cháy nám trên đất, mùi nồng to than của lá gồi, của cây đước còn được giữ lại trong các khe nứt của đất, còn ngậm lại đâu đó trong dấu vết của sự hủy diệt dở dang. Sự chết ở đây đã đến tận cùng gốc rễ. Thằng Bửu đi loang quanh, rồi đi về hướng mộ mẹ, ông bà nội, rồi cùng đồng đội đi ngược lên phía nhà con Sớm.,Ba cái bóng thẳng hàng, nhấp nhô “ đi hả, Bửu”. Một người nào đó hỏi. Không có tiếng đáp,

một loạt đạn trọng pháo bắn từ phía thị trấn gầm rú qua trên đầu nổ bên kia sông, đất rung chuyển xa cách một dòng nước như sấm sét. Thềm vành đai trắng. Một người nhận xét "Chất độc ở đây có thể ngấm xuống sâu cả thước". Một người khác trả lời thẳng Bửu nghe lơ đãng, một cơn gió nhẹ rung mình, mơ hồ cảm thấy mùi người chết trong không khí. Càng đi gần đến nhà con Sớm, mùi tanh tươi như đặc lại, nồng nặc. Nó đứng sững trong mảnh sân nhà con Sớm, bây giờ cái chòi lá nhà con Sớm cũng chỉ còn lại căn hầm đất đã bị sạt lở, mọi thứ gãy, vỡ, tan nát, ngay dưới chân nó đạn đào một hố sâu. Nhưng ở đây còn có hai con người đang sinh sống. Họ đi đâu? Một mùi xác chết rữa thối vừa bắt gặp nhắc nhở thẳng Bửu. Nó đi quanh sang góc sân bên kia chỗ tiếp giáp với một góc ruộng nước và gặp một xác người. Tay thẳng Bửu run run bật ngọn đèn bấm mang theo, một người đàn ông tóc ngắn, áo ngắn tay, quần cụt nằm úp xấp chúi đầu xuống ruộng nước. "Chú hai Cục thật rồi". Nó lăm lăm những điều vô nghĩa trong miệng. Hai người đồng đội của nó cũng tách ra đi tìm kiếm. Một người trong bọn hỏi "Chúng ta chôn cất cho tử tế chứ?". Vẫn giọng người đó nói "Ông già con Sớm đấy". Trong hơn hai năm gian khổ cùng những người đồng đội này, đôi lần thẳng Bửu đã hé mở tâm sự, lai lịch nó, những điều tưởng chừng như nó đã quên...

Ba người đã vớt xác chú hai Cục bằng cái áo ny long của thẳng Bửu mang theo, gói kín, buộc kỹ lại, chôn ở ngay hố đạn góc sân. Mùi nồng nặc của xác chú hai Cục đã rữa thối rồi cũng tan trong không khí, tan trong trời đất như nỗi đau đón một đời chú đeo đẳng cũng chôn vùi theo chú trong đất. Ai hiểu được. Thẳng Bửu nhớ đến vuông vải trắng làm khăn tay của con Sớm nó cột vào một mảnh gỗ, cắn ngón út cho chảy máu và hết sức cố gắng, nắn nót ngón tay út vụng về, run bật của một gã trai ngoài hai mươi tuổi vừa được học võ lòng:"Chôn chú hai Cục ngày...năm...". Thẳng Bửu nghĩ "Ừ, một ngày nào con Sớm, thẳng Minh cũng trở về ..." nó viết chữ Bửu phía dưới và bọc kín bằng mảnh ny-long còn lại cắm lên mộ chú hai Cục.

Ba người lặng lẽ đi theo hàng một nhấp nhô trên đường bờ ruộng mất hút vào phía bóng tối chỗ buộc ghe bên bờ sông Vàm-cỏ-tây.

*

Hai tháng sau ngày thẳng Bửu chôn chú hai Cục, vào một đêm

tối trời đáng nguyên rửa, thằng Bửu đã hy sinh ở một xóm ấp nhỏ vô danh thuộc miền Đông. Dòng máu nóng của sự sống đã tự do chảy đến cạn cùng từ vết thương nơi ngực giữa trái tim mở ra làm ấm áp cỏ và đất dưới người nó. Về sau đồng đội thằng Bửu đã tìm được xác nó, bộ bà ba đen mặc trên người xúng máu, đã khô, một cuốn sổ tay nó viết duy nhất một dòng địa chỉ báo tử: Nguyễn thị Sớm, kinh giữa, sông Vàm-cỏ-tây và không còn gì khác

Saigon.1970



THƠ KHOA HỮU

Ký ức An Lộc

Về qua An Lộc một ngày
thấy ta còn dấu phồng vải vết bom
nghe rừng thay áo đông phương
oán trên ngọn cỏ, oán đồn bóng cây
đòi nương xanh lại đất này

anh em cũng lạ tôi đời cũng quên
quê nhà đâu, hồi hồn thiêng
lịch sử đâu đã viết tên họ gì
chiến trường đâu máu phân ly
mộ bia đâu, đá khắc ghi hận thù
người đâu kẻ cuối hư vô
hồn chung ngọn gió biên khu thổi dòn.

Trở lại chiến trường Xuân Lộc

Về đây tìm lại ta ư
ngày thư ngải độc đêm như yểm bùa
tìm gì trong sỏi đá, thừa
tìm gì dưới gạch ngói xưa chôn vùi
rừng như vuốt mặt làm vui
núi như cúi xuống nửa đời vì ta
đất còn đỏ mãi can qua
trời còn băng những mảnh da đã vàng
gió gầm lên tiếng xé tan
mây lồng lên bóng dọc ngang một thời
nhớ ơi, vai súng hoa cài
nắng nung mắt lửa mưa mài biên cương.

Ngôi bệnh

Đêm ơi, thuộc một mảnh da
mềm chưa để đắp mặt ta tật nguyên
trang giấy lịch, hàng chữ nghiêng
câu thơ tàn phế bút nghiêng thẳng khờ
chết đi sống lại bao giờ
đời ta cỏ bụi lau mờ đã xanh.

Những dấu chân trên bãi biển

Bãi lằm sóng đánh âm theo
mắt xa buồn đậu thuyền neo chưa về

đã chờ giải hạn cơn mê
trời thư đất yếm bốn bề gió tung

biển vô tâm đến lạnh lùng
khác thời vong bản vẫn chung da vàng
loạn đời ư, tận thế chẳng
bước nghiêng biển lớn cát bằng hư vô.

Bức họa chân dung biển đông

Ta ngồi lên thét thình không
chớp đen nổi giận chập chùng biển cơn
gió đi những bước chân dồn
trăm luân lũ đá đứng còn tro tro
sóng hôn môi bãi diên rồ
nước ngâm xương trắng tình xưa đã trắng
ngàn năm đất ải bụi tang
hồi thân đất lở kinh hoàng ngọn lau
mấy lòng bể mấy hồn dâu
còn đây mảnh áo mai sau mảnh trời.

Ta cùng biển lỡ tặng KHUẤT DUY TRÁC

Biển mù, sương động, thình không
bao la một vũng vô cùng một nôi
tạ ơn, ta thừa làm người
tỉ li cát mọn vỡ lời biển đau
gió cùng cao sóng cùng sâu
lao đao mấy độ bụi lau đã già
trời còn xa đất cũng xa
trăm năm biển lỡ một ta chưa về.

Sài gòn 1980 – 2000



Tranh Tống Phước Cường

Thơ nguyên thanh châu chút ngậm ngùi trở lại quê nhà

trăng cổ thổ

tiếng rụng điêu linh dài lối ruồi
trăng khuya nhàu nhọt mái hiên người
mười năm. cổ thổ hằng trông nuôi
tim đời sao cạn giọt máu tươi...

lòng cô phụ

huyền huyền sâu trong mắt em xưa
ngày đi ràn rụa mái sương chờ
mười năm. chăm chút lòng cô phụ
để khuya tàn rụng mỗi giấc mơ...

tiếng đàn cũ

khuya dài. tĩnh tịch xác nằm uơ
điểm sáng lân tinh lạc cuối vườn
đàn ai nắn nốt cung trầm tưởng
mái tình ta ăm ắp giọt buồn...

ĐOÀN XUÂN THU

Ngã ba sông.

Đất lành, quê, giờ là đất dữ,
cải tạo xong, an phận không xong,
đánh phải chịu, nén lòng vượt biển
đưa con buồn, vằm, ngã ba sông.

Cơm ơn huệ : tép rang mằn mặn,
canh mỏng tươi, con nhớ quê nhà,
rưng rưng má, nhai cơm, nhai sạn,
đưa con vào chỗ chết đêm nay?!

Vào chỗ chết tìm ra chỗ sống,
tử biệt buồn hay nổi sanh ly?
thuyền ra biển, ngàn trùng biển sóng,
vỗ ngàn sao – đổi mắt con đi.

Đêm ác mộng nhớ ngày năm cũ,
đưa con buồn, vằm, ngã ba sông,
xót má xa con, trời vẫn vũ,
đêm mịt mùng... má sợ bão giông.

Con chạm đảo, má mừng hết biết;
công an hăm hè, hỏi: “*nó đâu?*”
“*nó vượt biên rồi, giờ đỡ khổ,*
còn thân giànhốt...cũng chẳng sao”.

Đất quê người biết thân, biết phận
công danh gì? con nhận cu li,
cơm hộp xách đi, chiều tắt nắng,
xe lái về trời rạng bình minh.

Tiền con gởi má may áo mới,
giữ dùm con chiếc áo năm nào
áo vá vai, nhớ ngày nhịn đói,
cắt rừng thăm, nuôi con... tù đầy.

Chiều cuối năm nhớ nhà, nhớ tết,

tép rang mằn mằn, canh mỏng toi,
nằm tận, tháng cùng, ngày sắp hết,
lệ chan com buồn lắm má ơi!

đoàn xuân thu.
melbourne.

NGUYỄN KỲ SƠN

Mừng Sinh Nhật 50

Cũng biển sông, cũng núi rừng
Sao không có chỗ để mừng tuổi tôi
Cũng nắng xanh, cũng mây trời
Sao con chim nhỏ quên lời hót quen
Cũng người, cũng phố, cũng đường
Đi qua, cứ tưởng, chưa từng đi qua
Cũng là đất, đất nở hoa
Cũng là trăng, trăng quê nhà sáng hơn
Sáng đêm tuổi nhỏ không đèn
Ngả nghiêng chiếc bóng trên miền tuổi hoa
Mới sinh ra đã khóc òa
Tuổi trào nước mắt, tuổi khô muối dầm
Tuổi thơ át tiếng đạn bom
Ước mơ lay động, dập dồn ước mơ
Tuổi thanh xuân qua bất ngờ
Yêu thương quá những đại khờ yêu thương
Mừng tuổi tôi, thấp nền lên
Soi cho rõ những nếp nhăn tháng ngày
Gió qua bỏ lại trời mây
Đời tôi bỏ lại từ ngày xa quê

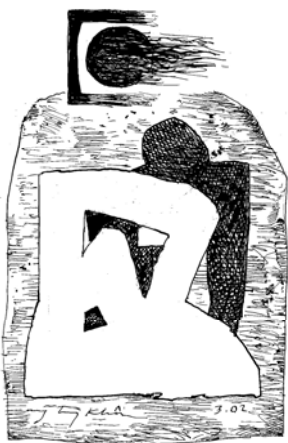
PHAN THỊ NGÔN NGŨ

tháng chạp

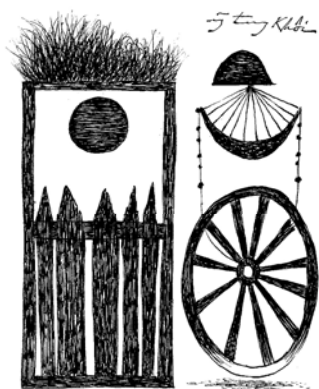
Tháng chạp về chôn những lá thu phai
Tháng chạp nơi đây giọt vắn giọt dài
Mưa tuyết phủ bên đời tôi sóng nộ
Chút ngậm ngùi thương đường xưa nắng đỏ
Chiều cuối năm rộn rã tiếng chân ai
Áo lụa vàng in như một nhành mai
Nỡ giữa hồn tôi một thời thơ dại

Em xuôi về đâu nẻo đường nắng trải
Đường mưa thừa bụi đỏ quê mình
Đường bên người cầm nín lặng thinh
Đường xa xứ soi đời không thấy bóng
Tháng chạp về chôn sâu bao ước vọng
chút mưa xuân chưa thấm vạt áo nhàu
Đã trùng trùng xa cách bởi vì đâu!

(trích thi tập **Vọng Khúc**, Khởi Hành xuất bản 2003)



Tranh Nguyễn Trọng Khôi



Chuyển động – tranh Nguyễn Trọng Khôi

LỮ QUỲNH

NHỮNG NGƯỜI TƯƠNG THÂN NHAU

LTS: Lữ Quỳnh là một tên tuổi quen thuộc trước 1975. Trước 1975, ông có 2 tập truyện, một truyện vừa được xuất bản và một truyện dài đăng nhiều kỳ trên tạp chí Ý Thức. Mới đây, Thư Án Quán đã sưu tập truyện vừa: “Những Con Mưa Mùa Đông” ở thư viện Cornell và đã tái bản trong Tủ sách Di Sản văn chương miền Nam.

Sau 1975, hầu như ông không còn viết truyện nữa. Có lẽ đây là một trong số rất ít truyện ngắn hiếm hoi ông viết, đặc biệt dành tặng tạp chí TQBT. Xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

Khi xe vượt qua trạm gác của quân cảnh để vào bến, tôi thò tay vào túi áo lấy sổ tay ra xem một lần nữa địa chỉ anh Hoán. Con số và tên đường đã nằm sẵn trong trí tôi, nhưng tôi vẫn không ngăn được thói quen máy móc của mình. Chiếc xe lắc lư tiến chậm rãi vào chỗ đậu giữa đám bụi mù hăng hăng mùi đất. Tôi đợi cho đám hành khách ngồi trước mình xuống hết, rồi mới thông thả cầm xác tay xuống sau. Tôi gạt đám tài xế xe thồ, xe lam, xích lô đang chen khách, tiến tới một quán

cóc gần đó. Tôi cần có ít phút để xếp đặt thời khắc biểu cho mình trong thời gian ngắn ngủi ở đây, dù cho chuyến đi này chẳng có gì quan trọng cả. Việc trước tiên có lẽ tôi sẽ tới thăm anh Hoán, sau đó sẽ tới ở lại chơi với Thung. Tôi gọi một ly cà phê đá, lấy một gói thuốc, và hỏi vợ cô hàng về con đường mà tôi sắp tới. Cô hàng nói, con đường đó nhà rất ít nên ông rất dễ tìm. Tôi mỉm cười hình dung ra căn nhà của anh Hoán, tự hỏi không biết bây giờ những người ở đó còn ai nhận ra mình nữa không.

Nắng buổi chiều đậu trên những ngọn cây đầy bụi cho tôi một cảm giác hết sức khó chịu. Cảnh vật đó với thứ khí hậu oi ả không hợp với tôi chút nào, rồi nghĩ tháng này ở đây lẽ ra phải đang lạnh chứ. Tôi đứng dậy chào cô hàng, và theo ngón tay chỉ của cô, tôi tà tà đi tới nhà anh Hoán. Đường phố gấp ghềnh những ổ gà, bụi và rác bám trên lề đường. Tôi nghĩ chút nữa sẽ đùa với anh Hoàn về cái tỉnh của anh. Tôi quan sát những ngôi nhà xinh xắn có cổng bằng gạch đỏ. Tôi đoán ra ngôi nhà anh một cách dễ dàng. Tôi tiến tới, ngừng lại nói với người lính gác mấy câu cần thiết, nhưng vì tôi là người khách hoàn toàn xa lạ với y, nên y phải gọi điện thoại vào nhà xin xác nhận, rồi mới lễ phép để tôi vào.

Tôi bước giữa hai đám cỏ xanh được cắt xén cẩn thận. Ngôi nhà với tường vôi màu vàng thẫm trông thật uy nghiêm. Những cánh cửa sô màu nâu với rèm vải màu gạch. Tôi mỉm cười nghĩ đến anh Hoán thừa tôi còn nhỏ và anh mới ở trường vỡ bị ra được vài năm. Hồi đó anh đâu có nghĩ có một ngày anh làm lớn thế này. Tính tình thẳng thắn, hồn nhiên, nghịch ngợm của anh đâu phải là những đức tính của một người làm chính trị. Tôi không bước vào cửa chính mà tiến vòng cửa sau, một thiếu nữ tôi đoán chừng là đứa con lớn của anh Hoán đang đứng ở cửa chào tôi và đưa tôi vào phòng khách. Tôi ngấm thiếu nữ đi nhẹ nhàng trước mình không tránh nghĩ đến thời gian được. Thời gian là mầm sống, nhưng cũng là sự chết của con người. Đứa bé ngày nào trong một thời gian không gặp, đang là một thiếu nữ trước mặt. Tôi đứng giữa phòng khách, chỉ tay vào thiếu nữ, hỏi tự nhiên:

-Có phải Nữ đây không?

Thiếu nữ dạ nhỏ, tay cuốn tròn những sợi tóc trước ngực.

-Mời chú ngồi đợi ba cháu. Cháu đã điện thoại và có lẽ

ba cháu cũng sắp về. Xin phép chú cháu đi lấy nước.

Thiếu nữ vào nhà sau. Còn một mình, tôi ngã người ra lưng ghế, nhìn lên những bức tranh và đồ trang trí chung quanh. Một chiếc đàn Tây Ban Cầm treo khiêm nhường ở góc tường, gợi tôi nhớ đến những buổi chiều bên giòng sông Bồ, anh Hoán đã chơi đàn như người ta đánh trống. Những bản nhạc hùng tráng được anh ưa thích nhất. Không biết bây giờ anh có thì giờ và còn tâm hồn ngày xưa để chơi những bản nhạc như thế nữa không.

Thiếu nữ trở vào, đặt trước mặt tôi một ly nước cam vắt.

-Cám ơn Nữ, tôi nói và đưa tay chỉ lên cây đàn, anh Hoán có còn thường chơi đàn nữa không?

-Thưa chú thỉnh thoảng thôi ạ. Ba cháu cứ bận rộn suốt ngày. Thỉnh thoảng ba cháu vẫn nhắc đến chú...

Tôi cười, chỉ ghế phía trước cho thiếu nữ:

-Nữ ngồi tự nhiên đi. Lần gặp trước Nữ bằng chừng này, tôi đưa tay ra dấu ngang tầm tay ghế dựa, lần gặp tiếp theo Nữ như vậy đó. Thời gian kẻ cũng đáng khiếp thật.

-Cháu cũng nghe ba cháu nói về chú, nhất là lúc Ba cháu còn ở ngoài mình. Ba cháu thường băn khoăn không biết chú đi đâu mà tuyệt tích giang hồ. Tí nữa gặp chú, chắc ba cháu ngạc nhiên và mừng lắm.

Có tiếng xe đỗ ngoài cửa. Tôi đoán biết anh Hoán đã về. Nữ đứng dậy reo lên:

-Ba cháu đã về rồi đấy.

Tôi cũng đứng dậy bước ra với Nữ. Anh Hoán mặt trắng, già hẳn đi. Anh nhìn tôi một lúc mới ồ lên:

-À, chú Phan. Chú từ góc trời nào hiện tới thế? Bao nhiêu năm rồi nhỉ? Mười năm? Ồ mười năm. Chú tẻ thật.

Tôi nói :

-Tôi đâu có tẻ, anh. Tôi vẫn biết về anh mà.

-Làm sao chú biết được?

-Qua báo chí.

-Qua báo chí? Nếu chú biết theo kiểu đó thì coi như chú không biết gì về tôi cả.

Tôi biết anh Hoán hiểu lắm ý tôi, nhưng tôi chẳng nói gì.

Anh bảo tôi thay đồ, ra phòng khách ngồi chơi đợi anh trong ít phút. Sức thấy Nữ đang đứng bên cạnh, anh hỏi:

-Lúc mới vào nhà, chú có nhận ra ngay cháu Nữ không?

-Cũng ngờ ngợ anh ạ, tôi nói, mới ngày nào còn vò vĩnh làm nũng với chị đó, mà bây giờ...

Tôi trở vào phòng khách ngồi cời giày. Anh Hoán bước vào theo, mở những nút áo lính một cách tự nhiên.

-Tối nay tôi có buổi họp, Tuy nhiên có thể tới trễ được. Chú định ở lại chơi với tôi bao lâu?

Tôi nói:

-Xin anh chớ bận tâm. Tôi đến thăm anh một lúc rồi đi. Có người bạn cũng ở tỉnh này, tôi muốn gặp hẳn.

-Tôi trông chú chẳng khác gì xưa cả. Cũng cái tính hồ hững ấy.

Tôi cười. Một lúc, tôi hỏi thăm anh về chị Hoán và mấy đứa nhỏ sau này. Anh cho biết, chị và chúng nó vừa ra ngoài mình thăm. Giọng địa phương của anh làm tôi cảm thấy thân mật lạ lùng.

-Bây giờ chú kể cho tôi nghe chú đi đâu mà biệt tăm biệt tích như thế? Lâu rồi tôi có hỏi thăm chú, và cũng chỉ biết đại khái thôi.

-Tôi cũng quanh quẩn đó đây thôi anh ạ. Giữa thời buổi này không cần thấy, anh cũng biết quá rồi cái sinh hoạt của tụi tôi.

Anh Hoán cười. Anh cười như anh đã sẵn sàng nghe cái câu nói đó từ khuya. Anh làm như anh thông hiểu hết những ẩn ức của tuổi trẻ, nhưng vì ẩn ức đó không đi tới đâu, nên anh có hiểu cũng vậy thôi. Tôi không hài lòng thái độ đó. Tôi nói:

-Sống là thường xuyên giải quyết những vấn đề lúc nào cũng sẵn sàng có đó. Những vấn đề của tôi không rõ ràng. Vì dòng sống của tôi cùng quẩn., nhưng không phải vì thế mà chúng ta xem như không có vấn đề nào cả.

Anh Hoán vẫn cười điềm nhiên. Anh gọi người lính dọn cơm, bảo Nữ lấy rượu, rồi quay qua tôi:

-Chú cùng quẩn, chú khổ là do chú. Chú đã chọn những vấn đề phức tạp cho mình. Phải phân biệt những điều mình nghĩ và những điều mình làm. Tôi biết chú đang đòi hỏi gì. Trước một sự bi thảm, đói khát, khổn khổ, ai chẳng biết một cuộc vận động để chấm dứt những cái đó là hợp lý. Trong tình cảnh đó, tôi nghĩ như chú. Nhưng tôi chưa làm gì được,

trong khi chú đã làm rồi chứ gì? Chú lên tiếng, chú vận động, nhưng sự vận động đó của chú sẽ đi tới đâu, có làm những người khác có cơm ăn không? Phải thực tế chú ạ...

-Anh mĩa mai tôi có phải không? Dĩ nhiên là tôi không thể đem cơm áo lại cho ai được. Nhưng không lẽ mọi người đều cam phận, chịu đựng hoàn cảnh khắc nghiệt của mình?

Anh Hoán cười. Tôi tưởng như tôi không thể nào làm anh giận được cả. Sự điềm tĩnh của anh Hoán, trong một phút giây nào đó đã làm tôi cảm thấy lao đao. Tôi nghi ngờ về sự chần chẫn của mình, về những điều mình từng nghĩ ngợi. Anh Hoán đứng dậy, mời tôi ra phòng ăn.

Chiếc bàn trải khăn trắng với những chiếc ly thủy tinh trông thật ngon mắt. Bữa ăn chỉ gồm có tôi, anh Hoán và Nữ. Tôi ngồi vào ghế, nói với anh Hoán:

-Tôi vẫn nhớ đến sông Bồ mỗi lần nghĩ tới anh. Giòng sông quá đẹp. Vào mùa nắng, anh còn nhớ anh thường đỡ tôi ra cái cồn cát giữa dòng. Những bóng cây hai bên bờ thật mát. Lại gặp mùa thanh trà...Sau này anh có hay về lại đó không?

-Rất ít, anh Hoán nói, cách đây vài năm tôi có nhìn con sông đó từ trực thăng. Cồn cát đã lớn và dài ra, trong khi dòng sông như hẹp lại. Cây cối hai bên bờ cháy nám. Những trái thanh trà chưa có dịp để ăn, nhưng tôi đã thấy đáng chất từ đáy cội.

Tôi nghe nổi ngậm ngùi trong giọng nói của anh Hoán. Tôi nhìn anh, khuôn mặt đầy ưu tư nghiêm nghị. Anh rót rượu chát vào ly tôi, trong khi Nữ loay hoay chọn những viên đá nhỏ cho vào ly còn lại.

-Khi này chú bảo chú biết tin tức tôi qua báo chí, tôi biết chú đã nghĩ không đúng về tôi. Phải ở vào vị trí của mỗi người, mới thấy cái sai lầm hợp lý, hoặc cái thành công gượng ép của họ.

Tôi cải chính:

-Anh lại hiểu sai ý tôi. Chính nhờ báo chí mà tôi biết anh dự trận Hạ Lào, rồi sau đó về nhận bàn giao ở tỉnh này. Còn những tin tức khác, anh cứ tin là tôi có thể hiểu như anh.

Anh Hoán xới cơm vào chén tôi. Anh nói:

-Thời buổi đầy rẫy sự hoài nghi. Chính cuộc sống này đã tạo sự cô đơn cho mỗi người. Không làm được gì hết. Sống, dè dặt. Làm việc, cầm chừng. Đùng xấu quá, và đùng tốt quá. Hề quá tức là đổ. Chú hiểu ý tôi chứ?

Tôi mỉm cười, nhưng trí óc tôi đang bận nghĩ tới một chuyện khác. Tôi nhớ những điều buồn thảm trong một lá thư của người bạn vừa gửi cho tôi. Cảnh đói kém và đời sống cùng khổ đã xuất hiện từ lâu nay. Tôi nghĩ tới hoàn cảnh của Thung, hai năm trốn lính, thân thể mỏng dính như một tấm giấy, đang hiện diện trong căn nhà gỗ nào đó của thành phố này. Tôi nói:

-Những ngày còn nhỏ sống bên anh thật tuyệt. Nghe anh nhắc đến sông Bồ vừa rồi, chắc tôi không bao giờ còn có ý định về lại đó nữa. Dòng sông như tuổi trẻ. Tuổi trẻ của tôi có dòng sông là kỷ niệm cũng không còn. Anh có bao giờ đặt câu hỏi ai đã lấy mất tuổi trẻ của thế hệ tôi, ai biến dòng sông xưa thành dòng cỏ cháy? Thủ phạm quá mơ hồ phải không anh?

Anh Hoán cười, lại châm rượu vào ly. Tôi tự hỏi, tại sao anh cười, anh tự tại đến thế. Tôi cầm ly rượu bằng cả bàn tay. Tôi uống một hơi cạn. Nữ đứng dậy bật đèn. Tôi nhìn ra cửa sổ, bóng chiều đã phai nhạt trên những ngọn cây. Bóng Nữ gầy, xinh xắn, tươi mát như một trái cây vừa chín. Tôi nhớ câu nói đùa hơn mười năm trước của anh Hoán, lúc Nữ mới được năm sáu tuổi: Mày đừng lấy vợ sớm nhé, chờ ta gả con Nữ cho. Bây giờ Nữ như thế đó, hẳn cũng đã mười sáu mười bảy tuổi. Giá lúc này nhắc lại câu nói đùa đó, không biết anh Hoán có cười nổi không. Nhìn những sợi tóc bạc lưa thưa, cùng những đường nhăn tuy nhỏ nhưng không dấu được nỗi ưu tư trên khuôn mặt anh, tôi hiểu tôi đã sai lầm khi khai mào câu chuyện. Lẽ ra tôi phải nói với anh về những chuyện khác. Mười năm xa nhau, thời gian quá đủ để có những câu chuyện tươi vui hơn, có sao tôi lại dẫn đưa câu chuyện vào cảnh buồn nản này.

Anh Hoán bảo tôi dùng thêm cơm, nhưng tôi cảm thấy đủ. Tôi nói:

-Cảm ơn anh. Anh đã cho ăn một bữa cơm thật ngon .

Nữ mang trái cây tráng miệng.

-Sao Nữ không theo mẹ về thăm quê luôn? Tôi hỏi.

Nữ đặt những miếng cam trước tôi và anh Hoán:

-Ba cháu không cho theo đấy. Cháu cũng muốn về ngoài đó lắm, vì cháu chẳng còn nhớ chi hết.

Tôi quay qua anh Hoán.

-Anh vẫn thường nhận tin tức ngoài quê chứ? Tôi nghe ngoài đó dân chúng sống cơ cực lắm. Nhiều gia đình đã phải nấu cây xương rồng để ăn, một vài nơi chính quyền nghĩ tới

nấu cháo phát chẩn cho dân chúng rồi đó.

Anh Hoán nói :

-Người ta bị thảm hóa lên đấy. Tôi nghĩ sau cuộc chiến tranh nào cũng xảy ra tình trạng như thế cả. Nền kinh tế hậu chiến nào cũng vậy cả. Rồi chủ còn thấy cuộc sống đen hơn, có thể đi tới chỗ như chú vừa nói, chứ bây giờ cũng chưa đến nỗi nào.

Anh Hoán không tin điều tôi nói, nhưng điều tôi đã nói là sự thật.

-Tôi không biết ở địa vị anh, anh nghĩ gì trước hoàn cảnh đó?

Anh Hoán nhún vai:

-Nghĩ ? Ý nghĩ thì bao giờ mà tôi chẳng giống chú. Nó khác cảm xúc, sự thất vọng, tôi nghĩ, giữa mọi người không khác nhau mấy trong cùng một hoàn cảnh. Nhưng ý chú muốn nói tôi ở vai trò có thể hành động được chứ gì? Chú mong hành động gì ở tôi? Tôi là tôi, nhưng tôi của một guồng máy nó khác chứ. Việc làm của tôi bị giới hạn. Tôi có thể giúp đỡ tạm thời chứ tôi làm sao tạo dựng lại tất cả cuộc đời được.

-Anh bất lực?

-Tôi cũng không nghĩ thế. Trong phạm vi hoạt động của tôi, tôi làm đủ. Ngoài ra, dù ước muốn thế nào chúng ta cũng không thể thắng được cái qui luật tự nhiên sẵn có của nó. Khi còn chiến tranh, ước muốn và công lý đâu có làm cho cuộc chiến ngừng lại. Thì bây giờ, dù cho hòa bình thật sự có chẳng nữa, những nỗ lực nhân đạo, cũng không thể chặn đứng được nạn nghèo đói. Tiếp theo một cuộc chiến tranh, những gì phải xảy đến thật quá dễ dàng để biết...

Nghe anh Hoán nói, tôi quá thất vọng. Ở vị trí anh, anh đã nghĩ như thế. Tất cả phải xảy ra một cách máy móc như thế. Anh Hoán đã coi thảm cảnh đó như những điều tất yếu của lịch sử, và anh đã sống được trong sự bình yên. Tôi thường ray rứt, dễ rồi cảm thấy bế tắc. Những người dân tiếp tục sống cam phận trong hoàn cảnh khắc nghiệt. Tất cả đều cam phận, tự thấy mình đứng ngoài lề cuộc đời của nhau. Tôi nhận thấy không còn gì để nói với anh Hoán nữa cả.

Nữ pha cho tôi một tách cà phê và anh Hoán một tách trà chanh nóng. Anh bung tách lên, đứng dậy rủ tôi trở lại phòng khách. Anh nói :

-Chú phải ở lại với tôi vài hôm. Tôi chưa hỏi thăm chú

hết chuyện mà.

Tôi nghĩ đến Thung, với những tháng ngày cùng quần của hắn. Hắn cũng như tôi., những kẻ đã bị thiệt thòi trong chiến tranh, và còn tiếp tục chịu thiệt thòi trong hòa bình nữa. Chiến tranh đã làm giảm thọ chúng tôi gần hết cả cuộc đời. Tôi nói:

-Cám ơn anh lắm, nhưng tôi phải xin phép anh đi. Tôi cần thăm một người bạn ở đây. Cũng khá lâu rồi chúng tôi không gặp nhau.

-Có ở gần đây không? Tôi sẽ đưa chú tới đó.

-Thôi khỏi cần anh ạ. Địa chỉ của hắn cũng rắc rối lắm, tôi sẽ tự tìm lấy, như thế vui hơn.

Anh Hoán cười. Tôi uống những ngụm cà phê cuối. Tôi gọi Nữ vào, nói với anh Hoán:

-Lúc tôi xa anh, Nữ còn bé xiu. Bây giờ gặp lại, cô bé như thế đó. Lần này từ già anh, chắc lần gặp tới anh chị đã có cháu bồng.

Nữ cười nhìn xuống đất. Anh Hoán nói:

-Đâu có được. Bây giờ thì tôi đâu có chịu để chú xa chúng tôi lâu đến thế. Chú chẳng đổi khác gì cả. Tôi vui nhận ra điều ấy.

Tôi đứng dậy quàng tay qua vai Nữ, và bắt tay anh Hoán.

-Thôi anh cho tôi đi, tôi sẽ tới với anh như gió.

Anh Hoán đứng dậy, lấy áo mặc vào người, nói:

-Để tôi đưa chú đi một quãng. Tôi cũng phải tới tỉnh họp bây giờ đây.

Chúng tôi ra xe. Dưới bóng tối của những tàng cây, anh Hoán lái xe chậm rãi, anh nói với tôi:

-Không ai sống mà không ý thức về đời sống của mình cả chú ạ. Nhưng vẫn không thiếu những lý do để người ta cam chịu ngộ nhận.

Giọng anh Hoán buồn buồn. Tôi hiểu những điều anh muốn nói ra. Chúng tôi đang sống như những hình múa rối. Tiếng nói không vọng tới nỗi người gần ta nhất. Nhiệt tình không ấm đủ để kéo lòng nhau lại.

Anh Hoán dừng xe lại ở một ngã tư. Tôi nhảy xuống, đi bọc sang cửa xe bên kia, bắt tay anh một lần chót. Anh nhìn tôi, không nói gì. Tôi nhận ra thêm một lần nữa anh đã già. Những ngày vui cũ không còn nữa ở anh. Giòng sông Bô đã

cạn, đã biến thành đồng hoang rồi không chừng.

Tôi ngậm ngùi nhớ đến bài thơ với hình ảnh vừa bắt gặp. Bài thơ vốn buồn, lúc này nghe chừng như buồn hơn. Tôi nhìn bóng xe anh Hoán mất hút phía tòa hành chánh, trong khi bước chân tôi lang thang tìm nhà Thung. Không biết Thung còn ở đó cho tôi gặp?

LỮ QUỲNH

Anh Hoán, nhân vật trong truyện ngắn này, sau tháng 4/1975, may mắn vượt thoát ra khỏi miền Nam và chỉ vài năm sau gia đình anh định cư ở Mỹ. Trong sinh hoạt cộng đồng của người tỵ nạn, sau này mang nhiều màu sắc phức tạp, các chính trị gia, sĩ quan miền Nam đã viết hồi ký, đăng đàn diễn thuyết, xuất hiện trên báo chí mỗi ngày. Thì, anh Hoán đã sống lặng lẽ ở một thành phố nhỏ thuộc tiểu bang California. Mỗi cuối tuần, anh lái xe đến ngôi chùa chỉ cách nhà sáu dặm, đàm đạo với vị sư trụ trì về Phật pháp. Thịnh thoả hai người cũng bàn qua thể sự, nhưng không nặng nề thể tục, mà nhẹ nhàng siêu thoát, bởi đã hiểu được lẽ vô thường. Ngày vợ anh, chị Hoán qua đời, anh buồn phiền tưởng như không thể vượt qua nỗi đau, nhưng rồi lòng cũng nhẹ tênh như mây trắng. Nữ, con gái anh ngoài ba mươi đã hai lần lấy chồng đang ở một tiểu bang lạnh giá, mỗi năm về thăm cha một lần không quá vài ngày.

Tháng ngày trống trải, thế nào mà anh Hoán không nhớ lại thời gian còn chức quyền, thời mà cái guồng máy quyền lực đã buột anh hành động ngược lại với trái tim anh.

Tuổi già thường nghĩ về quá khứ, thế nào mà anh Hoán không nhớ giọng sông tuổi thơ của mình, giọng sông Bò mùa nước cạn....

Nhưng có sao anh lại nói với vị sư già, một mai khi anh chết xin hãy hóa thiêu và rải tro anh xuống biển?

TRẦN HOÀI THU'

Chi Ming Wang

Tôi trở lại trường với cặp mắt mờ và một trí nhớ hao mòn qua năm tháng. Tìm lại một chỗ ngồi, nhìn lại chiếc bàn xanh, và nghe lại những lời giảng của giáo sư, sống lại cùng một thế giới đã mất. Điều đó khiến tôi bồi hồi cảm động. Nhưng có sao tôi lại cảm thấy bơ vơ lạc lõng vô cùng. Hình như mắt tôi cay. Tôi cũng không hiểu nổi. Hay bởi cặp mắt yếu của tôi đã điều tiết quá nhiều. Không đâu. Thế giới vẫn là thế giới xưa. Những trang giấy vừa lật ra. Thêm một chương mới vừa bắt đầu, và thêm một ngày nữa cho một cuộc hành trình không bao giờ ngưng nghỉ. Cũng lớp học ở lầu hai. Cũng những bàn những ghế. Cũng lò sưởi bên khung cửa sổ. Cũng một hoàng hôn trên dòng Hudson. Cũng vài gương mặt của khóa học trước. Phải rồi. Tôi biết. Một người nào đã bỏ đi. Và thêm một thân thiết nhất vừa vượt mất. Như thể một cơn mơ. Như thể một làn hương quý. Như một giây mà cả trăm năm.

Làm sao tôi có thể quên được cơn mơ ấy. Như thể hôm qua, cũng những hàng dẻ, hàng sồi mùa thu lá vàng phủ ngập sân trường. Cũng vẫn một dòng sông vào hoàng hôn, với những đàn chim biển đậu dưới bến cảng. Cũng vẫn thành phố Nữ Ước bên kia bờ, với chập chùng mái lầu, và muôn con mắt điện màu rực rỡ. Từ phía Manhattan, Chinatown, Broadway, Queen. Cũng vẫn hai tòa lầu chọc trời Twin Towers ở phía phải, và tòa Empire State Building chót vót ở trung tâm thành phố.

Năm nào cũng vậy. Mùa thu về đúng hẹn. Đám mây trên sông bằng bạc như mong manh cho một hơi thở của ngày. Và xa hơn, sườn cầu Pulaski mờ sẫm. Và sông nước còn gượng chút

ráng chiều. Chim biển trắng phau gọi nhau náo loạn. Mây mời gọi. Sông cũng mời gọi. Mây và sông chờ lại một kinh thành. Huế. Người sinh viên cũ năm nào đã từng đứng yên trên hành lang văn khoa, để nhìn con sông vào hoàng hôn. Người con gái ở phía cạnh cũng nhìn xuống con đường Lê Lợi. Mái tóc chảy lai láng bờ vai. Dáng dấp thì hao gầy. Không ngờ, nơi ấy đã trở thành một hoài niệm. Sau mấy mươi năm giờ đây tôi lại gặp lại một lần. Một thời. Bỏ quên những mẻ lã của miếng cơm manh áo. Những bánh xe lăn của thời gian. Những cuống cuống trong một thế giới kỹ thuật và máy móc. Bỏ quên tôi với đôi mắt yếu mờ, vàng trán nhăn, mái tóc sắp bạc cả đầu. Bỏ quên tay sinh viên già đang đến trường tranh đua cùng tuổi trẻ. Người sinh viên già cô đơn giữa lớp học. Sách vở làm sao xóa đi nỗi buồn. Bạn bè, đồng đội, người thân yêu, những vết cằn của chiến tranh, tù tội, vượt biển. Sách vở mờ mang kiến thức nhưng sách vở càng mệt mỏi giữa chốn hồng trần. Con tính đã trở thành khó khăn. Những beta, gamma, những limit, Markov chains sao mà nhớ cho hết. Lời giảng của vị thầy đã rơi vào một bộ óc quá đầy, quá cận. Người sinh viên già cố trùng con mắt, căng thẳng chiếc tai còn sót lại. Người sinh viên không cười không nói, không ai hàn huyên thăm hỏi. Dòng chữ viết trên trang giấy run rẩy hơn, vì tuổi đời hay vì sợi gân tay đã liệt. Gắng lên con hỡi! Học phí này hăng dài thọ một trăm phần trăm. Một môn học trên dưới hai ngàn đô la. Gắng lên con. Mày chưa phải là già. Con tim mày vẫn xôn xao, con mắt mày vẫn còn tham lam ham hố. Gắng lên con! Cái việc, cái nhà, chiếc xe, học phí cho con. Gắng, để tên sinh viên già đến trường mỗi tuần hai buổi, vượt xa lộ, qua đồi núi, gần hai tiếng đồng hồ. Ngày tuyết cũng như ngày mưa. Ngày đoàn xe kẹt không sao nhúc nhích trước khi vào hầm Holland hay êm ả lăn những vòng xe, qua phi trường Newark, nhớ về phi trường Qui Nhơn. Ngày tìm gì cho tâm hồn thôi bằng khuâng xào xạc khi mùa thu lá cứ tiếp tục rụng đầy trên sân trường.

Mùa học vẫn như thường lệ. Giờ đầu tiên, ông giáo sư viết trên bản vài hàng về chương trình, thi cử. Lớp học khoảng mười lăm người. Hai da vàng. Ba bốn Ấn Độ. Và còn lại là da trắng. Ông giáo sư trẻ, phát âm giọng Anh, áo quần xốc xếch, đầu tóc rối bù. Hay ông ta lập dị. Ông muốn chứng tỏ ông là một nhà

toán học đúng điệu. Hay Toán học đã làm thay đổi bản chất con người. Ông cũng chẳng cần giới thiệu ông cho đám sinh viên. Ông bắt đầu ngay bài giảng. Lại bắt đầu một cuộc chạy đua. Tai căng. Mắt điều tiết. Những hàng chữ nhỏ mờ trên giấy trên bàn. Câu hỏi. Câu trả lời. Chiều đã nhường cho bóng đêm. Lúc này không còn thao thức, nhớ nhung, dằn vặt, âu lo, tính toán. Lúc này, biến số trở thành lời giải. Giả thiết trở thành kết luận. Lúc này những ký hiệu trở thành linh động, dẫn đưa đến bến bờ kiến thức. Rồi mười phút nghỉ. Xếp qua sự đuổi bắt. Người sinh viên già đứng dậy, tựa vào cửa sổ. Dòng Hudson lấp lánh những ánh đèn từ những chiếc tàu đêm. Trên bờ xa, là cả một Nữ Uớc rực rỡ như một khối đá kim cương vĩ đại của địa cầu. Tôi đã nhìn thành phố biết bao lần, nhưng mỗi lần đôi mắt tôi càng thêm no nê trước triệu ức ánh đèn đan kết phản ánh trên đáy nước, hay mờ ảo trong sương mù. Cả một Nữ Uớc ban ngày cuồng cuồng hồi hả bây giờ đã biến thành một hòn đảo linh động bùng rộ hoa đăng...

Nàng đến bên cạnh tôi, cùng nhìn xuống dòng Hudson. Mái tóc nàng hớt ngắn. Gương mặt nàng thanh tú. Đôi mắt sáng đầy thông minh. Nàng chào tôi, và tôi chào lại. Nàng hỏi tôi:

- Ông là sinh viên du học?
- Không, tôi ở Mỹ, mười năm.
- Ông đến từ nước nào?
- Việt Nam.
- Ô, Việt Nam. Tôi nghe nói nhiều về Việt Nam. Bắc hay Nam Việt Nam hở ông?
- Thì ra cô biết Việt Nam có hai miền.
- Vâng. Tôi biết Việt Nam có chiến tranh. Rồi Bắc Việt Nam chiếm đóng Nam Việt Nam. Rồi cả triệu người vượt biển. Như vậy ông cũng là một người vượt biển.

Tôi cảm động. Thì ra nàng hiểu một phần nào lịch sử của đất nước tôi, về một cuộc chiến tranh tương tàn trong mấy mươi năm.

- Tôi đến từ miền Nam. Còn cô? Xin lỗi, Đài Loan hay Hoa Lục?

- Tôi đến từ Hoa Lục.

- Cô là sinh viên du học?

- Vâng.

Tôi ngần ngại. Hình như có một khoảng cách vô hình ngăn chia giữa tôi và nàng. Có lẽ đầu óc tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi lịch sử. Nhưng nàng đã nói một câu mà tôi không thể tin nổi:

- Việt Nam và Trung Quốc đều có nỗi bất hạnh chung.

Tôi thật sự xúc động. Thì ra chúng tôi cũng vẫn có cùng chung cảnh ngộ. Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô, Cao Miên, Cuba, và các nước Đông Âu.

Tôi nhìn thẳng mắt nàng rồi nói:

- Vâng. Cả hai.

Lớp học tiếp tục trở lại. Lại những lời giảng khô khan. Lại những gương mặt đăm đăm nhìn lên bản. Gió từ sông thổi vào phòng, gây gây lạnh. Lòng tôi nao nao. Ước gì tóc còn xanh và mắt còn no nê tuổi trẻ. Gương mặt của người thiếu nữ Trung quốc vẫn còn chập chờn. ánh đèn neon làm gương mặt nàng sáng láng. Ở đây tôi tìm ra cả một tuổi thanh xuân cùng sự say đắm lẫn cả sự thao thức của tuổi trẻ. Tôi cũng từng là một người trẻ như nàng mấy mươi năm về trước.

Từ đây, tình bạn giữa tôi và nàng trở nên thân thiết. Tôi biết rõ hơn về nàng. Nàng nguyên là giáo sư phụ khảo về Toán Học ở Đại Học Thượng Hải. Vì vậy, tôi không ngạc nhiên khi thấy trình độ về Toán Học của nàng vượt hẳn lên mọi người. Bên cạnh tôi, nàng chỉ nhìn lên bản, ít khi ghi chép. Đôi khi nàng nhắc giáo sư về một công thức thiếu sót hay về một lời giải không được hoàn chỉnh, để ông thầy phải cảm ơn rồi rít. Còn tôi thì sao? Bài giảng buồn đến muốn khóc. Đến chừng này tuổi đời, sách vở đâu có ích gì, trong khi bạn bè hiểu lầm tôi bị sa vào cái vòng cơm áo. Trí óc tôi chỉ lênh đênh những áng mây hoài niệm. Cơm áo. Ngày xưa tôi bắt cần, từng ngủ trên mui xe đồ ở bến An Đông, hay dùng lau cỏ làm nệm trong những ngày tù tội. Ngày xưa tôi cũng đã từng ăn cơm chi xì dầu nước tương trong quán cơm chay tại đường Phan thanh Gián. Nhưng bây giờ, guồng máy bóp tôi, bắt tôi nghẹt thở. Cơm áo, áo cơm, băng cấp, học lực. Nghề nghiệp phải luôn luôn trau dồi. Dừng lại có nghĩa là đầu hàng. Ngày xưa tôi viết văn. Bây giờ tôi làm toán. May mà tôi còn có một người bạn gái. Người thiếu nữ mà tôi gọi là Rose de Chine. Nàng bắt tôi phải đến lớp sớm và nán nã khi lớp học tan. Nàng làm tôi phải lái xe mất hai tiếng đồng hồ, mỗi tuần hai buổi, mà không còn nghĩ đến những dặm dài hay những đoàn xe bị kẹt trên cầu Pulaski nữa. Tôi như thể một tên tình si. Mong được đến lớp, để được ngồi cạnh nhau, để trao ngô vu vơ, hay để cùng nhau nhìn ra bóng đêm, xuống dòng Hudson và cả thành phố Нью Уорк. Chúng tôi đã nói về Ami Tan, nhà văn nữ người Mỹ gốc Trung Hoa, về lối hành văn giản dị, nhẹ nhàng nhưng cay đắng của bà. Chúng tôi cũng kể về đời sống Mỹ, với những thực tế bi thảm mà người di dân gặp phải. Từ văn hóa đến tập quán. Từ truyền thống đến di sản. Từ sự xung đột giữa thế hệ già và thế hệ trẻ. Vợ và chồng. Cha mẹ và con cái. Có những người già mang nỗi buồn héo hắt trong bốn bức tường. Họ là người tù chung thân không hơn không kém. Tại sao? Chi Ming Wang rất thông minh để giải thích:

- Tất cả đều bắt nguồn từ truyền thống tự do. Chính vì truyền thống ấy mà đất Mỹ mới hiện diện trên quả địa cầu. Tự do đã biến nước Mỹ thành một nước hùng mạnh. Nhưng tự do một khi không kèm với luân lý, đạo đức thì quả rất nguy hiểm...

Tôi đồng ý với những nhận xét của người bạn gái Trung Hoa. Và chúng tôi kể về những ước mơ. Về Trung Quốc. Về Việt Nam. Chỉ có tự do trên căn bản đạo đức mới không tiếp tục bánh xe băng hoại của Tây Phương, mới mang Trung Quốc và Việt Nam hùng mạnh cùng năm châu thế giới. Với tôi, một ngày Việt Nam không còn sống trong hãi sợ; ngu dốt, kiêu căng không còn thống trị; một ngày nhân phẩm con người được tôn trọng. Với nàng, một ngày người dân Trung Quốc vùng dậy đòi lại quyền làm người. Nàng lạc quan, đôi mắt người sáng.

- Ông Trần à, bây giờ Trung Quốc đã ý thức thế nào là dân chủ, và quyền được làm người. Khắp nơi, từ đại học đến nhà máy, các phong trào đòi lại quyền tự do và dân chủ đã bành trướng và lớn mạnh.

Tôi thì bi quan:

- Nhưng những người cộng sản sẽ không từ bỏ bất cứ một hành động nào để duy trì chế độ. Họ đã đổ bao nhiêu công sức để tạo dựng chế độ, tất nhiên họ sẽ cố mà bảo vệ. Cho dù họ có giết hàng triệu người.

Nàng không đồng ý:

- Trung Quốc sẽ dũng cảm để đứng dậy. Rồi ông Trần sẽ thấy. Có những chuyển biến mà lịch sử sẽ phải ghi đậm.

Chúng tôi đã nói với nhau bao đề tài. Có khi vu vơ như một ngày mưa ngày nắng. Có khi sôi nổi như đề tài chính trị. Có khi trẻ con như hai đứa học trò tiểu học, lười biếng nhìn thời gian trôi qua mà ngỡ như cả thế kỷ. Đôi khi chúng tôi cùng ngồi trong thư viện, cùng nhau giải chung một bài toán khó. Mái tóc ngắn và đen mượt tựa mun của nàng choáng ngợp lấy đôi mắt mệt mỏi của tôi. Nàng quả là một sinh viên ưu tú, cộng thêm cái kinh nghiệm dạy học của nàng. Trung Quốc vẫn được tiếng đứng nhất nhì thế giới về toán học. Có lần tôi hỏi nàng:

- Chi Ming Wang, toán học quá khô khan, tại sao cô lại chọn

toán?

Nàng ngừng suy nghĩ, trán hơi nhăn, và đôi mắt ngời sáng như đôi mắt sóc:

- Như vậy toán học chỉ dành cho đàn ông hay sao, hờ ông?

- Nhưng toán chỉ là những lý luận cứng nhắc, không một chút gì tình cảm. Với một người có con tim như cô, tôi thật ngạc nhiên.

- Vậy tôi có nhiều tình cảm lắm sao? Ông làm rồi, ông Trần. Tim tôi là một khối sắt.

Tôi cười chịu thua. Ở vào cái tuổi sắp bước vào năm mươi như tôi, được một người bạn gái Đông phương, vừa tinh nghịch, vừa say đắm, vừa dạt dào tình cảm, và nhiệt thành tuổi trẻ, thì quả là hạnh phúc lắm rồi. Chúng tôi tìm đến nhau không một may mắn xác thật. Chúng tôi như hai người lớn, cùng trở lại kiếp học trò đã mất từ lâu.

Cuối cùng, ngày thi cuối khóa lại đến. Mùa thu đã sắp tàn. Khuôn viên trường đầy ngập lá vàng. Hôm nào, những nhánh cây che ngang khung cửa lớp ngày nào còn màu xanh, bây giờ đã tro bụi in trên nền trời bằng bạc màu xám trắng. Dòng Hudson chìm trong một vùng trời hắt hiu xa vắng, ít còn thấy ráng đỏ. Trong khuôn viên, bức tượng bằng đồng vẫn nhìn xuống dòng sông, nhưng màu hình như sẫm tối hơn mọi ngày. Hôm nào, những cơn gió gầy gầy chồm thu nay đã nghe hơi rét lạnh. Bãi sân trường đã không còn thấy những trận thể thao. Sinh viên bắt đầu vào thư viện, bên những chồng sách vở. Giờ thư viện cũng được thay đổi. 24 trên 24.

Tôi và Chi Ming Wang cũng là những người trong đám sinh viên ấy. Nàng là sinh viên fulltime (toàn phần), lấy đến bốn môn cho cả khóa học. Vì thế, nàng phải bù đầu vào sách vở hơn tôi nhiều. Tuy vậy chúng tôi vẫn còn có thì giờ để gặp

nhau, cùng kéo nhau xuống phố, để tìm một nhà hàng. Đây là Hoboken, quê hương của Frank Sinatra, một thành phố nghệ sĩ như cái tên của người ca sĩ Mỹ. Từ những con đường hai bên xe đậu nghẹt lỏi. Từ những quán cà phê lộ thiên. Từ những dãy lầu mái ngói đỏ sẫm. Từ những đàn bồ câu không sợ bóng người. Chúng tôi theo đường Sinatra, xuống đường Broad. Chúng tôi tìm một quán Pizza. Chúng tôi gọi và ăn hồi hã. Tôi nghe mãi tiếng cười khúc khích của nàng khi nàng nhìn những cọng bánh còn vương trên miệng tôi. Tôi vẫn còn nhớ đến hàm răng đều và trắng khi nàng cắn lấy miếng pizza vàng ngậy. Sau đó, chúng tôi trở lại con đường Sinatra. Tôi đi cạnh nàng. Nàng trở nên bé nhỏ trong chiếc áo dạ đen. Mái tóc nàng còn đọng những hạt mưa còn sót lại trên cành cây. Tôi nhắm mắt ước con đường dài vô tận.

Nhưng thời gian đã không bao giờ dừng lại. Con đường mang tên Sinatra cũng không dài vô tận. Buổi chiều trước giờ thi cuối khóa, tôi gặp lại nàng trên hành lang. Nàng trao tôi cái Resumé của nàng:

- Ông Trần. Ông có thể giúp tôi tìm một công việc tại hãng ông được không? Tôi muốn ở lại Mỹ. Ít ra ở đây vẫn có cơ hội để tôi tiến lên. Đây là cái resumé của tôi. Ông có thể tùy nghi thay đổi.

Tôi gật đầu. Tôi nhìn đắm đắm vào gương mặt thanh tú. Tôi nghĩ tôi sẽ cố gắng hết mình để còn được gần gũi với nàng. Tôi mong có phép lạ để cứu lấy nàng. Trăm người sinh viên du học, chắc trăm người đều muốn ở lại. Tôi cố gắng an ủi nàng:

- Tôi tin rằng hãng tôi rất cần những chuyên gia toán học. Bởi toán gia bây giờ rất khan hiếm.

Nàng nói, một lần nữa, đầy khẩn cầu:

- Nhờ ông cố gắng giúp đỡ tôi. Tôi muốn ở lại Mỹ. Tôi sợ phải trở lại cùng Trung quốc.

Giờ thi xong, tôi và nàng thả bộ xuống bờ sông. Đêm đầy sao

chi chút. Thành phố bên kia sông bùng lên với muôn ngàn ánh đèn rực rỡ. Quên đi hai tiếng đồng hồ cho một bài thi ác nghiệt. Quên đi cái gương mặt như thám tử của ông thầy. Hãy sống cùng giờ phút vĩnh cửu. Đừng nghĩ đến hôm qua, cũng đừng nghĩ đến ngày mai. Như giòng sông này, cứ ngàn đời yên lặng, bên sự thay đổi của con người, của Nữ Ước, của nền văn minh kỹ thuật. Gió lùa ngọn tóc của người con gái. Ánh điện neon nhiều nên làm đôi mắt nàng lung linh. Rose de Chine. Bản nhạc xa vắng nào nghe vọng lại, như từ kiếp nào. Nàng Trung Hoa xinh... Nàng không nói gì. Và tôi cũng vậy. Bởi chúng tôi có thật nhiều điều đáng gìn giữ hơn là những lời vu vơ. Bởi lúc này con tim tôi đang nói nhiều quá. Làm sao tôi có thể có một phép lạ để giữ nàng bên tôi mãi mãi.

Trở lại hăng, tôi giúp nàng sửa lại tờ Resumé. Tôi nắn nót từng hàng, từng chữ. Chưa bao giờ tôi lại để tâm vào một việc làm như lúc này. Rồi in ra, rồi đọc lại, rồi không bằng lòng, rồi viết lại. Chi Ming Wang ơi, tôi run sợ để nghĩ về một lần sa ngã. Tôi đang mềm yếu để nghĩ đến một nụ hôn, một lần gục đầu, một lần cắn bầm da thịt. Tại sao gấp mặt rồi lại chia tay? Tại sao gót chân ai một hôm nào đạp lên khu vườn già nua cũ mục? Sau đó, tôi in thành nhiều bản, một mặt gửi về địa chỉ của nàng, một mặt gửi đến một vài người quen. Và chờ đợi.

Một người nguyên là cựu nhóm trưởng trong những năm đầu tôi làm việc, đồng ý phỏng vấn nàng. Tôi quá đỗi vui mừng, gọi điện thoại cho nàng. Nhưng điện thoại đã bị cắt. Tôi lái xe tìm đến căn phòng tạm trú của nàng nhưng nàng không còn ở đấy nữa. Người ở phòng bên cạnh cho tôi biết nàng đã trở lại Trung Quốc.

Một tháng sau, tôi nhận được tờ thư đầu tiên của người bạn gái. Trong thư, nàng viết về một Trung Quốc mới, về phong trào nổi dậy đòi hỏi tự do và dân chủ của sinh viên, thợ thuyền, trí thức. Nàng còn chép gửi tặng cho tôi bài thơ của nàng, được

dịch sang tiếng Anh: Từ những con đường hầm không thấy ánh sáng mặt trời. Từ những tường thành ngàn năm cần tiếng nấc. Từ những quảng trường chỉ biết những lời tung hô lên không trung. Từ những đám mây chưa bao giờ được bay về biển. Chúng tôi tụ hội về quảng trường. Thiên an môn. Thiên an môn của tương lai hy vọng. Thiên an môn của tuổi trẻ lên đường...Hầm sẽ gặp lại ánh sáng! Tường thành sẽ được phá đập cho sự thật phơi bày! Gió sẽ góp lại thành bão! Thiên an môn!

Tôi muốn rung rung nước mắt. Thì ra tôi đã hiểu tại sao nàng lại chọn con đường trở về. Tôi đã hiểu tại sao có người lại dám bỏ tất cả, giàu sang, địa vị, danh vọng để sống cho lý tưởng của mình.

Và cuối cùng, tôi đã ngồi bao ngày bao đêm trước màn ảnh truyền hình. Nhịp tim Trung Quốc chính là nhịp tim của tôi. Nhịp tim ấy đang chuyển động khắp lục địa và chuyển thức cả địa cầu. Tôi ngưỡng mộ những rừng người tuổi trẻ đang ngồi trên quảng trường, đang ùn ùn đổ về thành lũy của đảng. Cuối cùng sự thật cũng phơi bày. Như bài thơ của người bạn gái của tôi.

Nhưng âm binh đã biến cả quảng trường thành một biển máu. Thiên An Môn. Thế giới òa khóc vì Thiên An Môn. Thế giới kinh hoàng vì Thiên An Môn. Đêm ma trôi quỉ rú. Đêm man rợ âm hồn. Đêm xé tan tằm thân mềm mại của những người con gái. Đêm xe tăng nghiền những xác người thanh niên.

Bây giờ, lâu lắm tôi chưa nhận được một lá thư của Chi Ming Wang. Một khóa học nữa lại bắt đầu. Và một lần nữa tôi lại trở về cùng ngôi trường bên dòng sông Hudson. Dòng sông vẫn muôn đời như thế. Vẫn những đám mây trắng bàng bạc. Vẫn những con chim biển gọi chiều về. Vẫn hàng cây lá bắt đầu nhuộm vàng. Vẫn một hoàng hôn trên thành phố Nữ Ước. Nhưng người xưa, bây giờ ở đâu? Chỉ còn lại tôi với nỗi chờ đợi ở bến sông này.

Thầy Dạy Công Dân

Truyện của Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thầy Văn bước vào lớp. Như một thông lệ, cả lớp đứng dậy. Thầy đứng thẳng, yên lặng một giây, mặc nhiên là một hành động chào lại. Thầy trò lớp này vẫn là như thế.

Thầy ra hiệu cho cả lớp ngồi xuống, rồi bước đến bên bàn của Thầy, đặt chiếc cặp da lên đó, và nhìn một lượt khắp lớp. Đôi mắt Thầy dừng lại ở bàn cuối. Bốn đứa con trai chột dạ, không dám ngó Thầy.

Thầy bảo cả lớp mở vở ra chép bài. Mọi người nhìn nhau ngạc nhiên. Thường thì Thầy gọi học trò lên trả bài trước rồi mới cho chép bài mới sau. Ngạc nhiên, nhưng không ai dám hỏi Thầy một câu. Thầy đọc, giọng chậm rãi, rõ ràng. Thầy khác với cô Loan dạy Việt văn ở điểm là cô Loan thường nhờ một trò viết chữ đẹp lên bảng viết bài cho cả lớp chép theo. Còn Thầy, với giọng cứng rắn, sang sảng, Thầy như người thầy bậc tiểu học đọc chính tả. Đó, cái nề nếp của lớp này là vậy.

Lớp Chín A. Cái lớp học “anh cả” trong một ngôi trường tư thục nhỏ chỉ dạy bậc trung học đệ nhất cấp. Còn có một lớp Chín nữa, lớp Chín B, buổi chiều. Nhưng hình như trong cả trường chỉ có lớp Chín A này là sinh động hơn cả, theo nhận xét của các thầy cô. Sinh động là bởi vì hầu hết các học sinh đều học khá, hăng hái tham gia các sinh hoạt do trường đề ra: làm bích báo, làm văn nghệ, đi công tác xã hội... Sinh động là bởi có vài trò rất giỏi được cử đi dự thi toán, thi vẽ, thi văn chương toàn thủ đô Sài Gòn. A! còn nữa, mặc dù môn Anh văn chưa có trò nào được vinh dự đi thi nhưng học trò lớp Chín A cũng đã lập nên một “English speaking club” để trau dồi tiếng Anh và được Thầy hướng dẫn là giáo sư Anh văn diu dặt. Có một môn học, vâng, có một môn, chưa bao giờ nghe nói đến đi dự thi hay thành lập câu lạc bộ gì cả. Đó là môn Công dân giáo

đục. Đối với học sinh, không riêng gì học sinh lớp này đâu, học môn Công dân là một điều hiển nhiên, bởi vì chương trình đã là như vậy từ thuở nào rồi. Và đi học là phải học đều tất cả các môn, là bổn phận của học sinh.

Thế nhưng tuần rồi đã có một điều bất thường đối với Thầy: đó là sự vắng mặt của bốn nam sinh ngồi ở bàn cuối lớp. Họ là những học sinh học rất khá nhưng đã tình nguyện xin ngồi ở bàn cuối để các thầy cô đỡ phải cực khổ. Nhưng giờ Công dân tuần rồi, họ đã “cúp cua”. “Cúp cua”! Nghĩ không có lý do ốm đau hay bận việc quan trọng được người nhà xin phép... thì gọi là “cúp cua”. Thầy định tuần này Thầy sẽ hỏi tội họ ngay khi vào lớp, nhưng rồi hôm nay Thầy không làm. Cả lớp như cũng chờ đợi chuyện đó xảy ra. Vài nữ sinh len lén nói chuyện thật nhỏ trong khi chép bài, Thầy nghe được nhưng lờ đi.

Và rồi bài cũng đã được chép xong. Thầy giờ sổ điểm ra. Học trò chờ đợi Thầy sẽ gọi một ai đó lên trả bài. Nhưng cũng không. Ôi! Nếu có điều gì khó chịu nhất đời thì chắc là đây rồi! Cái im lặng thật đáng nể!

Bốn đứa con trai ngồi ở bàn cuối lớp, dãy nam sinh, đưa mắt nhìn nhau. Và rồi một trò đứng dậy. Trò Bảo. Giương mặt sáng sủa, dáng người nhanh nhẹn, Bảo là nam sinh học giỏi nhất lớp. Bảo tiến đến bàn Thầy, đi ngang bao nhiêu dãy bàn trước sự ngạc nhiên dò xét của các bạn. Bảo nói với Thầy:

- Thưa Thầy, em xin được trả bài ạ!
- Thầy hơi nghiêng đầu, nhìn Bảo, hỏi:
- Em muốn trả bài? Bài nào?
- Thưa Thầy, bài Công dân kỳ trước ạ!
- Kỳ trước?
- Dạ, bài “Quốc kỳ và Quốc ca” ạ!
- Em có bài đó sao?

Bảo đỏ mặt, giọng hơi ấp úng:

- Dạ, em đã mượn vở của bạn để chép ạ!

Nét mặt của Thầy có hơi tươi lên một chút, nhưng Thầy vẫn nghiêm giọng:

- Còn các em kia?

Ba nam sinh còn lại của bàn cuối đồng đứng dậy, nói:

- Thưa Thầy, chúng em cũng đã có chép bài rồi ạ!

Có vài tiếng xì xào trong số nữ sinh. Thầy giơ tay lên:

- Các em giữ im lặng. Thầy không có ý định gọi các em trả bài hôm nay.

Như không hẹn mà cùng có chung phản ứng, ba anh con trai tiến lên phía Thầy. Bảo nói thay cho cả bọn:

- Thưa Thầy, chúng em xin lỗi Thầy, tuần trước vì... ham coi “xi-nê” nên chúng em đã.. “cúp cua” giờ của Thầy. Chúng em đã biết lỗi. Xin Thầy ...

Thầy nói thật nhẹ:

- Không phải giờ của Thầy đâu! Giờ của các em đó chứ! Học là học cho các em mà! Thầy chỉ là người dẫn dắt.

Nhật, lớn tuổi nhất, nói khẽ:

- Thưa Thầy, chúng em hiểu.

- Các em về chỗ đi! Thầy không có ý định khảo bài các em. Hôm nay Thầy có một việc quan trọng để nói với cả lớp.

Cả lớp thờ phào trong khi bốn nam sinh về chỗ, nhưng rồi mặt sự chờ đợi khác lại đến.

Thầy đứng trên bục giảng, nói như đang giảng bài:

- Hôm nay là buổi dạy cuối của Thầy. Thầy muốn nói ngắn gọn rằng Thầy sẽ tạm xa mái trường để nhập ngũ. Chắc hẳn các em sẽ có một thầy hay một cô giáo mới phụ trách môn này. Nói chung, sẽ không có gì khó khăn cho các em cả đâu! Điều mà Thầy muốn nhấn nhủ các em hôm nay...

Đám học trò như nín thở. Thầy dừng lại một tích tắc vì nghe có tiếng than nho nhỏ từ dãy nữ sinh. Thầy nói tiếp:

- ... đó là hãy cố gắng học hành. Điều này nói ra có vẻ hơi thừa, nhất là đối với lớp này là một lớp khá ngoan, mà Thầy rất ưng ý. Thầy đã dạy ở nhiều trường công lập cũng như tư thục. Tính ý của học trò, Thầy đều hiểu hết. Học trò trường công phát triển đều nhau, không chênh lệch nhiều. Trái lại, học trò trường tư đa dạng hơn, do không có tuyển chọn qua những kỳ thi. Nhưng thú thật, Thầy quan tâm nhiều đến học trò trường tư. Tại sao vậy? Vì đó là bức tranh sống thật nhất của xã hội. Có những học sinh thật giỏi, thật ngoan, nhưng cũng có những trò thật kém, có những trò nổi loạn. Đúng không? Rất tiếc là Thầy phải rời bỏ cái khung đời này để bước vào một xã hội khác, sẽ rất khác: đó là quân ngũ. Thầy chỉ mong rằng, với những bài giảng về Công dân giáo dục mà Thầy đã gửi đến các em trong gần một niên học qua, các em sẽ không xem đó là những bài học bắt buộc, những bài chỉ nhớ để trả bài rồi sau đó

quên đi, những câu chuyện qua loa không ăn nhập chút nào với cuộc sống. Mà các em hãy đem chúng vào đời như một hành trang quý báu. Thôi! Ý của Thầy chỉ có thế. Mai sau, mong rằng, có duyên, Thầy sẽ gặp lại các em.

Lần đầu tiên học sinh nghe Thầy nói những câu có vẻ văn hoa khác với cách nói bình dị của Thầy thường ngày. Sự im lặng như đã đến hết sức của nó, khi Thầy ngưng câu nói. Bình thường, nếu người ta chịu khó để ý, sẽ thấy mỗi khi xung quanh mình quá im lặng, có một thứ “âm thanh” nghe muốn vỡ tai, đó là tiếng rít “o... o” rất khó chịu. Thế nhưng, lần này, thầy và trò đã nghe được, tiếng của một con ve bên ngoài cửa lớp. Thật sự là tiếng ve! Tiếng ve đầu mùa hạ! Con ve đậu trên một cái cây to trong sân trường rợp bóng mát hay chẳng? Con ve cất tiếng hát, một lúc sau đã có tiếng của cả một bầy ve. Không hẹn mà cả thầy và trò đều nghe dâng lên một niềm cảm động.

**

Như thế đó, buổi dạy cuối cùng của Thầy Văn, thầy dạy môn Công dân giáo dục của lớp Chín A! Thầy rời mái trường vào đầu mùa hạ. Vắng thầy Văn, học với một cô giáo mới, cả lớp rồi cũng quen dần. Đám học trò, sau mùa hạ đó, cùng lên lớp Mười, lớn thêm được một chút, vì đã vào trung học đệ nhị cấp. Bốn đứa con trai, Bảo, Đăng, Nhật, Vũ, vẫn chơi với nhau khăng khít như trước. Nhưng không bao giờ họ dám lập lại một việc, mà đối với họ là một lỗi lầm. Đó là “cúp cua”. Nhật, lớn nhất bọn vì gia cảnh nghèo phải bỏ học một năm, luôn tự nhận lỗi về mình vì đã “xúi dại” mấy đứa nhỏ hơn. Cả bọn bảo nhau nếu gặp lúc khác thì chắc chắn đã bị khiển trách và ăn mấy cái “trứng vịt” rồi!

Thầy rời mái trường vào đầu mùa hạ. Trong tâm luôn có tiếng ve làm Thầy nghe luyện nhớ. Những lần về phép Thầy thường đi ngang ngôi trường tư thục mà Thầy đã rất yêu mến này, đứng lại một lúc lâu, nhưng không vào. Thầy đã đi qua một khung đời rất khác. Bên đó là đồ lửa. Ở đây là xanh trời. Thầy không muốn làm xao động không gian bình yên này.

Mấy mùa hạ đi qua. Học trò của lớp Chín A năm nào nay

đã đến tuổi vào đại học. Lên đại học, không còn có môn Công dân giáo dục nữa. “Môn phụ” đã biến mất!

Thầy không có dịp về lại trường cũ, vì chiến trận đã đến hồi khốc liệt. Một ngày nắng lửa trên đồng hoang, Thầy gặp lại Bảo, người học trò trắng trẻo khôi ngô học giỏi ngày nào. Bảo tình nguyện vào lính, đã đi đánh trận nhiều nơi và mới được chuyển về đơn vị của Thầy. Bây giờ thầy trò cùng chia xốt với nhau từng bịch gạo sây, mời nhau từng miếng thuốc. Tâm tình cũng dễ dàng bộc lộ. Bảo chân thành nói:

- Thầy ơi! Lúc em còn nhỏ, đi học tiểu học, nhìn người thầy như một người cha vì tuổi đời chênh lệch nhiều. Học bậc cao hơn thì khoảng cách tuổi tác giữa thầy và trò ngắn hơn; nhiều thầy mới ra trường, quá trẻ, chúng em có cảm giác như đó là người anh. Nhưng thái độ e dè đối với các thầy vẫn luôn có. Người thầy đứng trên bục giảng thật khác với người thầy trên chiến trường. Bây giờ, em mới thật sự học được bài học sống ở thầy. Thầy sống những gì thầy đã dạy.

Thầy giật mình:

- Em nghĩ như thế?

- Vâng, đúng là như thế, thưa thầy. Bọn chúng em, bốn đứa chơi thân với nhau, vẫn thường nói với nhau rằng sao chúng em lại làm ra một điều khó tha thứ. Sao chúng em lại “cúp cua” giờ Công dân? Chúng em ý mình học giỏi ư?... Thầy ơi! Thầy có buồn chúng em không? Thầy có tha thứ chúng em không?

Thầy cười xòa:

- Bỏ đi! Thầy chẳng giận chẳng buồn ai bao giờ. Nói cho thầy nghe, mấy anh cùng “cúp cua” đó, ra sao rồi?

- Anh Nhật lớn nhất, đi lính trước em một năm. Sau đó đến em. Còn Vũ và Đăng đã vào đại học.

- Tại sao em không vào đại học?

- Thưa thầy, em muốn đi lính. Sau khi giải ngũ về em sẽ đi học tiếp ạ! Tuổi trẻ còn dài...

- Bây giờ thầy trò gặp nhau ở đây cũng là một trường học lớn. Thầy trò ta cùng học môn Công dân giáo dục phải không?

- Dạ.

Hai thầy trò cùng im lặng, lắng nghe tiếng đại bác vọng về từ xa...

Đêm đó, sau chuyến hành quân, Thầy bị thương nhẹ ở chân. Thầy ôm Bảo trong tay. Thầy vuốt mắt Bảo. Bảo đã làm được cái việc trả bài cho thầy. Một bài học sống.

**

Hết xuân đến hạ. Thu tàn, đông đến. Thầy đã trải cuộc đời trên chiến trường biết bao năm! Bị thương nặng, nhẹ cũng nhiều. Trong người của Thầy đầy những vết sẹo chiến tích. Nằm quân y viện to, nhỏ, hay dã chiến, cũng đã biết bao lần. Cả cái kinh nghiệm được đục khí quản để gắn ống thở tạm, hay đeo lưng lẳng một cái túi đi từ ruột ra ngoài, chờ chữa lành bên trong, Thầy cũng đã có nốt. Gia đình khuyên Thầy giải ngũ. Thầy không chịu. Thầy già từ nghề dạy học luôn rồi! Gặp gỡ bạn bè, đồng nghiệp, học trò... đến, đi, nhìn họ thành công, thất bại, sống, chết. Nhìn thấy đời mình cũng đã già dặn đi theo ngày tháng. Thầy cũng thêm trở lại bụi giảng lẫn chứ! Nhưng cứ mỗi một câu, Thầy nói với mọi người: “Chờ khi đất nước thanh bình...”

Và Thầy phải ngưng cầm súng. Thầy đi vào trại tù cải tạo, như hàng vạn quân nhân khác. Ước mộng của Thầy đã sụp đổ. Thôi thì cùng chia xớt với anh em đồng đội nỗi đau nhục này! Bài học Công dân giáo dục “Quốc kỳ và Quốc ca” nhức nhối trong lòng. Mỗi buổi sáng trước giờ đi lao động, Thầy và các bạn tù phải tập trung để chào cờ. Thầy nhắm mắt lại chặt đến nỗi nghe như dao đâm để thấy màu cờ vàng chan chứa. Thầy bắm vào tay mình bật máu để hát trong óc, hát không bằng lời: “Này công dân ơi!!!!...”

Thầy ra trại. Thân thể lại mang thêm một số thương tích vì “lao động”. Cảnh sống đã thay đổi... Thầy tìm đến thăm một vài đồng nghiệp cũ, ngạc nhiên khi thấy họ đến trường dạy học trong những bộ quần áo quá dễ dãi. Ngày xưa các thầy cô đứng trên bục giảng ăn mặc nghiêm chỉnh, bây giờ các thầy đi giúp hoặc “xăng-đan”, các cô thì mặc quần đen áo cộc. Thầy cô dạy học xong, ra về, trước xe lưng lẳng mấy bịch cá, thịt, rau đậu mắm muối “tiêu chuẩn”. Thầy lắc đầu ngao ngán. Thầy không thể làm gì hơn là chọn nghề mộc, một nghề có thể giúp kiếm

sống qua ngày và không vương bận tâm trí. Cái nghề của Chúa Giê-su khi còn nhỏ đây mà! Cái nghề Thầy đã học được ở trong trại tù. Cái nghề trong những nghề dạy cho con người ta tính kiên nhẫn và lương thiện.

Hết thời “thắt lưng buộc bụng”, đến lúc “mở cửa”, thành thị chen chúc người và xe. Nhiều khi Thầy ngỡ ngác đứng nơi ngã tư đường, mấy mươi phút chưa băng qua được. Không có ai tôn trọng luật lệ giao thông. Đèn xanh đèn đỏ mọi người lờ đi như không thấy. Có khi Thầy náo lòng khi một đám tang đi qua, không có ai nhường đường, hiếm có người ngả mũ chào người chết. Những gì gọi là bài học Công dân giáo dục đâu cả rồi? Người ta sống với “văn hóa phong bì”, “thủ tục đầu tiên là tiền đâu”, “mạnh được yếu thua”...

**

Thầy ra khỏi nước, như hàng trăm ngàn người khác. Thầy vào trường, làm học trò. Thầy hân hoan thấy lại màu cờ vàng một thời rực rỡ trong tuổi trẻ của Thầy. Thầy được tự do hát bài Quốc ca “Này công dân ơi...” mà không phải mím môi. Nhưng một thời Thầy rơi vào sự trầm cảm tột độ vì nghĩ đến quê hương đã khuất bóng. Thầy mang tâm trạng như những thầy đồ của một thời mất nước. Thầy đã không còn chỗ để trở lại bục giảng. Thầy nhận nơi này làm quê hương thứ hai. Thầy luôn tự an ủi mình: “Quê hương không chỉ là mảnh đất, mà còn có cả tình người”. Và... như thế, Thầy đã sống được. Thầy chọn làm việc trong ngành truyền thông và đã đến gần được với tâm tình người Việt xa xứ.

Vào một ngày, Memorial Day, Thầy cùng gia đình đi lên thủ đô. “Lên thủ đô!” Thầy nói rất tự nhiên như vậy rồi ghen lời vì nghĩ đến thủ đô của Thầy ngày nào. Thầy đứng bên bức tường trên đó ghi tên những người lính Hoa Kỳ bỏ mình trong chiến tranh Việt Nam, trong trí Thầy hiện lên tên của những người bạn bè đồng đội. Họ đã không có một bức tường để ghi tên! Thầy đặt một bó hoa xuống nơi chân tường. Một gương mặt rạng rỡ chợt sáng lên như được phát ra từ mặt đá hoa bóng loáng. Gương mặt của Bảo. Thầy lạnh người. Thầy muốn khóc.

- Thừa Thầy!

Thầy giật mình quay về hướng tiếng nói sau lưng. Thầy nhận ra ngay. Ôi! Là Vũ, cậu học trò liến thoắng, đã có lần “cúp cua” giờ Công dân.

- Thừa Thầy, gặp lại Thầy, em mừng quá! Thầy có khỏe không ạ?

- Thầy khỏe. Thầy cứ ngỡ... là trò Bảo.

- Bảo đã mất rồi, thưa Thầy, Thầy là người ở bên cạnh Bảo lúc ấy...

Thầy bùi ngùi:

- Phải... Gặp lại em, Thầy càng nhớ Bảo. Thế những người bạn thân của em ra sao?

- Anh Nhật ở lại trong nước. Anh ấy trở thành thương phế binh, hiện nay sống rất khổ cực. Đăng thì đi với gia đình sang Úc, cũng đã có việc làm tử tế.

- Còn em, em làm nghề gì?

- Dạ, em theo nghề giáo.

Thầy nói như reo:

- A! Vậy sao?

Vũ vui vẻ:

- Dạ, em dạy môn Civics.

- Môn Civics?

- Dạ, môn Công dân giáo dục, thưa Thầy!

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Cuối năm 2010

LTS: Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh là cây bút quen thuộc với nguyệt san Tuổi Hoa trước 1975. Truyện *Phiên khúc ngày mưa* được chọn đăng trong Bộ Văn Miền Nam (tập 4) do Thư Án Quán xuất bản năm 2009. Đây là lần đầu tác giả góp mặt với tạp chí Thư Quán Bản Thảo.

BUỔI SÁNG TRONG LÀNG

Truyện ngắn Nguyễn Lệ Uyên

Gà vừa cất tiếng gáy sang canh, Dự vội vã bật dậy nhóm bếp nấu ấm nước pha trà, loại trà nát như cám được phân phối theo tem phiếu trên cửa hàng mậu dịch của hợp tác xã. Uống loại nước chan chát không mùi vị khiến anh có cảm giác như lúc ở trại Thập hải lá cây rừng sao vàng thay trà. Dầu sao trà cám vẫn hơn nước đun sôi và nước đun sôi vẫn hơn loại lá rừng đắng chát. Vội lại, thời buổi này không thể tìm đâu ra thứ trà ướp ngâu, ướp sen... mà có thì cũng không có tiền mua. Cái gì cũng có thể trở thành thói quen, anh thầm nghĩ và uống cạn bình trà trước khi đứng dậy ra tháo cổng chuồng.

Lúc lùa đôi bò ra ngõ, vợ Dự vừa kịp lóp ngóp ngồi dậy, hỏi nhónh theo:

-Sáng nay anh ăn ghé khoai lang hay mì?

Dự nhò phẹt bãi nước bọt xuống nền đất, xoay cây cày sang vai phải, từ bìa sân gạch nói với:

-Gì cũng xong. Đầy bụng là quý rồi.

Đôi bò theo thói quen, ra khỏi ngõ rẽ qua trường trái, chậm rãi bước thẳng ra đồng. Cây cày trên vai bị trở vai liên tục, vì hồi nào tới giờ anh có biết cày cuốc là gì. Học chưa hết năm đệ Tam tới tuổi phải vào lính, đánh nhau suốt từ năm này sang tháng khác cho đến lúc bị gán cho tội cầm súng để quốc chống lại nhân dân. Cái tội tày đình đó phải học tập cải tạo như bao nhiêu người khác cùng cảnh ngộ đến gần hai năm. Hai năm theo đúng nghĩa của người tù khổ sai để cuối cùng cầm mảnh giấy rom vàng ố quay về trình diện địa phương. Như vậy kể cũng may mắn: Dạn bom chưa giết chết Dự. Bệnh tật, đói khát, sơn lam chường khí... trên rừng núi không vật ngã được anh. Dự vẫn sống nhảu rằng để trở về và chịu đựng tiếp những khổ nạn của thân phận thẳng ngụy quân cầm súng bắn phá cách mạng, chống lại nhân dân...

Cây cày đè nghiêng trên vai. Màn đêm lờ mờ. Cây cày bị xoay trở liên tục. Lúc ngang qua xóm Gò, lũ chó chạy ra

thọc mõm qua bờ rào sủa như muốn xé rách màn đêm. Cả một đàn chó trong xóm cùng gào lên như thể Dự là quân trộm cắp, là bóng ma đang lờn vờn trong làng. Ra tới chòi canh đầu xóm, người du kích quần chiếc mền thu lu quanh cổ, đang bập bập điều thuốc chỉ thấy đốm lửa đỏ như que nhang, quẹt đèn pin thành vệt dài một lượt, hỏi:

-Cày sớm anh Hai?

-Cày sớm về nghỉ cho khỏe.

-Ngồi hút điều thuốc đã.

-Thôi, để tranh thủ. Tôi chịu nắng dờ lắm - nói và Dự thúc đôi bò bước nhanh.

Bóng đêm vẫn còn đậm đặc, tiếp với màu cây cối hai bên đường. Tiếng chó sủa thôi rất nhưng tiếng gà gáy thì bắt đầu rõ lên. Cũng tiếng gà ấy, nhưng ngày trước nghe giục giã, còn giờ thì nghe mỗi mồn, eo óc, giống tiếng keng lệnh treo giữa xóm, trên cây chuối, điều khiển mọi hoạt động của đám người trong làng.

Đôi bò lầm lũi bước. Dự lầm lũi bám theo chúng, trở thành vị cứu tinh của cả nhà. Dự ánh chừng cũng gần bốn giờ sáng. Bốn giờ bắt đầu mắc bò vào quai, bắt đầu đánh rống, cày đến khi mặt trời gát qua khỏi đọt tre cũng gần mười giờ. Mười giờ mở bò, mở trước lúc tiếng keng lệnh vang lên chói tai. Thời gian lúc này đối với Dự (và cả dân làng) không còn có thể nhìn vào chiếc kim nhỏ chạy vòng tròn trên mặt số nữa rồi. Tiếng gà gáy và mặt trời đã thay thế vị trí của nó, bởi những chiếc đồng hồ đã được đem bán đi để mua thêm vài mươi cân lúa dự phòng. Có đồng hồ trong nhà mà cái bụng tóp teo phỏng ích gì, ai cũng nghĩ vậy.

Mắc được đôi bò vào quai, Dự đã nghe rõ mồm một tiếng lội bì bõm trong đám ruộng bên. Té ra cha con hương Bốn còn ra đồng sớm hơn. Dự tăng hăng:

-Bữa nay nữa xong chưa đó?

Tiếng hương Bốn từ xa:

-Chưa. Còn gần hai sào nữa.

-Tôi ráng bữa nay là gát cày.

-Mừng này đối vẫn hoàn đối, chưa chết là may - tiếng hương Bốn lâu bầu không ăn nhập gì tới sự quan tâm cày nhanh chậm.

Dự nghe mà không trả lời, cầm chui cày, nhip roi lên mông đôi bò. Cả ba dựa vào nhau bước tới. Bước tới để hít

mùi bùn đất dậy lên gây gây trong buổi sáng tinh mơ. Tiếng chân bò thả bì bõm trong nước. Đôi chân anh cũng thả bì bõm trong màn nước ngậm bóng đêm lạnh ngắt. Thỉnh thoảng những bước chân bước hụt xuống lỗ đất hẹp thấp làm nước ruộng bắt vọt lên mặt, lạnh ngắt. Nhưng cái lạnh ấy khiến anh cảm thấy có chút yên ổn rằng mình đang còn cử động, hơi thở vẫn còn phụt ra hai lỗ mũi, tim vẫn còn đập, dầu biết rằng đó là giả tạm. Lưỡi cày găm vào đất, xới lên thành vòng tỏa ra thứ mùi thơm nồng đặc biệt. Đó là mùi bùn đất lưu cữu tổ tiên để lại cho con cháu bằng cả mồ hôi, nước mắt và máu và xương. Cái mùi ấy đã thấm sâu vào da thịt dân làng này. Họ biết vậy. Biết và hàm ơn nên ông bà lớp trước mới xây một ngôi đình khang trang để thờ người mở đất...

Đó là ngôi đình thờ thành hoàng. Ngôi đình rộng mênh mông từ bao đời, bỗng nhiên, chỉ trong một buổi sáng, nó biến thành nơi hội họp của hợp tác xã theo lệnh của ai đó ở trên. Họ nói thờ cúng là mê tín dị đoan. Với lại đất đai là của nhà nước, của nhân dân chứ không của riêng một kẻ nào, không có ông thành hoàng nào mở đất cả!

Lệnh rớt xuống như lưỡi dao bén chém ngang thân chuối. Cái lệnh ấy khiến đám thanh niên lóc chóc hò la xông vào, gỡ những tấm nghi khậu, liểng đôi ném xuống đất như thê chúng đang đánh nhau với kẻ thù. Đám khác chia nhau ôm cờ phướn, đèn thờ, trống, phèn la... vất vào gian lẫm phía sau chái. Vật tể tự, từ khí nằm vương vãi, lăn lóc như xác địch quân sau trận chiến ác liệt. Máu không chảy thành vũng, nhưng những mạng nhện lòng thông có vẻ như những mảnh tim gan phèo phổi của tổ tiên rớt ra từ những vật tể lễ kia. Phút chốc ngôi đình trống hoác. Bức hoành phi với mấy chữ đại tự sơn son thếp vàng, mới đây còn uy nghiêm trên thanh xà gian giữa, giờ nằm chổng chơ trên nền đất lạnh.

Dự đi ngang qua, tình cờ cong người nhìn vào và chợt thấy, rừng mình như hồi nhỏ từng chứng kiến cảnh tiêu thổ kháng chiến. Ông gạt những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán và những giọt nước mắt chực chảy ra, quay lui ra phía kiết tre và đứng mặt ngay cô Lại đang bước tới, người bạn chận bò thuờ thiếu thời. Lại cười khẩy, rít lên:

-Anh tiếc mấy thứ giẻ rách kia hả, cứ vào lấy mang về nhà. Tôi cho đấy!

Dự liếc mắt nhìn cô, nghĩ thầm: Không ngờ con Lại

của mười mấy năm về trước nay thay đổi thật nhanh chóng. Cô lạnh lùng, tàn nhẫn... vụt bay ra từ cái nhìn nhọn sắc và hàm răng khít rin, thù hận. Dự suy nghĩ mãi, không hiểu tại sao cô lại làm như vậy? Một đứa con gái như bao cô gái khác trong làng, cần mẫn với ruộng vườn, bếp núc; cũng cười đùa hể hả với đám bạn mỗi khi có dịp đùm túm với nhau. Vậy nhưng sau cái đêm cô biến mất khỏi làng, “sau một thời gian dài không tung tích, nó đột ngột quay về trong đêm, tập hợp dân làng hô hào nổi lên diệt ác ôn đánh Mỹ cứu nước - Cha Dự chậm rãi cất giọng lao khòa kể lại - Nó rằng đe mọi người sẽ bị xử trị đích đáng nếu tiếp tay cho địch. Nói xong nó bắn một phát súng thị uy rồi biến mất trong đêm tối một cách đột ngột như lúc đến”. Giờ thì Lại quay về, lãnh đạo cả xã, cả làng phá sạch những thứ mà Lại gọi là tàn dư, là rác rưởi của đế quốc và tay sai để lại. Mấy ngôi miếu thờ cô hồn là nạn nhân đầu tiên; ngôi chùa nhỏ cuối làng cũng không thoát khỏi số phận hẩm hiu... Rồi nay tiếp đến ngôi đình này. Không biết cô còn nghĩ ra những gì khác nữa để tiếp tục đập phá cho hả lòng căm thù?

Những khi cô ra lệnh như vậy, Dự tự hỏi, có giây phút bất chợt nào đó, Lại nhớ về cái đêm trăng non sang tiết lập thu? Đêm mà cô háo hức xô ngã Dự lọt qua bờ rào chiêm chiêm, phóng theo đề lên người Dự. Mảng da thịt âm ẩm của cô gái mười bảy phủ chụp lên khắp người thằng nhóc con là Dự đang bước vào tuổi dậy thì, khiến nó run rẩy với những khoái cảm sững sờ. Lại sờ soạn, bầu riết, hôn lên mặt mũi, lột truồng nó ra, giống như lúc bị xô ngã qua hàng rào chiêm chiêm rồi biến nó thành đàn ông khi mới mười ba! Đêm trăng non trong tiết lập thu vĩnh viễn để lại trên người Dự vết sẹo của nỗi hoang mang, sợ hãi cuộn tròn lại như những đợt sóng lớn nhỏ đập mãi vào bờ đá. Những ngày đi lính, gặp phụ nữ Dự sợ còn hơn đang lúc đánh trận. Đêm đầu tiên gần vợ, Dự cong người lại y như lúc ngã qua bờ rào. Nỗi sợ hãi chập chờn trôi nổi bồng bềnh như túm rác trôi trên con kênh đen quánh... Lại, dưới con mắt Dự là hiện thân của những tội lỗi rục rờ chồng chất thành những vệt lân tinh trong khu rừng ẩm ướt mỗi lúc hành quân, trên chiếc giường tre có cô vợ bé nhỏ nằm bên cạnh và ngay cả khi thả chân xuống mặt ruộng trắng nước. Tiếng bước chân của chính Dự vang lên bì bộp, ồm ồm khiến Dự luôn có những cái rung mình bất ngờ...

Dự vãi mồ hôi giữa buổi tỉnh mơ lạnh ngắt.

Đôi bò thông thả kéo chiếc lưới sắt nhọn lật tung những dề đất phía dưới, còn Dự thì miên man suy nghĩ xa gần trên chuôi cày. Ba sinh linh bé nhỏ giữa đất trời cao rộng này bơi vòng vòng quanh đám ruộng hợp tác xã, giống con vịt bơi trong ao tù.

Cày đầu hơn hai rống đất thì trời sáng rõ. Lát sau cu Lớn lơn tơn xách giỏ cơm đặt trên bờ ruộng gọi lớn: “Cha ăn cơm con về đi học!”. Dự ngoái lại nhìn thẳng con ốm nhách, cao như cây sậy, trong lòng gợn lên nỗi cồn cào không hình dạng. Hồi nhỏ, anh có đầu như vậy. “Ừa, để đó”. Dự la lớn và hình như tiếng la đó rót cái tằm xuống ruộng nước. Cu Lớn đã lên tới bờ mòn, cắm cúi bước thật nhanh về phía làng.

Dự cày giáp vòng, đến gần phía bờ đặt rổ cơm, anh dừng lại, rút nắp cho lưới cày găm sâu xuống đất (giống như người ta thắng xe) hô “dọ, dọ...” để đôi bò dừng lại rồi gát roi lên bắp cày, thùng thỉnh bước lên bờ.

-Anh Năm ơi - Dự kêu lớn - nghỉ vào ăn cơm cái đã.

-Ăn đi. Tôi ăn cơm nguội ở nhà rồi.

-Thì nghỉ uống nước cái đã. Xong sớm tôi qua cày giúp anh mấy đường - Dự nói cho có nói chứ trong bụng biết tông hương Bồn chưa có hột cơm nào trong bụng. Mấy tháng nay vợ bệnh, con đau sổ lúá dự trừ cứ vui dần, lấy đầu cơm sáng cho ông đi cày? Đến viên thuốc cũng không có, thay vào là những viên xuyên tâm liên từ hiệu thuốc nhân dân đáng ngắt trị bá bệnh thì bệnh nào qua khỏi!

Hương Bồn dừng bò, kẹp chiếc roi cày vào nách bước về chỗ Dự đang ngồi.

-Cái đời tôi - hương Bồn khọt khọt trong cổ họng để đẩy cục đờm vướng víu đầu đó, khạc ra, nhổ phệt xuống mặt ruộng - lúc nào cũng đen đui, bắt thăm trúng đôi bò cày của con mẹ Chánh ốm nhách, gioongs như đồ như lao, thúc mấy cũng không mập lên. Người ta cày cả sào thì nó lê lếch chưa được phân nửa. Mẹ đời, tôi muốn trả lại cho hợp tác quá trời, ngật nổi trả lại thì lấy gì mà sống đây. Đã bị phân vào tổ cày bừa rồi. Còn phần ruộng chú thấy đó, nó là cái ao thì đúng hơn, phải bơi dề cầy...

Dự nghe giọng nói hùn hục gần như đứt hơi, cảm thấy chạnh lòng:

-Anh Năm, kệ mẹ đời, anh ăn chút cơm rồi hăng cày. Chòm xóm với nhau anh khách khí làm gì.

-Tôi đã nói, ăn rồi. Chú biết tánh tôi mà?

Nói dứt câu, hương Bồn thở phì phì như chính ông kéo cây cày nặng trĩu thay đôi bò và tiếp tục bơi trong đám ruộng ao của mình.

-Thôi anh, để hôm nào họp tổ, anh em xúm nhau đưa đơn xin đổi đôi khác cho anh.

-Đôi ai? Đâu có đôi nào “rẻ dẹt” mà đổi. Thiệt ngán. Tôi muốn giao lại, nhưng nhìn đàn con lít nhít thấy không nỡ. Mẹ đời. Cách với chả mạng. Trước tôi đâu đến nỗi khổ vậy. Bao nhiêu ruộng vườn ép vào hết hợp tác, thành của người khác, của nhân dân, mình trắng tay. Mẹ cút, nhân dân là cặc chó gì không biết nữa!

-Thôi đi anh Năm ơi. Đại nạn là chung cho cả bảy người lúc nhúc, đâu riêng gì anh em mình? Hề, làm chén cơm cho nóng rồi xuống cây tiếp.

Hương Bồn xua tay:

-Ăn rồi. Cơm nguội từ hôm qua cứng như sạn cũng cố mà nuốt. Chú mày ăn đi, tao uống miếng nước, không thấy đói. Nói và ông giờ ầm chén rót ra uống đánh ực một hơi rồi lặn vô túi áo rút gói thuốc rê ra vắn. Điều thuốc to bằng ngón tay cái quấn bằng giấy vớ học trò tách đôi ra như người ta bóc phần da và thịt con cá lóc. Hương Bồn kẹp điều thuốc lăm lem mực viết. Điều thuốc cứ rung rung giữa hai ngón tay như chính nó đang lên cơn sốt.

Dự chần chờ một lúc mới gỡ tấm lá chuối đẩy trên rổ cơm vừa ái ngại nhìn người hàng xóm, cảm thấy như mình là kẻ có tội với cha con hương Bồn. Dự biết là ông chưa có hột nào trong bụng, nhưng nài ép chút nữa có nghĩa là làm nhục ông ta, bèn dùng tay nhón lấy chút cơm lẫn trong những miếng sắn mì, vón thành cục nhỏ chấm muối é cho vào miệng, nhai nhón nhem. Dự cũng không hơn gì hương Bồn, có điều đỡ gánh nặng gia đình, chỉ phải nuôi đứa con duy nhất. Vợ Dự còn khỏe, vào tổ đan lát, mỗi ngày kiếm cũng vài trăm gam lúa. Cả hai chắt mót, từng tiệm cũng đủ xoay xở. Chỉ tội hương Bồn. Con đông quá, cả hai vợ chồng vật lộn với ruộng đồng cũng không đủ miếng ăn.

Dự đẩy tấm lá chuối lại, hỏi xin điều thuốc. Hương Bồn ngó sững Dự:

-Sao không ăn. Chú tội nghiệp tôi hả?

-Dạ không, anh Năm. Tự dưng hết muốn nuốt. Làm ăn

kiểu này đến lụn bại mất. Anh nhớ mùa rồi, tụi thằng Cạnh thằng Sang giấu lúa hột kéo về nhà? Chúng nó là đội trưởng, đội phó đây. Lại nghe nói tay chủ nhiệm và tay thủ kho tuồn mấy tấn ra chợ đen. Bị bẻ ổ, nhưng chúng tự biết dán miệng nhau thành ra êm xuôi, chẳng có thằng xã viên nào dám hó hé.

-Đấy, mình xỏ miệng vô thì trước sau cũng bị gán phản động.

-Tôi vẫn ức vụ ngôi đình.

-Ức thì chú làm được gì?

-Đúng là không làm được gì. Nhưng cái mặt con Lại đấy, từ đất nê chui lên chắc?

-Tôi biết nó thù chú mà? Mấy lần chú giải thích nhưng nó đâu có nghe, phải không?

-Giải thích gì anh ơi. Tôi chỉ nói là nếu cần hung thì dọn dẹp đồ thờ tự sang một góc để làm tạm hội trường, chớ có đập phá, tội. Kẻ hậu sinh cũng phải nhớ công lao người đi trước. Tôi nói chỉ có vậy mà cổ kêu tôi là kẻ phá hoại. Anh coi có oan tôi không?

Hương Bồn kéo một hơi thuốc thật dài, phà khói bay thành mảng trên mặt nước:

-Chuyện dẫu biển, nay dời mai đổi, biết đâu mà lường, chú ơi.

Hai người chuyện vãn một lát rồi đứng lên, trở lại cầm chuôi cây.

Những đê đất lật qua một bên lảng tung như thoa một lớp mỡ. Những con sáo nâu, cò xám sà tới tranh nhau những con trùn nước, cắn mổ la chí chöhe. Chúng đậu thật gần, chỉ cần hươ cù roi là đụng ngay, nhưng Dự không làm vậy. Nó cũng đang tìm miếng ăn như bọn anh mà. Anh không để ý đến lũ cò sáo, cầm cuì cầm chắc chuôi cây, cốt cho thật nhanh để ngày mai theo bọn thằng Xanh lên núi hái ít gánh củi về dự trữ cho mùa mưa bão sắp tới. Cây bừa xong giao đất cho tổ gieo sạ coi như yên một bề, tìm thêm chuyện mà làm, đâu có thể nằm chờ mấy công điểm mọn?

Nặng lên cao, thu ngắn bóng người cày và đôi bò về một phía. Còn một rống nhỏ nữa là xong, có thể qua bên hương Bồn cày giúp ông ta vài đường, nhưng tiếng ví thá bên kia ruộng sao nghe cứ nhỏ dần, bước chân và đường cày như một dòng nước yếu bị cản lại không thành tiếng lồm bồm như lúc trước. Dự ngo qua. Đôi bò chệnh choạng dựa vào bắp cày

bước thật chậm. Hình như cả hương Bồn cũng bước chậm. Dự La lên:

-Anh Năm mệt lên bờ ngồi nghỉ. Tôi cũng sắp xong. Để đó tôi qua cây giúp cho.

Tiếng Dự bay đâu đó trên không, không thấu tai hương Bồn. Hình như ông ta đuổi hung rồi. Dự “dọ” bò dừng lại, bước vài bước về phía ruộng hương Bồn đang cày, nhưng chưa tới bờ đã thấy hương Bồn khụy xuống, tay vẫn nắm chặt chuôi cày làm cho nó nghiêng hẳn về một bên.

Dự hốt hải la lên:

-Anh Năm, anh Năm... làm sao vậy? Có bị sao không?

Lúc Dự tới nơi thì hương Bồn ngồi khụy xuống ruộng nước, mặt tái xanh. Dự luồn hai tay qua nách đỡ ông đứng lên:

-Anh có sao không?

Hương Bồn không mở được miệng chỉ lắc lắc đầu, nhưng cái lắc rất yếu. Dự hiểu tất cả. Ông bị lũi đôi. Từng ấy miếng cơm độn ít ỏi từ chiều qua thì còn sức đâu để cày với bừa? Dự khom người thấp xuống quàng tay hương Bồn lên vai rồi du dần vào bờ, đặt nằm trên lớp cỏ lờm chớm. Dự lấy chiếc nón ngựa kê đầu, rót nước ra chén và vạch miệng đồ từng hớp nhỏ:

-Ít thôi nghe anh Năm, từ từ. Mà anh cũng thiệt lạ. Chôm xôm với nhau, ăn chút cơm ghé có gì là ghé gớm Tôi biết bụng anh trống nhưng không dám nài ép sợ anh giận. Thôi, cứ nằm nghỉ cho khỏe rồi mở bò. Tôi cũng mở. Mai tôi ra quanh mấy đường xong ngay. Chớ lo, anh Năm.

Nhưng Dự nói cho chính tai mình nghe vì đôi mắt hương Bồn đã nhắm nghiền, bên khóe ứa ra chút nước sền sệt. Ông không còn nghe và thấy gì nữa. Dự hoảng hốt thọc tay vào ngực người bạn cày hàng xóm, lạnh ngắt. Dự bàng hoàng, khóc ồ lên như nổi uất ức lúc bị đẩy qua bờ rào chiêm chiêm, đè nén lại thành cục u nhỏ đầy gai nhọn, bấy lâu nay có dịp vỡ bung ra.

Hai đôi bò vẫn đứng yên tại chỗ. Bóng nắng thu tròn, nhỏ lại quanh hai người.

(Tháng 9/2010)

Nụ Hôn Đầu

Tác giả Judith Ortiz Cofer

Người dịch: Nguyễn thị Hải Hà

Judith Ortiz Cofer ra đời năm 1952 ở Puerto Rico. Mẹ của bà là người Puerto Rico. Bố của bà là tham gia Hải quân Hoa Kỳ. Bà hấp thụ nền giáo dục của cả hai quốc gia, tốt nghiệp Cử Nhân, Cao học ngành Văn Chương và hậu Cao học ở Oxford. Sau đó, bà dạy Văn chương ở Florida. Bà đã xuất bản bảy tập thơ. Truyện ngắn I Fell in Love, or My Hormones Awakened (Tôi biết yêu hay những chất kích thích tố trong người tôi thức giấc) được trích từ quyển tự thuật Silent Dancing (Ám Thảm Khiêu Vũ), 1990. Người dịch xin phép thay cái tựa đề dài của truyện ngắn này bằng một cái tựa đề ngắn hơn.

Tôi bắt đầu biết yêu, hay đó chỉ là hiện tượng khi mà những chất kích thích tố trong cơ thể tôi bị đánh thức sau một giấc ngủ dài. Bỗng nhiên, mục tiêu trong ngày của tôi chỉ nhằm vào một việc, được nhìn thấy bóng dáng người tôi thầm yêu. Chuyện này cần phải được giữ kín, bởi vì tôi đã, dĩ nhiên, theo truyền thống muôn đời của những mối tình bất hạnh, chọn yêu một chàng trai nằm bên ngoài tầm tay của tôi. Hắn không phải là người Puerto Rico và nghèo giống như tôi. Trái lại hắn là người Ý và là con nhà giàu có, và lớn tuổi hơn tôi. Hắn đang học năm cuối của Trung học trong khi tôi mới vào lớp Chín. Lần đầu tiên tôi gặp hắn, là lúc hắn đang ở trong hành lang của trường, đứng tựa vào tường nơi được dùng làm ranh giới chia đôi địa phận giữa nam sinh và nữ sinh của các lớp nhỏ tuổi hơn. Hắn đẹp trai vô cùng, trông giống như tài tử Marlon Brando lúc còn trẻ - giống đến cả cái nụ cười nhếch mép mĩa mai. Tất cả những điều tôi biết về hắn, ngôi sao sáng trong những giấc mơ đầy ngưng ngập của tôi chỉ có ngần này: Hắn là cháu của ông chủ của cái siêu thị trong khu phố tôi ở; tôi nghe nói hắn thường tổ chức tiệc tùng trong ngôi nhà xinh đẹp của cha mẹ hắn ở ngoại ô, gia đình hắn có tiền và tiền này đã được tặng cho trường tôi bằng nhiều cách – Ngoài ra, còn một chi tiết làm chân tôi run rẩy; đó là, hắn làm việc cho siêu thị

gần căn hộ của tôi, cuối tuần và suốt mùa hè.

Mẹ tôi không thể hiểu tại sao tôi quá hăng hái tình nguyện để mẹ sai bảo đi mua những thứ lật vật liên miên không dứt. Tôi hăng hái chộp lấy bất cứ cơ hội nào, từ thứ Sáu cho đến chiều thứ Bảy, để được đi mua trứng, thuốc lá, sữa (tôi cố uống càng nhiều càng tốt mặc dù tôi rất chán mấy cái đồ quý này) – những thức ăn thức uống mẹ mua từ tiệm của Mỹ.

Hết tuần này đến tuần khác, tôi lang thang giữa những dãy kệ hàng hóa mắt liếc nhìn về phía kho chứa hàng ở phía sau, nín thở hy vọng sẽ gặp hoàng tử của lòng tôi. Tôi nào có âm mưu kế hoạch gì đâu. Tôi như một tín đồ hành hương, chỉ mơ ước được nhìn thấy Mecca. Tôi cũng chẳng mong gì hấn sẽ để mắt đến tôi. Đây chỉ là một nỗi đau khổ dịu dàng.

Có một hôm, tôi nhìn thấy hấn mặc toàn trắng, như là một y sĩ giải phẫu: quần áo trắng, mũ trắng, và (một hình ảnh nhóp nhúa nhưng chẳng ăn nhằm gì với đôi mắt bị mờ vì yêu của tôi) cái tấm tạp dề trước ngực bết bết những vết máu. Hấn đang giúp khuôn một miếng thịt bò to tướng vào phòng lạnh của tiệm. Có lẽ tôi đứng tần ngần choán chỗ như một chị ngố, bởi vì tôi nhớ là hấn nhìn thấy tôi, hấn còn nói chuyện với tôi nữa. Tôi xấu hổ muốn chết được. Tôi nghĩ hấn đã nói, “Làm ơn tránh qua một bên,” và dường như hấn thả nụ cười về hướng tôi.

Sau lần ấy, tôi *chủ động* tạo cơ hội để được đi siêu thị. Tôi quan sát, gói thuốc lá của mẹ tôi sau lâu cạn quá. Tôi muốn mẹ tôi hút nhanh hơn. Tôi uống sữa và bắt em tôi uống nhiều hơn (tôi phải hỏi lộ em uống ly thứ hai bằng phần bánh Fig Newton của tôi, loại bánh cá hai chúng tôi cùng thích mỗi người được được phân nửa hộp bánh). Tôi hy sinh phần bánh của tôi cho tình yêu, và nhìn mẹ tôi hút gói thuốc L&M không mấy hứng thú; tôi nghĩ (Trời, xin đừng để xảy ra) có lẽ mẹ sẽ bớt hút thuốc hay bỏ thói quen hút thuốc luôn. Đây là thời điểm tôi quan trọng với tôi.

Tôi đã giấu kín mối tình cô đơn của tôi. Rất nhiều đêm tôi khóc, nước mắt nhỏ xuống gối nóng hổi, về những điều đã làm

cho chúng tôi không thể đến với nhau. Trong óc tôi, tôi chắc hẳn là hẳn chẳng bao giờ nhìn thấy tôi, vì thế tôi tự do nhìn hẳn đấm đui – tôi là người vô hình. Hẳn không nhìn thấy tôi bởi vì tôi chỉ là một con bé gầy gò người Puerto Rico, một con bé mới bắt đầu vào lớp Chín và không thuộc vào nhóm nào có chút gì liên hệ với hẳn hay sinh hoạt của hẳn.

Cuối năm học, tôi vỡ lẽ là tôi không vô hình như tôi lầm tưởng. Tôi học được một bài học về bản tính con người – sự tàn nhẫn nịnh nọt bao giờ cũng để sót lại một cái mùi, một thứ mà chúng ta đều được trang bị để có thể phát hiện, và không cần biết là nó mơ hồ đến độ nào, chúng ta đều tìm đến cái nguồn nơi đã phát ra cái mùi này.

Vào tháng Sáu, các vị nữ tu trong trường của tôi luôn tổ chức một vài buổi trình diễn văn thơ hay âm nhạc có tính chất lịch sử và văn hóa. Trong năm lớp Chín của tôi, đó là một buổi đại yến kiểu người La Mã. Chúng tôi đã học suốt năm môn bi kịch Hy Lạp (một vở kịch ngắn nhập môn về lịch sử của tôn giáo – trong đó chúng tôi lướt nhanh từ Sophocles đến Euripedes hướng về thời kỳ đầu của những người Công giáo tuần đạo) và cô nữ tu rất trẻ, rất năng động, Sr Agnes nổi hứng muốn làm một cái gì đó thật xôm tụ. Cô ra lệnh cho toàn thể học sinh (chúng 300 đứa) phải về nhà bắt mẹ may cho cái togas (y phục La Mã thời cổ xưa) cho chúng tôi bằng những tấm khăn trải giường. Cô phân phối những bản cốp pi mimeo mới vừa in, bằng máy in tay, những mẫu may trang phục La Mã. Tôi nhớ mùi rượu nồng nặc trên những tờ giấy mimeo này và hầu như học sinh nào trong hội trường cũng đưa tờ giấy in lên mũi hít vào thật sâu - những tờ giấy mimeo ngày ấy làm chúng tôi ngáy ngất, cái say sưa mà trẻ con thuộc thế hệ máy cốp pi Xerox không được hưởng. Rồi vào lúc những tuần lễ cuối năm học dài lê thê, thành phố Paterson biến thành một lò nung và chúng tôi héo rữa trong bộ đồng phục cứng nhắc không thoải mái chút nào. Chúng tôi làm việc vất vả như những tên nô lệ La Mã, cuống cuồng xây một cung điện (giả) để tổ chức đại yến ngay trong thánh đường của trường. Sr Agnes muốn làm một khán đài để đôi nam nữ chủ tịch của buổi đại yến này sẽ đăng đàn như các bậc vua chúa lên ngôi.

Sơ Agnes đã chọn người đóng vai Thủ tướng và Phu Nhân trong giới học sinh. Người thủ vai Phu Nhân là một học sinh rất đẹp tên là Sophia, cô là người Ba Lan mới di cư sang Mỹ, nói tiếng Anh phát âm không rành, nhưng nét mặt thật kiều diễm, dù không son phấn vẫn làm người ta nao lòng. Mọi người khen ngợi mái tóc vàng của cô như suối chảy chấm thất lung và giọng hát của cô trong ban hợp ca có thể mang âm nhạc lên tận thiên đàng. Các vị nữ tu muốn dâng cô nâng lên ngôi Chúa. Họ cứ lập đi lập lại là cô ấy được ân sủng của trời. Chúng tôi chiêm ngưỡng cô và đám con trai có vẻ e dè kiêng nể cô ấy. Cô chỉ việc mỉm cười và thi hành những việc người ta giao phó. Tôi không biết cô nghĩ gì về những lúc mọi người sẵn đón cô. Cái quyền lực mạnh nhất của sắc đẹp là mọi người đều sẵn sàng làm hầu như tất cả mọi thứ việc để giúp bạn, kể cả việc suy nghĩ.

Người đóng cặp với cô là đội viên của đội bóng rổ của trường. Một học sinh năm cuối, cao ráo, tóc đỏ, có nhiều anh chị em cùng học chung trường. Cả hai là biểu hiệu một đôi di dân có cái gene tốt nhất, đẹp nhất của cộng đồng. Chúng tôi không hề thắc mắc ngoài cái nhân dáng đẹp để họ còn có những gì để xứng đáng với những vai trong màn kịch của chúng tôi. Tôi có điểm cao nhất trong lớp sử học về tôn giáo thế mà tôi chỉ được đóng vai “người dân của xứ La Mã.” Tôi bị chỉ định ngồi phía trước những quả những trái bằng nhựa cao su và đọc một câu chào đón bằng tiếng La Tinh với tất cả học sinh trong trường trong khi những người chủ tiệc đi vào trong “cung điện” và ngồi vào ngai báu của họ.

Trong đêm đại yến này, bố tôi đưa tôi trong bộ y phục toga đến tận công trường. Tôi thấy ngưỡng ngượng ngột với cái tấm vải quấn lên người (áo và váy phải được mặc dưới lớp vải quấn). mẹ tôi không có tài may quần áo. Mẹ chỉ có thể lên gấu quần hay gấu váy. Đêm ấy nếu có thể tôi cũng dám đem đôi mẹ tôi để lấy một mục nông dân có cây kim vàng. Tôi nhìn thấy các cô gái La Mã khác xuất hiện từ xe của bố mẹ trong bộ y phục rất cổ truyền và may rất khéo với những tấm vải gấp nếp lượn uyển chuyển theo thân hình của các cô nàng như những bộ y phục trên những bức tượng đã được Michelangelo sáng

tác. Họ làm cách nào để được như thế? Tại sao tôi luôn luôn có vẻ gì hơi khang khác không hoàn toàn đúng và đôi khi còn tệ hơn như thế? Tôi nghĩ là những người chung quanh vì lịch sự mà không nêu ra cái xấu của tôi. “Tôi nghiệp con bé Puerto Rico.” Tôi có thể nghe tiếng suy nghĩ của họ. Nhưng thật ra, tôi là người chỉ trích tôi hăng nhất, tôi là một kẻ luôn chú ý đến cái hư cái xấu của mình.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Những cái bàn được xếp chung quanh khán đài. Sophia rực rỡ như một pho tượng bằng vàng. Nụ cười của cô thật thánh thiện, một vị phu nhân La Mã im lặng và toàn vẹn. Vị “Thủ tướng” của cô trông có vẻ không được thoải mái, cứ liếc mắt nhìn chung quanh tìm các bạn, có lẽ đang chờ đợi những lời chế nhạo mà chắc chắn hấn sẽ bị nhận lãnh khi vào phòng thay quần áo. Các vị nữ tu trong bộ áo thụng đen đứng ở phía hậu trường trông chừng chúng tôi. Họ đóng vai gì? Nữ thần Định Mệnh hay những người nô lệ của Nubia. Các cô học sinh giữ tiết mục múa đã biểu diễn một màn múa ngăn ngắt trong tiếng nhạc nhỏ nhỏ phát ra từ những chiếc lục lạc các cô đeo ở cổ tay, sau đó đến phần đọc các bài diễn văn. Rồi đến những ly rượu vang (giả bằng nước nho) được nâng lên để chúc mừng Đế Quốc La Mã. Chúng tôi biết đế quốc này sẽ tan rã vào tuần sau – trước kỳ thi cuối khóa.

Trong suốt buổi đại yến này tôi rất bồn chồn nhưng cố gắng làm tỉnh. Người tôi thầm yêu trộm nhớ đang ngồi ở góc phòng đối diện với chỗ tôi ngồi. Trông hấn có vẻ nhàm chán cực độ. Tôi nhìn hấn trong mỗi cử động, tham lam uống hình ảnh của hấn vào trong mắt. Tôi ngắm nghía làn mi cong vờ đôi gò má hồng hào, đôi môi mọng mang nụ cười mĩa mai đến vỡ kịch cón con và lỗ bịch của chúng tôi. Có một lần hấn ngồi vờ về lê phê trên ghế và vị nữ tu giữ kỷ luật đến gần ngay lập tức và gõ vào vai hấn một cách khiển trách. Hấn chậm chạp ngồi thẳng lên về khinh thường. Tôi thích cái tính chống đối của hấn. Tôi tin là đối với hấn tôi vẫn là một người vô hình vì tôi chẳng là cái thứ gì khi tôi nhìn ngắm chàng của tôi. Nhưng khi trời vào đêm, lúc chúng tôi đứng lên chào nhau để từ giả bằng tiếng La Tinh, hấn nhìn thẳng vào mắt tôi ! Làm thế nào mà tôi vẫn còn sống sót trước sức mạnh giết người của đôi mắt đen ấy? Tôi run rẩy trong một cách mới. Tôi không lạnh – trái lại tôi đang

cháy bỏng! Tuy thế tôi run rẩy từ trong ra ngoài, cảm thấy choáng váng, ngất ngây.

Phòng tiệc bắt đầu vắng thừa người và tôi hướng về phòng vệ sinh của các nữ sinh. Tôi muốn tận hưởng cái phép lạ này trong im lặng. Tôi không hề nghĩ là sau cái nhìn này sẽ có gì diễn tiến tiếp theo. Tôi thấy thỏa thuê với cái ân huệ khổng lồ mà người tôi yêu đã tặng tôi qua ánh mắt của chàng. Tôi nhẩn nha nấn ná, dần biết là bố tôi đang chờ tôi bên ngoài, mắt kiên nhẫn, có lẽ ông đang tỏa sáng trong bóng tối nhờ bộ đồng phục hải quân trắng lóa. Các học sinh khác được đón về bằng xe hơi. Tôi sẽ đi bộ về với bố, cả hai chúng tôi đều mặc y phục giả trang. Tôi muốn càng ít người nhìn thấy chúng tôi càng tốt. Khi tôi không còn nghe thấy tiếng nói cười của đám đông ở hành lang, tôi rời phòng vệ sinh, vẫn còn ngất ngây với đôi mắt thu hồn của chàng tôi yêu.

Đèn ở hành lang đã tắt và tôi chỉ còn nhìn thấy ánh đèn ở cầu thang, dưới chân cầu thang có một vị nữ tu đang đứng trông chừng. Bố tôi đang chờ ngoài kia. Suýt nữa tôi đã hét lên khi tôi cảm thấy có người ôm lưng tôi. Nhưng môi tôi ngay lập tức bị niêm phong bằng đôi môi của ai đó. Tôi đang bị hôn. Đây là nụ hôn đầu và tôi không thể nhận ra người nào đang hôn tôi. Tôi cố vùng ra để nhìn khuôn mặt đang cách mặt tôi chừng nửa tấc. Đó là hấn. Hấn đang cúi xuống mỉm cười với tôi. Mặt tôi có biểu lộ nét gì kỳ cục khôì hài không? Đôi mắt kính của tôi ngã nghiêng trên sống mũi tôi. Tôi đứng chết trân không thể nào mở miệng hay cử động. Dịu dàng hơn, hấn nâng cằm tôi lên và cúi xuống áp môi hấn lên môi tôi. Lần này tôi tận hưởng cái hôn. Rồi như một người yêu ma quái, hấn đi xa dần lẫn vào bóng tối của hành lang và biến mất.

Tôi không biết tôi đứng bất động trong bao lâu. Thân hình tôi đang thay đổi ngay ở đó trong sảnh đường của một trường Công giáo. Tê bào của tôi trở nên nhạy bén như các nhạc sĩ trong giàn nhạc giao hưởng, và trái tim tôi là một đoàn hợp ca. Đó là một vở nhạc kịch mà tôi đang sáng tác, và tôi muốn đứng bất động như thế mãi chỉ để lắng nghe tiếng nhạc. Nhưng, dĩ nhiên, tôi nghe giọng nói của bố tôi đang nói với người nữ tu. Tôi sẽ bị trách mắng nếu bố tôi phải đi tìm tôi.

Tôi hồi hả chạy xuống cầu thang và cùng lúc ấy cổ bịa ra một lý do là tôi cảm thấy chóng mặt buồn nôn. Đây là lý do để giải thích tại sao mặt tôi đỏ bừng và khi về nhà tôi sẽ được yên tĩnh không bị ai quấy rầy.

Ngày hôm sau ở bàn ăn diêm tâm Bồ báo cho tất cả mọi người biết là Bồ phải chuyển qua châu Âu vì nhiệm vụ của Hải quân trong vòng vài tuần nữa. Cuối năm học mẹ tôi, em trai tôi, và tôi sẽ phải di chuyển đến Puerto Rico ở nhà của bà ngoại nửa năm. Lòng tôi tan nát. Đây là chuyện xảy ra rất thường xuyên với chúng tôi. Chúng tôi thường về ở nhà của bà mỗi khi bố phải vắng nhà khá lâu. Nhưng lần này với tôi là chuyện khác. Tôi đã yêu và trái tim của tôi bị xô ngã va chạm với cái lồng ngực xương xẩu của tôi mỗi khi tôi nghĩ đến lúc phải xa hân. . . hân cũng yêu tôi chứ? Tôi bật khóc nức nở và chạy khỏi bàn ăn.

Tuần sau, tôi khám phá một sự thật không thể tha thứ hay chối cãi được về những bậc làm bố mẹ. Họ có thể tiếp tục thực hiện kế hoạch của họ làm ngơ những giọt nước mắt, những lời đe dọa và cả cái cảnh tượng đau lòng của một cô thiếu nữ bị tan vỡ trái tim. Bồ bỏ mặc để cho mẹ đối phó với tôi và mẹ tôi tỉnh táo đến lãnh đạm thu xếp đóng gói đồ đạc trong khi tôi cố gắng giải thích lập đi lập lại là tôi đang ở trong thời kỳ quan trọng nhất trong việc phát triển sự học của tôi và nếu tôi phải chuyển trường bây giờ thì cuộc đời của tôi sẽ bị dang dở. Mẹ tôi chỉ nói “Con là một người thông minh, con sẽ bắt kịp chương trình học.” Đầu mẹ đầy ắp hình ảnh của *casa* (gia đình) và những cuộc đoàn tụ với người thân, những cuộc trò chuyện lằng nhằng nhằm níu không dứt với bà và các dì của tôi. Mẹ quan tâm gì đến việc lỡ dở mối tình đầu của tôi cơ chứ?

Trong khoảng thời gian ấy, tôi cố gắng đến mòn mỏi để tìm gặp hân. Tôi nghĩ rằng hân cũng cố gắng tìm tôi. Tuy nhiên một đôi lần tôi nhìn thấy hân ở hành lang trong trường, hân luôn luôn vội vàng lảng tránh. Sau nhiều tuần dằng dặc ở trong trạng thái ngơ ngác khó hiểu và tôi đau đớn nhận ra rằng nụ hôn ấy chẳng có ý nghĩa gì với hân mà chỉ là một cái cúp vàng, một chiến lợi phẩm dành cho lòng cao ngạo tự tôn của hân. Đối với hân tôi chỉ là một người ngưỡng mộ hân mà thôi. Hân

hân hạnh được tôi tôn thờ trong im lặng, vì thế bạn bố cho tôi một nụ hôn cũng chỉ để thỏa mãn chính hân và làm cho lửa tình trong tôi cháy mạnh hơn. Tôi học được bài học về chiến tranh trong tình yêu của nam và nữ, đó là, không bao giờ được phép quên rằng: mục đích chính không phải là luôn luôn thắng, mà chỉ là giữ cho đối thủ (đồng nghĩa với “người yêu”) không thể đoán được ý muốn và tư tưởng của bạn.

Quan niệm này khá chua chát và đầy hoài nghi nên không thể nuôi dưỡng được cảm giác rạo rực và say đắm trên bề mặt của mối tình đầu. Giờ đây nhớ lại kinh nghiệm của mình, tôi chỉ có thể khách quan đến mức độ nhận ra sự đau khổ có vị ngọt ngào như thế nào, cái cảm giác bị đóng khung trong tuyệt vọng như thế nào, và tất cả những cảm giác vương vấn trong trí não khi giờ tay chào mừng cuộc đời như thế nào. Về sau, rất nhiều năm sau đó, sau cái khoảng thời gian dài triền miên vĩnh cửu, tôi đã kéo lê lê phía sau tôi cái nặng nề trĩu trĩu của một mối tình không nguôi, tôi biết cách làm cho người ta chú ý đến tôi và biết thắng những cuộc tranh giành nhỏ nhỏ cần thiết để đoạt cái giải cao quý nhất trong cuộc tình. Và thêm một thời gian khá lâu hơn nữa, tôi được đọc và hiểu thấy câu nói của Camus về một vấn đề quan trọng với tuổi vị thành niên và cũng quan trọng với các nhà triết học: nếu tình yêu dễ dàng, cuộc đời sẽ đơn giản vô cùng.

Nói chuyện về thơ bây giờ

Thảo luận giữa
CUNG TRÂM TƯỚNG, ĐOÀN QUỐC SỸ,
DUY THANH, LÊ HUY OANH, MAI THẢO, NGUYỄN
SỸ TẾ, THANH TÂM TUYỀN, THÁI TUẤN, TÔ THUY
YÊN, TRẦN THANH HIỆP

NGUYỄN SỸ TẾ: Tôi nghĩ chúng ta cần đặt vấn đề thi ca trên một bình diện rộng rãi, nhận định ở thi ca một trạng thái tư tưởng và một trạng thái nghệ thuật. Một mặt khác, ta lại thấy thi ca cốt yếu là một hiện tượng ngôn ngữ, một hiện tượng văn tự. Sau nữa, thi ca là một công trình sáng tạo nghệ thuật trong đó có sự tham dự của nhiều yếu tố trí tuệ, tâm lý và sinh lý của cả người làm thơ và người đọc thơ. Chúng ta có thể căn cứ vào những điểm tựa đó mà phát biểu ý kiến.

TÔ THUYỀN YÊN: Tôi không có tham vọng định nghĩa thơ, nhưng hiểu thơ bây giờ như thế này và gọi là những đức tính của thơ: 1- Thơ ném sự xáo trộn vào một trật tự, phá hủy những cấp bậc của lý trí (thể nào tốt, xấu, không tốt, và không xấu). Thơ là phản nghĩa của sự bình thản, dửng dưng, lạnh nhạt, quân bình và tự nhiên, nó là một cách khiến người ta từ chối những gì đã chấp nhận trước để tạo một thăng bằng chông chênh. 2- Tạo một niềm tin không có đối tượng đích xác, không có tin điều, không có ủy lạo, không liên tục, và cũng không thường xuyên. 3- Nghệ thuật (nhất là tiểu thuyết và sân khấu) có một nhiệm vụ là biến cái không thật thành thật. Thơ cũng thế, nhưng còn thêm một nhiệm vụ nữa, trái ngược lại

biến cái thật thành không thật. Tóm lại, thơ đưa người đọc vào một tình trạng báo động và tất cả những đức tính kể trên của thơ bây giờ đều vô bổ không đâu ngoài sự nghi ngờ nó mang đến cho người đọc những giá trị đã được xếp loại và công nhận.

THANH TÂM TUYỀN: (lắc đầu) Tô Thùy Yên nêu lên qui định chủ quan, riêng cho thơ Yên. Định nghĩa thi trí thức quá. Thơ bây giờ vẫn giữ cái phần tính **túy** của thi ca từ xưa đến giờ. Hegel nói thơ là phần nghệ thuật trẻ nhất của nhân loại. Thời đại khi báo một tương lai mới là lúc thơ phát triển mạnh nhứt. Thơ là một tiếng nói hòa đồng. Thơ dẫn vào một thế giới hòa đồng. Ở thơ không thể có không khí của một thế giới bất trắc. Thơ bây giờ cũng vậy. Không muốn rơi vào ngõ bí phải tìm thấy một niềm tin tưởng dù có thể hết sức ngây thơ. Tô Thùy Yên nhìn thấy niềm tin không đối tượng là đã tìm thấy niềm tin đó. Một xã hội báo hiệu điềm chết nếu không có thi ca. Thi ca báo hiệu sự sống tương lai.

NGUYỄN SỸ TẾ: Cả hai ý kiến Thanh Tâm Tuyền và Ngô Thùy Yên đều chủ quan và hiền lành. Các anh đã gán cho thi ca những cứu cánh quá cao xa và hướng vào một thứ thẩm mỹ còn “cổ điển”. Tôi thấy thi ca chỉ là một hiện tượng cá nhân, trong đó những yếu tố trí tuệ, tâm lý, sinh lý của nhà thơ và người đọc thơ bị khuấy động. Tôi nghiêng về một thứ thẩm mỹ của sự chênh vênh, của sự bất cân đối, một thứ thẩm mỹ của sự va chạm (esthétique de choc).

CUNG TRẦM TUỖNG: Tô Thùy Yên mới chỉ vừa phát biểu thơ bây giờ qua một vài đức tính của nó. Thơ bây giờ phải là một sự thoát xác lớn mạnh – ai cũng đồng ý về điểm này – nhưng không thể là một sự khước từ vô điều kiện dĩ vãng. Nói rõ hơn thơ Việt Nam bây giờ phải chấp nhận một vài di sản do thơ Việt Nam thuở trước để lại. Một vài di sản này tôi gọi là mẫu số chung, chúng là thơ muôn thuở, nói tắt chúng là thơ. Khước từ chúng, thơ Việt Nam bây giờ sẽ không là thơ nữa.

THANH TÂM TUYỀN: Cái mà anh Cung Trầm Tưởng gọi là mẫu số chung không cần quy định. Nó chính là thơ rồi. Ta không cần phải định nghĩa thơ. Thơ là cái gì người thơ làm ra

và người đọc thơ nhận được. Còn không nhận được thì có bao nhiêu định nghĩa cũng là thừa.

NGUYỄN SỸ TẾ: Ý kiến các anh nhắc tôi lỗi cắt nghĩa thông thường về thi ca: phép nhiệm màu của tiếng nói. Cổ sơ kẻ nào nói lên được thành tiếng là bỗng nhiên có một thể lực lớn lao đối với đồng loại chung quanh. Trái mấy mươi thế kỷ rồi, ngôn ngữ tiến hóa chậm chạp đối với tâm suy tư và cảm xúc của con người. Thử hỏi ngày nay ngôn ngữ đã được đổi mới chưa, người ta đã trả về cho ngôn ngữ cái thể lực huyền bí của nó chưa?

LÊ HUY OANH: Tôi quan niệm rất đơn giản. Thơ bây giờ, cũng như mọi địa phận nghệ thuật khác, cũng như thơ của muôn đời, chỉ là một yếu tố gây rung động. Thơ đánh thức giậy tất cả những cơ năng tâm lý cũng như sinh lý. Khi những cơ năng đó được kích thích, người ta sẽ có một khoái cảm đặc biệt. Tâm hồn người có thể hướng về cả hai chiều. Một chiều đi lên và một chiều đi xuống. Thơ giúp con người tiến theo cả hai chiều. Khát vọng con người không đồng tính. Khi thích cái thiện, khi thích cái ác. Thơ nhằm thỏa mãn tất cả mọi khao khát, vì thiện cũng như ác đều có sức quyến rũ riêng. Một trái ngọt ngào khiến người ăn sung sướng. Các chất ma túy khiến hần mê. Cả hai đều rất cần thiết. Thi ca có thể là trái cây đó hoặc chất ma túy đó. Nó được tạo thành bằng một thứ ngôn ngữ siêu đẳng.

DOÃN QUỐC SỸ: Có sự khác nhau giữa thơ bây giờ với thơ xưa về thái độ thối mắc siêu hình. Những thối mắc siêu hình ở thơ xưa vẫn đượm vẻ thoải mái, ở chỗ con người thối mắc trước vũ trụ rộng lớn, bản khoán trước số kiếp của chính mình đã được trừu tượng hóa cho nhòa bớt góc cạnh. Đọc thơ bây giờ người ta thấy người thơ có mặt sít **đỏ** trong cuộc sống. Hần bị căng thẳng mọi chiều trên cây thánh giá sự sống rồi tự đó hần thốt ra lời thơ. Bài thơ của hần không là cỏ thơm mà là những mớ tóc vừa dứt khỏi da đầu còn dính ở chân tóc cả thịt tươi và máu tươi của hần (nhiều tiếng cười).

TÔ THÙY YÊN: Ý kiến trên của anh Doãn Quốc Sỹ, tôi đồng ý, nhưng muốn nói thêm: đó là khuynh hướng chung của nghệ

thuật, không riêng cho thơ. Người làm nghệ thuật bây giờ ném cái siêu hình vào giữa đời sống. Cái siêu hình trong nghệ thuật ngày xưa là một thể giới hoàn toàn cô lập với đời sống mà chỉ những con người thăng hoa mới đột nhập được. Cái siêu hình ngày nay là cái siêu hình trong thân phận của một người thông thường dính liền với đời sống.

THÁI TUẤN: Trước kia làm thơ là một cầu nguyện với Thượng đế, với thiên nhiên. Bây giờ là một bản kinh người thơ tự cầu nguyện với chính mình.

DUY THANH: Tôi muốn nói đến một điểm chung ở thơ bây giờ là người làm và người đọc đều gặp thơ bằng cảm giác. Người ta không cần hiểu thơ mà người ta cảm thơ. Một bài mà đem giải thích đề hiểu được như văn xuôi thời chán vô cùng. Cái tiếng nói của thơ không bao giờ nên phiên dịch sang văn xuôi vì thơ không là văn xuôi. Người đọc giả đọc thơ cần có cái giác quan bén nhạy đó. Tức là sự hiểu thấu bằng cảm giác. Tôi cho rằng những người cảm được thơ bây giờ là họ đã thuộc vào (ít hay nhiều) thời đại trước. Không còn gì đáng buồn hơn là ở một tác phẩm nghệ thuật, nhất là trong thơ, tất cả đều được phô diễn một cách tầm thường. Chỉ nói như vậy nghệ thuật đã thiếu tính chất lớn của nghệ thuật.

CUNG TRÂM TUƠNG: Nên quy định thơ vào ngay hiện đại. Nên quy định thơ hiện đại vào ba vấn đề: đức lý, tư tưởng và thẩm mỹ. Đức lý: thơ bây giờ có những yếu tố chống đối trái ngược hẳn với thi ca trước. Tư tưởng: thơ bây giờ lại phảng phất có nỗi khắc khoải của con người. Thẩm mỹ: chúng ta có quan niệm thẩm mỹ khác hẳn thời trước.

NGUYỄN SỸ TẾ: (cười) vẫn “đạo đức” quá đấy. Tôi muốn hỏi: nói “thơ bây giờ” là nói một trạng thái đã có hay một trạng thái phải tiến tới?

DOÃN QUỐC SỸ: Thơ bây giờ là một trạng thái đã có.

CUNG TRÂM TUƠNG: vừa là một trạng thái đã có vừa là một trạng thái phải tiến tới.

TÔ THÙY YÊN: Thơ bây giờ là một trạng thái đã có để rồi trở thành một trạng thái phải tiến tới, vì “tiến tới” bao giờ cũng thoát thai từ “đã có”.

NGUYỄN SỸ TẾ: (vẫn cười cười) Trở về thi ca là một trạng thái tư tưởng, tôi thấy những định nghĩa, mục đích, đức tính các anh nêu ra vẫn cao xa quá. Nói chuyện về “nhân vật tiểu thuyết” lần trước, sở dĩ tôi có nói tới một thứ văn chương ý thức là muốn nói: ý thức với chính mình trong từng khoảnh khắc nào chứ không phải một ý thức bao trùm, đặt định tất cả trong một lần về vũ trụ, nhân sinh, định mệnh v.v... Tôi đứng về thuyết của những thời (théorie des moments). Việc tổng hợp, hiểu theo nghĩa tổng hợp lịch sử, sẽ đến sau. Và do người khác hơn là chính mình.

DOÃN QUỐC SỸ: Tôi thấy ở thơ xưa, nhà thơ hoặc than khóc với định mệnh, hoặc tìm cách hòa giải với định mệnh, nhưng với tất cả vẻ lễ độ cố hữu. Thơ bây giờ đượm tính cách ngạo nghễ với định mệnh, luôn luôn “sừng cò” với định mệnh và lông lợn như một con ngựa bất kham.

LÊ HUY OANH: Tôi phát biểu theo quan niệm đọc thơ: thơ bây giờ có những hiện trạng khác thơ xưa tuy sứ mệnh vẫn giống nhau. Thi ca xưa phần nhiều dè dặt, hẹp hòi, bẽn lèn. Người thơ trước kia đa số chưa mấy ai có đủ can đảm đi sâu vào những miền xa lạ, những nơi mù mịt của thế giới rung động và thỏa mãn. Gần như hầu hết những nhà thơ trước vẫn bị những sợi giây, hoặc ngắn hoặc dài, giữ bước mạo hiểm của họ lại. Người thơ bây giờ đã muốn cắt đứt mọi sợi dây trời buộc. Họ muốn tới những miền xa lạ để tìm hoa thơm của quý, thu nhận rồi hiến dâng cho loài người những rung cảm say sưa chưa từng có, để tìm tòi thực chất của sự hiện hữu. Ngày nay chúng ta có danh từ Thơ Tự do. Ý nghĩa hai chữ Tự do đây có lẽ nhằm thái độ dứt bỏ những sợi dây trời buộc kia.

THANH TÂM TUYỀN: Sự phân biệt của chúng ta về thơ bây giờ, qua sự phân biệt về nội dung chứa đựng của thơ, rất cần thiết. Nhưng thơ còn là một hiện tượng ngôn ngữ. Thơ bây giờ là một sự xáo trộn ngôn ngữ. Ta phải ghi nhận công của phái Siêu thực Tây phương đối với ngôn ngữ. Khi tôi làm thơ, ngoài

mối ám ảnh chung về tư tưởng đức lý nói trên, còn theo đuổi một mối ám ảnh về ngôn ngữ. Có tài là kẻ sáng chế ngôn ngữ. Thắc mắc của tôi là thơ bây giờ có tạo được một ngôn ngữ mới không? Vấn đề này hoàn toàn có tính cách hình thức.

DOÃN QUỐC SỸ: Thơ bây giờ đã đạt tới cái tạo lại ngôn ngữ, như là cả một cuộc cách mạng về ngôn ngữ, đó là điều không ai chối cãi được.

NGUYỄN SỸ TẾ: Gạt ra ngoài thế giới hình ảnh, cảm xúc sẽ nói sau, tôi thấy nhận xét của anh DOÃN QUỐC SỸ đúng. Nếu các thi sĩ hiện đại chưa truyền tiếp sức lực huyền bí thì cũng đã đổi mới được một phần nào ngôn ngữ thi ca. Tôi thích thơ THANH TÂM TUYỀN vì thế.

DUY THANH: Nhà thơ độc đáo đều có một ngôn ngữ riêng. Chính là cái rung cảm trước thời đại biểu diễn qua lối nhìn bằng tiếng nói của hần.

TÔ THÙY YÊN: Bất cứ nhà thơ nào cũng xử dụng và đồng thời chối nhận ngôn ngữ, ngôn ngữ hiểu theo giá trị đối với những người viết văn. Sartre nói: *Le poète sert n'utilise pas les mots*. Chữ không phải là một ký hiệu nữa mà là một bản thể thi ca trọn vẹn, điều này ai cũng biết. Thành thử thơ không thể dịch được, dù dịch giả tài ba đến đâu. Thơ dịch là cái thầy ma của người sống, là bài thơ nguyên tác.

Sự mới mẻ độc đáo trong thơ trái với các bộ môn khác trong văn chương là không nằm trong đề tài (đề tài trong thơ thường khi rất thông thường và được coi như hằng cữu). Sự mới mẻ của thơ nằm ngay trong tình tiết của đề tài. Chính tình tiết đã mang đến cho bài thơ một âm thanh bất ngờ và mới mẻ. Người đọc thơ và người làm thơ đều thi sĩ mỗi người một cách. Bài thơ chỉ là một cơ gọi lên cho người đọc làm một bài thơ bên trong hần có khi bất trung (*infidèle*) với chính cái cơ ấy. Thành thử, thông thường người ta chỉ nhớ từng đoạn thơ một. Đoạn thơ ấy gọi lên cho người ta một bài thơ hình thành lấy một mình.

DOÃN QUỐC SỸ : Như vậy là nhắc đến nội dung và hình

thức thơ bây giờ. Đã đành qua những dị biệt về hình thức giữa thơ xưa và bây giờ, đào sâu bên dưới vẫn là cái đáy thất tình của nhân loại. Nhưng xét kỹ thì cái mới của hình thức vẫn nhuộm mới cả nội dung. Và phải nhuộm mới cả nội dung bài thơ mới thành đạt. Nếu chỉ được hình thức, nội dung vẫn bình dị vẫn chừng mực theo nề nếp cũ, thì chắc chắn các nhà thơ trong làng thơ bây giờ chỉ coi đó là một thứ quân Cao Biền dậy non, nếu không phải là giả ngụy. Xin đơn cử một thí dụ : Thanh Tâm Tuyền nói lên khát vọng rộng lớn khi đất nước chuyển mình trong xây dựng, lời mới, hình ảnh mới, nhịp điệu mới, tất cả hình thức mới đó tạo nên không khí một niềm vui mới, một niềm tin mới, tức là nội dung mới.

Đất nước ào ào vỗ nhịp
Triều biên chấp chùng
Hà-Nội Huế Sài-Gòn
Ôm nhau nức nở

Có mấy câu thơ này của Thanh Tâm Tuyền một lần đọc lên rồi nó cứ bám vào trí nhớ tôi mãi :

Vứt mẩu thuốc cuối cùng
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói lẫn mệt lả

Bên những âm điệu, hình ảnh trữ tình rất quyến rũ của đoạn thơ trên ta còn nhận thấy thái độ vẫn trẻ nãi đầy vẫn ngạo mạn đầy với định mệnh của nhà thơ. Tôi có cảm tưởng như cả khi nhà thơ nằm lẩn ra cỏ ngủ, định mệnh cũng e dè không dám bước qua. Hãy nghe lời nói ngây ngô sau đây nhưng cũng là tiếng cười vượt mọi kích thước, cười vào mũi định mệnh:

Có người cầm súng bắn vào đầu
Đạn nổ nhịp ba
Không chết.

Trong khi khai phá những miếng đất mới của thơ bây giờ nhà thơ đã biến thành những đứa con bất trị của định mệnh thời

đại.

THANH TÂM TUYỀN: Ở bài “Nỗi buồn trong thơ hôm nay” tôi cho là hình thức không quan trọng. Nhưng nghệ thuật diễn tả của thơ bây giờ cần phải nói đến vì nó có những hình thức khác biệt. Một số lớn các nhà thơ bây giờ nghi ngờ ngay cả ngôn ngữ họ phát biểu. Họ luôn luôn tìm đổi mới ngôn ngữ, nhưng thất bại. Vì thế mà có sự trống trải, vỡ nát của ngôn ngữ thơ. Người ta phá hủy ngôn ngữ. Không bằng lòng ngôn ngữ xưa, cũng không bằng lòng ngôn ngữ của cả chính mình. Đó là sự bất lực của nhà thơ trước ngôn ngữ của thơ.

CUNG TRÂM TUỞNG: Ngôn ngữ thời đại nào cũng có cái thần diệu riêng. Thời đại chúng ta có ngôn ngữ thần diệu của chúng ta. Chỉ là nhà thơ, ta chưa đạt được tới ngôn ngữ đó. Do đó mà có tình trạng bất lực như Thanh Tâm Tuyền nói. Ngôn ngữ không bất di bất dịch. Nó biến đổi theo tâm trạng thời đại. Mỗi thời đại có một tâm trạng riêng thì ngôn ngữ biểu hiện tâm trạng thời đại tất nhiên mang một sắc thái riêng.

THÁI TUẤN: Theo tôi ngôn ngữ cũng như màu sắc của hội họa. Thơ không sửa đổi hoàn toàn ngôn ngữ. Ta làm mới danh từ chứ không sửa đổi danh từ.

TÔ THUY YÊN: Ngôn ngữ trong bản thể là một gắng gượng như bất lực của con người chạy đuổi theo những sự kiện đã có rồi, là ký hiệu ghi chép những sự ấy, có thể gọi đó là những kinh nghiệm của đời sống. Thời đại chúng ta có một tâm trạng mới, tâm trạng đó đang thành hình và lẽ dĩ nhiên chưa phải là kinh nghiệm. Thành thử người làm thơ cảm thấy bất lực khi vẫn xử dụng ngôn ngữ để ghi chụp tâm trạng ấy. Cảm tưởng bất lực có thể xảy ra cho bất cứ một thi sĩ tiền chiến nào. Nhiệm vụ người làm thơ là bơm chất máu của sự sống thời đại vào ngôn ngữ có vẻ đã khô héo.

DOÃN QUỐC SỸ: Ôn cố tri tân. Trước đây sự tranh chấp giữa thơ cũ và thơ mới kéo dài từ 1917 đến 1936. Khi trong làng thơ mới đã có những bài thơ bất hủ ra đời thì cuộc tranh chấp hết lý do tồn tại và rồi người ta cũng chỉ muốn dùng một danh từ thơ để chỉ những bài thơ đã đạt được mức truyền cảm. Tôi

tin rằng từ “thơ mới” **cả** đến thơ tự do bây giờ rồi cũng đi đến bế mạc một chu kỳ. Ngày nay không còn là thời bế quan tỏa cảng của ông cha ta xưa. Chân trời văn nghệ mở rộng tiếp đón bát ngát và mỗi thế hệ qua những biến cố mới, mang trong lòng niềm khát vọng mới, luôn luôn đòi hỏi những tiếng nói, những kích thích mới thoát nghe có lạ tai nhưng rồi với sự thành đạt của những thi phẩm người ta sẽ nhận thấy khu vườn dân tộc có thêm hoa mới mà không lạ.

LÊ HUY OANH: Qua ngôn ngữ: tôi muốn nói đến thị hiếu người đọc thơ. Dầu sao việc sáng tác của nhà thơ cũng lệ thuộc một phần vào thị hiếu đó. Những người của thế hệ bây giờ vì thị hiếu thay đổi không còn hoàn toàn ưa thích ngôn ngữ các thế hệ cũ. Nhiệm vụ trọng yếu của thi sĩ hiện nay là tìm một ngôn ngữ mới làm thỏa mãn người đọc, phía người làm thơ, tâm trạng bây giờ phức tạp hơn trước. Vì vậy không thể dùng toàn ngôn ngữ cũ để diễn tả nữa.

NGUYỄN SỸ TẾ: Để kiện toàn ý kiến anh Lê Huy Oanh: nhà thơ thấy rõ sự bất lực của ngôn ngữ và của cả thi ca, nghệ thuật nữa. Điều này tố cáo rằng nghệ thuật ngày nay đòi hỏi tuyệt đối với các phương tiện cũ không được, thì người làm nghệ thuật khuấy động và phá vỡ những phương tiện cũ ấy.

THANH TÂM TUYỀN: Nói mỗi thời đại có một “tâm trạng riêng” như thế tĩnh quá. Phải nói: mỗi thời đại có một khát vọng của nó. Sự bất lực của thơ nói riêng, nghệ thuật nói chung là không đạt tới được khát vọng đó. Người thơ không thể tự mình đơn độc bơm cho ngôn ngữ một sức sống mới, như Tô Thùy Yên nghĩ. Chính lịch sử sẽ mang lại hay không cho ngôn ngữ sức sống đó. Nếu lịch sử thất bại không thực hiện được niềm khát vọng thi ca nói ra thì nghệ thuật chỉ là không tưởng, ngôn ngữ là những danh từ rỗng không.

ĐOÃN QUỐC SỸ: (cười) Như vậy chúng ta luôn luôn thất bại?

CUNG TRÂM TUỜNG: Nghệ thuật biểu hiện sự thất bại của con người (nhiều tiếng nói: đúng thế).

TÔ THUY YÊN: Bất cứ nghệ thuật một thời đại nào không riêng gì thời đại này đều vươn đến tuyệt đối. Đó là lẽ sống của nghệ thuật. Và lẽ dĩ nhiên thì ca một thời đại không thể làm bằng một thi sĩ.

NGUYỄN SỸ TẾ: Nghệ thuật thời nào cũng muốn vươn tới tuyệt đối. Nhưng ngày xưa, nếu không đạt được thì nhà thơ bằng lòng với kết quả nào đó và sống bằng ước lệ. Bây giờ khác. Không đạt được thì nhà thơ đập đồ hết. Hoặc bằng lòng trở lại những cái tầm thường nhất để dùng làm bàn đạp đòi hỏi tuyệt đối. Nghệ thuật ngày nay mang niềm ám ảnh của tuyệt đối. Tới khi bị dồn vào đường cùng của bất lực, nghệ thuật chỉ còn là sự im lặng hoặc thoát ra bằng hành động.

THANH TÂM TUYỀN: Tôi không công nhận chân lý tuyệt đối. Bởi vậy, tất cả những thời đại mà thơ có tính cách lý tưởng, con người muốn vươn tới khát vọng tuyệt đối chỉ là để bằng lòng với sự bất lực của mình. Cho nên nếu thế tại sao thơ bây giờ lại không từ chối khát vọng tuyệt đối để đi vào những sự thật tầm thường, bằng lòng với sự tan vỡ của ngôn ngữ, bắt chấp đến cả cái thần diệu của ngôn ngữ?

TÔ THUY YÊN: (ngắt lời) Thi ca trở về sự tầm thường là để ôm lấy sự tầm thường ấy để vươn tới một cái gì cao viễn hơn, người ta gọi đó là lý tưởng hay gì gì cũng được. Nếu nghệ thuật nằm trong sự tầm thường và chết trong đó, nghệ thuật dùng làm gì? Cuộc đời sẽ không cần dùng đến nó. Nghệ thuật theo tôi chỉ bắt đầu khi nào nó tự giải thoát khỏi đời sống đã làm bàn đạp cho nó.

THANH TÂM TUYỀN: Tiếp tục ý kiến của tôi cho tới tận cùng luận lý là: có thể bỏ cả thơ, cả nghệ thuật không thương tiếc, nếu tôi kiếm được phương tiện khác phương tiện nghệ thuật để thực hiện khát vọng của tôi.

LÊ HUY OANH: Không có vấn đề tuyệt đối cho thi ca. Rimband vì đòi hỏi tuyệt đối rút cuộc phải ly dị với thơ. Thơ phụng sự cho con người, và con người không phải là một tuyệt đối.

CUNG TRÀM TUỜNG: Đồng ý với anh Lê Huy Oanh.

TÔ THÙY YÊN: Rimband vì thất bại trong vườn tơi tuyệt đối đã bỏ làm thơ. Nhưng tôi nghĩ khát vọng tuyệt đối dù là thất bại – và lẽ dĩ nhiên phải như vậy - vẫn là cái đặc sản của con người.

(từ đây có thêm Trần Thanh Hiệp)

TRẦN THANH HIỆP: Nghe tóm tắt lại các ý kiến đã được trình bày tôi thấy chỉ mới có tiếng nói của những nhà thơ và những nhà phê bình. Bây giờ tôi muốn đứng trên cương vị của người bình thường muốn tìm hiểu thơ. Người đó có những thắc mắc về thơ hiện thời mà chúng ta gọi là thơ bây giờ. Thắc mắc đó có thể được đặt bằng nhiều câu hỏi. Tôi tạm nêu lên câu hỏi thứ nhất, nhưng dưới hình thức của một câu hỏi tự chúng ta đặt với chúng ta: tại sao phải đổi mới thơ?

THANH TÂM TUYỀN: Những ý kiến đã phát biểu chung nhau tóm quanh nhận định: mỗi thời đại có một ngôn ngữ thơ riêng, đã trả lời câu hỏi anh Trần Thanh Hiệp.

TRẦN THANH HIỆP: (lắc đầu) Nói như thế có phải chăng chúng ta cho rằng thơ trước đây không còn là ngôn ngữ thời đại này nữa? Điểm này cần phải xác định thêm nữa.

THÁI TUẤN: Đúng thế. Thơ trước không còn là ngôn ngữ thời đại này. Tôi không còn cảm được cái ngôn ngữ của thơ trước.

TRẦN THANH HIỆP: Tôi chưa hài lòng về giải thích của Thái Tuấn. Theo tôi phải kéo sát vấn đề về thơ Việt Nam, quy định thành thời kỳ. Tôi muốn nói đến thời kỳ từ sau Tân Đà đến 1945.

THANH TÂM TUYỀN: Hãy đứng ở bình diện thấp nhất mà trả lời: mỗi thời kỳ có một thị hiếu riêng. Mỗi thời đại bắt buộc phải có một thứ thơ riêng. Ngôn ngữ là phản biểu diễn của đời sống, và đời sống bây giờ không còn là đời sống ngày xưa. Lấy một chứng cứ cụ thể ở một nhà thơ được coi là bậc thầy ở đây:

Vũ Hoàng Chương. Tại sao ngôn ngữ thơ Vũ Hoàng Chương không còn là ngôn ngữ thơ bây giờ. Lý do: Ngôn ngữ là một phương tiện diễn tả, phát biểu đời sống mà nó cũng chính là đời sống. Khi ngôn ngữ không chứa đựng đời sống trong nó nữa, mà chỉ còn là một khí cụ, hình thức thuần túy thì nó chỉ còn là những ước lệ. Thơ Vũ Hoàng Chương bây giờ do đó chỉ là xử dụng khéo léo những xác chữ, mà đời sống đã đi mất. Ngôn ngữ ngày nay phải mang theo trong nó đời sống bây giờ. Bây giờ ta không còn tìm thấy bên Tâm Dương, người kỹ nữ, những âm dương nhật nguyệt v.v... Cho nên không có đời sống nâng đỡ, những xác chữ đẹp đến mấy cũng không làm rung động người ta được nữa. Từ đó, tôi đi đến kết luận: Thơ đi đến chỗ tiêu diệt khi nó phô hết ra phần hình thức.

LÊ HUY OANH: Ý kiến này có phần chủ quan, quá khích. Ngôn ngữ trong thơ của các thi sĩ tiền chiến như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử ... chưa hẳn đã hoàn toàn lỗi thời. Con người bây giờ vẫn có thể say mê với loại thơ ấy. Cũng không thể lấy Vũ Hoàng Chương làm tiêu biểu cho lớp nhà thơ tiền chiến. Hiện thời người ta vẫn gặp nhiều bài thơ giá trị mang ngôn ngữ thi ca tiền chiến. Và chẳng ngôn ngữ thi ca thời đó và bây giờ có nhiều chỗ còn giống nhau ...

THANH TÂM TUYỀN: (ngắt) Tôi cực lực phản đối ý kiến của nhà phê bình Lê Huy Oanh.

LÊ HUY OANH: Tiếp ý kiến trên, một thí dụ: thơ xuôi trong Phần Thông Vàng với thơ xuôi của một vài thi sĩ hiện nay. Phải chăng vẫn có nhiều điểm đồng tính? Ít nhất cũng đồng tính ở khởi điểm.

THANH TÂM TUYỀN: Không có điểm đồng tính nào hết. Tôi giải thích: tại sao bây giờ còn những người cảm được những bài thơ tiền chiến của Xuân Diệu, Huy Cận, một thứ ngôn ngữ tôi xếp vào loại ngôn ngữ đã chết rồi. Lý do giản dị là ở người đọc chứ không phải ở nhà thơ. Nhà thơ đã không vượt được thời đại mà người đọc thì đã sống lùi thời đại mình. Còn bảo rằng ngôn ngữ Xuân Diệu, Huy Cận hay bất cứ một nhà thơ nào thuở trước giống ngôn ngữ thời nay chỉ là vì đã quan niệm nhầm lẫn về ngôn ngữ thi ca. Không nên quan niệm

ngôn ngữ thi ca bằng những từ ngữ riêng rẽ. Nhà thơ nào cũng phải dùng những tiếng: em, anh, chúng ta v.v..., một số ngữ vựng chung không thể đặt những chữ mới. Nhưng cái chứa đựng của từ ngữ đã biến đổi theo toàn thể cơ cấu bài thơ, và ngôn ngữ thi ca là toàn thể cơ cấu đó. Cho nên nhà thơ ngày nay có thể dùng những chữ rất cổ, nhưng những chữ ấy đã có một đời sống mới trong thơ bây giờ.

LÊ HUY OANH: Tôi nói rằng ngôn ngữ thơ tiền chiến có những điểm giống ngôn ngữ thơ hôm nay, chứ không bảo là hoàn toàn giống nhau. Tiếp tục vấn đề, tôi muốn hỏi: Thanh Tâm Tuyền muốn nói đến thơ hôm nay hay một số thi sĩ hôm nay? Ở Việt Nam cũng như ở thế giới, các thi sĩ làm say mê rung động đâu phải chỉ là những người đã tạo ra ngôn ngữ hoàn toàn mới? Thơ ở Eluard, Lautréamont, Apollinaire có những chỗ vẫn còn phảng phất ngôn ngữ của Rimbaud, Mallarmé, Valéry. Kết luận, tôi có thể nói rằng thơ hôm nay vẫn có thể giữ lại một phần nào ngôn ngữ chưa quá xa xôi. Thí dụ ở Việt Nam: ngôn ngữ một số thi sĩ tiền chiến.

THANH TÂM TUYỀN: Tất cả các thi sĩ Pháp mà Lê Huy Oanh kể trên thực sự đều cùng một giọng thi ca. Người ta vẫn công nhận Rimbaud là mở đầu thơ Pháp bây giờ. Ở Việt Nam, thì không đúng. Các nhà thơ tiền chiến và các nhà thơ hôm nay là con đẻ của hai thời đại khác biệt hoàn toàn và lập thành hai giọng thơ đối chọi nhau. Ngôn ngữ cũng khác biệt hoàn toàn, không có một điểm giống nhau nào hết. Đó là lý do xuất hiện và tồn tại của thơ bây giờ.

LÊ HUY OANH: Không thể bảo được rằng Lautréamont, Eluard, Rimbaud, Mallarmé cùng một giọng. Không thể bảo các nhà thơ tượng trưng Pháp cùng giọng ngôn ngữ với các nhà thơ siêu thực Pháp. Các nhà thơ siêu thực có một ngôn ngữ riêng mà phải tượng trưng không có, nhưng họ biết điều hơn ở điểm họ vẫn công nhận thơ họ còn giữ lại một phần ngôn ngữ cũ. Ở Việt Nam ta cũng thế. Ngôn ngữ thơ Tô Thùy Yên đâu có hoàn toàn khác hẳn ngôn ngữ thơ tiền chiến. Một dẫn chứng khác là thơ Quách Thoại. Giọng thơ Quách Thoại nhiều khi trùng với giọng thơ tiền chiến.

TÔ THÙY YÊN: (cười) Tôi không thể minh chứng cho tôi, vì tự minh chứng, ngoài tác phẩm của mình, không thuộc thẩm quyền một tác giả.

THANH TÂM TUYỀN: Xin phát biểu về thơ Tô Thùy Yên. Tôi nghĩ đó là một thể giới trong cái vũ trụ chung của thơ bây giờ. Nó có những điểm chung và những nét riêng. Nét riêng tôi thấy ở thơ Tô Thùy Yên là nó có nhiều màu sắc của trí thức. Yếu tố đó làm cho ngôn ngữ thơ Yên người ta tưởng là cũ chứa đựng nhiều cái rất mới.

LÊ HUY OANH: Đồng ý thơ Tô Thùy Yên có nhiều điểm mới. Nhưng không phải là không sót lại nhiều điểm thơ tiền chiến.

THANH TÂM TUYỀN: Cần giải thích với những người còn cảm được thơ tiền chiến. Gạt ra ngoài những người sống lùi thời đại không cần phải nói tới, hẳn còn nhiều người sống liền với thời đại mình cảm được thơ bây giờ mà vẫn cảm được thơ tiền chiến. Vậy giải thích thế nào? Tôi cho là trong con người có một khuynh hướng bắt nguồn từ bản năng tự vệ khiến cho người ta vẫn luôn luôn, trong khi bước tới, có một tâm trạng luyến tiếc quá khứ. Như một người luôn luôn tiếc tuổi ấu thơ của mình và thường gọi lại trong những phút bất mãn với hiện tại. Nói thấp nữa thì sự rung cảm của người ta – như Lê Huy Oanh đã nói – “còn có những phần thấp kém của nó mà một người tiến bộ đến đâu cũng không gột sạch được”. Cho nên có những lúc người ta đã thích sống với cái phần thấp kém đó.

TRẦN THANH HIỆP: Sự nhận định của chúng ta về thơ mới (hay thơ tiền chiến theo danh từ Lê Huy Oanh) thật ra còn có thể kéo dài nữa nhưng tôi thấy có thể chấm dứt ở đây. Cho sự phê phán được công bình, nên nhắc lại: chúng ta phủ nhận giá trị loại thơ này là chúng ta đứng ở hiện tại mà phủ nhận. Mà tất nhiên là phải đứng ở hiện tại để phê phán. Đặt mình trở lại với thời đại của loại thơ đó, chúng ta vẫn có thể dành lại cho loại thơ đó một chỗ đứng. Nhưng vấn đề đặt ra không chỉ là sự phê bình loại thơ đó mà thôi. Mục đích chính là: chúng ta giải thích và thực hiện sự đổi mới thơ chúng ta. Việc xét lại giá trị thơ tiền chiến đối với chúng ta không cần thiết bằng việc chúng ta

cương quyết chê trách thái độ những người bây giờ còn khư khư ôm lấy quan niệm: thi ca chỉ là thơ tiền chiến. Sự sai lầm này đã làm trở ngại cho tiến hóa của thi ca Việt Nam, và chúng ta cần phải đập tan sự phản động đó. Việc làm này không vì mục đích thỏa mãn tự ái cá nhân mà vì tiền đồ thi ca đất nước. Vì sao? Thời đại đã thay đổi. Nói rõ hơn, chúng ta đã được đặt vào những thí nghiệm mới của sự sống. Con người chúng ta đã lớn lao hơn xưa vì chúng ta đã có thân phận mới, điều kiện mới, và trách nhiệm mới. Sự biến đổi này phải ảnh hưởng tới thi ca như thế nào? Tôi cho rằng: thơ tiền chiến là đứa con út của mấy trường thơ Lãng mạn, Thơ sơn, Tượng trưng Pháp, mà ngày nay đã hết thời, chính ở Pháp. Đứa con út này sinh ra chưa được lớn trên đất nước chúng ta thì chết yểu vì đất nước chúng ta đã đổi mới, con người chúng ta đã đổi mới. Ý kiến này của chúng tôi không có gì quá khích vì chính những người đề ra thơ tiền chiến đã hơn một lần từ khước nó. Xây đắp một nền thi ca Việt Nam hiện nay không phải là chúng ta sẽ làm một công việc từ thiện phục sinh cho đứa con chết yểu đó. Tôi mượn một hình ảnh cụ thể để hình dung hành trình của những người thơ hôm nay. Chúng ta đã rời bỏ một bờ sông rải rác những cây ma lẳng mạn, tượng trưng quá khứ, bước qua chiếc cầu siêu thực, chặt gãy cầu đề sang hần bờ của thơ bây giờ. Xứ sở của thơ này ra sao? Chúng ta sẽ xây dựng.

THANH TÂM TUYỀN: Thơ bây giờ không phân biệt với thơ xưa bởi số câu số chữ. Người ta đã rất ấu trĩ khi nói rằng trong ca dao, trong thơ cổ, trong Tân Đà, Thế Lữ đã có thơ tự do. Sự thực thì hình thức phá vỡ của bây giờ cũng chính là nội dung. Tôi muốn nhận định về một tình trạng mới xảy ra ít lâu nay trong thơ chúng ta: nhiều nhà thơ bây giờ có khuynh hướng hồi sinh lại thể lục bát. Tôi thấy lục bát bây giờ khác hẳn lục bát của ca dao, của Nguyễn Du, của Huy Cận. Muốn hỏi ý kiến vấn đề này với anh Cung Trầm Tưởng. Vì nếu tôi không lầm anh sửa soạn cho in một tập thơ lục bát bây giờ.

CUNG TRẦM TƯỚNG: Thể lục bát, một thể thơ thuần túy Việt Nam vẫn còn có thể diễn đạt được khát vọng của người thơ hôm nay. Ngôn ngữ thơ bây giờ vẫn có thể biểu hiện qua thể lục bát mà không bị cưỡng ép và rơi vào cạm bẫy thơ lục bát thời trước.

DUY THANH: Tôi hy vọng thể thơ lục bát có thể hay và mới được. Giả dĩ nó lại có chất “dân tộc tính” Việt Nam.

THANH TÂM TUYỀN: Tôi muốn hỏi ý kiến về vấn đề lục bát vì muốn biết đó có phải là sự hóa thân thực sự cho một thể thơ đã có mấy nghìn năm hay chỉ là những giây phút mệt mỏi chán chường vì sự ngậm nhấm của mỗi bất lực ngôn ngữ chúng ta đã nói ở trên, mà những nhà thơ làm thơ lục bát bây giờ tìm về một chốn nghỉ ngơi tạm thời? Chính nhiều lúc tôi có tâm trạng này.

TÔ THÙY YÊN: Đôi khi tôi cũng làm thơ lục bát và thơ đều chữ. Nhưng khi làm những bài thơ như vậy tôi không nghĩ là làm thơ lục bát hay thơ đều chữ, mà là làm thơ bây giờ. Sự mới mẻ trong thơ không phải là số chữ, số câu mà chính là trong tâm tư bài thơ ấy. Niêm luật thường là chỗ ẩn tránh mờ ám của những thi sĩ bất tài nối liền những vần bằng phẳng không tạo được cho bài thơ một tiết điệu riêng. Bất cứ với một thể thơ nào, người làm thơ cũng phải tạo cho bài thơ một tiết điệu thích hợp với tâm tư của nó. Ví dụ câu thơ này của Hồ Xuân Hương:

Một đèo, một đèo, lại một đèo.

Và tất cả giá trị âm thanh của câu thơ này là đã đi liền một cách khéo léo với hình ảnh.

CUNG TRẦM TƯỜNG: Trả lời thắc mắc của anh Thanh Tâm Tuyền: Tôi không hề bao giờ thấy làm lục bát là một sự nghỉ ngơi dễ dãi. Trái lại đó là một khai phá khó nhọc những chân trời mới là mà tôi tin thơ lục bát còn chứa đựng.

TRẦN THANH HIỆP: Ý vừa phát biểu của Cung Trầm Tường làm tôi nhớ đến một ám ảnh riêng: tôi vẫn luôn luôn thắc mắc về điểm làm sao cho những sáng tác mới về nghệ thuật của chúng ta được tiếp nhận như một sáng tác dân tộc. Điểm này chúng ta sẽ phải nói đến kỹ hơn trong một dịp khác. Tiếp tục nói về thơ bây giờ, tôi muốn nêu lên những tính chất đã có, hoặc tôi ao ước có. Thơ bây giờ có tính chất cách mạng nghệ thuật. Cách mạng vì thơ bây giờ biểu hiện một cuộc chiến đấu dũng cảm quyết liệt đối với tất cả những gì mà thơ bây giờ cho

là những trở lực đối với cuộc sống. Có thể là sự khe khắt của số mệnh con người. Có thể là tinh-thần trí tuệ, ngưng đọng ngăn trở mọi sáng tạo. Thu hẹp trong phạm vi thơ. Thơ bây giờ tận diệt xu hướng tôn thờ những công thức, những tình cảm khuôn sáo mà mất tính chất đột khởi của thơ. Đó là những thành lũy mà thơ bây giờ cương quyết phá tan. Mặt khác, thơ bây giờ không chỉ chú trọng về phá hủy. Thơ bây giờ đã chứng tỏ khả năng xây dựng của nó. Điều người đọc thấy ngỡ ngàng trước thơ bây giờ là sự gặp gỡ đột ngột với một cái gì mới lạ: Ở cả hình thức lẫn nội dung. Thơ bây giờ cũng không phải là thơ siêu thực như nhiều người thường gán nhãn hiệu này cho nó. Thơ bây giờ mang nặng tính chất hiện tại. Người làm thơ bây giờ nhất định đứng giữa cuộc đời, nhận lấy cuộc sống với tất cả mọi xấu, đẹp của cuộc sống. Người làm thơ bây giờ không cố tìm lấy một thể giới thần tiên nào khác cuộc đời để ẩn náu vào đó với tất cả những thứ gì cho sự yên ổn mà tôi tạm gọi là những tiện nghi trong nghệ thuật (như tiện nghi đi xe hơi, ở phòng lạnh, ngoài đời). Điều làm cho thơ bây giờ đặc biệt nhất là: thơ bây giờ là một loại “thơ có ý thức”. Người làm thơ nhìn thấu suốt tâm hồn mình không hồ nghi, mà biết đích xác vì sao mình đã rung cảm. Người làm thơ bây giờ hiểu rõ bởi đâu mình đau khổ, sung sướng, và nói ra, khác những người thơ thuở trước mà thơ chỉ là những tiếng kêu than người đọc không tìm thấy nguyên do.

Sau hết thơ bây giờ có tính chất toàn diện. Nó thực sự là tiếng nói của một người – không phải là tiếng nói một cá nhân (tôi) hay một thứ phi nhân (ta) - để con người sống đầy đủ, củng cố địa vị mình trong đời sống, đòi hỏi cho mình một tự do tuyệt đối, một địa vị tối thượng đối với chính mình. Cho nên thơ bây giờ vừa trữ tình, vừa suy luận, vừa chiến đấu, vừa rung cảm. Người ta bắt gặp qua thơ bây giờ một sự đổi mới tâm hồn, một sự trở lại của con người sau khi đã phá vỡ mọi tù ngục, đứng hiên ngang giữa cuộc sống. Những tính chất vừa kể trên đã làm cho thơ bây giờ xa lạ phần nào với người đọc. Tôi nêu lên những tính chất ấy để sáng tỏ một lần nữa người ta cho thơ bây giờ bí hiểm.

LÊ HUY OANH: Những quan niệm sáng tạo anh Trần Thanh Hiệp nêu lên rất đẹp đẽ. Nhưng tôi nghĩ chúng ta cũng cần

kiểm điểm xem các nhà thơ hôm nay tại Việt Nam đã thực hiện được những gì qua quan điểm lý thuyết của mình?

TRẦN THANH HIỆP: Để trả lời, tôi muốn rất dè dặt. Một điều không ai phủ nhận được là bằng ít nhiều tác phẩm, những người làm thơ hôm nay đã đặt định được sự hiện diện của mình, và đạo quân ngôn ngữ thơ bây giờ đang đẩy lui tàn quân ngôn ngữ cũ. Nếu không quá khe khắt thì cũng có thể cho rằng đó là một thành tích của thơ bây giờ.

THANH TÂM TUYỀN: Lúc này không phải lúc kiểm điểm thành tích thơ bây giờ. Những nhà thơ bây giờ đều nhận một điều là mình còn rất trẻ và con đường mình đi đã có hướng vạch ra nhưng sự thật chưa có gì chắc chắn hết. Tội cho đó là điểm độc đáo của thơ bây giờ. Những nhà thơ chắc cũng còn thay đổi rất nhiều như thơ của họ và tôi mong muốn như vậy. Nhưng ít nhất cũng đã có thể nói: thế giới từng người đang vẽ những nét đầu tiên và chưa phải là những nét cuối cùng. Không phủ nhận sự thành hình của thơ bây giờ nhưng cũng đừng đóng khung sẵn cho nó. Thơ bây giờ đã tạo được một điểm khởi hành tốt đẹp cho những thế hệ nhà thơ mai sau của chúng ta. Người thơ bây giờ có thể chỉ làm được những thí nghiệm Nghệ thuật họ là những thí nghiệm, nhưng là thí nghiệm cần thiết phải có cho lớp nhà thơ sắp tới. Đó cũng là một điểm đáng ghi nhận nữa.

LÊ HUY OANH: Có nhiều người nói họ chưa bằng lòng với thơ hôm nay; họ cho rằng thơ bây giờ có những điểm lập dị và hình thức không đạt tới mức truyền cảm. Có đúng thế không? Cũng có người cho thơ bây giờ của chúng ta chịu ảnh hưởng không ít thì nhiều của thơ Tây Phương. Ảnh hưởng đó có không?

DUY THANH: Trả lời: Linh hồn thời đại bốc lên từ cuộc sống như một hồn thơ bay trên không trung. Những tâm hồn lớn, những nhà thơ lớn ở những phương trời khác nhau nhưng còn một ý thức trước đời sống đều chụp bắt được linh hồn đó, hồn thơ đó và gặp nhau ở sự chụp bắt đó. Ở những kẻ vô tài là ở sự theo đuôi và chịu ảnh hưởng vô ý thức. Ở tài năng là những điểm đồng nhất của một ý thức sống và lối nhìn ngắm đời sống

và biểu hiện thành tác phẩm có thể có những trường hợp bất ngờ nhưng không đồng chất. Nhận định này có chung cho cả các ngành nghệ thuật khác.

TÔ THUY YÊN: Thơ bây giờ có lập dị hay không tưởng nên để dành hoàn toàn cho người đọc. Riêng tôi, khi làm thơ không bao giờ có ý muốn lập dị hết. Đọc thơ Thanh Tâm Tuyền tôi cũng thấy Tuyền không lập dị chút nào. Tôi thấy hình thức thơ Thanh Tâm Tuyền có đầy đủ sức truyền cảm những gì anh muốn nói.

DUY THANH: Tôi thường nói chuyện với anh Thái Tuấn rằng muốn làm nghệ thuật ít ra phải nắm được cái chất của nghệ thuật. (Mà phải là thứ nghệ thuật bây giờ, thứ nghệ thuật tiêu biểu của thời đại mình). Chẳng hạn làm thơ anh cần phải có cái thứ tôi gọi là *esprit poétique* trong người anh mới diễn thành thơ gọi là thơ được. Nếu không bài thơ chỉ có giá trị một sự rỗng tuếch. Điều đó tôi suy từ bộ môn hội họa. Tại sao có nhiều họa sĩ cầm bút vẽ, học đủ các thứ lý thuyết rồi đến lúc tác phẩm lại không đi đến đâu cả. Chính là họ chưa nắm được tinh thần đó. Tôi và Thái Tuấn đã đồng ý với nhau, sở dĩ có những kẻ làm nghệ thuật một cách đáng buồn như thế là vì con người họ sinh ra không phải để làm nghệ thuật. Họ không đi đúng đường, đáng lý có thể làm bất cứ một nghề nào khác. Vì vậy tôi thương hại những người làm thơ chỉ biết ghép những chữ tưởng là thơ và cứ thế lải nhải với những ý tưởng cũ rích của họ. Những người đó không bao giờ nắm được ý thức của thơ bây giờ, của nghệ thuật bây giờ. Những điều này tôi nói để trả lời một phần thắc mắc về “thái độ thiên hạ” của anh Lê Huy Oanh.

THANH TÂM TUYỀN: Tôi tưởng nên cắt đứt vấn đề này. Một giả vấn đề che đậy những thiên kiến của những tâm hồn nông cạn. Hỏi rằng thơ bây giờ có lập dị hay không? Giả thiết tận cùng lý luận, nếu lập dị mà vẫn cảm được thì sao không nhận cái lập dị ấy? (cười) Nhưng nói thế tôi không bảo thơ bây giờ lập dị. Và lại vấn đề rung cảm còn phải đặt với thời đại của nó. Điều này hy vọng sẽ thành một buổi nói khác.

TÔ THUY YÊN: Người làm nghệ thuật là người lập dị được

một cách tự nhiên. Có lẽ sự tự nhiên này đã không cho tôi nhìn thấy tôi lập dị nếu quả có thực như vậy (cười).

DOÃN QUỐC SỸ: Tôi nghĩ tốt hơn hết là các nhà thơ của chúng ta cứ sáng tác đi, đem lại những vần thơ gọi cảm thật. Còn việc hiểu hay không hiểu, ưa hay không ưa thuộc chủ quan độc giả. Sự kiện này vốn là một sự kiện muôn đời giữa tác giả và độc giả.

DUY THANH: (cười) Tôi tưởng nên nói rõ để độc giả phân biệt những thi sĩ hôm nay với những thi sĩ vẫn đang làm thơ hiện thời mà đã thuộc về quá khứ, giọng thơ quá khứ, ngôn ngữ quá khứ.

CUNG TRÂM TUƠNG: Điểm khác biệt rõ ràng là rung cảm về thơ trước thiếu cái say sưa mà người ta thấy trong rung cảm về thơ bây giờ.

TRẦN THANH HIỆP: Thanh Tâm Tuyền ở trên có nhắc đến trường hợp Vũ Hoàng Chương. Tôi muốn thêm rằng trường hợp Vũ Hoàng Chương không phải là một trường hợp duy nhất. Đó là trường hợp thường gặp ở bất cứ một lịch sử thi ca nào. Tôi mở một dấu ngoặc: Vũ Hoàng Chương theo tôi là người duy nhất ở đây, trong lúc này, đầy đủ điều kiện để đại diện cho phái thi sơn (école parnassienne). Đó là trường hợp của sự tàn tạ một trường phái thi ca mà rung cảm đã bị cản cỗi. Lấy thí dụ ở lịch sử thi ca Pháp: trường phái thơ lãng mạn đã quá mệt mỏi thời thơ chỉ còn biết chạy trốn vào những rung cảm ước lệ. Thơ tượng trưng khi mệt mỏi trở thành huyền bí vô nghĩa. Để phản ứng lại sự suy tàn này chúng ta thấy sự xuất hiện ngỗ ngược của các trường phái *dada*, siêu thực. Nói về thơ bây giờ của chúng ta và thơ tiền chiến, tôi liên tưởng tới trường hợp trên của thơ Pháp. Sự nhận định của tôi về thơ tiền chiến có thể tóm tắt như sau: Chúng ta chối bỏ loại thơ tiền chiến là vì thơ này dù dưới hình thức nào cũng chỉ là sản phẩm của một thứ “tình cảm chủ nghĩa”. Chúng ta không thể tiếp tục nghe sự kể lể của những con người “cá nhân” đơn độc sâu mộng hoặc chạy trốn cuộc sống hoặc ngược lại tin tưởng một cách thơ ngây vào cuộc sống. Từ bây giờ đến nay đã biết bao nhiêu biến cố trọng đại đã xảy ra, biết bao nhiêu người đã đau

khô đã chết đi để chúng ta lớn mạnh, để sự giác ngộ của chúng ta về sự sống thêm sâu sắc. Nghệ thuật của chúng ta hôm nay không còn là những rung động của tình cảm thuần túy mà là những vận động của ý thức thực hiện sự sống, bởi vậy nó phải chối bỏ những hình thức thấp kém của quá khứ để thoát xác. Thế mà lại còn muốn chúng ta phải chấp nhận như khuôn vàng thước ngọc cả thứ thơ hiện nay của những người làm thơ mà sự mơ ước đáng thương chỉ là tới bằng được thơ tiền chiến. Một thứ thơ vất vưởng như những cô hồn lang thang bên lề cuộc sống. Thật là tủi hổ cho những người đã chết để làm lịch sử cho chúng ta.

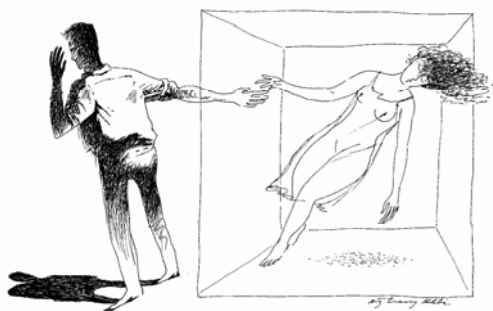
TÔ THÙY YÊN: Ngôn ngữ thơ một thời đại chứa đựng sự sống thời đại đó, nhưng tôi nghĩ nó phải được nâng lên hàng trường cửu và nhân loại. Khi đã được nâng lên hàng ấy, ngôn ngữ có chết đi người thơ vẫn hiện ra rành rành trong đời sống mai sau. Như trường hợp Homère, ngày nay có lẽ không còn mấy ai đọc nguyên tác thi sĩ này. Nếu tôi không cảm được các thi sĩ tiền chiến bằng Nguyễn Du chẳng hạn là vì những thi sĩ ấy đã đi qua với đời sống thời đại họ mà không nâng được nó lên hàng trường cửu và nhân loại. Thành thử vấn đề chúng ta nói chuyện ở trên còn là sự cao lớn của một tác giả chứ không phải chỉ là vấn đề ngôn ngữ.

THANH TÂM TUYỀN: (khi mọi người sửa soạn đứng dậy) Lúc này tôi có nói đến sự bất lực của thi ca vì nó chỉ là hành động thực hiện khát vọng một cách trừu tượng. Cho nên người ta có thể từ chối thơ để đi vào hành động. Những người hành động thường coi khinh lũ thi nhân là một thứ mơ tưởng hão huyền làm cho ngay chính người làm thơ có cái mặc cảm bất lực vì ngôn ngữ không nói hết được những điều hẩn muốn. Tôi đặt lộn ngược trở lại, là có lẽ phải gieo cho những người hành động một mặc cảm phạm tội là họ đã không thực hiện được bằng hành động ước muốn của thi ca. Tôi cho rằng như thế thì lý do tồn tại của thi ca ở điểm: nó là một hành động hoàn hảo nhất không hề bị sứt mẻ của con người. Chính những người không phải là thi nhân đã muốn giết dần mòn thi ca bởi sự bất lực trong địa hạt hoạt động của họ. Kết luận: Chúng ta có thể nói thơ sẽ còn lại mãi mãi để nhắc nhở cho thời đại, cho lịch sử, cho những người đang sống và những người kế tiếp rằng

hành động của họ chưa đạt tới cái đích của thi ca **phóng** ra. Vì thế mà bây giờ chúng ta làm thơ, vì thế mà có thơ bây giờ của chúng ta. (1960)

*(trích **Thảo Luận Sáng Tạo**, Sáng Tạo xuất bản tại Saigon năm 1965)*

TQBT thành thật cảm ơn một thân hữu ẩn danh ở Canada đã bỏ công đánh máy dùm bài này.



Khoảng cách – Tranh Nguyễn Trọng Khôi

GIỚI THIỆU NGƯỜI VIẾT THUỘC THỂ HỆ THỨ HAI

Lời tòa soạn:

TQBT số 44 đã giới thiệu hai nhà văn nữ thuộc thể hệ thứ hai. Một là Kim Thúy, nhà văn viết tiếng Pháp và một là Angie Châu, nhà văn viết tiếng Anh. Ngày 25 tháng 11 vừa qua, nhà văn Kim Thúy được trao tặng Giải Văn Chương của Toàn Quyền, giải văn chương cao nhất nước Canada.

Kỳ này, chúng tôi giới thiệu nhà văn Monique Trương qua bài đọc của Nguyễn thị Hải Hà : Bitter in the Mouth (Vị Đắng).

Trước hết là tin vui :

Nhà văn nữ Kim Thúy đoạt giải văn chương toàn quốc ở Canada

Montréal, Canada. Cô Kim Thúy, tác giả cuốn tiểu thuyết đầu tay RU viết bằng tiếng Pháp đã được trao giải văn chương cao nhất nước Canada do Hội đồng Nghệ thuật Canada trao tặng, tên gọi là Giải Văn chương của Toàn Quyền (The Governor General's Literary Awards). Cả hai nhà văn đoạt giải về tiểu thuyết đều là phụ nữ, tác giả viết bằng tiếng Anh là bà Dianne Warren, ở Regina, tỉnh bang Saskatchewan, với cuốn Cool Water. Bà Warren đã viết nhiều truyện ngắn và kịch trước khi viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên này. Mười bốn người đoạt giải sẽ được Toàn quyền Canada tuyên dương trong một lễ trao giả vào tối ngày Thứ Năm 25, tháng Mười Một, 2010 ở thủ đô Ottawa. Toàn quyền David Johnston đóng vai quốc trưởng Canada, đại diện cho Nữ Hoàng Elizabeth II. Mỗi người đoạt giả sẽ được tặng 25,000 đô la Canada, nhà xuất bản cũng được tặng 3000 đô la. Sau khi được tin đoạt giải, Kim Thúy đã khiêm tốn trả lời nhật báo Montreal Gazette rằng: “Chắc hội đồng tuyển chọn họ trao giải cho tôi vì họ muốn cho mọi người phải tin là trên đời cũng có phép lạ đây!”

Cuốn tiểu thuyết RU của Kim Thúy kể chuyện một thiếu nữ Việt Nam sinh vào năm 1968, cùng gia đình vượt biển qua Mã

Lai rồi tới định cư tại tỉnh bang Québec, Canada vào lúc cô bé lên 10 tuổi. Tiểu thuyết mang tên Ru, bằng tiếng Việt, tên này đã được tác giả giải thích, vừa là một động từ, vừa là một danh từ chỉ những bài hát ru con. Trong tiếng Pháp, Ru có nghĩa là dòng suối nhỏ.

Tập sách mỏng dưới 150 trang này do nhà xuất bản Libre Expression ở Montréal, Canada in năm 2009, mới ra đời đã nổi tiếng ngay và được trao giải Grand Prix RTL-Lire trong cuộc triển lãm Salon du livre de Paris năm qua. Một nhà xuất bản Pháp Liana Levi đang in lại tại Pháp thì Ru đã được nhiều nhà xuất bản nước khác mua quyền dịch tác phẩm, sang tiếng Ý, Tây Ban Nha, Đức, Thụy Điển, v.v. Bản tiếng Anh sẽ được nhà xuất bản Knoff ấn hành vào năm 2012. Trong một cuộc nói chuyện với ký giả nhật báo Người Việt, Kim Thúy cho biết cô chưa có ý định “dịch” lại tác phẩm này sang ngôn ngữ Việt Nam; vì tuy cô nói tiếng Việt thông thạo nhưng tự thấy mình chưa hiểu thấu đáo những chất tinh tế trong tiếng Mẹ đẻ của mình.

Kim Thúy là con gái đầu lòng của một giáo sư triết học và cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Mẹ cô thuộc một gia đình vọng tộc ở Sài Gòn, ông ngoại đã từng làm phó đô trưởng thủ đô của miền Nam trong thời Đệ nhất Cộng Hoà.

Ru có nhiều nét giống cuộc đời thật của tác giả, nhưng vẫn là một cuốn tiểu thuyết chứ không phải tự truyện. Gia đình cô đã vượt biên sau 3 năm sống dưới chế độ cộng sản ở Sài Gòn. Khi tới Canada, mọi người đều phải bắt đầu bằng những việc lao động từ lau nhà đến rửa chén trong tiệm ăn. Kim Thúy đã theo học các trường nói tiếng Pháp như con cái của các di dân khác, theo đạo luật 101 nhằm bảo vệ văn hóa và ngôn ngữ của đa số dân tỉnh Québec. Cô đã học Luật tại Đại học Montréal, cũng như hai người em trai. Sau đó cô còn tốt nghiệp về dịch thuật tại đại học này.

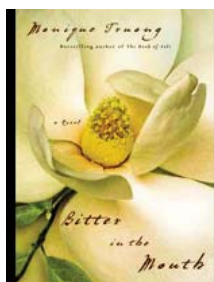
Sau khi ra trường, Kim Thúy đã làm nghề thông dịch cho một công ty quốc tế tại Canada, và có nhiều kinh nghiệm về cuộc đời chung quanh. Có những cô gái Việt Nam bị đánh lừa sang

Mỹ làm việc như nô lệ, tìm cách trốn rồi gặp cảnh sát để xin giúp đỡ. Một lần Kim Thúy đã thông dịch qua điện thoại cho cảnh sát New York và một cô gái Việt đi lạc. Cô gái này được người ta đưa sang Mỹ để làm việc trong gia đình mà chính cô ta không biết địa chỉ nhà mình đang ở là chỗ nào, không biết dùng điện thoại ra sao.

Trong thời gian hành nghề luật sư và làm cho một văn phòng do ông Marc Lalonde đứng đầu; Kim Thúy đã có dịp sang Việt Nam làm việc ở Hà Nội. Ông Lalonde từng giữ nhiều chức bộ trưởng Y tế, Xã hội, Tư pháp và Tài chính trong các chính phủ Canada; văn phòng luật của ông nhận hợp đồng của chính phủ Canada làm cố vấn về cải tổ hệ thống pháp luật cho chính quyền Hà Nội. Sau hai năm, người chồng của cô, một luật sư người Quebec, cũng sang làm việc ở Sài Gòn cho một công ty Anh quốc, Kim Thúy đã vào Nam sống với chồng thêm 2 năm nữa trước khi đổi sang Thái Lan. Chính trong thời gian ở Việt Nam này, Kim Thúy đã có cơ hội hiểu thêm về con người và đất nước của cha mẹ, ông bà. Kim Thúy nói, nếu không có những kinh nghiệm sống đó, chắc cô đã không viết về câu chuyện kể trong tiểu thuyết RU. Cô Kim Thúy đang sống ở thành phố Longeuil, ngoại ô Montreal với chồng và hai con.

Đọc Bitter in the Mouth (*Vị Đắng*) của Monique Trương

Nguyễn Thị Hải Hà đọc



Monique Trương sinh năm 1968, Sài Gòn. Năm 1975 cô rời Việt Nam sang Hoa Kỳ. Trước khi xuất bản *Bitter in the Mouth* (tạm dịch là *Vị Đắng*); cô đã xuất bản *The Book of Salt* (*Sách Muối*) năm 2003. *Sách Muối* nằm trong danh sách bán chạy nhất của The New York Times và được trao giải thưởng New York Public Library Young Lions cùng với nhiều giải thưởng khác.

Monique Trương cùng với hai tác giả khác biên soạn tuyển tập ***Watermark: An Anthology of Vietnamese American Poetry & Prose*** (Asian American Writers' Workshop, 1998). Cô cộng tác với the New York Times, the Times of London, Gourmet, và nhiều tạp chí khác. Monique Trương được giải thưởng PEN/Robert Bingham, Princeton University, và Guggenheim (2010) hỗ trợ tài chánh trong việc sáng tác và được mời tham gia những cơ sở văn hóa phát huy sáng tác như Lannan Foundation, Yaddo, và The MacDowell Colony.

Bên cạnh viết văn, Monique Trương là luật sư chuyên về ngành tư hữu tri thức (intellectual property), hiện đang cư ngụ ở Brooklyn, New York.

Độc giả quen thuộc với các phim *Steel Magnolias* và *Waiting to Exhale* có thể tin rằng phụ nữ sống ở các tiểu bang miền Nam Hoa Kỳ, da trắng cũng như da màu, luôn được những người phụ nữ, bạn bè và láng giềng, hỗ trợ để đương đầu với nghịch cảnh. Trong *Vị Đắng*, Monique Trương đưa ra một tình huống ngược lại. Linda Hammerick và tất cả các nhân vật nữ đều mang một tâm trạng cô đơn không thể chia sẻ hay thổ lộ. Cùng ở trong một gia đình, liên hệ giữa các nhân vật nữ bên cạnh tình thân còn có ác cảm ngầm. Nỗi ác cảm này to lớn đến độ DeAnne không muốn có con vì sợ tình mẹ con sẽ giống như tình cảm của bà với mẹ. Monique Trương dùng một chuyện cổ tích làm ẩn dụ. Bạch Tuyết (trong Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn) đã vô tình ăn phải quả táo tẩm độc được do bà mẹ kẻ giả dạng bà lão mang tặng. Thử tưởng tượng nỗi đau của Linda Hammerick khi lớn lên với ý nghĩ DeAnne dần dần đưa cô vào chỗ nguy hiểm?

Linda mang một chứng bệnh lạ. Mỗi chữ cô nghe tạo ra mùi vị trên lưỡi cô. Âm thanh và vị giác tràn ngập hỗn độn ngăn chặn sự tiếp thu chữ nghĩa của cô. Chữ mẹ có mùi sữa chocolate. Cái tên Wade của người bạn trai đầu đời có mùi thơm ngọt của nước đá cam. Linda nhận chìm các thứ mùi vị này bằng thuốc

lá, ba gói một ngày. Tình dục và rượu cũng có thể trấn áp những cơn sóng mũi vị này tạm thời. Trở nên học sinh giỏi nhất trường, sau khi tốt nghiệp trung học, Linda rời Boiling Springs, nơi cô ở là một thành phố rất nhỏ chỉ hơn 3,000 người (theo con số năm 2000), đi học ngành luật ở Yale thuộc tiểu bang Connecticut. Trước khi chết, Iris, bà ngoại của Linda và là người không bao giờ nói dối, tiết lộ bí mật cuộc đời của Linda. Cái bí mật mà bà cho rằng có thể làm Linda vỡ làm đôi.

Đây không phải là bí mật duy nhất của Linda. tất cả những người chung quanh Linda đều có những bí mật của riêng họ. Xã hội của một thành phố nhỏ ở miền Nam Hoa Kỳ, có cuộc sống khép kín, gò bó, và nghiêm khắc. Dưới bề mặt lạnh lẽo hiền hòa là những gia đình kém hạnh phúc đang ở bên bờ vực tan rã. Những cuộc ngoại tình, những bào thai hoang, những người đồng tính luyến ái là những chuyện không bao giờ thổ lộ. Có những bí mật chủ nhân cố dấu nhưng cả thành phố nhỏ đều biết vì người ta rỉ tai nhau. Cái bí mật về cuộc đời của Linda ai cũng biết, trừ Linda, nhưng mọi người đều cố tình không nói cho cô biết, ngoại trừ bà ngoại của cô và bà chỉ nói trước khi bà sắp chết. Linda còn có một bí mật nữa chỉ có Kelly (bạn thân), DeAnne, và Bobby (anh họ của Kelly và là người DeAnne thuê cắt cỏ) biết. Biết được cái bí mật này độc giả sẽ hiểu cái hằn học của Linda với mẹ. Sự hằn học thoát tiên có vẻ như thái độ chống đối hỗn láo của một cô gái con nhà giàu được nuông chiều. Chỉ sau khi Monique Trương vén màn bí mật độc giả sẽ thấy thâm thía với giọng văn trầm mặc của tác giả. Monique Trương xây dựng cấu trúc rất chặt chẽ khai mở những bí mật bị kịch của gia đình và xã hội rất đúng lúc hoàn toàn thu hút người đọc cho đến khi chấm dứt.

Sau khi mọi bí mật được phơi bày chúng ta sẽ thấy nhân vật của Monique Trương khoan dung hơn chúng ta nghĩ. *“DeAnne Whatley Hammerick (DWH) và tôi rồi cũng nhận ra rằng chúng tôi đã bắt đầu một tiến trình phức tạp, thực hiện một điều mà hầu hết mọi người, đặc biệt là mẹ và con gái, dường như không thể nào làm được. Chúng tôi tha thứ cho nhau về bản chất của chúng tôi, về việc chúng tôi đã bước vào cuộc đời này như thế nào, và về những điều chúng tôi đã thay đổi hay không thay đổi.”* Hành động của DeAnne không phải là hành động tốt nhưng nếu chúng ta đặt mình vào vị trí của DeAnne,

một người phụ nữ sống trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc, sự có mặt của đứa bé, con của người tình cũ của chồng, luôn luôn nhắc nhở bà về sự hiện diện của một người đàn bà đã đi qua tâm hồn người chồng của mình, chúng ta có thể hiểu được nỗi cô đơn của bà. Cái đau đớn của DeAnne không chỉ ngừng ở đó. Hãy thử tưởng tượng đến DeAnne khi nhận được tin chồng chết là lúc nhận được chứng cứ chồng bà đã ngoại tình. Và không như nhân vật Bernadine Harris trong *Waiting to Exhale* có bạn bè chia sẻ nỗi buồn khi bị chồng bỏ để đi theo một người đàn bà da trắng, DeAnne không thể nói với ai cái đau khổ của bà. Ở giai cấp của bà, cha là thẩm phán, chồng là luật sư, bà đủ cao ngạo để không chia sẻ nỗi lòng của mình với ai.

Cốt truyện không lạ. Những gian dối, hận thù ghen ghét trong gia đình là chuyện muôn đời của xã hội. Cái hấp dẫn của *Vị Đấng* là giọng văn của Monique Trương. Cô dùng chữ trong sáng, rõ ràng, không cầu kỳ với những nhận xét rất thông minh giàu suy nghĩ, đồng thời cũng chuyên chở một nỗi đau hận ngầm ngầm. *Cái khác nhau của sự kiện có thật và bí mật là một câu nói đầy lơ lửng “Đừng nói với ai.” và Quá khứ là một chứng bệnh không thuốc chữa.* và *Biết đâu chừng bên trong tâm hồn một cô gái béo phì là một cô gái vừa gây vừa xấu xí.* suốt quyển sách độc giả sẽ tìm thấy rất nhiều câu viết thông minh, khôn ngoan, đôi khi chua chát, hay chế nhạo. Tác giả dùng giọng văn để diễn tả tâm trạng nhân vật. Khi Linda nói về ông cậu Baby Harper và Wade, mỗi tình đầu, giọng văn của cô hiền lành ngọt ngào ấm áp hơn.

Xây dựng một nhân vật hút thuốc lá liên tục, mặc toàn màu đen như theo thời trang Gothic (để tang cho tuổi thơ ngây bị giết hại), lại là cô học trò giỏi nhất trường rồi trở thành luật sư tốt nghiệp đại học Yale, Monique ngoài việc nhắc nhở chúng ta không nên đánh giá giới trẻ qua cách ăn mặc và thái độ chống đối còn cố gắng đánh đổ thành kiến là phụ nữ Á châu thường dịu dàng và luôn vâng lời. Monique Trương cũng có thiện cảm với giới đồng tính luyến ái. Những bí mật về cuộc đời của Linda được khai mở sau khi ông cậu Baby Harper qua đời. Người đàn ông duy nhất được tác giả miêu tả một cách đầy thiện cảm là một người đồng tính luyến ái. Thiện cảm này rõ ràng hơn trong *Sách Muối*. Khó giải thích về giọng văn, tôi cũng e rằng bản dịch không thể bộc lộ hết cái truyền cảm trong

văn của Monique Trương, tôi xin mạn phép trích vài đoạn ngắn.

Lạc lõng trong xã hội mà mình không có chỗ đứng: “Tôi không được đóng vai trò nào trong phạm vi tình yêu, chuyện buồn, hay những thâm kịch của cuộc đời mà những nông nổi nhất thời của các bạn học của tôi đã viết thành vở kịch cho chính họ. Tôi không bao giờ được chọn đóng những vai chính, người yêu, một cô gái trẻ đa tình hấp dẫn, ngay cả những nhân vật phản diện.”

Yêu không đúng người: “Chúng ta yêu thương những người có tính nết trái ngược để chúng ta có thể tự giải thoát chúng ta ra khỏi chính chúng ta. Và đôi khi chúng ta yêu thương những người hoàn toàn không hợp tính bởi vì bị từ chối yêu thương vẫn tốt hơn là một sự trống rỗng.”

Cô đơn vì thiếu tình cảm của bố: “Ở cương vị người bố, bố tôi khá rộng rãi. Nhiều hay ít. “Ít” là bởi vì ông không bao giờ cho tôi cái tôi thật sự muốn. Ông chỉ cho tôi cái gì mà ông muốn tôi có được. Tôi thấy điều này đúng với việc bố thí vì thiện nguyện và với tình yêu. Cái mong ước của người cho và sự thỏa mãn đóng một vai trò quan trọng.”

Cái cô đơn của một người ngoại cuộc: “Tôi vẫn còn ngỡ ngàng, tôi đoán, là cái hình dáng bên ngoài của tôi đã nói rõ, tôi không phải là người ở chỗ này (New Haven, New York, New World) hay ở chỗ kia (miền Nam). Làm thế nào tôi có thể giải thích cho mọi người biết là từ khi tôi bảy tuổi cho đến khi tôi mười tám tuổi, không có cái gì ở trong tôi là Á châu ngoại trừ thân thể của tôi, bởi vì tôi đã có chủ ý làm thế và ít người ở Boiling Spring chịu nhìn thấy điều này.” Độc giả chỉ biết Linda Hammerick là cô gái gốc Việt khi gần cuối truyện.

Linda Hammerick tìm ra gốc gác của Linh Đào Nguyễn. Cô hiểu nỗi buồn và cô đơn của người ngoại cuộc sống trong sự giả dối của thành phố nhỏ. Cô và những người phụ nữ còn lại cần có sự bao dung để có thể vui sống với nhau. Câu truyện được kể lại vì:

“Tất cả chúng ta đều cần có một câu chuyện nói về xuất xứ của chúng ta và làm thế nào chúng ta đến được nơi này. Bằng không, làm sao chúng ta có thể gắn bó với mảnh đất này và ở lại đây.”

Quyển sách được viết một cách rất thông minh và đầy hấp dẫn. Nhiều nhà phê bình trong đó có Joan Frank (The Chronicle),

Emma Hagerstadt (Independent Co.), và Roy Hoffman (The New York Times) đồng ý cái ưu điểm trở nên khuyết điểm chính là cái căn bệnh synesthesia của Linda do Monique Trương sáng tạo bởi vì nó chỉ phối người đọc và gây chán khi lặp lại nhiều lần. Những mẫu chuyện về Virginia Dare (đứa con thời khai phá), George Moses (người nô lệ giỏi làm thơ) và anh em nhà họ Wright (hai nhà phát minh ra phi cơ) trở nên thừa thãi và không giúp ích gì cho quyển truyện.

Nguyễn Thị Hải Hà



TRẦN THỊ NGUYỆT MAI

Kỷ Niệm

Đi lang thang qua những phố, những đường
Chúng ta như những trẻ thơ mới lớn
Tóc đã bạc, nhưng tâm hồn đôi tám
Muốn tìm về khu vườn cũ tuổi thơ...

Bốn mươi năm... Thời gian thật không ngờ
Nào ai biết sẽ có ngày gặp lại?
Cứ ngỡ mình như đang còn nhỏ dại
Cùng đi chung một khúc rẽ tình cò
Cùng nhau ôn những kỷ niệm ngày thơ
Muôn nói hết những gì chưa kịp nói...

Thời gian ơi! Thời gian qua rất vội
Đã trễ rồi ... Xin cất chuyện ngày xanh
Rồi mỗi người lặng lẽ bước độc hành
Đề đi đến một con tàu định mệnh...

Trần Thị Nguyệt Mai

12/1/2010

HOANG VU

Hoa Cỏ May

Hoa cỏ may đầy trên áo ai
Nhìn hoa muốn gỡ sợ lòng say
Nhủ lòng thôi để hoa vương áo
Chút tình trong trắng theo gió bay...

Bao năm không về thăm chốn cũ
Đôi xưa áo còn trắng như sương?
Đồng tàn mấy độ buồn xa xứ
Ngơ ngẩn đi tìm hoa vấn vương...

Cha già lụ khụ bên thềm vắng
Dương cầm vang tiếng giáo đường quen
Chiều đông áo trắng hòa sương trắng
Nơi ấy bây giờ ...nhớ hay quên?

LÂM ANH

Ngang rừng

Từ khi trắng mỗi ngang rừng
Đóa tường vi bỗng nửa chừng tàn phai
Xanh nào rưng dưới hiên mai
Xác hoa còn giấu một vài sợi trắng

(Trích Quá Giang Thuyền Ngược, thơ Lâm Anh Thư Ân Quán xuất bản)

GIỚI THIẾU NHỮNG
CÂY BÚT TUỔI NGỌC



NGUYỄN
TẤT
NHIÊN

năm năm
rình lặn đắm

LTS: Trong thời gian qua, có một sự trao đổi gay gắt giữa một số người làm văn nghệ và người thân của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên liên quan đến thi phẩm Thiên Tai, tên tập thơ đầu tay của Nguyễn Tất Nhiên.

Để giúp cho bạn đọc có cái nhìn rõ hơn về cuộc đời văn chương của nhà thơ tài hoa bạc mệnh của chúng ta, chúng tôi xin đăng lại bài phỏng vấn của tuần báo Tuổi Ngọc trên số 141 phát hành ngày 5-8-1974 khi anh là sinh viên trường Luật do chúng tôi sưu tầm..

(chú ý T.N viết tắt Tuổi Ngọc, N.T.N viết tắt Nguyễn Tất Nhiên)

T.N: Bạn làm thơ nhiều ?

N.T.N: Thưa, ít. Bởi tôi rất quý chữ nghĩa, nên lúc nào cũng tự khó khăn với chính mình. Thứ nữa, tôi rất sợ làm độc giả thất vọng hay nói cách khác, tôi rất sợ bị chê !

T.N: Có bài thơ nào bạn cho là ưng ý nhất ?

N.T.N: Thật tình mà nói, bài nào vừa viết xong tôi cũng ngỡ là ưng ý nhất, chỉ sau thời gian thấy chán nhiều hay chán ít, thế thôi. Tuy nhiên, tôi có yêu một bài thơ làm hồi năm 1970, nhan đề Linh Mục, được anh Nguyễn Đức Quang phổ nhạc lần đầu tiên. Bài thơ ấy tôi muốn ví cái hiền lành cái thánh thiện của mình năm 18 tuổi như một vị linh mục. Mà, thi sĩ là một hình thức “linh mục” đi rao giảng lời tình.

T.N: *Những bài thơ đã phổ nhạc có phải là những bài thơ bạn ưng ý ?*

N.T.N: Thưa, không. Như đã nói, tôi chỉ yêu một bài thơ cũ, Linh Mục. Thuở ấy, tôi thiết tha đôn hậu lắm. Thuở ấy nhà tu sáng chói trong tôi. Thuở ấy...

T.N: *Thuở ấy, có phải bạn sắp nhắc tới tên một người con gái ?*

N.T.N: Vâng, thuở ấy, tôi yêu người con gái tên Duyên, ngồi cùng lớp. Tình yêu học trò thời trung học tôi trong sạch, ngu ngơ, dễ thương quá. Bây giờ, nghĩ lại, tiếc hoài. Cũng nên mở đầu ngoặc nơi đây. Duyên sắp có chồng !

T.N: *Trường hợp nào thơ Nguyễn Tất Nhiên gặp Phạm Duy ?*

N.T.N: Tình cờ, khá tình cờ. Hãy xem là “duyên văn nghệ” giữa một già một trẻ.

T.N: *Nguyễn Tất Nhiên có in một tập thơ ?*

N.T.N: Vâng, tập *Thiên Tai*, năm 1970, ngồi lớp 12B. Tôi nhớ rằng mình đã bỏ học gần trọn năm với tập thơ này, chỉ vì Duyên. Tập thơ vừa in xong thì bão lụt miền Trung âm ỉ, quả là *Thiên Tai* ! Nhân đây, tôi muốn nhắc đến hai người ơn. Anh Đinh Cường đã đem tên Đinh Cường của mình ký hẳn hoi lên bìa “chùa” về cho thằng con nít tôi, hồi đó. Cha Lê Hoàng Yến, giám đốc trường trung học *Khiết Tâm* – Biên Hòa - đã tận tình giúp đỡ, thương mến tôi, trong khi, chính những thầy tôi lại lơ là, khi dễ.

T.N: *Tại sao tập thơ tình lại có nhan Thiên Tai ?*

N.T.N: Người tình là Thiên Tai. Ngày xưa tôi nghĩ vậy !

T.N: *Và dự định về một tập thơ kế tiếp ?*

N.T.N: Đó là chuyện năm tới. Tôi đang nghĩ tới một tập mới với tựa Thơ Nguyễn Tất Nhiên.

T.N: *Bạn đã gặp may mắn hay trở ngại nào ở tập thơ thứ nhất ?*

N.T.N: Như cái nhan đề của nó vậy. Và còn ảnh hưởng về sau này. Cũng nhân đây, tôi muốn ngỏ lời cảm ơn các bạn nhỏ

của tôi ở Ngô Quyền, Biên Hòa. Đã tiếp tay giúp tôi trong những sinh hoạt văn nghệ. Và cũng là một lời xin lỗi. Mong các bạn nhỏ hiểu giùm, đợi một ngày gần đây.

T.N: *Nguyễn Tất Nhiên có viết văn ? Dự tính của bạn ở ngôi bút viết văn này ?*

N.T.N: Vâng, tôi có viết văn, nhưng chưa tự tin lắm nơi ngôi bút lúc này. Dự tính ư ? Phải nói là ý muốn thì đúng hơn ! Tôi muốn trải hết lòng mình, đòi mình ra giấy trắng chữ in. Tôi muốn thấy những quyển truyện đòi tôi được tiểu thuyết hóa trưng bày đầy các nhà sách, mà đọc giả chỉ cần khen: “*văn thằng ấy viết dễ thương quá*” đủ rồi.

Trong tập truyện sắp in, tôi viết ở trang đầu: “*Tôi viết văn vì, thơ chưa nói hết. Nếu có sự lựa chọn giữa tác phẩm và hạnh phúc, tôi sẽ là kẻ với tay về phía hạnh phúc, nhưng hạnh phúc mãi tan tành nên tác phẩm rơi rớt lại trần gian!*”

T.N: Bạn cho bạn ngọc biết qua về đời sống riêng của bạn một chút nếu tiện, chẳng hạn như sinh hoạt chính hàng ngày ?

N.T.N: Học Luật. Cô đơn. Túng thiếu. Lang thang. Khổ tâm. Sinh hoạt chính hàng ngày: buồn bã và tìm cách đùa bỡn trên nỗi buồn của mình. Lúc gần đây, có thêm một đam mê mới: Kịch Nghệ. Anh Lê Cung Bắc là người khuyến khích và hướng dẫn tôi trên địa hạt này.

T.N: *Độc Tuổi Ngọc. bạn thấy cần đóng góp một ý kiến gì chẳng?*

N.T.N: Đã có hàng khối ý kiến của bạn ngọc rồi. *Nói năng chi cũng thừa !*

T.N: *Cuối cùng. Nguyễn Tất Nhiên, bạn còn muốn nói thêm gì chẳng?*

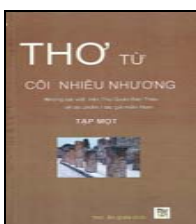
N.T.N: Có lẽ, nên thôi. Bởi tôi sắp sửa đề cập tới nàng con gái khác, trong bài “Hai năm tình lận đận”. Nàng con gái khác nữa. trong bài “*Cô Bắc Kỳ nho nhỏ*”...

Trong khi, tôi muốn lúc nào tôi cũng một tên Duyên !
(nguồn: Tuần báo Tuổi Ngọc số 141 phát hành 5-8-1974)

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Phụ trách: Phạm Văn Nhân

(LTS: mục giới thiệu sách báo do anh Phạm Văn Nhân giới thiệu. Chúng tôi sẽ cố gắng đọc, và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị có nhã ý gởi tặng. Tuy nhiên vì trang báo có giới hạn. Những các phẩm trong và ngoài nước gởi đến chúng tôi nhận sớm sẽ giới thiệu sớm trong kỳ phát hành báo sớm nhất. Còn lại chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu sau trong những số kế tiếp)



THƠ Từ Côi Nhiều Nhương (tập 1)

Do Thư Án Quán in và phát hành vào năm 2010. Sách dày 454 trang. Không thấy ghi giá bán. THƠ TỪ CÔI NHIỀU NHƯƠNG là một tập hợp những bài viết của nhiều tác giả đã có bài đi trên tạp chí Thư Quán Bản Thảo viết về một tác phẩm của nhà văn hay nhà thơ đã thành danh trước 1975 ở Sài Gòn. Một cuốn sách mà Thư Án Quán tập hợp lại để cho người đọc dễ tìm hiểu thêm về thơ văn của mỗi tác giả mà người đọc muốn tìm hiểu .

Tập 1, những tác giả được nhiều người viết đến trong tập này, gồm: Hoài Khanh, Hoàng Xuân Sơn, Lâm Anh, Lê văn Trung, Linh Phương, Lữ Quỳnh, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Nho Sa Mạc, Phạm Cao Hoàng, Phạm Ngọc Lư, Phan Nhự Thức, Thành Tôn, Trần Dza Lữ, Trần Hoài Thư, Trần Kiều Bạt, Trần Phù Thế, Trần Văn Sơn, Từ Thế Mộng, Vũ Hữu Định. (Những tác giả còn được ghi rõ phần tiểu sử)

Được biết Thư Án Quán sẽ còn in tiếp tập 2 về những bài viết của những tác giả có thơ mà chưa được đi trong tập 1 này. Đây là một việc làm rất có ý nghĩa trong việc làm “phục hồi lại” những tên tuổi của những người viết cũ miền nam.

Độc giả cần :Thơ Từ Cối Nhiều Nhường xin liên lạc với Thư
Án Quán để biết thêm chi tiết qua địa chỉ:

Trần Hoài Thư;

P.O.Box 58

South Bound Brook, NJ 08880

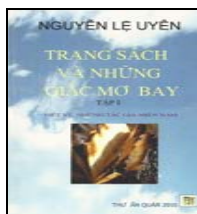
Hay email: tranhoaithu@verizon.net



Chân Dung Tự Vẽ. Tập truyện của Nguyễn Lê Uyên do Thư Quán Bản Thảo xuất bản năm 2010. Chân Dung Tự Vẽ gồm 16 truyện ngắn mới nhất mà tác giả như một nhân chứng thấy được những nỗi đau bất hạnh của người dân trong cuộc sống có quá nhiều đổi thay và nhiều uẩn khúc quanh tác giả. Sách dày 207 trang. Không thấy ghi giá bán. Với Nguyễn Lê Uyên, một nhà văn tên tuổi rất quen thuộc với nhiều độc giả miền Nam trước 1975.

Bìa họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi

Bạn đọc nào cần tập truyện Chân Dung Tự Vẽ xin liên lạc với nhà văn Trần Hoài Thư qua địa chỉ e.mail: tranhoaithu@verizon.net để biết thêm chi tiết khi nhận sách.



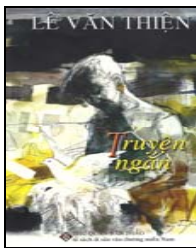
Trang Sách Và Những Giấc Mơ Bay. Tập 1. Do Nguyễn Lê Uyên biên soạn. Thư Án Quán xuất bản. Sách dày 205 trang không ghi giá bán.

Tác giả viết về những nhà văn của miền Nam trước 1975. Gồm: *Võ Hồng, Y Uyên, Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn, Phạm Ngọc Lư, Khuất Đẩu, Vũ Hữu Định, Lê Văn Trung, Kiều Mỹ Duyên, Trần Hoài Thu, Linh Phương, Lâm Anh, Lê văn Thiện, Lữ Quỳnh, Nguyễn Minh, Lữ Kiều.*

Trang sách *Và Những Giấc Mơ Bay*: không phải là tập sách phê bình hay nhận định văn học đối với từng tác giả có tên; mà đây chỉ là tập sách ghi lại những cảm nhận của người viết đối với từng bạn văn một thời với anh dưới ngòi bút hoàn toàn chủ quan (theo ý tác giả).

Được biết TSVNGMB tập 1, anh đang viết tập 2 sẽ xuất bản trong nay mai.

Độc giả Thư Quán bản Thảo cần có tập sách này xin liên lạc với nhà xuất bản Thư Án Quán qua địa chỉ email: tranhaoithu@verizon.net.



Tuyển Ngắn Lê Văn Thiện. gồm hai tập truyện của Lê Văn Thiện. Đó là tập: **Một Cách Buồn Phấn (1969)** và tập : **Sao Không Như Ngày Xưa (1971)** tập hợp lại thành **Truyện Ngắn Lê văn Thiện.**

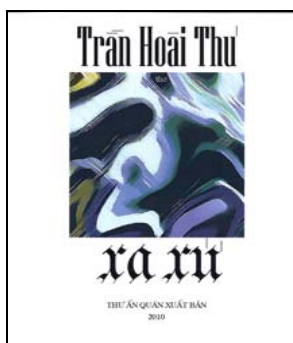
Nằm trong “tủ sách di sản văn chương miền Nam” do Thư Quán Bản Thảo chủ trương. Thư Án Quán in và phát hành trong năm 2010. Sự hình thành nên tập truyện Lê văn Thiện này là do hai anh Trần Hoài Thu và Nguyễn Lê Uyên bỏ công sưu tầm và đánh máy. Với nhà văn Lê văn Thiện hầu hết độc giả miền Nam trước 1975 đều có đọc tác phẩm của anh. Anh là một trong những người viết trẻ được khám phá bởi cơ sở VĂN do hai ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm) và ông Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn) khi đó tuổi đời của anh rất trẻ (18 tuổi).

Tập truyện ngắn của Lê Văn Thiện dày 119 trang . Gồm phần

I: Một Cách Buồn Phiền (8 truyện). Sao Không Như Ngày Xưa (7 truyện). Phần Phụ lục: Nguyễn Lệ Uyên đọc Lê văn Thiện. Tranh bìa : Họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi. Không ghi giá bán. Sách dành tặng thân hữu.

Được biết Lê văn Thiện sinh năm 1947 tại Vạn Giã. Khánh Hòa. Tốt nghiệp trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Sau 1975 cải tạo 2 năm. Và hiện đang làm ruộng ở quê anh. Truyện ngắn đầu tay của anh : Ngoại Lệ đi trên Ván số 47 ngày 1-12-1965.

Đọc giả TQBT muốn có tập tuyển của nhà văn LVT liên lạc với nhà văn THT qua địa chỉ e.mail: tranhoaithu@verizon.net để biết thêm chi tiết nhận sách.



XA XỨ. Thập thơ của nhà thơ Trần Hoài Thu, do Thư Án Quán xuất bản năm 2010. Sách dày 82 trang. In trên giấy lán. Bìa ép laminate.

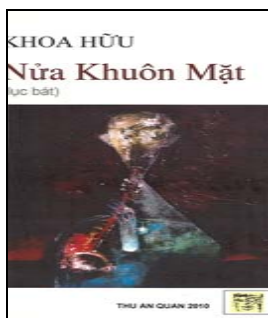
Xa Xứ là một tập thơ gồm nhiều đoạn thơ ngắn bốn câu, cũng có khi là sáu câu từ câu một đến hết câu cuối của tập thơ. Những đoạn thơ được đi kèm theo một phụ bản màu của những họa sĩ trong và ngoài nước, in màu, đẹp. Như những họa sĩ: Tổng Phước Cường, Thân Trọng Minh, Đình Cường, Vũ Thanh Hằng, Lê Triều Điền, Nguyễn Trọng Khôi, Thanh Trí, Hồ Hữu Thủ, Trần Quý Thoại và nhiêp ảnh gia: Nguyễn Thị Lệ Liễu, Hoa Rau Muống ...

Xa Xứ là những tâm sự, là những nhớ nhung, là những nỗi khắc khoải của một người con xa quê hương như những câu thơ sau: *nhớ nhà không cần châm điếu thuốc/ mà cần vào cánh lá quế thơm/ vị ngậy ngậy đầu lưỡi-quê hương.*

Trần Hoài Thu một tác giả quen thuộc với độc giả trước 1975 và sau này ở hải ngoại. Trước 1975 bốn tập truyện đã xuất bản.

Sau 1975 đã xuất bản 12 tập truyện viết về chiến tranh. Và 5 tập thơ. Ngoài ra anh còn chủ trương tạp chí văn học Thư Quán Bản Thảo và nhà in Thư Ấn Quán.

Sách chỉ tặng. Không bán. Độc giả TQBT cần tập thơ XA XỨ xin liên lạc với THT qua email: tranhoaithu@yahoo.com



NỬA KHUÔN MẶT thơ KHOA HỮU. Thư Ấn Quán xuất bản năm 2010. tập thơ dày 86 trang. Bìa Đinh Cường. Chăm sóc Nguyễn Thanh Châu. Trình bày Trần Hoài Thư.

Được biết tập thơ **NỬA KHUÔN MẶT** do sự tài trợ của nhà thơ Nguyễn Thanh Châu về ấn phí để tập thơ này được hình thành.

Nửa Khuôn Mặt gồm toàn những bài thơ lục bát của KHOA HỮU.

Được biết Khoa Hữu tên thật là Ngô Đình Khoa sinh năm 1939 tại Bắc Phần. Tốt nghiệp Bách Khoa hệ cao đẳng 4 năm. Đi lính tác chiến 10 năm. Đã đăng thơ và truyện ngắn trên vài tạp chí văn học ở Sài Gòn. Hiện còn ở Việt Nam (tiểu sử ghi nơi bìa sau).

Nhà thơ Khoa Hữu rất quen thuộc với độc giả trong và ngoài nước.

Ấn phí \$10. Liên lạc với nhà thơ Nguyễn Thanh Châu qua địa chỉ email: chauthanhnguyen@netzero.net

GIỮA THÂN HỮU VÀ TÒA SOẠN

Nhắn tin chung:

- Tòa soạn nhận nhiều sáng tác, nhất là thơ gửi về đóng góp. Nếu bài hạp với chủ trương TQBT, tòa soạn sẽ E Mail cho biết trong vòng ba tuần để xin đừng gửi đến các nơi khác. Ngoài ra, vì số trang có hạn, mong quý bạn thông cảm nếu thấy có sự đăng bài chậm trễ.
- Bài vở xin gửi bằng Email, có thể dùng mọi font. Tuy nhiên những font thuộc dạng Unicode là thích hợp nhất.
- Vì là tờ báo không bán nên thay vì nhuận bút, chúng tôi xin được gửi thêm báo tặng. Nếu tác giả có bài trong TQBT hay bạn đọc cần thêm báo để làm quà cho thân hữu, xin vui lòng cho chúng tôi biết số lượng, chúng tôi sẽ thỏa mãn yêu cầu. Xin đừng ngại, hiện tại chúng tôi còn nhiều tem.
- Nếu quý bạn muốn ủng hộ xin tùy tâm gửi TEM THƯ BƯU ĐIỆN làm bưu phí. (Vì tòa soạn không có người lo về trị sự, kể toán tiền bạc trong khi chỉ một mình người chủ trương thì mãi « theo áng mây xa » nên có khi *check* quý bạn gửi ủng hộ bị thất lạc, không deposit, khiến bạn đọc phiền trách không ít)

Trân trọng cảm ơn.
Nhóm Chủ trương

Đính chánh :

Trên một số bìa báo và mục lục của TQBT số 44, chúng tôi sơ xuất in lầm. Thay vì Kim Thúy chúng tôi in là Kim Phúc. Xin thành thật cáo lỗi cùng thân hữu và bạn đọc.

● Trong thời gian qua, Tòa soạn Thư Quán Bản Thảo đã nhận được những tác phẩm sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Thành thật cảm ơn tác giả/nhà xuất bản. Trân trọng giới thiệu đến bạn đọc xa gần.
Nếu quý bạn cần đọc kỹ để giới thiệu tác phẩm mình xin vui lòng gửi về địa chỉ
Phạm văn Nhân/ Thư Quán Bản Thảo
2004 Heather Street

Amarillo, TX 79107

*** 3 tập thơ của Phan thị Ngôn Ngữ: *Tạ Tình Khúc, Vọng Khúc và Lỗi Một Vần Gieo.***

Liên lạc tác giả: Phan thị Ngôn Ngữ

3703 Krysia Ct. Annandale, VA 22003, phone: (571)274-8329

Email: ngonngu@hotmail.com

*** *Chuyện Dọc Đường* Tập truyện(1975-2005) của Phan Nhật Nam, Tú Quỳnh xuất bản. Liên lạc phát hành: Tú Quỳnh 9581-9583 Bolsa Ave. Westminster CA 92683, phone: (714)531-4284**

***Theo Gót Thơ* của Hà Khánh Quân. Gồm những bài viết về thơ của các tác giả miền Nam trong nước và hải ngoại. Nhân Ảnh xuất bản. Không thấy đề địa chỉ liên lạc.**

***Hạnh phúc Xót Xa* tập ghi của Huy Phương. Nam Việt xuất bản.**

Liên lạc tác giả (949)654-7715 hay email:

huyphuong37@sbcglobal.net

